遡 𡨦

LÃNG NHÂN

Chơi Chữ

NAM CHI TÙNG THƯ

IN LẦN THỨ BA

Choi Chi

Khoảng Trên Dừng Bút

« Nghề chơi cũng lắm công phu », huống-hồ chơi... chữ !

Chơi chữ cần có những yếu-tố không phải ai cũng gom được đủ : có học đã đành, nhưng lại còn phải có tài.

Học có hàm-súc, mới biết dùng chữ cho rành-rẽ, dùng điển cho đích-đáng, khiến câu văn ít lời mà nhiều-ý ; tài có mẫn-tiệp, mới lĩnh-hội được mau-lẹ những nét trội trong một cảnh-huống, và diễn-xuất ra một cách nhanh-chóng đột-ngột, hồ như là tự-nhiên.

Trong văn-chương ta, có nhiều lối chơi : thơ, phú, câu-đối, tập Kiều, sử-dụng lối nào là tùy theo tình, theo cảnh, theo cách câu-tứ mà phô diễn ra cho phù hợp với nguồn cảm-hứng trong giờ phút đó của nhà văn.

Cái thú chơi chữ của nhà nho khi xưa, chúng tôi đã chép lại ít nhiều trong tập « Giai-Thoại Làng Nho » khởi từ thế-kỷ XIV (đời nhà Trần) đến đầu thế-kỷ này.

Từ đầu thế-kỷ đến nay, lối chơi chữ bằng Hán-văn tế-nhị và uyên-áo dần dần trở nên thưa-thớt, nhường chỗ cho lối chơi chữ bằng quốc-văn, cũng tế-nhị không kém nhưng đỡ công-phu hơn vì ít xử-dụng đến kho điển tích. Đến cái buổi mưa Âu gió Mỹ thì thi phú gặp nhiều khó-khăn, người ta chơi chữ một cách dễ-dãi hơn, nhưng bao giờ cũng rí-rỏm, hóm-hỉnh. Là vì năng-khiếu trào-lộng của dân-tộc là một thiên-tư không bao giờ mất được : nếu nó không diễn-xuất bằng lối này, ắt nó sẽ diễn-xuất bằng lối khác, tùy theo hoàn-cảnh, tùy theo những chất-liệu mà hoàn-cảnh cung-cấp cho.

Trong lúc tiêu nhàn khiển muộn, ta thường dùng văn-chương để di-dưỡng tính-tình. Hoặc làm câu đối dán cửa dán phòng khách, dán vườn hoa, để tỏ chí-hướng, hoặc họp bạn uống rượu ngâm thơ, hoặc làm câu hát cho ả-đào phả vào đàn-phách, hoặc chỉ nói lên vài câu bông-lơn bóng-bảy về một đề-tài thời-sự, khiến cho khiếu trào-lộng bị kích-thích, rồi trong những chuỗi cười ròn-rã, có khi nảy ra một đôi phút xuất-thần mà thành « nhả ngọc phun châu ».

Loại thời-sự hay được làm đầu-đề cho cuộc chơi chữ, là những dịp khánh-điếu. Khánh-thành, ăn khao hay đưa đám, là những dịp lên tiếng phẩm-bình.

Phẩm-bình phần nhiều vì công-nghĩa, nhưng cũng đôi khi không khỏi đi vào chỗ hẹp-hòi câu-chấp, hoặc quá nữa, đến chỗ bới-móc xỏ-xiên ; song bao giờ cũng có ý-vị về văn-

chương, vì nếu không có uy-thế của văn-chương bao-trùm lời nói, lời nói sẽ thành tục-tằn bỉ-ổi, không còn gì lý-thú.

Trong cuốn này, lẽ ra chúng-tôi chỉ lục những thi-văn chưa từng đăng trong các sách báo. Nhưng có nhiều thi-văn tuy đã được công-bố sâu rộng song không kèm lời chú-thích đầy-đủ về trường-hợp và hoàn-cảnh đã làm nảy ra câu văn, khiến người đọc khó thấy dụng-tâm của tác-giả, khó thưởng-thức hết được chỗ tế-nhị của tác-phẩm. Cho nên không nề sự thấy biết ít-oi, chúng tôi mạn phép theo chỗ học-hỏi được mà nói ra tình-tiết một đôi bài.

Lần in thứ ba này, chúng tôi theo ý số đông độc-giả, xếp thành từng loại, để dễ bề tra-cứu. Và cố sưu-tầm thêm những cuộc chơi chữ có thú-vị, vì chúng tôi cho đó cũng là một cách chứng-tỏ rằng tiếng nước nhà không phải không có rất nhiều những lộng-ngữ mà ta thường lấy làm khoái trá khi đọc thấy trong tiếng Anh, tiếng Pháp.

Nhưng chỉ hiềm Nôm na câu được câu chăng, *thôi thì cũng gọi là* Đỡ khi buồn bã, lại dâng một cười (1).

Dâng một cười, không phải lấy cái nghĩa khiêm nhường của họ Cao, tự chê văn mình có chỗ vụng-về chẳng bõ mua cười ; dâng một cười đây là dâng lên độc-giả một trận cười chung, vì văn thơ chép lại, đau-buồn có, uất-giận cũng có, nhưng phần nhiều chúng tôi chú-trọng hơn vào những lỗi châm-biếm trào-lộng đã dùng làm con đường giải thoát cho lòng công-phẫn của mọi người.

Thi-sĩ la-tinh Santeul xưa đã thích nghĩa cho lối hài-kịch là : cười-cợt mà sửa lại phong-hóa (*castigat ridendo*

(1) Cao Bá-Nhạ — Tự tình khúc.

mores). Chúng tôi tin rằng lấy cái cười mà sửa lại phong-hóa, nhiều khi hữu-hiệu hơn dùng rìu búa, nên đã lọc lấy. theo quan-điểm của Bergson, những cái cười có tính-cách xã-hội : các lớp sóng xã-hội hàng ngày dồn-dập xô-đẩy nhau, kèn-cựa chống-đối nhau, nếu trong sự va chạm ấy có nổi lên một ít bọt trắng ngần, ấy là cái cười ý-nghĩa : cái cười cũng như bọt biển, có muối mặn bên trong.

Kẻ bị cười có khi thản-nhiên chứng nào tật ấy, có khi tức-bực chau mày nghiến răng ; ít ai nghe cười mà biết cảm ơn người đã nói cho mình điều phải.

Nhưng đối với xã-hội thì cái cười ấy là sự cởi-mở, cởi-mở một cách nhẹ-nhàng duyên-dáng. Người được cười, lại là số đông, cũng nhân đó tự giới ý cho mình và tránh những hành-động có thể khiến chính mình đứng ra làm trò cười để tiếng về sau.

Đó là cái phần thưởng trả cho những người đương-thời đã chẳng ngại thù-hằn, có khi chẳng nề nguy-hiểm, làm ra thơ văn lưu lại cho chúng ta một vài tiếng cười mặn-mà, chua-chát.

Bởi vậy chúng tôi mới Mảnh tiên kể hết xa gần,
và ước mong rằng bạn cùng chúng tôi sẽ chung một mối hoài-cảm

Phấn thừa hương cũ bội phần xót-xa...

Saigon, 1970

Từ nhà kho Quán Ven Đường

Choi Chi

Tặng
Anh và chị Công-Kiên
để ghi những phút cùng
học, sống, chơi với nhau, tôi tại
lời kiến-thiết của người Kiến

I – hoành phi, trướng

Hai chữ, hoặc ba, bốn chữ để trên công hay treo ở phòng khách, viết ngang gọi là *hoành-phi,* hay tắt là *hoành,* viết dọc gọi là *trướng*.

Hoành hay trướng để mừng hay phúng, ngoài những câu tâng-bốc hoặc tiếc thương bằng sáo-ngữ như *Phúc như Đông-hải, Hạc-giá tiên-du,* nếu sự-chủ có những tình-tiết éo-le, có thể làm đề-tài cho người đàm tiếu hoặc bới móc, thì những tay chơi chữ hay dùng điển-tích sâu-xa, hoặc lối nói lái hiểm-hóc, để chế diễu một cách kín-đáo.

Có khi không viết ra trướng hay hoành, chỉ thốt ra trong lúc trà dư tửu hậu, cũng thành những câu có ý-vị được người ta truyền tụng.

Như trước khi có hạng thông-ngôn chính-ngạch được bổ ra làm quan, đã có một hạng thông-ngôn ngạch... phụ được xuất-chính : ấy là những ông chỉ biết nói mà không biết viết, sở dĩ được chiều-chuộng là vì đã sống thân-cận trong bếp nước hay phòng ngủ của người Pháp ngay từ buổi đầu gặp-gỡ.

Thầy hạng này sau được mến chuộng quá lối, có người được ra làm *cha mẹ dân,* những vị quan xuất-thân khoa-mục lấy làm một sự sỉ-nhục, nên có ông đã gọi lái họ là bọn :

Quần-thần

Quần-thần là *bày tôi, bày tôi* là... *bồi tây.*

*

Một ông phú-hộ làm ngôi nhà mới, mở tiệc ăn mừng. Yên-Đổ cho hai chữ

Đại hạ

Đại hạ là nhà to. Nhưng thay vì viết *hạ* là *nhà,* cụ lại viết chữ *hạ* là mùa *hè,* mùa hè to là nghĩa gì ? Sau cụ mới giải-thích cho người thân-cận :

Đại hạ là *hè to, hè to* lái lại là *tò he : tò he tí hỏi,* là tiếng kèn đám ma.

Hỏi ra thì ông phú-hộ này xưa kia quả có làm qua nghề thợ kèn...

*

Một ông phú-hộ khác, giầu rồi tất nhiên lại muốn sang, nhân thấy quan tỉnh là tay đại-khoa có tiếng văn hay chữ tốt, liền khẩn-khoản đến xin mấy chữ về khắc vào bức hoành treo chỗ ngồi chơi để tỏ rằng mình giao-du với hàng quyền-quý. Quan biết ý, muốn nhân dịp diễu chơi, bèn sai trải giấy, mài mực, rồi cất bút đề cho ba chữ đại-tự :

Phúc đại lai

Không ai hiểu lấy ở điển nào, ai cũng khen là tay đại-khoa có khác, học rộng đến nỗi có ba chữ rất thông-thường mà cũng không ai biết nổi xuất xứ.

Sau có người chợt tỉnh ra, mới hay cái dụng tâm của tác giả : *Phúc đại lai,* nghĩa đen là *phúc lớn lại, phúc lớn*

lại nói lái lại là *phúc lái lợn*. Thì chủ-nhân-ông đây vốn chả xuất-thân làm cái nghề... buôn heo !

*

Một ông người làng Động-Trung, tỉnh Thái-Bình, mở tiệc mừng thọ.

Có người đem lại tặng bức hoành khắc bạ chữ

Động trung xuân

Chủ-nhân treo lên được vài hôm, bỗng bảo gia-đình hạ xuống đem chẻ ra thành củi.

Thì ra Động trung xuân, tuy có nghĩa *làng Động trung vẻ xuân tươi tốt mãi,* thật hợp với lời chúc thọ, nhưng trong bài thơ Thiên-thai có câu :

Vãng-vãng kê minh nham hạ nguyệt

Thần thần khuyển phệ động trung xuân (1)

thì ba chữ *động trung xuân* đứng sau hai chữ *khuyển phệ*. Chủ-nhân trước kia đã từng mở cửa hàng « mộc tồn », nay bị móc cái sự mình vẫn muốn quên đi từ lâu, nên giận cá mà cho chặt thớt.

*

Vũ-duy-Thanh lúc đi học, nghèo rớt mồng tơi. Khi đỗ bảng-nhãn, được bổ vào « Tập hiền viện », ông viết trên cổng nhà ba chữ :

Cửu thiên khẽ

---

(1) Vặng vẳng bên non gà gáy nguyệt
Oang oang trước động chó chào xuân

(chín nghìn bạn) lấy tích Lý-Đạo-Tái, đời Trần, lúc hàn-vi không ai ngó tới, đỗ trạng rồi thì bè-bạn ở đâu kéo đến ầm-ầm, nên đã than-vãn :

Khi xưa thì chẳng ai nhìn
Đến khi đỗ trạng, chín nghìn anh em !

*

Vùng Hà-đông có một ông chánh-tổng làm việc đã lâu năm mà không chịu từ về, để nhường chỗ cho người khác. Một viên phó-tổng chỉ lăm-le thay thế, mà đợi mãi không thấy ông rút lui, nên đã tặng ông ba chữ :

Tư vô tà

Nghĩa chính thì là thơ Kinh-Thi khen người quân-tử không có ý-nghĩ nào thiên-lệch.

Nhưng ông chánh-tổng đâu có hiểu rằng người ta đã diễu mình :

Ta vô từ !

*

Ở Hà-thành, ai cũng biết phố Sinh-từ : sở-dĩ có phố Sinh-từ, là vì trong phố ấy có đền *Sinh-từ*, nơi thờ sống Nguyễn-hữu-Độ, lúc đó làm kinh-lược Bắc-Kỳ.

Trên bàn thờ có treo bức hoành đề ba chữ

Sinh sự chi

(thờ ông lúc còn sống).

Song nếu lấy theo tiếng nôm thì *Sinh sự chi* lại là *vẽ sự ra làm gì !* có ý mỉa những người đã nịnh-hót bề trên bày ra cái trò làm sinh-từ, tốn cho quỹ, khổ cho dân...

*

Ông-ích-Khiêm, được cử giữ chức Tiểu-phủ-sứ, vâng lệnh cầm quân ra Bắc dẹp giặc Lý-dương-Tài, ở hồ Ba-bể, khi trở về qua Hà thành cho lập một ngôi đền thờ những tướng sĩ trận vong. Ông sai người đến xin Yên-Đổ mấy chữ để đề ngoài cổng đền, người này kể-lể « quan Tiểu muốn làm đền cho lính tôi », ra vẻ tự-đắc mình cũng là hàng tướng-tá. Yên-Đổ cho ba chữ :

Tõi linh từ

Ông Tiểu cho là chữ quá-ư tầm-thường, có biết đâu Yện-Đổ đã nói lái : « *tõi linh* là *lính tôi* » cho bõ ghét cái anh tay sai hách xằng !

*

Khoảng ba-mươi năm nay, một ông thợ-xẻ, gặp dịp làm nên giàu-có, mua được chút phẩm-hàm, mở tiệc ăn khao. Trong những câu-đối và hoành-phi gửi đến mừng, người-ta chú-ý nhất đến một bức trướng trên đề ba chữ

Ăn cơm vua

Ai đọc cũng phải tủm-tỉm, nhớ lại câu hát của trẻ nít « *kéo cưa, lừa xẻ, ông thợ nào khỏe thì ăn cơm vua, ông thợ nào thua thì về bú tí...* »

Riêng ông hàn mới cũng hiểu như thế, — mà không hiểu thì cũng chẳng thiếu gì người sẵn lòng chỉ dùm cho, vì ông có tiền — nhưng ông lại lấy làm hãnh-diện treo trướng ngay giữa nhà, ý chừng nghĩ cơm vua không được phép chê, vả chăng... đã mấy ai dám tự-hào được là tay thợ khỏe !

*

Ông thợ xẻ được « ăn cơm vua » rồi, lại tậu một sở đồn-điền. Đồn-điền nằm trên một ngọn đồi, ông cho làm nơi đỉnh đồi một ngôi nhà mát và xin ông Trần-Bình (1) mấy chữ để cổng.

Ông Trần viết :

Cao cư lư xá

Ông thợ xẻ lấy làm thú lắm, vì *cao-cư* là ở trên cao, *lư-xá* là nhà nhỏ, thật là vừa kiêu hãnh lại vừa khiêm-tốn đúng với ý mình.

Sau có một nhà nho đến bảo nhỏ : nên bỏ mấy chữ ấy đi, vì âm thanh nghe không được nhã. Ông thợ xẻ lẩm-bẩm :

— Cao cư lư xá, có gì mà không được nhã ? Cao cư lư xá, cao cư lư xá, ờ mà thật nhỉ, nó xỏ lá mình rồi, quân đểu thật !

Chả là *cao cư lư xá* nghe na-ná như « kéo cưa lừa xẻ » !

*

Một quan lớn đi kinh-lý, dân làng làm mấy cổng chào, có dán nhiều câu ca-ngợi thịnh-đức. Vốn là tay hay chữ, khi kinh lý xong trở về công-sảnh, quan nhớ lại những câu đối tán-dương, rất lấy làm bằng lòng, duy chỉ thắc mắc vì bốn chữ đại-tự

Đại điểm quân-thần

mà quan thấy viết ở bức hoành trên một cổng chào ở cuối làng.

---

(1) Xem dật sự Trần Bình trang 38

Đại điểm quần-thần : đã đành mình đi kinh-lý, điểm mặt quần-thần là phải, nhưng đây là một vùng nhỏ, làm gì có quần-thần ? Mà vùng này là vùng văn-học chớ không đâu ! Hay là có ẩn-ý gì đây...

Đương mân-mê điếu thuốc lào để suy-tưởng, bống quan vứt mồi thuốc xuống đất, miệng lẩm-bẩm : « Láo thật, quân láo thật ! Dám chơi lối Trạng Quỳnh với mình ».

Thì ra quan vừa chợt hiểu ra : *đại điểm* là *chăm to, chăm to* là... *chó tâm*. Mà quần-thần, quan nhớ ra rồi : là *bầy tôi, bồi tây*. Thật quá ư hỗn-sược, vì Tâm lại chính là tên húy của ngài.

Chẳng phải nói, các bạn cũng tưởng-tượng được trận lôi-đình của bậc thượng-quan, và sau đó bao nhiêu chức-dịch làng kia đã khốn-khổ vì cái *chăm to* này.

*

Cuối năm 1946, trên đường tản-cư, khi qua làng Văn-tràng, tỉnh Nam-định, chúng tôi thấy trên cổng chùa đề bốn chữ :

Sắc không không sắc

Bốn chữ tuy ý-nghĩa uyên-áo song là chữ cửa miệng của nhà Phật-tử, không có gì đặc-biệt, đặc-biệt có chăng là bên giòng lạc-khoản đề tên *Tam-nguyên Yên-Đổ*.

Chúng tôi lấy làm lạ sao ông Tam-nguyên lại cho bốn chữ thông-thường quá như thế, sau có một bạn người làng giảng cho mới hiểu. Nguyên làng này chuyên về nghề mài dao đánh kéo, trong lúc chế-tạo người ta thường hay vấn-đáp

— Sắc chưa ? — Chưa sắc !

Bốn chữ « *Sắc không không sắc* » dùng chỗ khác thì không có gì đặc-sắc nhưng để vào chùa một làng mài dao, thì lại ngụ một nụ cười hóm-hỉnh !

Nụ cười này, giá để ý thì cũng đã nhận ra được phần nào.

Là vì nếu đặt câu hỏi : sao không dùng như lời nói thường « *Sắc sắc không không* » hoặc « *Không không sắc sắc* » mà lại đặt chéo là « *Sắc không không sắc* » ? Nếu hỏi thế, ắt đã phải ngợ một dụng ý gì của tác-giả.

Ngợ thế thôi, chứ cũng chẳng ai ngợ được rằng ông Tam-nguyên đã dùng chữ *sắc* theo cái nghĩa đột-ngột là *sắc-bén !*

*

Ở một tiệc thọ, người ta đọc thấy bức trướng

Tử-tôn thằng-thằng

Bốn chữ này lấy điển ở chương « *Chung-tư* » trong kinh Thi (Chu-Nam) ý nói lắm con nhiều cháu, khen chủ-nhân là nhà có phúc.

Nhưng nếu lục câu thơ « *Chung-tư* » ra, thì nguyên văn là : « *Chung tư vũ, hoăng hoăng hề, nghi nhĩ tử-tôn thằng-thằng hề* », đại ý là loài bọ ngựa đoàn-kết với nhau, con cháu đông đúc. Sau hai chữ *thằng* ta nhớ còn có chữ *hề*.

Và nếu ta lại biết rằng chủ-nhân vốn làm nghề *kép hề* trên sân khấu, ta sẽ thấy rằng bốn chữ « *Tử-tôn thằng-thằng* » thực ra là một lời mỉa : *tử-tôn thằng thằng... hề*, con cháu thằng hề rồi cũng lại là *thằng hề*...

Lời mỉa này chỉ có ý-nghĩa ở cái thời xưa với quan-niệm cổ-hủ « xướng ca vô lại ». Bây giờ thì cuộc chơi chữ trên đây trở thành vô-nghĩa, vì người ta đã ý-thức được công-bằng hơn về địa-vị người nghệ-sĩ.

Âu cũng là một sự tiến-bộ đáng mừng của xã-hội.

*

Một ông nguyên là phú-hào trong làng, trước ra tranh-cử lý-trưởng không trúng, sau vì sự tình-cờ của thời-cục được bổ làm quan, rồi cánh buồm được gió, chẳng mấy lúc lên đến tổng-đốc, oanh-liệt một thời.

Khi mở tiệc thọ, có người thuộc-hạ mừng bức hoành khắc bốn chữ :

Vạn lý trường thành

Ví cụ-lớn như bức thành vạn lý che chở cho cả tỉnh, lời khen tặng đã trọng vọng và cung kính. Nhưng ai để ý cũng thấy hại chữ giữa là *lý trường*, và giá cho thêm một nét ngoặc vào chữ *trường* sẽ thành ra *lý-trưởng*.

Rõ là cụ-lớn tuy ngày nay là « *tổng-đốc có thừa* » nhưng xưa kia chỉ là « *lý-trưởng chưa đủ* ».

*

Vùng Nam-hạ, hồi xưa có một ông buôn đồ cổ, sưu-tầm được nhiều bộ ấm-chén rất quý. *Theo đòi vả cũng ít nhiều bút-nghiên,* song *học đã sôi kinh nhưng chửa chín...* May gặp lúc Cognacq tuy chỉ là giám-đốc y-tế nhưng có quyền to lại sành đồ cổ, ông mượn người đánh tiếng, rồi khi

cái bát Khang-hy, khi đôi bình Ung-chính, chẳng bao lâu ông được tự-do ra vào chốn quyền-môn. Ông được ân-sủng đến nỗi một ngày kia có nghị-định bổ đi tri-huyện miền trung-du. Tuy ông đã được đi làm quan, nhưng vì không đỗ-đạt gì, nên đám sĩ-phu có người gọi mỉa ông là « *huyện chén* », do đó thành tên gọi thường ngày.

Làm quan được vài năm, ông bị chứng sốt rét ngã nước mà bỏ mình. Khi đưa linh-cữu về an-táng ở thành Nam, một ông bạn nhà nho viếng bốn chữ

Tống Quân Nam-phố

(tiễn đưa ông ở Nam-phố)

Ai đọc cũng phải chịu là hay, vì lấy chữ sẵn trong Sở-từ nói lên được lòng tha-thiết tiễn bạn, lại màu được chữ Nam-phố với thành Nam.

Mãi sau mới có người vạch ra cái ẩn-ý của người viếng. Bốn chữ này không hàm một ý gì tiễn-đưa mến tiếc, chỉ là móc cái chỗ xuất-thân của ông huyện : thì trong bộ đồ chè nào chẳng có một chén *tống* và bốn chén *quân*, mà ông huyện nhà ta vốn lại có tên *huyện chén* ở khắp phố thành Nam !

*

Lại một ông quan khác, xuất-thân đường tây-học, vừa gặp ngay lúc Pháp cho một lớp thông-ngôn đầu tiên ra xuất-chính, nên được bổ làm quan, leo nhanh đến chức án-sát. Rồi được cử vào phái-bộ dự cuộc đấu-xảo bên Pháp. Bắt đồ ở Pháp được mấy tháng ông nhuốm bệnh và từ-trần.

Thi-hài được đem ướp thuốc, nhập quan, cho xuống tàu chở về bản-quốc.

Đám ma hết sức trọng-thể. Trong những bức trướng, người-ta đọc thấy ở một bức bốn chữ :

Tâm tồn mẫu-quốc

Nếu lấy điển ra mà cắt nghĩa, thì « *thân tại giang-hồ, tâm tồn quân-quốc (hay mẫu-quốc)* là đi làm quan nơi sông-hồ xa-xôi mà lòng vẫn hướng về vua về nước, tức là lúc nào cũng nghĩ đến non-sông xã-tắc. Mà cho dẫu có cố-ý dùng chữ « *mẫu-quốc* » để chê ông là thân Pháp đi nữa, thì cái dụng-ý cũng nông-cạn, ai đọc mà chẳng nhận ra ngay lời chế diễu !

Nhưng cái dụng-ý kia chính-thực là sâu-hiểm lắm : chữ « *tâm* » đây dùng theo nghĩa đen, tức là bộ lòng. Thì khi đem xác về, muốn tránh sự nguy-hại cho vệ-sinh chung, luật pháp buộc phải ướp xác, mà ướp xác tất phải moi hết ngũ tạng bỏ đi. Như vậy, « *tâm tồn mẫu quốc* » có nghĩa là lòng hướng về vua nước, hay là về nước Pháp, mà lại cũng có nghĩa là để lại bộ lòng bên nước Pháp. Đối với nhà nho, di-thể phải giữ cho toàn mới tròn đạo hiếu, thì cái chết không toàn này, ít ra cũng là một sự... bất-hiếu. Huống chi, xu phụ nước Pháp bằng lời nói việc làm chưa đủ hay sao, còn đem cả bộ lòng gửi lại, sự trung thành thật đã quá mức.

Lời mỉa thật ra không khỏi thiên-vị, vì lúc *tâm tồn mẫu quốc*, ông án đã hai tay buông xuôi, đâu còn có hay nông-nỗi... đoạn-trường !

※

Một ông quản-ca làm nhà mới. Ngoài cổng không biết đề thế nào cho hay, ông đến xin chữ nhà nho Đồng-giang. Cụ cho ngay :

Tu-tựu đào-nguyên

Rút trong câu thơ Thiên-Thai :

Bất tri thử địa quy hà xứ
Tu tựu đào-nguyên vấn chủ-nhân (1)

Ông chủ nguồn đào, là ông quản ca, chứ còn ai vào đây nữa mà có thể biết rạch-ròi hơn về xóm chị-em !

---

(1) Nơi đây chẳng biết về đâu tá ?
Hãy tới Đào-nguyên hỏi chủ-nhân

II – câu đối

Nhân nói đến xóm chị em, chúng tôi nhớ tới bạn Hoàng-tích-Chu, chủ báo *Đông-Tây,* vốn không biết nghe hát và đánh trống nhưng hay lui tới nơi đây, chỉ vì quen thân với bà Đốc là chủ cô-đào, cũng là người không từng biết xử-dụng đến sênh-phách.

Có người đặt câu chuyện diễu : họ Hoàng giơ roi chầu vừa đánh bốn tiếng *trống dạo* ý nói

Đông Tây! Đông Tây!

Bà Đốc gõ dịp phách nghe lát chát như đối lại :

Vắng khách! Vắng khách!

Câu chuyện này khiến họ Hoàng hờn mát mãi, tuy biết rằng bạn chỉ bày chuyện ra để có dịp làm một câu-đối dí-dỏm...

Câu đối dí-dỏm ở chỗ dùng *khách* là khách-hàng hay chú khách đối với *tây* là phương tây mà cũng là người Pháp ; *đông* là phương đông, dùng nghĩa đông là trạng-từ (đông đúc đông đảo) để đối lại bằng chữ *vắng,* thật là đột ngột.

Khác nào câu cũ :

vôi tôi, tôi *tôi*

đối với

trứng bác, bác *bác* (1)

lấy đồng âm khác nghĩa đối nhau, cũng như

Ruồi đậu mâm xôi đậu

Kiến bò đĩa thịt bò.

chữ *đậu* và chữ *bò* trên là động-từ, dưới là danh-từ.

Khó đối hơn nữa là những câu nói lái như

có vài cái vò

mà có người đã đối rất chọi

kia mấy cây mía

Lại còn lối cầu-kỳ mắc-mó nữa là dùng vừa nghĩa vừa chữ kèm nhau thành một câu, như câu ra của vua Duy-Tân

Đi chi đường đạo sợ cụ

(chi là đi, đạo là đường, cụ là sợ)

mà Nguyễn-hữu-Bài đã đối rất tài-tình :

Không vô trong nội nhớ hoài

(vô là không, nội là trong, hoài là nhớ)

Mắc-mó còn có vẽ ra như sau :

Con ngựa đá con ngựa-đá, con ngựa-đá không đá con ngựa.

Chưa ai đối được.

---

(1) Vôi của tôi, tôi tôi vôi (tôi vôi là đổ nước vào vôi sống quậy lên cho tan nhuyễn). Trứng của bác, bác bác (bác trứng là lấy hột gà quậy lên để đem chưng).

Chỉ có một người đối tạm :

Thằng mù nhìn thằng mù-nhìn, thằng mù-nhìn không nhìn thằng mù.

Gọi là đối tạm mà thôi, vì có ai gọi bù-dìn là mù-nhìn bao giờ. Vả lại đã là thằng mù thì còn nhìn sao được !

○

Câu đối là lối chơi chữ áp-dụng nhiều hơn cả trong những dịp quan hôn tang tế. Nhiều cô thiếu-nữ tài-hoa kén chồng cũng bằng câu đối.

Tương truyền rằng vợ ba Cai Vàng khi xưa, hồi còn con gái tên là cô Miên, có ra một vế đối kén chồng :

Cô Miên ngủ một mình.

Cô là một mình, *miên* là ngủ. *Cô Miên* lại là tên. Câu này tựa như câu của Hồng-hà nữ-sử

Da trắng vỗ bì bạch

mà Cống Quỳnh chịu không đối được : sau này có người đã nghĩ đối

Giấy đỏ viết chỉ chu

Nhà vàng ngồi đường-hoàng.

nhưng thảy đều là gượng-gạo cả, chỉ có câu sau đây gọi là trúng-cách :

Trời xanh màu thiên thanh.

mặc dầu *thiên-thanh* không lên được âm-thanh linh-động như *bì-bạch.*

Câu *cô miên ngủ một mình* trên kia ra đã lâu không ai đối được, mãi sau mới có Cai-tổng Thịnh, tức là Cai Vàng, đến đối :

Tổng Thịnh tóm nhiều đứa

Tổng là tóm, thịnh là số đông, lại cũng là tên.

Vế đối có vẻ bông-đùa nhưng lại chỉnh, nên cô Miên ưng thuận lấy ông Tổng Thịnh, dù là phải làm lẽ thứ ba.

Đến khi Cai Vàng trong một cuộc giao-tranh với Pháp, bị trúng đạn bỏ mình, bà ba có câu đối khóc :

Chị thưa chị, một tiếng đùng, kiếp phù sinh ông lớn đã xong rồi, trị mà chi, loạn mà chi, ngơ-ngẩn sống thừa em với chị.

Con ơi con, ba đời dõi, gương thế-phiệt chúng bay coi lấy đó, vinh là thế, nhục là thế, ngậm-ngùi chết điếng mẹ cùng con...

Hạ đến chữ « *chúng bay* » thì rõ là giọng « *bà tướng* » có cái hùng-khí coi thiên-hạ như rơm-rác.

Có bạn cho đôi câu đối này là của vợ lẽ ông Cung-khắc-Đản, xin ghi vào đây để tồn-nghi.

Một vế đối kén chồng nữa.

Một mặt người bằng mười mặt của

câu được chấm là :

Mảnh chồng quan hơn đàn chồng dân

Một học trò nghèo, bữa kia phải đem áo đến cầm cho một nhà giàu, không ngờ nhà này lại là một ông quan hồi hưu.

Ông quan trông thấy thương tình, bèn ra một vế đối thử tài :

Quân-tử cố cùng, quân-tử cùng quân-tử cố

(Người quân-tử bền lòng lúc cùng khổ, quân-tử lúc cùng, quân-tử bền lòng — Luận-ngữ).

Khó ở chữ *cố*, vì đây lấy nghĩa nôm là cầm-cố, ở chữ *cùng*, nghĩa nôm là cùng quẫn.

Anh học trò đối ngay :

Khổng-Minh cầm túng, Khổng-Minh túng Khổng-Minh cầm.

(Khổng-Minh bắt, tha, Khổng-Minh tha, Khổng-Minh bắt — Tam-quốc : Khổng-Minh bắt Mạnh-Hoạch bảy lần lại tha).

Tài tình ở chữ *cầm*, lấy nghĩa nôm *cầm-cố* như trên, chữ *túng* nghĩa nôm là *túng tiền*, vừa đối chữ, vừa đối nôm.

Vị quan cấp ngay tiền cho, khỏi phải... cầm với cố !

Lê Thánh-tông, lúc còn là hoàng-tử, một hôm dạo chơi trên bờ sông đào vùng Tống-sơn, tỉnh Thanh-hóa, tình cờ gặp một cô con gái xinh đẹp đang vo gạo ở dưới bến, liền đọc bỡn một câu :

Gạo trắng nước trong,
mến cảnh lại càng thêm mến cả...

Cô gái tiếp-tục vo gạo, khi xong, cắp rá ra về, ngoái cổ lại đọc :

Cát lâm gió bụi,
lo đời đâu đấy hãy lo cho...

Hoàng-tử khâm-phục lời khuyên, vì bấy giờ đương buổi loạn-li, làm thân nam-tử hãy lo việc lớn xong đâu đấy, rồi hãy nghĩ tới việc... kia khác.

Nhiều khi, gặp vế đối không đối được, phải tìm lối thoát bằng diễu-cợt : Nguyễn-Hòe đi với bạn vào chơi một chùa, được sư cụ tiếp-đãi ân-cần, thì mấy ông bạn quý lại quay ra báng bổ nhà chùa. Sư cụ bực mình ra câu đối :

Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ

Nguyễn-Hòe cực chẳng đã phải đối bằng diễu-cợt để cứu vãn thể-diện chung :

Trên sư dưới vãi, ngảnh lưng trở lại, trên vãi dưới sư.

Vùng Nghệ-An, vị sư kia vốn tính thích thơ phú, mỗi khi gần tết, lại viết câu đối, dán đỏ chóe cả chùa. Ông Hoàng-Phan-Thái giả làm người học-trò nghèo, đến chùa xin ngủ nhờ. Đêm dậy, ông mò vào chỗ cột cửa Tam-bảo, thấy sư đã viết một đôi bốn chữ. Một bên là « *Khuyến-thiện trừng dâm* », đối với « *Cứu nhân độ thế* ». Ông viết nốt vào hai bên thành ra :

Khuyến thiện trừng dâm, con đâu đẻ tháng tư mồng tám ?

Cứu nhân độ thế, của ai vay mãt một đền mười ?

Ông Thái lấy tích tháng tư mồng tám là ngày bụt sinh và câu phương-ngôn : « Của bụt mất một đền mười »,

ý nói : đã khuyến thiện răn dâm, sao lại có ngày bụt sinh ; đã cứu người giúp đời sao lại mất một đến mười ? Hôm nhu sư đọc thấy, giận lắm. Nhân lúc đó đang rót dầu, lại mải trừng mắt nhìn Thái nên để dầu đổ ra cả cái đế đèn, liền lẩm-bẩm :

Dầu vương cả đế

Hoàng-Phan-Thái vừa chạy vừa ngoái lại đối :

Ỉa vãi vào sư

Khi còn đi học, Nguyễn-công-Trứ cầm một quan tiền đi mua hàng cho thân mẫu, nửa đường gặp bọn đánh đáo đổ đánh ăn tiền, ông đứng lại chơi, rủi ro thế nào thua hết cả, ông tự an-ủi bằng hai câu :

Tưởng làm đôi chữ mà chơi vậy
Bõng chốc nên quan đã sướng chưa !

Chữ đây, tiếng Nghệ dùng cũng như tiếng đồng (*đồng lực, đồng tiền*) ở ngoài Bắc. Quan là quan tiền nhưng lại có thể hiểu là làm quan, cũng như *chữ* có thể hiểu là chữ nho.

Hai câu trên, năm 1933, có người đã chép gửi cho ông Phạm-Quỳnh, bấy giờ vừa từ ghế chủ-bút báo Nam-phong nhảy lên ghế thượng-thư :

Tưởng làm đôi chữ mà chơi vậy,
Bõng chốc nên quan đã sướng chưa ?

Mấy anh em ngồi chơi nhà ông Bạch làm thợ may, bỗng trông thấy bên nhà đối diện, một cô tên là Hồng đang đứng trước gương thay áo ở trên lầu.

Một anh ra vế đối :

Cô Hồng cởi áo, cô Hồng... trần

khó đối ở chữ « trần » vừa là *ở trần* lại vừa đi đôi với chữ Hồng thành chữ kép hồng trần (bụi hồng).

Một anh đối :

Anh Bạch thay quần, anh Bạch... diện

kể đã là chọi lắm rồi, nhưng anh khác lại cho là ý-nghĩa tầm-thường, muốn đổi lại cho chua chát. Anh đối :

Anh Bạch vạch quần, anh Bạch-đái !

Cũng hay. Hiểm một nỗi bạch-đái là bệnh của đàn-bà !

Một ông lúc hàn-vi, vợ giúp cho ăn học, đến khi thành đạt, vợ ở lại nơi quê để phụng-dưỡng mẹ già, ông thì đi tỉnh này tỉnh khác, lần theo bước đường danh-vọng.

Dừng chân ở tỉnh kia, gặp một bà vợ tây, ông quên phứt tình xưa. Đến khi ông phải bước không may, thì bà vợ tây bỏ đi, để lại cho ông một đàn con. Kế đó ông lâm-bệnh. Vợ cả tìm đến săn-sóc, ít lâu sau ông từ-trần.

Bà vợ cả khóc bằng một đôi câu đối :

Tình xưa chàng hẹn già trăm tuổi
Học mới ai chăm trẻ một đàn ?

Câu trên — *ý hiện :* Tưởng trăm năm cùng nhau đầu bạc.

Ý ẩn : Đến lúc chàng gần chết mới lại gặp nhau.

Câu dưới — *ý hiện* : Đàn con đi theo học mới ngày nay thì lấy ai là người lo liệu cho ?

Ý ẩn : Chàng đi học theo lối mới nên mới ra nông nỗi này, khiến tôi phải gánh vác cả đàn con riêng của chàng.

Lời văn nhẹ-nhàng bóng-bẩy, kín-đáo, và man-mác u-hoài.

Nhà cách-mạng Nguyễn - Thức - Bao, con út chí-sĩ Nguyễn-Thức-Tự ở Nghệ-an, từng bôn-ba lâu năm tại hải-ngoại, năm 1916 bị bắt ở Thái-Lan, giải về nước lãnh 15 năm khổ-sai, đầy đi Côn-lôn.

Nơi đây, được tin cha ở nhà tạ-thế, ông làm câu đối thống-thiết sau đây

Nghĩ bao nhiêu, thêm tức giận bao nhiêu,
nợ nam-nhi chưa trả được chút nào, trời biển
cao sâu, mây bạc trông về nhà có mẹ ;

Khóc cũng vậy, mà than-van cũng vậy, nghĩa
hiếu-trung biết làm sao cho trọn, non sông dời
đổi, giống vàng còn lại nước là cha...

Vi-quân Giới-Chi di cư vào Nam, vó ngựa không tung-hoành như khi còn ở Bắc, lại gặp cảnh *uyên bay* (bà vợ vốn lại vẫn sợ tuổi già) đã khóc vợ một câu thật thấm-thía trong nét trào-lộng :

Anh dại vô-cùng,
lo nợ vẫn còn vương nợ mãi
Em khôn bất trị,
sợ già nên vội trốn già ngay

Không biết ai dắt vào tay mà nợ đâu lắm thế, bao giờ mới trang-trải cho xong ?

Ông Trần-trọng-Kim suốt đời cặm-cụi vào việc học, tới khi ngoài sáu-mươi tuổi, ngẫu-nhiên dính-líu vào chính-trị, sau vì cảm-tình tri-ngộ nên ra đảm-đương trọng-trách, rồi theo nhịp thăng-trầm mà bôn-ba hải-ngoại, đến năm 1950 trở về nhà, năm 1953 thì tạ thế.

Một người đối với ông tình như cha con, nghĩa là đồng chí, viếng rằng :

Sống thác lòng như vàng đá, bước phong-trần cùng một nỗi truân-chuyên, sóng cả vững tay chèo, mù-mịt trời Nam, việc lớn lo toan may có trụ.

Thày trò nghĩa sánh cha con, thề non nước gây nên tình cốt-nhục, xe tiên về cõi Phật, bơ vơ bạn trẻ, đường dài lãnh-đạo biết nhờ ai.

○

Ông-ích-Khiêm làm quan triều Tự-Đức, một năm kia đang cầm quân đánh giặc, bỗng được tin mẹ chết, ông không thể rời quân ngũ để về chịu tang, nên viết đôi câu gửi về khóc mẹ như sau :

Mạc hiềm trần thế Khiêm vô mẫu
Ưng tiếu tuyền đài phụ hữu thê.

Nghĩa là :

Trần thế đừng hiềm Khiêm mất mẹ
Tuyền đài có vợ hãy mừng cha.

○

Một cái ác của sự châm-biếm, là hễ tìm ra được câu thích ý, thì dù nạn-nhân là một người đã quá-cố, người ta cũng khó dằn lòng mà không chế-diễu.

Hồi vua Khải-Định thăng hà, trong dân-gian có truyền tụng một đôi câu đối, do một người hiếu-sự lấy lời-lẽ vua Duy-Tân mà viết :

Viếng Khải-Định

Sao ông bỏ mà đi? Bỏ cung, bỏ điện, bỏ vợ, bỏ hầu, bỏ con hát thầy tăng. bỏ cả phong lưu trong một kiếp.

May tôi còn ở lại, còn nước, còn non, còn trời, còn đất, còn anh hùng hào kiệt, còn nhiều ân oán với năm châu.

Bỏ con hát vì trong cung có ban nữ nhạc, bỏ thầy tăng vì một ông thượng-thư nguyên là một thầy tu, vả lại thầy tăng nói lái là thằng tây, tức là chánh-phủ bảo hộ mà vua là một người bạn trung-thành.

Câu đối viếng thường tùy cảnh-ngộ mà áp-dụng những chữ thích-hợp. Thí dụ :

Vợ Khóc Chồng là Thợ Rèn

Tưởng cơ-đồ thiếp phải lâm-than
con thơ dại lấy ai rèn-cập

Thôi công việc chàng đà bỏ bễ
vợ trẻ-trung nhiều kẻ đe-loi

Than, rèn, cập, bễ, đe, đều là những đồ dùng trong nghề.

Vợ Việt Khóc Chồng Tàu

Nghĩ rằng Tân Tăn trăm năm,
liều phận bạc nhờ nơi đất khách

Bỗng chốc Bắc Nam đôi ngả,
nỡ gánh vàng đi đổ sông Ngô!

Bắc Nam, khách, ngô, đều màu đến sự gặp-gỡ Hoa Việt.

*

Tương truyền Lê Quý-Đôn một hôm cùng bạn ra phố, đi ngang qua một nhà thầy có đám tang sắp-sửa lên đường. Họ Lê vốn có tiếng là mẫn-tiệp, nên bạn đố ngay làm đôi câu đối khóc người không quen biết. Lê thủng-thỉnh đọc :

Thầy xe thiên-cổ xịch đưa ra,
không thân-thích lẽ đâu mà khóc mướn?

Tưởng sự bách niên dừng nghĩ lại,
não can-tràng cho nên phải thương vay!

Một ông đồ Nghệ khóc vợ :

Đất chẳng phải chồng, đem gửi thịt xương sao lợi?

Trời mà chết vợ, thử coi gan ruột mặn răng!

Câu này kể là thống-thiết, nhưng còn thấy công-phu, chữ *lợi* (do chữ *lại* đọc theo tiếng Nghệ) đối với *răng*, *gan ruột* đối với *thịt xương*, *chồng* với *vợ*, *đất* với *trời*, đọc lên không thành hẳn một tiếng khóc mộc mạc tự-nhiên như câu Yên-Đổ khóc vợ :

Nhà chỉn cũng nghèo thay, may được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, xắn váy quai cồng, tất tưởi chân nam chân chiêu, vì tớ đỡ-đần trong mọi việc.

Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất-va vất-vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật-gù tay đũa tay chén, cùng ai kể-lể chuyện trăm năm!

và câu ông khóc con là phó-bảng Nguyễn-Hoan chẳng may sớm thất-lộc

Bảng vàng bia đá ngàn thu,
tiếc thay người ấy!

Đầu bạc răng long trăm lỗi,
khổ lắm con ơi!

Yên-Đổ hay châm biếm với ngòi bút sắc bén, nụ cười bao giờ cũng tinh ranh mà không tục. Ông đùa một ông quan võ chột mắt :

Cung kiếm ra tay, thiên-hạ đổ dồn hai mắt lại :

Triều-đình cử-mục, anh-hùng chỉ có một ngươi thôi.

Một hôm Yên-Đổ đến thăm một thày đồ ở làng bên, thày đồ vừa pha trà vừa trỏ ra ba gian nhà học ông mới dựng xong, than phiền :

— Nhà tuy rộng-rãi nhưng phải cái nằm theo hướng Bắc, mùa nóng thì nóng như nung, mùa lạnh lại rét cóng. Cháu định làm đôi câu đối để dán hai bên cột mà mới nghĩ ra một vế, còn vế kia nặn óc mãi không đối được, xin đọc để cụ lớn đối dùm thì quý-hóa quá :

Người nước Nam, hỏi tiếng Tây chẳng biết Tây hỏi tiếng Tàu chẳng biết Tàu, cho nên phải minh tiên vương chi đạo dĩ đạo (1).

(1) Đại-học — Làm sáng cái đạo tiên-vương để noi theo

Yên-Đổ nhấp chén trà rồi tủm-tỉm nói

— Anh bảo chưa nghĩ ra vế đối, thì anh đã vừa mới đối rồi đấy còn gì ! Rõ ràng ý của anh nhé :

Nhà hướng Bắc chưa ai rét mình đã rét, chưa ai bức mình đã bức, mới gọi là tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu (2).

Sư trụ-trì chùa Đọi ở Hà-nam, đã rụng hết răng cửa, nuôi được chú tiểu lại ngọng líu ngọng lô.

Yên-Đổ một hôm lên chùa, vốn biết sư là người kém đạo-đức, nên làm đôi câu đối đùa :

Phất phát phóng phong phan, pháp phái phi phù, phù phụng Phật.

Căn căn canh cổ kệ, cao ca kỷ cứu, cứu cùng kinh.

Nghĩa là : phất phơ cờ phướn bay trước gió, đạo pháp làm phép đốt bùa bùa thờ Phật — Oang oang hòa giọng đọc kệ cổ, cất cao tiếng nghiền ngẫm kinh, nghiền ngẫm đến cùng.

Tất cả cái hóm hỉnh ở chỗ là ở âm Hán thì dịch ra nôm chẳng có gì hiểm hóc, nhưng đọc lên thì về trên có giọng phều phào của người móm, về dưới ngúc ngắc cứng quèo của người ngọng.

---

(2) Phạm-trọng-Yêm — Nhạc-dương-Lâu — lo trước cái lo của thiên-hạ.

Yên-Đổ còn làm hộ đôi câu đối cho một anh rể út phúng bố vợ. Ông viết rồi dặn không cần phải đề « lạc-khoản » vì ai xem cũng hiểu ngay

Khi ông sống, ông đẻ anh, ông đẻ chị, ông đẻ vợ tôi, nay được sáu tuần thêm tám lẻ :

Giờ ông chết, ông bỏ cửa, ông bỏ nhà, ông bỏ bà lão, ai ngờ một phút hóa trăm năm.

Yên-Đổ viếng Tú-Xương :

Nào ai chín suối xương không nát ?
Có lẽ ngàn năm miệng hãy còn !

Ta thấy rằng ngay buổi trước, ông Tam-nguyên đã ức-đoán cái tương-lai của tiếng nôm, và trong làng văn nôm ông Tú ắt chiếm một chỗ ngồi xứng đáng, mà tật là rồi sẽ « *nghìn năm bia miệng hãy còn trơ-trơ* », vì ông Tú sở trường về khoa châm-biếm.

Giọng chất-phác của Yên-Đổ chỉ như lời nói thường mà thật là ôn-tồn thân-mật. Xem như câu :

Viếng Bà Thân-Gia

Ôi thương ôi, hơn một ngày chẳng ở, kém một ngày chẳng đi. Nghĩ rằng : Bà năm mươi tám, bà nhà tôi cũng sáu mươi tư, xuân-xanh đã cao rồi, giá dắt-díu nhau bảy tám chín mười mươi, sẽ về chầu phật chầu trời, giấc bướm cũng không ân-hận nữa !

Ấy quái nhỉ, sống mỗi người một nết, chết mỗi người một tật. Ai ngờ : Bà tháng tư này, bà nhà tôi cũng tháng

năm trước, tấc gang không cách mấy, có lâu-lai gì một năm bảy tháng, ví chẳng dâu-gia dâu-giáo, đường mây sao khéo rủ-rê nhau ?

Giọng này, Hương-Sơn cư-sĩ cũng theo được đôi phần (1)

Dán Chỗ Ngồi Chơi

Ông nó thực là hươu !
kiếp nhân-sinh cái dại chẳng chừa thôi,
giàu chẳng bằng ai, sang chẳng bằng ai,
nào cờ, nào bạc, nào rượu, nào chè,
nào thói đa-tình,
người đã già đời còn dại mãi !

Bà mày có biết cóc !
cuộc nhân-thế sự chơi là lãi đó,
ai khen cũng mặc, ai chê cũng mặc,
còn nước, còn non, còn trăng, còn gió,
còn kho vô-tận,
trời cho khỏe sức cứ chơi tràn.

Cùng một giọng, còn mấy câu của Nguyễn-tử-Mẫn, tục gọi cụ huyện Hiệp-hòa (cụ đỗ cử nhân thời Thiệu trị, làm quan ít lâu rồi cáo về dạy học) :

I

Sáng sáng ăn-sáng rồi, cầm quyển mới, kỳ cui ký cúi viết vài trương ; đoạn rồi thu gương mắt xếp khăn

(1) Xem dật sự Hương-sơn cư-sĩ trang 86

tay, dắt bút vào tam-sơn : ngả lưng ngáy khò-khò chờ tối xuống !

Ngày ngày ngủ-ngày dậy, với câu cũ, phều-pháo phều-phào ngâm mấy khẩu ; đứng dậy ngắm chậu hoa nhìn cây thế, rê chân đi bách-bộ : vỗ tay cười khanh-khách đón trăng lên...

II

Già ưa người ta chiều : rét chiều hong, nồng chiều quạt, lưng đau ruột xót chiều canh ngọt cơm ngon, cối răng voi chày sắt nghiến rồn, chiều được lão chị hầu non chừng một !

Thày dạy học trò đối : tình đối thú, ngủ đối chơi, tóc bạc da mồi đối mày ngài mắt phượng, trống bụng cóc dùi son đánh xuống, đối thày già con hát trẻ vừa đôi...

Về Tú-Xương, chúng tôi chịu đôi câu đối tập văn cổ mà ông dán cửa :

Văn chinh-phu dĩ tiền lộ (1)

Vọng mỹ-nhân hề nhất phương (2)

Và chúng tôi lục dưới đây một đôi câu đối tết của ông, chưa thấy đăng trong các báo chí :

---

(1) Hỏi thăm đường người đi đánh giặc, hoặc người đi xa (Đào Tiềm — Qui khứ lai từ)

(2) Nay người đẹp ở phương nao (Tô Đông Pha — Tiền-Xích-Bích phú). Ẩn ý hai câu là thử hỏi thăm những người chống Pháp xem có hi-vọng chiến thắng không — Mong có người anh-hùng ló dạng để cứu nước.

Đào tiên đã chín hay chưa, bác mẹ em già,
chắp cánh bay lên xin một quả.

Đối tết không hay cũng dán, bà con ai biết,
dừng chân đứng lại ngắm vài câu !

Câu này chỉ tài ở bốn chữ « *bác mẹ em già* » chọi với bốn chữ « *bà con ai biết* », thật là xuất-sáo.

Kể về lối đối xuất-sáo, cũng nên nhắc lại một câu cũ :

Mừng Đám Cưới

Giàu-có *thiếu chi* tiền,
đem một vài quan không phải lẽ
Sang không *thì cũng* bạc
lấy dăm ba chữ để làm duyên

giàu có đối với *sang không*, lấy nghĩa là sang nhà người mà tay không mang gì, *tiền* đối với *bạc* là bạc-bẽo, thật bất ngờ !

Tiền đối với *bạc* theo nghĩa bạc bẽo, ông thày thuốc Nguyễn-an-Cư ở Hóc-Môn cũng đã dùng như thế trong câu đối dán cửa :

Đau tiếc thân, lành tiếc của, thói ở bạc *đã quen !*
Mất lòng trước, được lòng sau : ai có tiền *thì hốt !*

Ông Lê-trọng-Du bút-hiệu Nhượng-Mai, đã tả một bợm làng chơi bằng một câu xuất sáo :

Gái vờ vịt *lấy không ra* mặt

Bạc đá gà *chơi lại sát* xương

Cũng như Nông-sơn tiên-sinh đã tự trào :

Rượu sơi cốc *lớn vì say* gái
Bạc đánh cò con *cũng thức* dai (âm Bắc của chữ *trai*).

Nhiều người ưa tìm-tòi những cách đối tuy là chọi nhưng chỉ là tiểu-xảo :

Phên đan mắt cáo, mèo *chui lọt*
Nghé lội ao sen, ngó *nổi lên*
Kiến bám cành cam, *leo quăn* quít
Ngựa về đường bưởi *chạy lanh*-chanh

Những nhà chơi chữ, thường hay đặt câu ngoắt-ngoéo, gọi là « kênh-kiệu » .

Hầu : con, chè rượu ngày sai vặt
Lương : vợ, ngô khoai tháng phát dần

Không cần chấm câu gẫy gọn, mà ai cũng hiểu, là hầu thì đã có con để sai vặt, lương đã có vợ phát dần, song đem văn phạm ra mà phân tích thì những đâu là chủ từ, đâu là động từ ?

Chẳng khác gì câu thơ tự-thọ của Huỳnh-thúc-Kháng :

Định-luận, mãy ai da để cọp
Hư-sanh cười tớ kén giam tằm.

Kén giam tằm đã đành, nhưng da làm sao để cọp ? Phải hiểu ngược lại là cọp để da.

Câu đối chán-chường sau đây là của một ông đồ

Tự Vịnh

Ngày ngày mổ bụng con nhét chữ
Tháng tháng bổ đầu bõ lấy tiền

Tuy chán chường nhưng được cái thực-tiễn. Còn hơn một vài bực mô-phạm ngày nay tháng tháng không quên bổ đầu bõ lấy tiền, mà ngày ngày chẳng nhét vào bụng con được chữ nào, quá nữa, có khi lại chẳng có chữ nào để nhét !

Ông Tú Mục biệt hiệu Hì-Đình, chuyên giữ mục « hài đàm » trên báo Trung Bắc, bữa kia bị đau, được một ông bạn y-sĩ chữa cho mấy tuần mới đỡ. Vốn dĩ là một nhà nho nghèo, lại hay bông-đùa, Hì-Đình *minh tạ lương-y* bằng một câu đối :

Chữa bệnh Hì-Đình
trăm hay cũng còn khóc dở

Nhớ ơn Biển-Thước
nghìn vàng xin hãy cười trừ !

Nguyễn-văn-Vọng, người làng Hoàng-mai, huyện Việt-yên, tỉnh Bắc-giang, Bắc-Việt, đỗ tiến-sĩ triều Minh-mạng, không ra làm quan, mở trường dạy học ở nhà. Dân chúng trong vùng thường gọi là *ông nghè Hoàng-mai*.

Tính ưa trào-lộng một cách hiểm-ác, thường dùng văn-chương moi-móc tệ tật ngay của cả những bạn chí-thân.

Khi còn đi học, ông ở trọ một nhà bán tương. Nhà này có người con học-lực ngang với Nguyễn, nên hai người kết bạn đồng song rất tương-đắc. Ra thi hương, cùng đỗ cử-nhân. Đến khi vào thi hội, Nguyễn đỗ tiến-sĩ thứ 5, bạn đỗ thứ 4. Hai ông nghè vinh-quy một ngày, nhân ông nghè thứ 4 mở tiệc khao, Nguyễn viết đôi câu đối mừng .

Bán tự công-danh đề thượng-diện

Tương liêu khoa-giáp quải đồng qui (1)

Văn không có gì đặc-sắc, chỉ cố gò chữ « *bán* » đối với chữ « *tương* » để moi cái nghề-nghiệp của nhà bạn tuy lương-thiện nhưng kém bề thanh-lịch.

Trong tổng ông nghè Hoàng-mai, có một người đến ở nhờ một làng kia, ngày ngày đi xin ăn, đêm về ngủ ngoài hiên đình, sau dành-dụm được chút ít làm vốn buôn-vặt, rồi nhờ nhẫn-nại cần-kiệm, tậu được nhà được ruộng và nhập tịch làm dân làng. Sản-nghiệp càng mở-mang thì hai con trai học-hành càng tấn-tới. Hai cậu đều học trường ông nghè, sau thi đỗ làm quan.

Gặp kỳ cha lên thọ 80, hai quan con mở tiệc mừng, mời ông nghè về đóng đám. Tục ta xưa hễ có việc khao khoán to, chủ-nhân thường mời một nhà khoa-bảng về *đóng đám* để chỉ bảo các nghi-lễ tế-tự và thù-tiếp. Ông nghè cáo bệnh không đến, chỉ gửi lại câu đối mừng :

Bị phúc như công thiên-hạ hữu

---

(1) — Nửa chữ công-danh ông đỗ trên tôi
— Hai người đỗ-đạt, cùng vinh-quy một ngày

Bát tuần khánh thọ thế gian vô (1)

Câu này ý tứ cũng tầm thường nhưng tân khách ai xem đều cười thầm về hai chữ đứng đầu hai vế : « *bị* » đối với « *bát* », bị-bát chả là đồ nghề ăn xin của chủ-nhân thủa hàn-vi...

Nhà chủ tuy cũng biết thâm-ý ông nghè, nhưng lại nghĩ khác thường : *bị-bát* mà nên cơ-nghiệp, đáng khen chứ không đáng chê, cho nên đã mượn tay bút-thiếp viết rồi đem sơn son thếp vàng treo đàng-hoàng hai bên cột từ-đường.

Ông nghè có người con trai là Nguyễn-văn-Xuyết, đỗ ba khoa tú-tài, nên có tục-danh là *ông mền Hoàng-mai*. Ông này học-vấn cũng uyên-thâm, và quyết nối chí cha, ở nhà dạy học chứ không ra làm quan (2).

Ông mền sống đến 80, khi về già có câu đối tự diễu mình một cách hơi sống-sượng :

Tú xác đã ba khoa, giấy rách lẽ còn,
phải gìn-giữ lấy nếp nhà một tí !

Tuổi sơ ngoài bảy chục, tre già măng mọc,
mặc đua-đòi trong đám hội ba que !

※

Khoảng năm 1946, trong thời gian đi tản cư, có nhà văn ở đồng bằng chạy lên mạn ngược, bị sốt rét cách nhật

---

(1) — Đủ phúc như ông, thiên-hạ còn có người được,
— Ăn mừng thọ tám chục, thế-gian dễ thường thấy ít ai !

(2) — Mền : đỗ ba khoa tú-tài. Đỗ hai khoa là kép, đỗ bốn khoa là đụp, năm khoa là chũi.

(ngoài Bắc gọi là sốt ngã nước) nhưng vẫn không quên vẩn-vơ nằm so tơ tìm vần. Trong những lúc rên hừ-hừ, bỗng nghĩ ra câu đối tức cảnh :

Vì nước phải lên nguồn,
đánh mãi nước nguồn đâm ngã nước,
Se tơ nên chọn kén,
quay hoài tơ kén vẫn vương tơ !

○

Năm 1919, khi đệ-nhất thế-chiến vừa kết-liễu, chính-phủ mở ra cuộc bán phiếu quốc-trái, buộc các thôn xã và các tư-gia giàu có phải mua, để lấy tiền xung vào quỹ tái-thiết nước Pháp. Để cổ-động cho cuộc này, ông bảng Phạm, thượng-thư bộ Hộ, ra một vế đối :

Dân phải quốc trái

có ý bắt buộc dân phải đóng góp. Hai chữ *phải trái* đối nhau khiến nhiều người trong dân-chúng hiểu xuyên tạc theo nghĩa : dân là phải mà quốc là trái, cho nên có người đối lại

Nam ở Tây về

để nói cái sự kiện người Nam đi lính sang Tây, bấy giờ hết chiến rồi, đều xuống tàu về nước ; nhưng cũng lại ngầm thủ cái nghĩa : Người Nam ở lại nước Nam, còn Tây sẽ... cút về Pháp !

Hay nhỉ, người Tây mà lại về Pháp ? Thì còn trời đất nào nữa ! Họ Phạm kéo một hơi thuốc cống, cười hì-hì..

Đến khi xảy việc ném bom Cổ-Am, họ Phạm tìm đến thống-sứ Robin, rưng-rưng nước mắt tỏ lòng công-phẫn

về cuộc khởi-nghĩa Yên-bái, nên ít lâu sau đó khi ông từ trần, Robin về tận làng đọc điếu-văn ca-ngợi sự trung-thành. Sinh thời ông lại là người ăn nói có duyên, thường làm cho các cuộc hội-hữu được náo-nhiệt. Do đó, ông Trần-Bình có câu đối viếng :

Vai nhọ tên cho thân cõ lão
Đít cua hiềm thấy mặt công-thần

Ông Trần Bình là một tay hay chữ, văn nôm rắn-rỏi và hóm hỉnh. Bạn Duy-Việt có nhắc lại mấy câu đối chứng-tỏ cái tài châm-biếm của ông.

Một bữa, ngồi uống rượu với ông Vi và ông Quốc, ông Vi có bộ răng đẹp nhưng lại là răng giả, ông Quốc hai vợ hiềm nỗi bây giờ tuổi đã quá cao lại đương giở màu tu-tỉnh, ông Trần đọc hai câu đùa :

Hàm răng mang nặng : hàm răng giả
Túi đạn đeo thừa : túi đạn chay

Có ý rằng hai ông bạn tuy là đại-thần, nhưng trông kỹ ra thì từ trên xuống dưới chẳng... gì ra gì cả...

Ông Vi trước đó đã thay ông Hoàng làm tổng-đốc Hà-đông. Trong lúc ấy, có nạn hoàng-trùng cắn lúa ở Mỹ-Đức, và bệnh thổ-tả hoành-hành ở Chương-Mỹ. Ông Trần-Bình viết mấy câu về hai tai-nạn, nhân dịp lại ám-chỉ cả hai ông Vi Hoàng :

Hoàng-trùng đi,
Vi-trùng lại.
Suy đi xét lại :
Vi hại hơn Hoàng

Vi hại hơn Hoàng, vì tiếng vậy, Hoàng còn săn-sóc khá nhiều cho tiểu công-nghệ.

Cô Tư-Hồng, tay cừ-khôi trong những bà xung-phong làm kỹ-nghệ lấy tây, vốn là người có tài tháo-vát. Một năm kia nghe tỉnh Quảng-bình mất mùa, cô chở ba thuyền gạo vào định tâm sẽ bán lấy giá cao, bất đồ bị chính-quyền biết ý nên ra lệnh tịch thu. Cô liền tuyên bố là đem gạo vào với hảo-ý phát chẩn cho dân đói, nhân đó được vua ban hàm tứ-phẩm, ông cụ thân-sinh cũng được tặng-phong. Ông Trần-Bình đã mừng đôi câu đối :

Mừng Cô Tư-Hồng

Bốn chữ sắc phong hàm cụ *lớn*
Ba thuyền tế độ của bà *to !*

Hàm cụ đối với *của bà,* thật xứng-đáng với hai người được ân-thưởng.

Về hai câu này, nhiều sách đã chép câu dưới là : *Nghìn năm danh tiếng của bà to.* Chúng tôi được bạn Dương-Tấn-Tươi cho biết câu của ông Trần đúng là « *Ba thuyền tế-độ* » vì có sự-kiện phát-chẩn nói ở trên. Còn câu *Nghìn năm danh-tiếng của bà to,* chúng tôi đọc thấy ở cuối bài Đường luật của Yên-Đổ như sau, cũng tặng cô tư Hồng :

Giàu sang bà lớn thực trời cho
Trời lại cho bà chữ tự-do !
Áo mạng, con đà ngôi mệnh-phụ
Sắc rồng, cụ cũng mặt làng nho.

Tóc sương, bực lão đành không kém
Má phấn, đàn em dễ dám so!
Khắp cõi trời Nam đều biết tiếng
Nghìn năm cái tiếng của bà to!

Và Yên-đổ còn mừng thêm đôi câu đối nữa :

Có tàn, có tán, có hương-án thờ vua,
danh-tiếng lẫy-lừng băm sáu tỉnh.

Cũng biển, cũng cờ, cũng sắc-phong cho cụ,
chị em hồ dễ mấy lăm người!

Từ-ngữ *làm đĩ có tàn có tán* có lẽ là do ở câu đối này ra.

Đề Nhà Hộ-Sinh Treo Bảng-hiệu « Con Rồng » :

Con tiên cháu rồng, lộn *xuống cõi trần sung-sướng nhỉ,*
Mộng hùng thơ rắn, sai *đâu ông tạo đỡ-đần cho!*

câu này cũng do ông Trần-Bình sáng tác.

Sau hai chữ *rồng rắn,* chúng tôi để dấu phảy cho đúng cú-pháp. Thực ra hai câu viết bằng chữ nôm đọc dọc theo chiều bức liễn, không có chấm câu (dù đọc ngang cũng vậy, chữ nho không cần chấm câu) cho nên *rồng* liền với *lộn*, *rắn* xuống ngay *sai!*

Một ông lính chào mào, sau trận đại chiến thứ nhất, trở về ít lâu được bổ làm tùy-phái tòa sứ, lại mông thưởng phẩm hàm, và vợ sinh con trai, liền mở tiệc ăn mừng. Chủ-

nhân vốn là người không biết chữ nho, chỉ đương vọc vạch quốc ngữ chưa thông, nên ông Trần Bình đã viết hộ một người bạn chủ-nhân đôi câu đối mừng :

Tiếp tiệp hoan hoàn, tê-ư tư, sắc tứ

Binh bình sứ sự, hát-ô hô, huyền hồ.

Thật là gói ghém đủ đề tài : báo tiệp rồi thì vui mà về, được sắc tứ, xong việc binh làm tòa sứ, lại treo cung báo tin sinh con trai.

Nhưng ác ở chỗ dùng chữ rõ ra diễu người đương học đánh vần...

Nhân nói về ông thợ xẻ *ăn cơm vua* trên kia, chúng tôi liên-tưởng đến ông Huy-Quang, nguyên là thư-ký lão-luyện ở một văn phòng luật-sư, lại cũng là tay ăn chơi khét tiếng một thời. Ông người làng Thịnh-Liệt, khi về già, cho xây một ngôi sinh-phần ở đồng làng, để xếp-dọn sẵn lúc hai năm-mươi, và nhờ ông Trần-Bình là bạn thân, làm một đôi câu đối để ngoài cổng sao cho thật trang-trọng, cho bõ nguyện-vọng một đời trưởng-giả.

Ông Trần-Bình viết hai câu :

Khen chê, mồ chú Huy-Quang đó

Sống chết, dân làng Thịnh-Liệt đây

có ý bào-chữa cho ông thầy cò : ông này vốn bị chê nhiều hơn là được khen, nhưng dù sao cũng là người không quên gốc, sống cũng như chết vẫn ở cùng với dân làng.

Câu đối nề bằng quốc-ngữ viết lối triện. Khi sinh phần làm xong, tân-khách đến xem, ai cũng ngâm-nga các câu văn bóng-bảy viết bằng vàng son trên hoành-phi và câu đối, vì đều là của những nhà đại-gia gửi tặng. Duy đến câu đối ngoài cổng, thì có kẻ nào đã lấy mực viết thêm chữ *m* vào sau chữ *mồ*, thành chữ *mồm*, khiến vế trên hóa ra :

Khen chê mồm chú Huy-Quang đó

Mọi người phân vân : chữ *mồ* mới phải chứ, vì đây là một ngôi sinh-phần.

Song cũng có người nghĩ xa hơn, lại cho chữ *mồm* đúng hơn, vì có lẽ tác-giả muốn nói đến cái đặc-điểm của chủ-nhân là *mồm mép thày... cò*.

Lời giải-thích này có trúng, cũng chỉ một phần thôi, vì lý-do nêu ra là một lý-do phụ-thuộc, còn lý-do chính lại nằm trong một câu chuyện hơi dài :

Khoảng 1910, ở Hà-nội có vụ tranh cử hội viên thành phố. Trong số ứng cử viên có ông Huy-Quang, đứng chung sổ với ông Nguyễn-văn Vĩnh ; lại có một ông nữa, vốn xuất-thân thợ xẻ, đứng trong một danh-sách đối-lập.

Ông Vĩnh cao-hứng viết báo Trung-Bắc móc cái chỗ xuất-thân này bằng một câu : « *Chúng ta nên cưa mạch nào đứt mạch ấy* ». So với lối viết xỉ-vả bây giờ thì câu đó đâu có gì là ác-liệt. Nhưng buổi ấy, đả động một tí thế là to chuyện rồi. Ông nguyên thợ xẻ mướn ngay một phu xe và một phu vệ-sinh đi làm cái việc trả thù. Ông Vĩnh được tin ngầm báo, nên đã đề-phòng không mảy may sơ-hở. Không làm gì được ông Vĩnh, ông kia bèn xoay mũi dùi

sang ông Huy-Quang. Vốn biết ông này cứ sáng chủ-nhật đi lễ nhà thờ xong là dạo một vòng hồ Gươm, ông kia bèn cho hai người phu đi theo. Đến chừng ông Huy-Quang mỏi chân thì anh xe tiến đến trước mặt, hạ càng mời. Vừa ngồi vào xe, càng xe nâng ngay lên khá cao, và nhanh như cắt, anh phu vệ-sinh chạy đến tặng vào mồm ông Huy-Quang một gói quà mà bấy giờ dân Hà-thành gọi là *kem sốt*. Thế là anh phu xe cứ chạy, chạy như bay, khiến ông Huy-Quang muốn nhảy xuống mà không dám nhảy, đành ngồi trên xe chịu cái khổ « *há miệng mắc... quai* ».

Xe bon-bon qua mấy phố đông rồi đỗ ở gần nhà ông Huy-Quang. Bấy giờ ông mới vội-vã nhảy bổ xuống và ba chân bốn cẳng chạy về... súc miệng.

Thật là chẳng phải đâu, cũng phải... mồm, do đó mà trong câu *khen chê mồm chú Huy-Quang đó,* chữ *mồm* người rõ chuyện cho là *đắc-địa* hơn...



Ông Trần Bình tuy nổi tiếng về những văn thơ hóm hỉnh nhưng chính tịch ở các nơi ông lịch-lị không được ca-ngợi trong dân-chúng, vì thế khi về già, ông có sáng-kiến đăng báo yêu-cầu bốn phương gửi câu đối về phúng sống mình, để xem dư-luận khe-khắt đến chừng nào. Có người đã phúng mỉa :

Lạ lùng thay, nho chẳng ra nho, quan chẳng ra quan, điên đảo đảo điên, chín suối tìm đâu người nỏ miệng.

Ngao ngán nhẽ, sống không ra sống, chết không ra chết, dở hay hay dở, trăm năm còn mãi tấm bia đời.

Lại có lời mỉa sỗ-sàng hơn như sau :

Muốn sống thì chừa, nào hán-tự, nào
quốc-văn, bàn-tán *thêm nhơ phường cựu-học ;*

Chưa chết đã thôi, cũng nguy-khoa, cũng
hiển-hoạn, phẩm-bình *càng bẩn báo Tân-văn !*

(Nguy khoa, hiển-hoạn : đỗ cao, làm quan lớn)

Khi Hoàng Cao-Khải tạ thế, một người đồng-hương gởi câu đối viếng :

Ông ra Bắc là may, quyền kinh-lược, tước quận-công,
bốn biển không nhà mà nhất nhỉ !

Cụ về Tây cũng tiếc, trong triều-đình, ngoài thôn-dã,
một lòng vì nước, có hai đâu !

Ra Bắc là may, vì nếu ông ở lại quê nhà Nghệ-an chưa chắc đã ai để cho dọc-ngang được đến thế. Người Trung thất-thểu ra Bắc mà làm đến cực-phẩm, lại càng may dữ !

Về Tây là chết (về Tây-phương cực-lạc) lại có nghĩa là chết thì người Pháp cũng tiếc thương một công-bộc. Một lòng vì nước, chỉ có ông chứ không hai, có thể hiểu cách khác : ông một lòng chứ không hai lòng, thờ một nước chứ không phải thờ hai nước, chỉ có không rõ một nước là nước Nam hay nước Pháp !

Từ khi ông Vi lên tổng-đốc Hà-đông, thấy nhà các quan trong tỉnh nhà nào cũng có nhiều câu đối và bể non-bộ, ông liền cho sắm một bể, và muốn tỏ mình cũng là người phong-nhã chứ không phải « thổ-mừ » như người ta tưởng, ông cho người đi tìm một tay chữ tốt văn hay để đề câu đối trên tường phía sau bể non-bộ.

Nghe nói ở Nam-định có một nhà nho túc học, ông cho người mời lên. Nhà nho ngắm-nghía hòn non-bộ rồi ung-dung viết lên tường :

Nam-sơn trúc bãt tận

Đông-hải ba vô cùng.

Rồi cắt nghĩa :

— Bẩm cụ lớn, *Nam-sơn trúc bãt tận,* nghĩa là cây trúc ở núi Nam không bao giờ hết, nghĩa bóng là giòng dõi cụ lớn sẽ mỗi ngày một thịnh. Còn *Đông-hải ba vô cùng* là sóng ở biển Đông không bao giờ cùng, ngụ ý chỉ vào công ơn của cụ lớn đối với dân, mông-mênh như biển cả.

Vi nghe khen phổng mũi, trọng thưởng cho nhà nho. Từ đó, mỗi khi có quan khách tới chơi, Vi lại đem khoe câu đối, và mọi người đều tấm-tắc khen hay.

Có hay đâu nhà nho kia đã rủa ngầm họ Vi thậm tệ. Nguyên hai câu *Nam sơn trúc bãt tận, Đông hải ba vô cùng* xuất phát từ hai câu trong bài hịch đả kích Tùy-dạng-Đế của Lý-Mật đời Đường : *Quyết Đông-hải chi ba, lưu ác bãt tận ; khánh Nam-sơn chi trúc, thư tội vô cùng.*

Nghĩa là khơi hết sóng Đông-hải, cũng chưa hết ác, viết đến hết thẻ trúc ở Nam-sơn cũng chưa hết tội !

Một nhà giáo mới được bổ đến làng kia, cao hứng viết đôi câu đối dán ngay cửa trường :

Kinh-sử một bồ,
thày dạy đánh vần không mỏi miệng.

Gươm đàn nửa gánh,
khách du qua cửa cũng dừng chân.

Ông giáo này cố làm ra lối văn khẩu-khí, chứ ông chỉ là hương-sư dạy trẻ đánh vần thôi, làm gì có *kinh-sử một bồ,* vả lại đã ở vào buổi dạy quốc-ngữ thì lấy đâu ra *gươm đàn nửa gánh,* là đồ-lễ của khách giang-hồ những thời xa-xưa.

Huống chi *không mỏi miệng, cũng dừng chân* đem *chân* của khách đối với *miệng* mình có lẽ không thơm tho cho lắm.

Câu đối dán lên được vài hôm thì một buổi sáng ông giáo tới trường, nhìn thấy có chữ viết đè lên trên chữ của mình :

Kinh-sử gì thày,
chữ nghĩa bao lăm mà mỏi miệng ?

Gươm đàn kệ chúng,
mễ-hương không chịu khá rời chân !

Thấy dọng sỗ-sàng, thày giáo uất-ức, đưa việc ra trình làng ; làng không xử, thày lên kiện trên quan ; đến đây

mới vỡ ra rằng người làng chẳng ghét gì ở thày cái chứng nói khoác, nhưng ghét vì đã mỉa làng bằng những chữ : *Kinh-sử một bồ, Gươm đàn nửa gánh,* vì cho rằng thày đã nói móc đến cái nghề của dân làng, vốn là nghề... nhặt bã cơm.

— Không có nghề gì xấu, thày giáo ạ.

Nghề này, trước đã có một câu đề cao rất hách :

Đới nhất nhung y, đảm thế-gian chi nan sự
Trì tam xích kiếm, thu thiên-hạ chi nhân-tâm
(Mang một áo chiến, gánh việc khó trên thế-gian,
Cầm ba thước gươm, thu nhân tâm của thiên-hạ)

Bồ với *gánh* là khí-cụ để hành nghề, nay thày đem dùng hai chữ ấy trong câu đối, đúng là có ý mỉa-mai cả làng rồi còn gì !

Bởi thế, làng mới hạ chữ *gươm đàn kệ chúng* và nhắn thày rằng đã không chịu được mùi thơm của gạo (*mễ-hương*), xin thày hãy kíp rời chân... cho được việc.

Thế là vì mấy chữ huênh-hoang mà ông giáo phải đổi ngay đi gõ đầu trẻ ở làng khác.

Cũng có những câu đối dán ở cửa hàng buôn-bán tả được những nghề-nghiệp tầm thường một cách rất khí-phách :

Dán Nhà Thợ Hớt Tóc

Cười phấn cợt son,
tô điểm tóc tai người tứ xứ

Mài dao đánh kéo,
mở-mang mày mặt khách năm châu

Dán Quán Trầu Nước (1)

Nhà giàu tính vốn kềnh-cơi,
con cháu nương nhờ về ăm

Việc nước ra tay chuyên bát,
bốn phương đâu đấy lai hàng.

Dán Hàng Nhuộm

Đã trót nhúng tay
xấu đều hơn tốt lỏi.

Quý hồ thuận mắt
thắm lắm lại phai nhiều!

Nói chuyện câu đối, ta cũng nên nhắc lại những cuộc thi câu đối, là những lối giải-trí công-cộng của thời xưa.

Lắm cuộc thi đã làm đầu đề cho những trận cười mà dân-gian còn nhớ mãi.

Như ông Tuần nọ một ngày mồng chín tháng chín, lên chơi núi Dục Thúy, ra một vế, lời văn thật-thà và không có tình-tiết gì lý-thú :

Cuối thu ngày chín lên chơi núi

---

(1) Trầu, tiếng Bắc là giầu. Màu các tiếng nghề : cơi trầu, ăm nước, bát nước, hàng nước. Chữ ăm dùng nghĩa tổ ăm, lai hàng nghĩa hàng-phục, đây là « tới nhà hàng ».

Vì ông Tuần có tiếng là tay *cự phách* trong làng văn nôm, nên sĩ phu đua nhau gửi đối, để lĩnh giải thưởng thì ít, mà để chế-nhạo ông thì nhiều.

Câu đối được chấm giải-nhất là :

Giá hạ vàng mười chớ bán non

dẫu rằng sát với thời-sự lúc ấy : vàng đương sụt giá, nhưng không ăn nhập gì tới cuộc chơi núi cả !

Có câu đả động đến đời tư ông Tuần :

Đầu vú cô Ba có sữa non !

Lại có câu nhạo văn-tài của ông :

Đầu trống canh năm, gọi... thủng đôi (1)

Mấy câu kể là đối chọi, nhưng không làm bật được cái vẻ thật-thà của *cuối thu ngày chín.*

Chỉ có câu này :

Giờ tí canh ba gọi thủng đôi

có phần khôi-hài hơn, diễu người xuất đối một cách rõ-rệt : giờ tí cũng là canh ba, thoát ở câu « *nửa đêm giờ tí canh ba, vợ tôi đàn bà con gái nữ-nhi...* »

Tuy-nhiên, cả hai câu cùng hơi.. nặng mùi, không được nhẹ-nhàng phóng-lưu bằng câu :

Giờ tí canh ba xuống nhảy đầm

Câu này hay ở chỗ không cần phải nói lái như *thủng đôi* mà đối lại chọi hơn : *lên chơi núi — xuống nhảy đầm...* đầm còn mang nghĩa « *ao* » đối với « *núi* »

---

(1) Thủng đôi : lái lại là đổi thùng. Ở Bắc xưa, cứ nửa đêm phu vệ-sinh đi từng nhà để « đổi thùng » vì chưa có cầu tiêu xối nước như ngày nay.

Nhân dịp lễ khánh thọ ngũ-tuần vị quốc-mẫu thời ấy. cụ Tuần cao hứng ra một câu nữa cũng không kém vẻ quê kịch và... ruột ngựa :

Tiệc thọ năm mươi mừng mẹ nước

Bấy giờ là lúc Pháp vừa thắng Đức, công-sứ Ninh-Bình sức cho mỗi xã phải nộp 30 đồng để mua cờ treo mừng, khiến dân chúng xót-xa về tiền, nên có người đối :

Lá cờ ba chục chết cha dân !

để nói lên việc này.

Lại có người nhân tiện đùa cái kiểu làm quan của cụ tuần :

Khăn thâm ba chục chết cha dân !

Thi câu đối hồi ấy phần nhiều do báo *Trung-Bắc* khởi xướng, báo này do mấy nhà nho ưa chơi chữ là hai ông Nguyễn-đỗ-Mục và Dương-bá-Trạc chủ-trương bộ biên-tập.

Có cuộc thi lý-thú như thi đối câu :

Vợ cả vợ hai, hai vợ cùng là vợ cả.

Nhiều vế đối ngộ nghĩnh :

— *Quan thừa quan thiếu, thiếu quan đã có quan thừa.*

Câu này có hàm ý châm biếm, vì ám chỉ Thiếu (1) Hà-Đông. Nhưng tiếc rằng quan thiếu thì có, mà quan thừa lại không, vì thừa phái chỉ ở cấp lại, không gọi được

(1) Gọi tắt chức « thái-tử thiếu-bảo »

là quan. Vả chăng chữ *thừa* ở cuối câu chỉ dùng được một nghĩa, trong khi phải đối lại chữ *cả* ở câu trên có hai nghĩa.

— *Nhà thuê nhà tậu, tậu nhà đi ở nhà thuê.*

Chữ *thuê* cuối cùng cũng bị trường-hợp một nghĩa như trên.

Chỉ có câu này gọi là trúng cách :

— *Con nuôi con đẻ, đẻ con há cậy con nuôi.*

Chữ nuôi được hai nghĩa trạng-từ và động từ.

Câu đối ra trên đây cũng từa tựa như câu của cụ Hiệp-Hòa. Cụ Hiệp-Hòa, nguyên hai phòng, đều đã mất cả, mà con trai con gái cụ cũng đã có con trai, nên làm câu đối tự trào :

Vợ cả vợ hai không vợ cả
Con trai con gái có con trai

Những cuộc thi câu-đối như trên rồi từ địa-hạt văn-chương nhẩy sang địa-hạt thương-mại. Người ta áp-dụng vào phương-sách quảng-cáo.

Ở Hà-Nội xưa, hiệu ảnh Hương-Ký có lẽ là một nhà buôn sáng kiến ra lối quảng-cáo bằng thi câu-đối.

Có lần ra một vế bằng văn Kiều :

Nhà Hương cao cuốn bức là,
tài tử giai nhân mỗi người một vẻ

và buộc rằng trong vế đối cũng dùng văn Kiều mà phải có chữ « *Ký* » chọi với chữ « *Hương* », nghĩa là cốt để cho không ai lĩnh được thưởng, vì trong Kiều không làm gì có câu đối lại như thế. Thấy thế, có người gửi lại một vế đối đùa :

Cô Ký thăp buông quần lĩnh,
anh-hùng hào-kiệt rày ước mai ao.

III – lục bát
song thất lục bát

Mấy câu tự thán của Nguyễn Trãi lúc chưa gặp minh quân, đã tả nỗi cô liêu và lòng hoài-nghi về thời cục của người chí sĩ :

Tự Thán

Con thuyền lơ lửng bên sông
Biết đem tâm sự ngỏ cùng ai hay
Chắc chi thiên hạ đời này
Mà đem non nước làm rầy chiêm bao
Đã buồn về trận mưa rào
Lại đau về nỗi ào ào gió đông
Mây trôi nước chảy xuôi dòng
Con thuyền hờ hững bên sông một mình.

※

Phan-Bội-Châu trong lúc bôn-ba hải-ngoại, đã nói lên khí-phách và hoài-bão của mình trong bài :

Đêm Trăng Hỏi Bóng

Đêm lơ-lửng mình cùng trời đứng,
Mình hỏi trời, trời lững làm thinh !
Trên trăng, dưới nước, giữa mình,
Thôi thời với bóng tự tình vân vi.

Khen cho bóng thiệt tay lanh đợ,
Chưa dứt câu, đã mở miệng rồi.
Rằng : « Ai như nghĩa ông tôi ?
Khi đi, khi đứng, khi ngồi theo ông.
Sao ông vẫn hình-dung buồn bã ?
Khiến tôi cùng rầu rã vì ông !
Điều chi uất kết ở trong ?
Xin ông kể hết nỗi lòng tôi nghe.
— Ừ, muốn nói nhưng e đêm vắn.
Lời quá dài thêm bận lòng ngươi.
Lạ lùng cho mụ bà trời,
Thình lình đẻ rớt một người là ông !
Òa một tiếng non sông nứt nẻ,
Nòi Rồng Tiên xin kể một người.
Sáng hai mắt, tỏ hai tai,
Khuôn thân bảy thước khá dài khá to.
Đầu óc cũng tròn vo sâu hoáy,
Râu mày xem đáng thảy nam-nhi.
Mỹ, Âu đất há chật gì ?
Tình cờ sinh ở Trung-kỳ Việt-Nam.
Sao chẳng điếc chẳng câm cho rảnh ?
Sao hay mang hay gánh hoài hoài ?
Chân không, sao dám đá trời ?
Tay không, sao muốn lấp vời dời non ?
Lưỡi khua mỏ chẳng mòn sao nhỉ ?
Ruột quay tơ chẳng nghĩ vì sao ?
Gân đồng xương sắt thế nào ?
Đành cho muôn sắt bắn vào bia thân !
Sao mãi mãi phong trần không đã ?

Mà gan vàng dạ đá trơ trơ?
Ích gì nghĩ vẩn nghĩ vơ?
Nghĩ mình mình luống ngẩn-ngơ tháng ngày?
Chẳng ích gì sao hay làm mãi?
Làm mãi sao chẳng cái gì thành?
Tại ai? hay tội tại mình?
Tại mình hay cũng sự tình tại ai?
Bóng nghe hỏi thở dài và nói:
— Kể đâu đuôi: thưa tội tại ông
Miệng đời độc ngọt gian nồng!
Sao ai lừa gạt mà ông nghe liều?
Ông xem xét sao nhiều hờ hững?
Việc trăm năm tưởng những rày mai!
Lòng ai ông tưởng như ai,
Biết đâu rắn rít hươu nai đầy đường!
Người khôn khéo ông càng sưa vụng.
Trước bầy ma phun giọng phật linh!
Ngu sao chúng trọc mình thanh,
Cuồng sao chúng túy mình tinh làm gì?
Ông chẳng thấy đời ni danh giá
Chẳng gì hơn xe ngựa lâu đài,
Ngon cơm tốt áo là rồi,
Ai còn tưởng đến việc ngoài thân gia!
Dầu lịch sử ông cha thây kệ,
Nhục hay vinh họ kể gì đâu.
Việc gì ông cứ bo bo?
Trong thiên-hạ kể rất ngu ai bằng!
Ông thử giắt nường Trăng xuống hỏi,
Xem như lời tôi nói phải không?

Nghe lời lòng lại dặn lòng,
Đã xe trước đồ còn hòng xe sau :
— Bóng hỡi bóng dùm nhau tính dõn,
Còn sau này với bạn tâm tri !
Vừng trăng vừa ẩn non tây,
Trời đông lựng lựng lại mây với ta.

※

Hồi Đông-kinh nghĩa-thục đề-xướng phong-trào duy-tân có truyền-tụng một bài ca cổ-võ rất hùng-hốn

Bài Ca Á-Tế-Á

Ngồi mà ngẫm thêm sầu lại tủi,
Nước Nam ta gặp buổi truân-chuyên,
Dã-man quen thói ngu hèn,
Nhật-Bản Minh-Trị dĩ tiền, khác đâu ?
Tự giống khác mượn màu bảo-hộ,
Mưu hùm thiêng thua lũ cáo già,
Non sông thẹn với nước nhà,
Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu.
Nỗi diệt chủng vừa đau vừa sợ,
Nòi giống ta chắc có còn không ?
Nói ra, ai chẳng đau lòng,
Cha con tủi nhục, vợ chồng thở than.
Cũng có lúc căm gan tím ruột,
Vạch trời cao mà tuốt gươm ra.
Cũng xương, cũng thịt, cũng da,
Cũng hòn máu đỏ con nhà Lạc-Long.
Thế mà chịu trong vòng trói buộc,
Bốn mươi năm nhơ nhuốc lầm than.

Thương ôi! Đại-Việt giang-san,
Văn-minh đã sẵn, khôn-ngoan có thừa.
Hồn mê-mẩn, tỉnh chưa, chưa tỉnh?
Anh em ta phải tính sao đây?
Tàu là bạn Nhật là thày,
Trí khôn phải học, nghề hay phải tìm.

※

Việc cải-cách đầu tiên được tuyên-truyền ráo-riết nhằm vào sự cắt tóc ngắn, bỏ lối để búi tóc cổ-hủ khi xưa :

Cắt Tóc

Phen này cắt tóc đi tu,
Tụng kinh Độc-lập ở chùa Duy-tân.
Đêm ngày khăn vái chuyên cần,
Cầu cho ích nước lợi dân mới là.
Tu sao mở trí dân nhà,
Tu sao độ được nước ta phú cường.
Lòng thành thắp một tuần hương,
Nam mô Phật-tổ Hồng-Bàng chứng-minh.
Tu hành một dạ đinh-ninh,
Nắng mưa dám quản công-trình một hai.
Chắp tay lạy chín phương trời,
Kêu trời phù hộ cho người nước tôi.
Tiều tôi trông đứng trông ngồi,
Trông sao cho đặng giống nòi vẻ vang.
Nào là tín-nữ thiện nam,
Nào là con cái thập phương giúp cùng.
Giúp tôi đúc quả chuông đồng,
Đúc thành quả phúc. ta cùng hưởng chung.

Ai tu xin dốc một lòng,
Nghìn thu tạc một chữ đồng đến xương.
Nam mô Phật tổ Hồng-Bàng.

※

Khoảng năm 1927 cụ Giải-nguyên Lê-văn-Huân người vùng Nghệ-Tĩnh thấy ảnh-hưởng văn-hóa Pháp đã sâu rộng, lo rằng đám tân-học sẽ quên hết gốc, nên có đôi lời nhắn-nhủ :

Gửi Các Thày Thông Ký

Khi còn bé, bố cho đi học,
Vào nhà trường, miệng đọc A, B.
Sớm khuya đèn hạnh sách lê,
Lam-kiều, xe ngựa đi về mặc ai.
« Đích-tê » với mấy bài phép toán,
« Véc-bờ » kia cũng rán sức chia,
Ân-cần dạy sớm thức khuya,
Chỉ lo học-tập, biết gì ăn chơi.
Mấy năm trời xi lô xi lốc,
Hạch đố rồi, ông đốc, ông thông.
Lương ăn bảy tám chục đồng,
Tưởng rằng vinh hiển bõ công tập rèn.
Biết đâu chuyện nòi hèn nước mất,
Xem ông Tây như Phật như Tiên.
Trong trường nhồi sọ đã quen,
Hễ khi mở miệng là khen Tây lành,
Gà què chạy loanh-quanh cối thóc,
Thấy có ăn nhằn-nhọc chui vào.
Biết chi đồng-chủng đồng-bào,
Biết chi thế-giới phong-trào là chi,

Kiếm được tiền đem đi phung-phá.
Thấy việc hay cũng chả dám làm,
Mình dơ thối quản chi chàm,
Tát tai đá đít cũng cam chịu vậy.
Không phải là các thày thông ký,
Chẳng biết điều liêm-sỉ hiếu trung.
Nếu như có kẻ nói cùng,
Chắc là sẽ động đến dòng lương-tâm :
« Chúng tôi đã biết lâm từ trước,
Rầy về sau việc nước xin lo.
Nước nhà độc-lập tự-do,
Trước lo lý-luận, sau lo thực-hành.
Để thoát khỏi cái vành nô-lệ,
Người Nam ta trị lấy nước ta.
Ai ơi ! nghĩ lại kẻo mà,
Thông-ngôn, Ký-lục cũng là người Nam... »

Ở ấp Thái-Hà nơi Hoàng-cao-Khải hưu-dưỡng, thường có mở ra những cuộc vui chơi, như chọi gà, đánh cờ người. chọi chim họa-mi... Một buổi chọi chim đã làm đầu-đề cho bài vịnh sau đây, ám-chỉ gian-thần :

Chim Họa-Mi

Họa-mi, ai họa nên Mi,
Mã thì cũng đẹp, hót thì cũng hay.
Ai đưa Mi đến chốn này,
Nước trong, gạo trắng Mi rầy cứ sơi.
Lầu hồng gác tía thảnh-thơi,
Mi ăn, Mi nhẩy, sướng đời nhà Mi.

Khen cho Mi cũng gặp thì,
Tổ xưa Mi có nhớ gì hay không?

Ăn rồi rồi lại hót thong-dong
Bởi thề nên Mi mắc phải lồng
Gạo trứng nước trong Mi thú nhỉ
Vào luồn ra cúi có vinh không?

※

Nói đến bọn « quần-thần » không thể bỏ qua ông Vi, ở chức tổng-đốc, được bổ về làm tuần-phủ tỉnh Thái-bình.

Muốn biết sự hống-hách của Vi thế nào, chỉ nhìn qua những đơn từ cũng rõ : đơn nào cũng phải đề

Kính gởi Cụ-lớn Hiệp-tá Đại-học-sĩ, Thái-tử thiếu-bảo, thưởng-thụ đệ tứ đẳng Bắc-đẩu bội-tinh, Tổng-đốc lãnh tuần-phủ Thái-bình.

Vi tàn-ác nổi tiếng, nên dân coi như hung-thần : lão thẳng tay tàn-sát những người dân Thái-bình đã nổi lên làm cách-mạng. Khi được thay Hoàng-trọng-Phu làm tổng-đốc tỉnh Hà-đông, Vi bắt các quan-lại và hương-chức Thái-bình phải góp tiền tiễn chân.

Dịp này có người làm thơ ghi « công-đức » Vi, dán ở trước dinh tuần-phủ :

Vi-trùng dịch-tả đại-nhân,
Ngài nên hiểu thấu tình dân Thái-bình.
Thái-bình lắm nỗi bất-bình,
Vì đói khổ phải biểu-tình năm xưa.
Trả lời, súng bắn như mưa,
Chín mười mạng chết cũng chưa hả lòng.

Lại còn đốt phá lung tung :
Đông-nho, Thanh-giám chỉ trong mấy giờ
Trâu bò gạch ngói trỏng trơ,
Đống tro vộ-đạo bây giờ còn nguyên.
Lời căm-tức, tiếng rủa nguyền,
Mấy năm nay vẫn còn truyền miệng nhau.
Mùa qua lúa lại bị sâu,
Lấy gì nộp thuế nuôi nhau lúc này.
Quan ôn ngài tỉnh hay say,
Mà không hiểu thấu tình này cảnh kia.
Lại còn vênh váo mũ hia,
Lại còn báo hại dân quê Thái-bình.
Lại còn bắt góp từng trinh (1)
Còn muốn bữa tiệc linh-đình tiễn đưa.
Vi-trùng dịch-tả hiểu chưa?
Mấy nghìn, phù-thủy (2) phải đưa tiễn ngài.
Chúng tôi đoán nếu không sai,
Sẽ rút ruột ngắn ruột dài của dân.
Ơi ôn-thần hỡi ôn-thần,
Sao không biết nhục tăm thân râu mày.
Liệu mà xa chạy cao bay,
Đừng quen kiếm chác vùng này nữa đâu.
Gánh gồng vội cút cho mau!

※

---

(1) Trinh là tiền Khải-Định.

(2) Những tay sai của Vi, hoặc là những quan lại hương-chức dưới quyền Vi.

Sau khi Hít-Le tự-tử, Nhật-Bản trở thành mục-tiêu duy-nhất cho cuộc tấn-công ồ-ạt đêm ngày của phe Đồng-Minh.

Đồ Phồn đã phỏng bài « *Khóc Dương-Khuê* » của Yên-Đỗ, mà làm ra lời

Nhật-Hoàng Khóc Hít-Le

Hít-Le, thôi bác toi rồi!
Bom bay đạn nổ tơi-bời lòng ta...
Nhớ từ thủa xông-pha ngày trước,
Trục tam-cường, tôi bác cùng nhau:
Tưởng rằng đè bẹp năm châu,
Ai hay lụn-bại, biết đâu cơ trời!

Võn đã biết bỏ đời là phải,
Vội-vàng chi bác mải ra ma!
Chợt nghe tôi những xót-xa:
Đương thân bách thắng, hóa ra thua dồn...
Cờ chữ vạn không còn phăp-phới,
Ai người đem thế-giới nhuộm đen?
Máu tanh không có bạn hiền,
Say-sưa, không phải không phiền không lo!
Thơ phát-xít đắn-đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa?
Trời Âu vừa tạnh gió mưa,
Sóng dồn bể Thái, khổ chưa hỡi trời!
Quân đồ-bộ khắp nơi tua-tủa,
Thành Đông-kinh khói lửa mịt-mùng.
Nào Anh nào Mỹ tăn-công
Nào Nga cũng chực vào vòng đánh hôi!
Bác biết trọn cái đời của bác,

Trục, mình tôi, gánh-vác sao đang
Sóng dâng ngập cả ngai vàng
Khóc tôi, khóc bác, hai hàng chứa-chan...

⁂

Cá rô sống trong ao bùn. Cá rô ở đầm Sét trong địa phận làng Thịnh-liệt tỉnh Hà-đông, vốn có tiếng là ngon hơn rô các nơi.

Một nhà nho tìm đến làng Thịnh-liệt để thăm một người bạn vừa phải lao-đao vì thời-cục, đã để lại mấy câu nói lên cái tình bằng-hữu thật là ân-cần và tế-nhị :

Qua chợ Mơ, đến làng Thịnh-liệt
Rằng cá rô đầm Sét là ngon.
Bấy lâu cạn nước khô bùn
Biết rằng phong vị có còn như xưa?

⁂

Chúng ta, ai cũng thuộc bài sau này của Tú-Xương :

Sông kia, giờ đã nên đồng,
Nơi làm nhà cửa, nơi trồng ngô khoai.
Nửa đêm tiếng ếch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò!

Ta thuộc và ta hay ngâm bài đó vì nó có một nhạc-điệu đầy âm-hưởng u-hoài. Song, nếu ta để ý một chút, ắt phải đánh dấu hỏi : nửa đêm còn ai gọi đò, mà nghe tiếng gọi đò can chi đến phải giật mình ? Ấy là bởi ta không biết rằng : sông Vị-Hoàng chảy ở gần nhà ông Tú, về thời ấy thỉnh-thoảng được dùng làm chỗ hò-hẹn của những nhà ái-quốc, hoặc từ Thanh-Nghệ ra, như nhóm

Phan Bội-Châu, hoặc từ Hà-nội Hưng-yên xuống như nhóm Nguyễn Thiện-Thuật. Những kỳ tụ-tập thường vào lúc đêm khuya, mà tất-nhiên là có mặt ông Tú, vì ông được tiếng là người có nhiệt-tâm. Mỗi khi ông Tú đến họp, lại cũng tất-nhiên có tiếng gọi đò để ông sang. Về sau, quãng sông này bị lấp đi, cuộc hội-họp phải thay địa-điểm. Vả lại thời-cục mỗi ngày một khó khăn, rồi ra cũng không gặp nhau được nữa, những người hội-họp khi trước đều bị bắt-bớ hoặc phải trốn-tránh dần mòn. Vì thế, hễ nghe tiếng ếch đêm khuya, ông Tú lại giật mình nhớ lại tiếng gọi đò khi trước. Cho nên câu thơ hoài-cổ trên kia, ngâm lên với một tâm-trạng ôn cố mới thấy thật là « vô hạn cảm-hoài ».

※

Một nhà nho, tài học uyên bác mà chỉ đỗ tú tài, sau vì sinh kế eo hẹp bất đắc dĩ phải xin đi làm thừa phái là bậc thấp nhất trong ngạch « *lại* ». Làm mà miễn-cưỡng thành ra không mẫn cán, vả lại sẵn cái tâm-trạng bất đắc-chí nên thường phát ra lời thơ không được từ-tốn. Có bài thơ :

Ông Thừa Tự Thuật

Ông là Thừa-phái Hoàng-nông
Ông ngồi ông nghĩ mình ông thật thừa
Người trong thế giới đã vừa
Cớ chi Trời lại lọc thừa ra ông
Mắt thừa ông chẳng buồn trông
Gặp gái má hồng ông liếc ông chơi
Tai thừa ông chẳng nghe ai
Thấy chuyện nực cười ông chỉ thoảng qua

Miệng thừa ông chẳng nói ra
Câu chuyện mặn mà ông nói đủ nghe
Tay thừa ông chẳng buôn phê
Săn dãu son nhòe ông vạch mực đen
Chân thừa ông chẳng buồn chen
Sẵn bước đường liền ông cứ ông đi
Bụng thừa ông chẳng buồn suy
Ông cứ gan lỳ, mà việc cũng xong!
Ông còn thừa cái chi không?

Đến đây nhà nho đâm cáu, đi vượt ra ngoài mức nhã-độ, xin mạn phép bạn đọc chép ra cho đủ nguyên văn và cũng để hiểu cái tai-vạ đã xảy đến cho tác-giả :

Ông còn thừa cái giãu trong đũng quần
Cô nào lịch-sự thanh tân
Hỏi rằng có thiếu, muốn mần ông cho!
Ngán cho cái bọn nhà nho
Mất tiền mất của đi lo Ông Thừa.

Chính vì mấy câu bông đùa *thiếu* với *thừa*, nên ông thừa sau này bị ông thiếu (1) bãi chức. Cho mới biết hoạn-trường không phải chỗ được đem *thừa* bì với *thiếu*!

※

Thời xưa, các cụ những lúc cao hứng, hay lui tới « *xóm chị em* » thường được gọi văn-vẻ là « *quán Sở lâu Tân* ».

Ả-đào là những người vì cảnh-ngộ xui nên mà phải làm cái nghề buôn phấn bán son. Nhiều cô lấy làm vạn bất-

(1) Ông thiêu trỏ thiêu-bảo Hoàng-Trọng-Phu

đắc-dĩ, là vì đã từng theo đòi bút nghiên, nên những lúc cảm-thương thân-thế, thường viết ra những vần ai-oán :

Chõn ca-lâu đèn dong một ngọn,
Đêm năm canh hao-tổn tinh-thần.
Ngủ ngày thức tối lu thân,
Biết đâu quán Sở lầu Tần thế-gian !
Thân như thể hoa tàn nhị rữa,
Bỏ bên đường làm của chơi chung.
Sang hèn có bạc thì xong,
Tha hồ vợ vợ chồng chồng chén son.
May gặp khách nha-môn quyền-quý,
Chẳng may ra, gặp kẻ ngu-hèn.
Tháng ngày ẻo-oẹ chè men,
Bẻ hành bẻ tỏi chi em đến điều...

Nhưng, khi gặp khách tri-âm, thì đến lúc chia tay có cô níu « anh » lại mà ngâm :

Anh về, em chẳng cho về,
Em níu vạt áo, em đề câu thơ...

Thơ rằng :

Ta chửa xa nhau đã nhớ nhau,
Nhớ nhau vì nỗi phải xa nhau.
Xa nhau chi để cho nhau nhớ,
Mà có xa nhau mới nhớ nhau !

※

Một cô đào khác cũng không kém tha-thiết. Cô đào từng quen thuộc với khách một đôi lần, sau bẵng đi một thời-gian khá lâu, khách lại trùng lai nhưng lần này giai-

nhân đã « *lần hôm mai đổi khác hình dung* », nên khách không nhận được ra ngay.

Cô nghẹn-ngào ngâm :

Bước ra một bước một dừng
Biết ai không nhớ, thà đừng nhớ ai !
Đắn-đo cân sắc cân tài
Nỗi mình mình nhớ, mặc ai quên mình...

⁂

Đôi khi có cô hoạt-bát lại hay pha màu chanh-chua trong sự chiều đãi.

Tú-Xương một buổi kia đến chơi, sáng ra về tìm ô không thấy, tuy bực mình mà cũng không nỡ nói nặng, chỉ tức-sự mấy câu :

Hôm qua, anh đến chơi đây,
Giầy, chân anh dận, ô, tay anh cầm. (1)
Rạng ngày vừa trống canh năm,
Anh dậy, em hãy còn nằm trơ-trơ.
Hỏi ô, ô mãi bao giờ,
Hỏi em, em cứ ậm-ờ, không thưa.
Nữa rồi rầy nắng mai mưa,
Lấy gì đi sớm về trưa với tình ?

Em liền trả lời ngay vừa cho xuôi chuyện vừa không quên cong-cớn :

---

(1) Có bản chép : *giầy dôn, ô tây,* là lầm vì những thứ ấy mới-mẻ quá không phải đồ dùng của nhà nho hồi đầu thế-kỷ. Đây tác-giả muốn nhấn mạnh đến sự mình nhớ rõ chân dận giầy tay cầm ô.

Chiếc ô là của mấy mươi?
Ngắn ngày xin chớ dài lời làm chi!
Nắng thì nắng cũng có khi,
Mưa thì mưa cũng có kỳ mà thôi.
Ví dù anh có thương tôi,
Thì xin anh cứ đội trời anh lên...
Hay là anh quyết bắt-đền,
Thì đây sẵn có cái đền... bằng ba!

#

Tú-Xương một đêm đi chơi phố với một bạn gái, bỗng gặp trời mưa, vội lấy vạt áo bông mình đương mặc, nâng lên che đầu cho bạn và ngâm :

Này ai có thấu cho không?
Đêm mưa một mảnh áo bông đội đầu...
Rồi ra ai *biết* ai *đâu,*
Áo bông ai *ướt, khăn đầu* ai *khô!*

Chưa chi đã kể công, anh chàng xem chừng chỉ những muốn bắt đền!

IV – tập kiều - vịnh kiều

Truyện Kiều, ai cũng phải phục là một áng văn bất-hủ. Có nhiều áng văn cũng vào hàng bất-hủ, mà không được phổ-biến sâu rộng trong quần-chúng như truyện Kiều, là bởi vì đâu ? Vì giá-trị của truyện Kiều không những ở trong câu văn óng-chuốt, ý-tứ hàm-súc, lại còn ở cái nhạc-điệu dịu-dàng êm-ái khiến dễ nhớ, dễ ngâm, dễ truyền-tụng ; và nhất là vì tâm-trạng con người được vẽ ra trong mọi cảnh-ngộ hỉ nộ ai lạc : ai gặp trường-hợp nào cũng có thể tìm được một câu Kiều vừa ý mà ngâm-ngợi, giãi-tỏ nỗi lòng.

Để tả những tâm-trạng phức-tạp mà một hai câu liền không đủ ngụ được hết ý, người ta đặt ra lối « *lấy Kiều* » hoặc « *tập Kiều* », nghĩa là lấy một câu *sáu* ở đoạn này ghép vào với câu *tám* cùng vần ở đoạn kia. Dùng lối này, có người đã mô tả được những sự-vật mà Nguyễn-Du không từng đề-cập đến, cả những sự-vật chưa có trong thời ông.

Chẳng hạn như :

Cái Ống Máng

Trên vì nước, dưới vì nhà,
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng !

Nhìn càng lã-chã giọt hồng,
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra...

Đèn Cầy

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Sâu tuôn đứt nối, châu sa vắn dài.
Một mình âm-ỷ canh chầy
Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi.

Diều Sáo

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời
Đinh-ninh hai miệng một lời song-song.

Xe Hơi

Thênh-thênh đường-cái thanh-vân,
Một xe trong cõi hồng-trần như bay!

Người Thông Manh

Tưởng bây giờ là bao giờ
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao
Trông theo nào thấy đâu nào
Mắt xanh chẳng để ai vào có không?

Chó Mực

Đêm ngày giữ mực giấu quanh
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời!

Mỹ-nhân Soi Gương

Một mình lặng ngắm bóng nga,
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng!

Ngập-ngừng thẹn lục e hồng
Hoa thơm phong nhị trăng vòng tròn gương.

Xe Đám Ma

Sắm-sanh nếp tử xe châu,
Song-song ngựa trước ngựa sau một đoàn.
Dựng cờ nổi trống lên đàng,
Họa là người dưới suối vàng biết cho!

Cái Trung-Tiện

Trông theo nào thấy đâu nào
Hương thừa nhường hãy ra vào đâu đây.

Hàng Vệ-Sinh

Cửa hàng buôn-bán cho may
Tắc riêng như cắt gánh đầy đổ đi

※

Hồi Đông-Kinh nghĩa-thục, có truyền tụng một bài tập Kiều nói lên nỗi lòng của kẻ vong quốc

Trời Tây Bảng Lảng

Trời Tây bảng-lảng bóng vàng
Bây giờ kim-mã ngọc đường với ai?
Cúi đầu nép xuống hiên mai,
Còn toan mở mặt với đời cho qua!
Trông người lại ngẫm đến ta
Làm ra con ở chủ nhà đôi nơi.
Người yêu ta xấu với người
Đỉnh chung hổ dễ ăn ngồi cho yên...

Phẩm tiên đã bén tay hèn
Làm cho bùn lại vẩn lên mấy lần.
Đục trong thân cũng là thân
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi
Tẻ vui âu cũng kiếp người
Công đeo-đẳng chẳng thiệt thòi lắm sao!
Thân lươn bao quản lấm đầu
Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi...
Phải điều ăn xổi ở thì
Sao cho thoát khỏi nữ nhi thường tình?
Lại còn dơ dáng dại hình
Khư-khư mình buộc lấy mình vào trong.
Làm cho dày tía vò hồng
Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê
Ra vào theo lũ thanh-y
Giải-dầu tóc rối da chì quản bao
Ăn làm sao nói làm sao
Quá ra khi đến thế nào mới hay?

※

Sau khi được tha, Phan Bội-Châu bị đưa về Huế, ở đây tuy ông được sống tự-do, nhưng nhà cầm quyền xét-nét hành-vi của ông rất gắt-gao, chỉ sợ ông liên-lạc với những người vận-động ân-xá, để thừa cơ dấy động phong-trào cách-mạng. Vả lại dư-luận trong nước tỏ ra thắc-mắc tự hỏi không biết ông có giữ trọn khí-tiết hay không.

Ông không biết làm thế nào hơn là gửi cho quốc-dân mấy câu tâm-sự mà cô Kiều buổi đầu ngỏ với chàng Kim :

Ví chăng xét tấm tình si
Thiệt ta mà có ích gì đến ai!

Vội chi liễu ép hoa nài
Còn thân ắt hẳn đền bồi có khi
Sinh rằng : từ thủa tương tri
Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non
Trăm năm tính cuộc vuông tròn
Phải dò cho đến ngọn nguồn ngách sông
Muôn đội ơn lòng...

※

Đến trào nhà Ngô, dân di-cư ở Bắc vào Nam tuy lao-đao về sinh-kế, mà vẫn còn tìm được thời-giờ lẩy Kiều :

Ngô-Trào

Trải qua một cuộc bể dâu,
Trông vời cố-quận biết đâu là nhà?
Khéo oan-gia, của phá gia
Này là em ruột, này là em dâu!
Cửa nhà dù tính về sau
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng-Sào!

※

Về lối « lẩy Kiều », ông bảng Mỗ là một trong những tay cự-phách. Ông vốn là người phóng-khoáng, vì phóng-khoáng nên hay thiếu tiền, có lần đi vay nợ tây-đen. Lệ vay phải có người ký bảo-đảm, mình không trả được thì chủ nợ cứ người bảo-đảm mà đòi. Đến hạn, ông bảng tất-nhiên không trả được, mà rủi thay, người bảo-đảm cũng không xoay ra tiền, cho nên việc phải đến đã đến : tây-đen đệ đơn kiện, xin câu-lưu ngay ông bảo-đảm là người có tóc. Tòa cứ theo luật mà lên án : ông bảo-đảm

ngồi tù. Ông bảng ân-hận lắm, nhưng biết sao bây giờ ? Chỉ còn có cách gửi vào đề-lao mấy câu Kiều lấy để an-ủi :

Tù Nợ

Tin tôi nên quá nghe lời,
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao !
Phép công chiếu án luận vào,
Ăn làm sao nói làm sao bây-giờ !
Chung-quanh lặng ngắt như tờ,
Tiếng oan dậy đất, án ngờ lòa mây...
Trông gương trong bãy-nhiêu ngày,
Khéo là mặt dạn mày dày khó coi...
Trăm điều ngang-ngửa vì tôi,
Còn thân, ắt hẳn đền-bồi có khi !

Mấy câu này, ông bảo-đảm ngâm-nga, chắc cũng lấy làm thú, nên đành ngồi trong bóng rợp ít lâu mà không nỡ trách bạn một lời : cho hay cái ma-lực của văn-chương !

※

Ông bảng Mỗ còn lấy nhiều vần kỳ-thú, tiếc rằng chúng tôi chỉ chép được vài câu. Có lần ông đi dự tiệc do một bạn cũ mời, bạn này mới đến trọng-nhậm chức tổng-đốc tỉnh Thanh nên tổ-chức một bữa rượu mừng.

Bạn vốn chân cử-nhân, lúc thiếu-thời có gia-nhập một đảng cách-mạng. Đi phiêu-lưu bên Tàu một dạo, ông từng làm ra bài « *Hồ-trường* » lâm-ly khẳng-khái, mà mỗi khi có tửu-hứng, nghệ-sĩ Trương-đình-Thi lại lấy dao bàu nhà ả-đào làm gươm, vừa múa vừa hét, bi-tráng như kẻ sĩ nước Yên nước Triệu khi xưa :

Hồ-Trường

Trượng phu đã không hay xé gan bẻ cột (1) *phù cương-thường,*

Sao lại tiêu-dao bốn-bể, luân-lạc tha-hương? (2)

Trời Nam nghìn dặm thẳm;

Mây nước một màu sương.

Học không thành, công chẳng lập,

Trai trẻ bao lăm mà đầu bạc; trăm năm thân-thế bóng tà dương.

Vỗ gươm mà hát, nghiêng bầu mà hỏi:

Trời đất mang mang, ai là tri-kỷ?

Lại đây cùng ta cạn một hồ-trường.

Hồ-trường! hồ-trường! ta biết rót về đâu?

---

(1) Xé gan bẻ cột: Chu-Vân làm quan thời Hán-Thành-Đế, một hôm tâu vua: «Nay các đại-thần, trên không phò chúa, dưới không giúp dân. Nếu được ban bảo kiếm, thần nguyện sẽ chém một kẻ nịnh-thần để răn chúng». Vua hỏi chém ai? Vân tâu: «An-Xương-Hầu Trương-Vũ». Vua nổi giận phán: «Kẻ tiểu-thần dám phạm thượng, tội chết không thể tha được». Ngự-sử cho bắt Vân. Vân trèo lên xà ngang cung-điện. Xà gẫy. Vân kêu: «Thần chỉ mong được xé gan như Tỉ-Can khi xưa là mãn-nguyện, nhưng không biết Thánh-triều rồi sẽ ra sao?»

Tả Tướng-quân Tân-Khánh-Kỵ, bỏ mão, rập đầu kêu xin cho Vân. Vua tha. Sau các quan đề-nghị thay cây xà gẫy. Vua phán đừng thay, chỉ cho sửa lại, để ghi nhớ hành-động quyết-liệt của người trung-thần.

Tác-giả tự dịch *chiết hạm* (gẫy xà) là bẻ cột, e không sát với điển. Các bản chép «bẻ cật» không hiểu theo điển nào.

(2) Có bản chép: *Hà tất tiêu dao...* Nguyên Hán văn: *Tiêu-dao tứ hải hồ vi thử hương?*

Rót về Đông-phương, nước bể Đông chầy xiết, sinh cuồng-lạn.

Rót về Tây-phương, mưa Tây-sơn từng trận chứa-chan ;

Rót về Bắc-phương, ngọn bắc-phong vi-vút, đá chạy cát dương ;

Rót về Nam-phương, trời Nam mù-mịt, có người quá chén như điên như cuồng.

Nào ai tỉnh, nào ai say ?

Chí ta ta biết lòng ta ta hay.

Nam nhi sự-nghiệp ở hồ-thỉ, hà tất cùng sầu đối cỏ cây !

Sau ít năm giang hồ ông về đầu-thú, phản thày là cụ Sào-Nam, tố giác bạn trong số đó có Đặng-văn-Phương tức Đặng-Đình-Thanh, người Cần-thơ từng du học ở Đông-Kinh, tại Đồng-văn thư-viện (ông nầy sau bị đầy Côn-đảo mang số tù 193) do đó ông cử-nhân cách-mạng được bổ làm quan, chẳng bao lâu đã lên đến chức tổng-đốc. Tiệc rượu họp toàn bạn cũ, thơ phú tất-nhiên là nhiều, song lúc ra về, ai cũng chỉ còn nhớ có mấy câu Kiều mà ông Bảng đã lấy :

Kẻ từ lạc bước bước ra
Một là đắc hiếu, hai là đắc trung
Giang-hồ quen thú vẫy-vùng
Rầy xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ?

Mấy câu « gọn thon-lỏn » này đã làm cho mặt chủ-nhân đương hồng-hào, bỗng thành ra xám ngắt !

※

Đối-chọi sao cho lại được lối « lấy Kiều » sắc-bén của ông bảng ! Ấy thế mà có lần một cô đào đã « lấy » được

cho ông phải « ứ hơi » ông bảng bữa kia qua chơi tỉnh Nam, lân-la quán Sở lầu Tần, gặp cô đào nọ là trang thanh-sắc. Nhân lúc cao-hứng ông ngỏ ý sẽ giúp cô một nghìn đồng làm vốn dọn nhà riêng, cho cô khỏi phải than thân là đương ở lúc *chân nâng*.

Sau khi ông trở về Hà-thành, cô đào quả-nhiên nhận được bưu-phiếu, nhưng trong bưu-phiếu chỉ ghi có con số 100 $! Bực mình, cô gửi trả lại bưu-phiếu, kèm hai câu :

Nghìn tầm, nhờ bóng tùng-quân,
Tiền trăm, lại cứ nguyên-ngân phát hoàn !

※

Trong một cuộc đỏ đen, một được một thua, bên thua thiếu lại tiền, bên được đòi mãi không trả, đến hơn một năm lẳng-nhẳng như thế, bên được gửi lại bên thua mấy câu :

Nợ Cờ-Bạc

Rằng ngày hôm nọ giao binh
Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây
Tháng tròn như cuội cung mây
Tưởng đông nghé mắt ngày ngày hằng trông
Trách lòng hờ hững với lòng
Đổi thay nhạn én đã hòng đầy niên
Nào hay chưa hết trần duyên !

Lạ thay, mấy câu này công hiệu hơn bao nhiêu thư hỏi, vì gửi đi là có tiền về ngay, lại có kèm theo mấy câu :

Trước sau cho vẹn một lời
Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau

Rằng trong ngọc đá vàng thau
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì ?

※

Một ông túng tiền — tình-trạng này xảy ra rất thường, nhất là cho những người đàng-hoàng xưa nay — đến nhờ bạn chạy cho một số, hẹn hai tháng sẽ trả. Chờ đến gần một năm, bạn cũng chẳng thấy hồi âm, bèn lẩn-mẩn tập mấy câu Kiều :

Nhớ lời hẹn những bao giờ
Đào đà phai thắm, sen vừa nẩy xanh
Xa-xôi ai có thấu tình
Chúa xuân để tội một mình cho hoa !

Để tội cho hoa phải trả nợ một mình, kể cũng oan-ức thật. Nhưng ư-ử ngâm mấy câu trên, bể oan nhường cũng vơi-vơi !

※

Một ông quan nguyên-quán ở phủ Kiến-Xương, sau nhiều năm lịch-lỵ các nơi lại được bổ về làm tri phủ ở phủ nhà. Nhân gặp lúc viên án-sát trong tỉnh đột-nhiên bị bệnh phải nghỉ khá lâu, tòa sứ bèn cử ông phủ Kiến này lên tỉnh quyền chức án-sát.

Ông phủ Kiến một mặt lên phó nhậm, một mặt nhờ người chạy-chọt cho được bổ án-sát thực-thụ. Chắc mẩm sẽ đạt tới mục-đích, nên khi rời phủ lên tỉnh, ông mới ra lệnh cho trống dong cờ mở, rồi *võng anh đi trước võng nàng theo sau,* rất là oai vệ.

Bất đồ đám rước nghênh-ngang qua tòa sứ, viên công-sứ hỏi ra sự-thể, thấy là quá lố, bụng nảy ngay ý muốn

cho viên quan rởm đời kia một bài học : xin với phủ thống-sứ bổ cấp-tốc một viên án-sát khác thay vào ông án cũ để ông phủ hết ngồi.

Thành ra ông phủ Kiến sau một tuần quyền chức án-sát, lại phải khăn gói trở về phủ Kiến, lần này thì tất-nhiên là... không kèn không trống.

Bấy giờ trong dân-chúng có thì-thào mấy câu tập Kiều :

Phủ Kiến

Dựng cờ nổi trống lên đường
Nở nang mày mặt, rỡ ràng mẹ cha
Trông xem đủ mặt một nhà
Quan trên trông xuống, người ta trông vào
Chém cha cái sõ má đào
Lòng người dẫu quyết, trời nào đã cho
Khéo mà dơ-ruốc bày trò
KIẾN trong miệng chén, có bò đi đâu !

※

Còn lối lấy Kiều lắt-léo, là lấy hai câu *iám* cắt đi mỗi câu một chữ sau cùng, làm thành câu-đối. Thí-dụ :

Dán Cửa Vườn

Dường gần rừng tía, dường xa bụi...
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng...

※

Xóm hồng-lâu, buổi tối nọ, xảy ra một tấn bi-hài-kịch : hai cha con chạm trán nhau. Vì chạm trán nhau mới biết rằng hai thế-hệ đã cùng chung một... quan điểm về thanh-

sắc. Hai thế-hệ, không biết làm thế nào để thoát-hiểm, và khỏi tổn-thương thể-diện, liền cùng quay lại quy lỗi cả cho giai-nhân.

Con mắng :

Dám đem trần-cấu dự vào bõ...

Bố cũng mắng :

Mượn mầu son-phấn đánh lừa con...

Câu đối trên đây, có lẽ không phải đương-sự đứng trước cảnh-ngộ mà làm thành, vì cuộc gặp gỡ này ít khi xảy ra ; chúng tôi ngờ là ai đó đã ngẫu-nhiên tìm ra được hai câu đối nhau, rồi bày đặt thành chuyện để cho có sự-kiện, có lý-lẽ chứng-minh câu đối. Vì chúng tôi thiết tưởng ai mà thật sự gặp phải trường-hợp khó xử như kia, thì *ba mươi sáu chước, chước nào là hơn !* Còn bụng dạ nào mà nghĩ làm câu đối cho chỉnh nữa !

Nhưng theo ông Hoàng-quảng-Đức, sự-kiện này đã có xảy ra thực : câu đối do khách bàng-quan làm, không phải do hai thế-hệ tự nghĩ lấy mà đối-đáp.

Hai câu đối có chép thêm như sau :

Chẳng hổ mình sao, dám đem trần-cấu dự vào bõ

Tuồng gì hoa thải, mượn màu son-phấn đánh lừa con.

Thật là nhất-khí, vì mỗi vế lấy ngay ở hai câu 6-8 liền nhau :

— Nghĩ mình chẳng hổ mình sao
Dám đem trần-cấu dự vào bõ-kinh.

— Tuồng gì hoa thải hương thừa
Mượn màu son-phấn đánh lừa con đen.

Song lấy thêm « *chẳng hổ mình sao* » và « *tuồng gì hoa thải* » thì được câu liễn thực, nhưng giá-trị câu đối sợ rằng kém đi vì « *mình sao* » đối với « *hoa thải* » không chỉnh. Tuy vậy chúng tôi cũng xin lục ra cho rộng phẩm-bình.

Dù sao, điều cốt-yếu trong chuyện này là nêu ra cái tài-tình của người đã lấy trong Kiều hai câu cắt đi cho đối nhau một cách ngộ-nghĩnh :

Dám đem trần-cấu dự vào bõ...
Mượn màu son-phấn đánh lừa con...

Còn thì sự-kiện đưa ra thực có hay không, văn do đương-sự làm hay người bàng-quan cấu-tạo, chỉ thuộc vào chi-tiết.

※

Dưới đây lại xin lục thêm một câu nữa cùng loại, do ông bạn Minh-Đạo sưu-tầm được.

Số là một ông có hai bà, bà lớn phải cái cả ghen (âu cũng sự thường). Nhưng ở đây có sự khác thường : ông chồng không chịu nổi sự ghen-tuông, đã tìm ra một lối thoát hiểm kỳ lạ, là xin đầu-quân làm lính thợ sang Pháp để chém diệt quân Đức, cho hả giận ! Thành ra tuy là được bà lớn hết ghen ngay, vì thiếu... đối-tượng, nhưng lại tội cho bà bé thiệt-thòi một cách tuyệt-vọng, cũng vì đối-tượng... thiếu.

Ít lâu sau, bà lớn nhuốm bệnh từ-trần. Bà bé một mình lo-liệu chu-tất. Một nhà nho thấy sự đối-xử của bà bé rất mực đường-hoàng, liền gửi tặng đôi câu đối :

Cùng một tiếng đồng,
chẳng nề u-hiển mới là chị...

Cách năm mây bạc,
tấm lòng nhi-nữ cũng siêu anh...

Nếu được đọc câu này, bà chị ở nơi u-minh ắt cũng nghĩ đến chút tình « *cùng trong một tiếng tơ đồng* » mà quên cái hờn trong cảnh ấy, và lại cảm-thông tấm lòng đãi-ngộ của bà em ; còn ở nơi « *cách năm mây bạc xa xa* », ông chồng tất phải siêu lòng, tính cho gấp cuộc trùng-phùng để an-ủi con người từng chịu thiệt trong hiu-quạnh.

Cùng một tiếng đồng đối *cách năm mây bạc* lại xuất sáo nữa : *một* với *năm* (là năm tháng), *đồng* với *bạc* (là trắng).

※

Về cách đối này, có hai câu hợp tình, hợp cảnh, đối thật chọi, là của một nhà nho

Dán Cửa Phòng Vợ Bé

Khi vào dùng-dắng, khi ra vội...
Nỗi đêm khép-mở, nỗi ngày riêng...

Thần-tình, là để nguyên câu trên « *Khi vào dùng-dắng khi ra vội-vàng* » thì chữ *vàng* thừa, mà để nguyên câu dưới « *Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng-chung* », chữ *chung* lại không đúng cảnh và làm mất hết ý-nghĩa « *yêu vụng dấu thầm* ». Dùng hai câu Kiều, cắt đi thành câu của mình, ám-hợp với tình-tiết và tâm-trạng riêng biệt, ít khi thành-công được như thế.

※

Lại có một lối tập Kiều công-phu nữa : câu *sáu* thì lấy ở câu *tám* cắt đi hai chữ cuối ; câu *tám*, dùng câu *sáu*

nối thêm hai chữ ở câu *tám* theo liền sau. Lối này chỉ thấy ông Vũ-khắc-Tiệp tập được bốn câu, mà có lẽ khắp trong truyện Kiều cũng duy có bốn câu có thể ghép theo thể này, và thích-hợp với một đầu đề như sau :

Đề Ảnh Cô Đầm

Hoa-quan phăp-phới, hà-y...
Nổi danh tài-sắc một thì... xôn-xao !
Mà cho thiên-hạ trông vào...
Bấy lâu nghe tiếng má đào... mắt xanh !

Phải là đầm thì mới có *hoa quan phăp-phới* và *má đào mắt xanh,* nhưng không biết đã có cô đầm nào lấy « mắt xanh » mà đến lại cái công tập Kiều của ông Vũ chưa ?

Hay là ông cũng đã phải ngâm với Tản-Đà

Đời không tri-kỷ ai xanh mắt ?
Khách chẳng công-danh cũng bạc đầu !

※

Những chữ dùng trong truyện Kiều đôi khi còn được khoác cho một nghĩa riêng biệt để phù-hợp với một cảnh ngộ khác thường.

Một anh học-trò quanh năm ở tỉnh, nhân ngày xuân cao-hứng về vùng quê chơi.

Đi qua một bãi cỏ, thấy mấy cô thôn-nữ chăn bò đương cười đùa vui-vẻ, anh ta liền sấn đến định kiếm chuyện làm quen.

Một cô trong bọn lên tiếng ngay :

Trông chừng thấy một văn-nhân...

Rồi cô bỏ lửng. Anh học-trò hí-hửng, vuốt vạt áo the đứng ngóng nghe câu tiếp theo. Chợt một cô khác cất giọng :

... Mày râu nhẵn-nhụi áo quần bảnh-bao.

Những tưởng mình được là Kim-Trọng, đã tấp-tểnh, không ngờ lại bị coi là Mã-giám-sinh, anh học-trò vừa thẹn vừa tức. Nhưng thấy các cô ngâm Kiều, mà truyện Kiều lại là món sở-trường của mình xưa nay, anh ta chắc mẩm sẽ áp-đảo được các cô, liền lên mặt hợm-hĩnh hỏi dăm-dẳn :

— Chắc các cô thuộc truyện Kiều nhiều lắm đấy nhỉ !

Một cô nhanh-nhẩu nói :

-- Chúng em quê-mùa ngu-dốt đâu dám khoe tài. Anh chắc giỏi Kiều lắm nên mới hỏi thế chứ gì ! Vậy nhờ anh đọc một câu Kiều bảo con bò đang đi chỗ kia hãy đứng lại xem nào !

Anh học-trò chột dạ, tự nhủ :

— Chết chửa, mình có dùng Kiều để điều-khiển bò bao giờ đâu ?

Nhưng rồi cũng đánh liều đọc :

Tần-ngần đứng *suốt giờ lâu,*
Dạo quanh chợt thấy mái sau có nhà.

Anh ta cố ý đọc to chữ *đứng* để xem bò có đứng lại không. Song bò vẫn lững-thững bước một. Các cô cười ầm. Tưởng con bò chưa nghe rõ, anh lại đọc một câu khác :

Trong vòng tên đạn bời bời,
Thấy Từ còn đứng *giữa trời trơ trơ.*

Anh thét to chữ *đứng*. Con bò vẫn tiếp tục đi. Một cô liền nói :

— Thôi, anh chả bảo nó được đâu, để em bảo dùm cho.

Đoạn, cô ngâm :

Họ *Chung có kẻ lại già,*
Cũng trong nha dịch lại là từ tâm.

Cô đọc to và kéo dài tiếng *họ*, quả nhiên con bò đứng lại ngay. Kế đó một cô thách :

— Bây giờ lại đố anh bảo được con bò đi rẽ sang bên phải đấy ?

Anh chàng muốn gỡ thẹn, liền đọc luôn :

Nàng rằng phận gái chữ tòng,
Chàng đi *thiếp cũng một lòng xin* đi.

Anh nhấn mạnh cả hai tiếng *đi*, con bò đi thật, nhưng lại đủng-đỉnh đi thẳng chứ không rẽ sang bên phải. Anh chạy theo đọc lại lần nữa, nó cũng chẳng nghe cho. Chợt nhớ ra một câu khác, tin chắc lần này thế nào cũng có kết-quả, anh dõng-dạc ngâm :

Dẽ *cho để thiếp bán mình chuộc cha*

Anh kéo dài tiếng *dẽ*. Con bò vẫn chậm-rãi đi thẳng đường. Các cô ôm bụng cười. Anh chàng tiu-nghỉu, mặt chín rừ. Bấy giờ một cô trong bọn mới đọc :

Một vùng cỏ mọc xanh rì,
Nước ngâm trong vắt *thấy gì nữa đâu.*

Cô nhấn mạnh tiếng *vắt*, quả nhiên con bò ngoan-ngoãn rẽ ngay sang phải (1).

※

(1) Họ, vắt : tiếng vùng quê dùng để bảo trâu bò. Họ là đứng lại, vắt là rẽ sang bên phải.

Xưa, có một cô thiếu-nữ ăn nói bạt-thiệp, mở quán nước bên đường để kén chồng. Các cậu cống anh đồ nghe tin kéo đến rất đông, ai cũng muốn khoe tài để mong được người đẹp chú ý ; nhưng đã bao ngày vẫn chưa có ai địch lại được mồm mép đanh-đá của giai-nhân.

Nghề đời vỏ quýt dày tất có ngày gặp móng tay nhọn.

Một hôm, một nho-sinh vào quán nghỉ chân. Cô gái quen như mọi lần, lại giở cái giọng « đàn chị » ra để trêu chọc, nhưng anh chàng đối-đáp không kém phần cứng-cỏi. Cuối cùng, cô bèn đọc một câu :

Khen cho con... *mắt tinh đời !*

Anh-hùng đoán giữa trần ai mới già.

Cô nhấn mạnh ba tiếng *khen cho con*, nghỉ một lát rồi mới đọc nối ba tiếng sau, thành câu thơ có nghĩa : « Khen cho con đấy, con ạ ! » Nho-sinh hiểu ý, bèn « *tương kẽ tựu kẽ* », đọc ngay một câu cũng trong Kiều :

Vả *bây giờ... mới thấy đây,*

Mà lòng đã chắc những ngày mội hai.

Lúc đọc anh ta dằn mạnh ba tiếng *vả bây giờ*, cũng nghỉ một tí mới đọc tiếp ba tiếng sau, câu thơ lại có nghĩa là : Hỗn với tôi thì tôi vả cho bây giờ ! »

Thấy nho-sinh trả lời hóm hỉnh như vậy, cô gái vừa phục vừa thẹn, mặt đỏ ửng lên, và lặng thinh ngồi mân-mê tà áo...

※

Hương-Sơn cư-sĩ là bút hiệu ông Nguyễn-Danh-Khanh, một nhà túc nho người xã Hương-Ngải, huyện

Thạch-Thất, tỉnh Sơn-Tây, sinh vào quãng giữa thế-kỷ trước. Sự-nghiệp văn-chương của ông phần lớn là chú-trọng về truyện Kiều : ông đã đề-cập đến hồ hết những nhân vật trong truyện bằng những lời thơ phong-lưu tao-nhã, đem toàn chữ sẵn ứng-dụng vào thơ, vừa xác-đáng, vừa tinh-công ; lại cũng thêm-thắt những ý-kiến riêng làm bật lên nhiều khía-cạnh mà ít ai để ý tới, đủ thấy rằng ông đã thấm-nhuần rất nhiều tinh-hoa của Nguyễn-Du.

Kim Kiều

Gặp-gỡ nhau từ hội Đạp-Thanh,
Lân-la vừa chắp mối tơ-tình :
Kẻ về tang chú nên xa mặt,
Người chuộc oan cha phải bán mình.
Đàn hạc sầu riêng nơi gác tía,
Cờ hoa vui gượng chốn lầu xanh.
Còn trời, may hãy còn duyên nhỉ ?
Này chiếc gương loan vỡ lại lành.

Tài-tử với giai-nhân những tưởng xây nên mộng đẹp, có ngờ đâu sau này Kim thì *đàn hạc sầu riêng nơi gác tía,* Kiều lại *cờ hoa vui gượng chốn lầu xanh,* mười lăm năm cách-trở sơn-khê, cuộc đời kể biết bao gian-khổ. Nhưng nếu không có những thử-thách ấy, tình đôi lứa đâu có thành giai-thoại !

Thúy Kiều

Cũng đừng trách lẫn mệnh *ghen* tài,
Vì mối tơ tình buộc lại thôi.
Mộ cỏ, thương hoài con đĩ rạc !
Bóng hoa, mê tít cậu đồ choai !

Duyên đâu dắt lại lòng dan-díu,
Oan nọ xui nên bước lạc-loài!
Giữ ngọc, dìn vàng ai dặn đó?
Mảnh tình đà sẻ khắp ai ai...

Đà sẻ khắp ai ai, lòng kia đâu có muốn, chẳng qua cảnh-ngộ xui ra... Vì thế :

Như Kiều nên trọng lại nên thương,
Nợ trước duyên sau đã nhẹ-nhàng.
Chữ mệnh chữ tài thôi xóa tất,
Nghìn thu chữ hiếu đủ làm gương.

※

Kim Trọng

Trạng-mạo thiên-tư thế, thế mà...
Văn-nhân sao học tính trăng-hoa?
Chỉ quen phong-nhã nghề chim gái,
Chẳng giữ trâm-anh cái thói nhà!
Án bút, phòng văn thường lạnh ngắt,
Túi đàn cặp sách khéo lân-la.
Trông hiên Lâm-Thúy tròn hai tháng,
Bắt được trên đào một chiếc thoa...

Lời trách hơi thiên, vì sau đó Kim cũng có học, có thi, có đỗ, có làm quan, không hẳn chỉ là một tay « công-tử bột ». Vả lại, tính tình trọng-hậu thủy-chung, cũng đáng được hưởng một cuộc tái-hợp gần như không còn mong nữa. *Nghề chim gái* đối *cái thói nhà* không chỉnh.

※

Thúy Vân

Tình chị, thôi em đã hiểu rồi ;
Giả vờ mà hỏi thử nhau chơi !
Tơ duyên, nếu chắp người hôm nọ,
Không lạy, thì em cũng chịu lời !

Ngay từ lúc *hai Kiều e-lệ nép vào dưới hoa,* lòng em hẳn cũng đã như lòng chị, còn cần gì mà phải : *cậy em, em có chịu lời, ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa...*

※

Đạm Tiên

Tài, sắc nhường bao hỡi chị đào ?
Nửa chừng vội dứt nợ phong-lưu !
Tỳ-Bà nhớ khúc Tầm-Dương đó,
Nên chẳng cho ai thấy bạc đầu.

Kỵ-binh phải chết vào giữa lúc tuổi ba mươi : lời Nã-phá-Luân cũng na-ná như câu : *Mỹ-nhân tự cổ như danh-tướng, bất hứa nhân-gian kiến bạch đầu.* Có chết trẻ như thế mới để thương để tiếc, chứ lại sống dai-dẳng mãi như gái Tầm-Dương : *Năm năm lần-lữa vui cười, Mải trăng huê, chẳng đoái-hoài xuân-thu. Buồn em trẩy, lại lo dì thác, Lần hôm mai đổi khác hình dong,* thì bấy giờ : *Cửa ngoài, xe ngựa vắng không,* là phải lắm rồi, đời không còn gì đáng kể nữa.

※

Thằng Bán Tơ

Dắt mối oan-khiên khéo ỡm-ờ !
Lôi-thôi chi thế chú hàng tơ ?

Dật dàm buộc lại nên vương-vít,
Thêu truyện quần-thoa mãi đến giờ.

Thằng bán tơ đem tai-vạ đến cho gia-đình Kiều, mà không ai rõ vì đâu nên nỗi. Năm trước Mân-châu đã thử tìm ra một lý-do cho việc tiêu-xưng này :

Có lẽ chim Kiều, Kiều không chim,
Căm kia chôn ở góc buồng tim !

⁂

Mã-Kiều

Hết mẹo gian-tham đến thực-thà,
Lầu xanh lại có Mã-Kiều ra.
Chịu cung, mượn lấy người đoan-lĩnh :
Ấy cũng mưu-mô mụ Tú-bà !

Lớp trò cung-chiêu và bảo-lĩnh để buộc Kiều-nhi *tấm lòng trinh-bạch xin chừa,* rất có thể là do Tú-bà xếp đặt : *lạ gì một cốt một đồng...*

⁂

Chung Công

Thương nỗi Vương-ông mắc tụng đình,
Túi tham đã vét sạch sành sanh.
Ba trăm lạng bạc trong ba bữa,
Nên nỗi Kiều-nương phải bán mình.

Ngòi bút, con dao, cụ lại già
Thay đen đổi trắng : khó chi mà !
Tình oan, nẹt đủ ba trăm lạng...
Sẵn mối từ-tâm cụ thế a ?

Chung-công thương tình mới lo-liệu cho được lẹ-làng như thế. Nếu không thương thì có lẽ cả Vân nữa cũng phải bán mình, họa chăng mới thỏa-mãn được yêu-sách.

Cụ lại già dùng bút như dao đã đành, nhưng lại vừa khôn vừa khéo : tiền thì ních đủ, ơn vẫn hoàn ơn. Chả thế mà về sau Vương-Quan, khi thành danh rồi, lại đến xin làm rể, để... minh-tạ ! Cái hành-vi ngớ-ngẩn của chàng Vương đã khiến Hương-Sơn phải lên tiếng :

Vương-Quan

Nỗi dòng kinh-sử, nghiệp nho-gia,
Oanh-yến ngày xuân cũng thướt-tha !
Bầu-bạn khéo làm mê cả chị
Oan-khiên chưa biết gỡ cho cha...
Trời còn nuông phúc nhà viên-ngoại
Vua cũng thương tài hội chế-khoa.
Truyện cũ nhớ chi ân-nghĩa hão ?
Châu-Trần kết với bọn sai-nha !

Oan-khiên chưa biết gỡ cho cha, lời trách thực đúng : không những không biết gỡ, lại còn chẳng dự một phần nào trong việc cứu chữa cơn gia-biến. Bảo rằng cậu còn nhỏ tuổi ư ? Thì cậu đâu phải là trẻ nít : cậu đã biết cả « *Khách viễn-phương xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi* » kia mà ! Song *bàu bạn khéo làm mê cả chị,* thì nghĩ cũng oan : Kim-Trọng nhê Kiều hay ngược lại, là chuyện của hai người, cậu ta có ngờ chi đến.

※

Thày Tướng

Biết Kiều bạc-mệnh vị tài-hoa,
Pháp tướng tiên-sinh đoán đã già!
Ý hẳn xem Kiều khi nhỏ dại
Nên thầy mới ngắm được ngoài da.

Nói trắng ra là *nhớ từ năm hãy thơ-ngây,* thầy sở-dĩ đoán được dễ-dàng là vì bấy giờ quần-áo may ngắn-ngủn để phòng những lúc *anh hoa phát tiết ra ngoài!*

※

Tú Bà

Nhác trông nhờn-nhợt cái mầu da,
Trùm đám lâu xanh đấy hỡi bà?
Mày trắng một thân thờ trước án,
Môi son dăm chị nghiệp trong nhà.
Kiếm ăn no đủ nghề son-phấn,
Buôn-bán rành quen sự nguyệt-hoa.
Sao cũng chiêu danh là mụ Tú?
Khéo làm ô-uế tiếng nho khoa!

Hai câu kết ít ai nghĩ đến *bà Tú* danh-giá bao nhiêu thì *Tú-bà* lại càng đáng khinh bấy nhiêu. Sự gặp-gỡ hai chữ « *tú* » tình-cờ mà cũng trớ-trêu thay!

※

Quan Lôi-Châu

Án tơ chưa chắc có hay không?
Nhờ lượng đèn trời bóng chí-công
Bạc có ba trăm không tội lệ!
Cho hay mặt sắt cũng hơi đồng!

Chỗ này nên nhắc lại câu thơ Yên-Đổ : *Có tiền việc ấy mà xong nhỉ. Thủa trước làm quan cũng thế a?* Cho biết không phải chỉ quan Lôi-Châu mới *mặt sắt bén hơi đồng,* mà từ thủa nào đến giờ cái hiện-tượng của sự cảm-ứng « *đồng khí tương cầu* » vốn là sẵn có... (1)

Quan Lâm-Chi

Thực rằng hai miệng khéo phân-vân,
Thét mắng lôi-đình đập bụi sân.
Chàng Thúc kêu oan tai đã lọt,
Khen ngay tài-tử với giai-nhân!

Thét mắng đùng-đùng, rồi lại cho đàn-địch tiễn đưa về nhà. Vì cảm-tình văn-nghệ mà bỏ cả vấn-đề pháp-lý, ông Lâm-Chi đúng là một viên quan tài-tử !

※

Thúc Sinh

Sớm đào, tối mận, những lân-la,
Nhát thế, còn hay sự nguyệt-hoa!
Giọt lệ thương ai, vờ khóc mẹ
Lòng si mê gái chẳng kinh cha!
Kẻ xuôi ngơ-ngẩn trông người ngược,
Con ở bâng-khuâng thẹn chủ nhà.
Đã vững tay co, tay lại bó!
Trăm điều thôi chớ chắc vào ta...

Lúc mê gái thì cha cũng chẳng sợ, nhưng lúc sợ vợ thì thương gái lại đổ ngay rằng thương mẹ... cho đỡ đòn ! Coi vậy, mẹ cha không bằng vợ cả, cũng không bằng cả

(1) Đồng khí tương cầu : cùng loài tìm nhau.

vợ lẽ. Là bởi vợ còn hơn trời. Yên-Đổ đã giải nghĩa : *Cớ sao vợ lại hơn trời nhỉ? Vợ chỉ hơn trời có cái trai!*

Cái thân sợ vợ thế thì thôi!
Sợ một, ai ngờ sợ cả đôi.
Miệng đắng bồ-hòn khi rượu chuốc,
Mặt xanh chàm đổ lúc gươm đòi.
Trước hàm sư-tử đàn chia khúc,
Ngoài cửa viên-môn trống nửa hồi.
Kẻ cắp, bà già, người mỗi ngả,
Bõc rời từ đấy hết mua vui...

Sợ Hoạn, sợ cả Kiều. Sợ Hoạn nhưng vẫn thương, sợ Kiều mà vẫn mừng thầm cho Kiều gặp được người hơn mình : cái tâm-trạng khách mày râu như thế nghĩ đáng thương mà cũng... đáng mến.

*

Hoạn Thư

Vốn dòng họ Hoạn, nếp cung-trang,
Rất mực khôn-ngoan, nói dịu-dàng.
Khuôn-phép thực nòi quan lại-bộ.
Tình-duyên sớm kết bạn thư-hương.
Trăng hoa, bởi vị ai đen-bạc,
Giông-tố sui nên thiếp phũ-phàng.
Lượng cả sẵn lòng dung kẻ dưới,
Kể chi khánh bạc với chuông vàng!

Ở ăn thì nết cũng hay, ghen tuông thì thói cũng thường, nhưng biết điều khinh-trọng, biết lẽ phải chăng, đàn bà như Hoạn-Thư, ghét dù đáng ghét mà khen cũng nên khen.

Hoạn Phu-Nhân

Hoạn-Thư ràng-buộc có già tay,
Cũng tại phu-nhân mách kẽ hay.
Gia-pháp nhà quan đâu lại thế,
Chiều con đến nỗi đánh ghen thay!...

Hoạn phu-nhân mới thật là người đáng ghét. Không trách trong gia-đình Tây-phương, bà mẹ vợ tượng-trưng cho sự cay-đắng chịu-đựng của anh chàng rể.

※

Hồ Tôn-Hiến

Bát-tiễu ra tay giúp nghiệp vương,
Kéo cờ chiêu-phủ, chẳng tranh cường.
Hai tên thể-nữ đưa vàng lại,
Mười vạn tinh-binh bó dáo hàng.
Trước lễ, sau quân, vừa xếp-đặt,
Trong hào, ngoài lũy, phút tan-hoang.
Sóng êm kình-ngạc miền Đông-hải,
Thực đã nên công chốn miếu-đường.

Đã hay thành toán miếu-đường, giúp công cũng có lời nàng mới nên! kẽ mỹ-nhân xưa nay vẫn dễ thành-công, nhưng bao giờ cũng vẫn chỉ là hạ-sách, cho nên :

Kinh-luân gì đấy chước chiêu-an?
Tuy được công thành cũng chước gian.
Chụp kẻ hàng-thần khi bó giáp,
Gạ người oan-phụ lúc buông màn.
Lòng son đã mải năm canh rượu,

Mặt sắt hồ ngây mấy nhịp đàn.
Phương-diện quốc-gia, thôi vẫn tiếc,
Thổ-quan thừa-huệ của triều-quan!

※

Hương-sơn cư-sĩ vốn tính phóng-khoáng, hay la-cà quán Sở lâu Tân nên vào khoảng 1925, ông gần bảy chục mà nợ phong-hoa còn chưa dứt.

Các cô đào trẻ thường gọi đùa ông là *bố* để ông khỏi nghịch-ngợm đòi-hỏi. Có lần nghe tiếng « bố », ông bực mình đọc cho các cô đôi câu đối tập Kiều :

Còn Nói Chi Con

Thôi còn nói chi con, nắng giữ mưa dìn thêm tức nỗi!
Đã cho vào bậc bố, quạt nồng ấp lạnh phải đền ơn!

Chết rồi, phải đền ơn thì nguy quá, vì còn đâu *phái phủa phương phì*, các cô vội-vàng tay nào tay nấy thu ngay vào bọc để « nắng giữ mưa dìn ».

※

Ông Nguyễn-sĩ-Giác có hai bài vịnh nhân-vật truyện Kiều, lời thơ thật khám phá.

I

Từ-Hải

Nhờ có Phù Tang giúp chiến công,
Năm tòa hùng-cứ một miền đông.
Cơ-đồ tính cuộc chưa xây vững
Ân-oán vì ai phải trả xong?
Xiêm-áo những mong ngôi tước quí,

Cà-sa còn nhớ cửa thiền không?
Trượng phu vì kém tài vương bá,
Há phải thành nghiêng bởi má hồng.

Theo trong Minh-sử thì Từ-Hải vốn là một anh sư hổ-mang, sở-dĩ quấy rối được miền bể Trung-Hoa là nhờ có sự viện-trợ của Nhật-Bản.

Nhật-Bản từ xưa vẫn có ý xâm-lăng phía nam Trung-Hoa, đến đời Thanh chiếm-cứ được Đài-Loan.

Trượng-phu vì kém tài vương bá, cho nên mới chết đứng, chết đứng vì ngạc-nhiên hơn là vì súng đạn, nhưng cũng chỉ ngạc-nhiên một phút rồi *liền ngã ra*; không ngã ra lúc ấy, ắt sau đó *trong quân mở tiệc hạ-công* mà Hô-tôn *bắt nàng thị yến dưới màn,* thì dù *trơ như đá vững như đồng* cũng đến phải ngã rạp. Tản-Đà đã hỏi:

« Sè-sè nấm đất bên sông nọ
« Hồn có nghe chăng mấy ngón đàn! »

II

Thúc-Sinh

Hào hứng trăm ngàn một trận cười,
Chung tình nào phải giống trên đời!
Ngẫm khi tiệc rượu đành rơi lệ,
Mà lúc yêu hoa chỉ bốc rời...
Đủ bộ mày râu nên rề quí,
Gọi là nghiên bút, cũng thơ chơi!
Bình khang, vì mảnh tình son phấn,
Tãn kịch Tài-nhân ghé một vai...

« Gọi là nghiên-bút cũng thơ chơi », Thúc-Sinh quả là một anh cái gì cũng chỉ *« gọi là »*: chơi *gọi là*, học *gọi là*.

buôn *gọi là,* yêu *gọi là,* sợ cha *gọi là,* sợ tòa án *gọi là,* đóng một vai trong truyện cũng *gọi là !*

Chỉ có sợ vợ là thật-sự !

Ấy thế mà rồi sau này lại *gầm trăm cuốn bạc nghìn cân,* và *giữ-giàng họ Thúc một nhà cho yên,* âu cũng là số cả !

※

Một nhà nho đã vịnh Kiều để nhạo một quan đốc-học.

Quan đốc nguyên là tay tiến-sĩ xuất-thân, có tiếng hay chữ đến nỗi Tú-Xương phải *« xem văn mà gớm cho văn mãi ! »*. Vả lại hành-vi của quan không lấy gì làm khuôn-mẫu lắm, nên sĩ-phu thường chế-nhạo.

Một năm gần Tết, một nhà nho giả là học-trò nghèo đến xin tiền. Biết quan thường hay ngâm Kiều, nhà nho lập tâm sẵn, khi vào quả nhiên quan đốc nói

— Anh là học-trò, thì thử làm bài vịnh Thúy-Kiều, hay ta sẽ thưởng.

Nhà nho dạ dạ, xin giấy bút, chậm-rãi viết tám câu :

Thân-Thế Kiều

Khóa cửa buồng xuân luống đợi chờ
Mà em mãt nết tự bao-giờ !
Chàng Kim mê gái công đeo-đuổi,
Viên-ngoại chiều con chết ngất-ngơ...
Nợ trước hẹn-hò con-đĩ Đạm,
Duyên sau gặp-gỡ bõ-cu Từ.
Mười-lăm năm ấy bao-nhiêu sướng,
Còn oán làm chi đứa bán tơ !

Đọc trong bài, thấy nêu cả tên lẫn họ mình ra, quan đốc hối-hả gọi người lấy tiền tặng nhà nho, rồi quay lưng trở vào, không buồn đáp lại tiếng chào cung-kính của anh học-trò xấc-láo...

Ít ra quan đốc này cũng là người biết phục-thiện và có bụng lân-tài đấy chứ !

Vả lại dù muốn lập-nghiêm đem thơ ra mà bắt-bẻ, quan cũng không bẻ vào đâu được, vì những chữ hốn-xược đều được dùng hợp-lý hợp-tình, và lại sát với đầu-đề.

※

Có nhà nho lại dùng thân-thế cô Kiều để ngụ ý chỉ-trích một vài nhân-vật có liên-quan đến thời cục. Tức như bài của Tùng-Lâm làm năm 1948 :

Kiếp Hoa-Nô

Từ thủa tơ-duyên lỡ phận bồ,
Cửa người cam chịu kiếp hoa-nô !
Dặm nghìn rừng tía vừa ra khỏi,
Lối cũ lầu xanh lại bước vô...
Đã trót lỗi thề cùng chú Hải,
Lại thêm sượng mặt với anh Hồ.
Lộn chồng trõn chúa, con người ấy,
Vì nước, vì dân, ở chỗ mô ?

※

Ở trên là những thơ vịnh nhân-vật truyện Kiều. Còn để vịnh tổng-quát, xin lục năm bài của Huỳnh-Thúc-Kháng.

Năm bài bỏ qua hẳn phương-diện văn-chương và tâm-lý, chỉ chú-trọng vào đạo-đức, nên lập-luận thiên-lệch, lời lẽ quá độ. Ông Huỳnh viết ra chỉ cốt bênh-vực Ngô-đức-Kế, người đã đả-kích phái sùng-bái truyện Kiều bằng một bài xã-thuyết « *Chính học với tà thuyết* » lời tuy đanh-thép, nhưng ý thật cố-chấp hẹp-hòi.

Cuộc bút-chiến này nếu có đem chút thắng-lợi nào cho Ngô và Huỳnh, ấy là nhờ riêng về cá-nhân và quá-khứ của hai ông, chứ thành-thực mà nói, chủ-trương trên ít có ai hưởng-ứng.

Phong-trào Sùng-bái Kiều

Á cũ qua rồi mới chửa Âu
Học Kiều xúm-xít bọn mày râu.
Đã mang thân thế nương nhà thổ,
Còn trách cha ông vụng kiếp tu!
Một khúc đoạn-trường khêu lửa dục,
Mấy dây bạc mạng chác hơi sầu.
Biết chăng hỡi cụ Tiên-Điền nhỉ,
Muôn ác tà dâm ấy sự đâu!

Muôn ác tà dâm ấy sự đâu.
Tình đâu đâu mà hiếu đâu đâu!
Theo trai gác xó lời cha mẹ,
Làm đĩ đành thân tiếng ngựa trâu.
Nghiêng nước trận cười gương mấy kiếp
Đắm người bể sắc tội nghìn thu.
Tiên-Điền cụ nghĩ mua vui vậy,
Biết nỗi người sau dại thế ru...

Biết nỗi người sau dại thế ru,
Phong-trần đưa giọng chuyện phong-lưu
Vẩn-vơ người ấy phường trăng gió,
Đau-đớn lòng ai cuộc bể dâu
Nòi-giống khôn thiêng dân một nước,
Anh-hùng nhiều ít tiếng năm châu :
Tiên-Điền cụ có hay chưa nhỉ,
Sách dạy ngày nay đi đứng đâu.

Sách dạy ngày nay đi đứng đâu
Xúm nhau sùng-bái gái bên Tàu.
Cột đồng Mã-Viện xô chưa đổ
Sóng ác Kiều-nương đắm lại sâu,
Ô điểm ngàn năm nhơ lịch-sử
Báo chương phân nửa chuyện thanh-lâu
Ai ơi, gọi cụ Tiên-Điền dậy,
Đừng để non sông chịu tiếng vu.

Đừng để non sông chịu tiếng vu,
Phật nhà không lạy, lạy người Tàu
Trưng-Vương đền cũ mùi hương lạnh,
Triệu-Ẩu bia còn nét chữ lu.
Thiện chẳng thấy bày, bày những ác,
Ơn kia không biết, biết chi cừu.
Tiên-Điền cụ biết thời nay nhỉ :
Á cũ qua rồi mới chửa Âu !

#

Xưa có một cuộc thi thơ nổi tiếng, vì người tham-dự đều là danh-sĩ và trường-hợp chấm thi có những tình-tiết éo-le.

Ấy là cuộc thi thơ Đường-luật « Kim Vân-Kiều thập vịnh » do Khâm-sai Lê Hoan đề xướng ra khoảng đầu thế-kỷ khi y giữ chức tuần-phủ tỉnh Hưng-yên.

Vì dẹp các cuộc đề-kháng của văn-thân, Lê Hoan chém diết đã nhiều, khiến cho chỉ nghe tên y dân-chúng cũng đã ghê-tởm, nên khi mọi việc tạm yên, Lê có ý mượn cuộc thi văn-nghệ này để thiên-hạ có dịp quên bớt những hành-động của mình, và cho không-khí bớt nặng-nề. Muốn có uy-tín với làng nho, y đặt Tam-nguyên Yên-đổ làm chủ-khảo.

Dự thi là những tay danh-sĩ tỉnh Hưng-yên như Chu Thấp-Hi, Phan Mạnh-Danh, Chu Mạnh-Trinh... Yên-đổ phải chấm cho Chu Mạnh-Trinh được nhất, vì bấy giờ ông chức lớn hơn cả đám : ông đang ngồi án-sát Hưng-yên, tức là chức thứ nhì trong tỉnh, sau Lê-Hoan.

Chấm cho lấy nhất nhưng Yên-đổ cũng không dằn được mà không chê hai câu thực trong bài vịnh Sở-Khanh :

Làng nho, người cũng coi ra vẻ,
Bợm xỏ, ai ngờ mắc phải tay

Hai câu này, Yên-Đổ phê :

Rằng hay thì thật là hay,
« Nho » đối với « xỏ », lão này không ưng !

Bấy giờ Yên-đổ đã cáo quan về ẩn, và đôi mắt lại lòa, không muốn dính-dáng đến việc đời, nhưng thế không từ

chối được, nên phải nhận việc chấm thi này, song cũng nhân dịp mượn truyện Kiều mà tỏ ý mình :

Thằng Bán Tơ Kia

Thằng bán tơ kia giở-rói ra
Để cho bận đến cụ Viên già.
Muôn êm phải biện ba trăm lạng
Khéo xếp nên liều một chiếc thoa!
Đón khách mượn màu son phấn mụ,
Đem thân chuộc lấy tội tình cha
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ
Thủa trước làm quan cũng thế a?

Bài này rõ-ràng là không cốt để vịnh Kiều : không có chủ-trương rành-mạch về hiếu hay tình, tài hay mệnh. Vả lại câu *có tiền việc ấy mà xong nhỉ* làm cho ta phải nghĩ *việc ấy* tất là việc khó khăn tày trời nên mới nói *mà xong,* chứ đâu có phải chỉ *bận* cho Vương-ông chút ít mà thôi... Vậy lời lẽ trong thơ, nếu ta hiểu là nói riêng về cuộc thi này thì rõ nghĩa ngay : *thằng bán tơ* trỏ Lê-Hoan, *cụ Viên già là* Yên-đổ, *mượn màu son phấn chuộc tội tình cho* Lê, là Chu, *có tiền việc ấy* là truyện đặt giải thưởng lớn trong cuộc thi, để mua chuộc lòng sĩ-phu.

Chu-mạnh-Trinh lấy làm bất-mãn về câu phê của Yên-Đổ. Yên-Đổ thì chất-phác, Chu-Mạnh lại hào-hoa, Yên-Đổ vốn vẫn không ưa cái lòe-loẹt nông-nổi của ông nghè Chu, mà ông này cũng không tán-thưởng lối văn chuộng thực-tế của Yên-đổ.

Vì sự bất-mãn trên kia, ông nghè Chu tết năm ấy gửi đến biếu Yên-Đổ một chậu hoa trà, như muốn ngụ-ý rằng

văn mình đẹp như hoa, mà Yên-Đổ không có mắt để thưởng-thức (vì bấy giờ cụ đã lòa).

Yên-Đổ liền gửi lại một bài thơ cám ơn :

Tạ Cho Hoa Trà

Có khách cho ta một chậu trà
Ta say, ta chẳng biết là hoa!
Da mồi tóc trắng ông già nhỉ,
Áo tía đai vàng, chú đấy a?
Mưa bụi những kinh phường xỏ lá,
Gió to, luỗng sợ lúc rơi già.
Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi,
Đếch có mùi thơm, một tiếng khà!

Mưa bụi những kinh phường xỏ lá, ý nói giọt mưa có thể rồi xuyên qua được lá cây, câu thơ dùng nghĩa hơi ép, chỉ cốt đi một cách gượng-gạo đến hai chữ xỏ lá.

Gió to luỗng sợ lúc rơi già : già có hai nghĩa một là trái cà, hai là đài hoa, đây dùng nghĩa thứ hai, ý nói đài hoa, gió to có thể làm cho rơi-rụng, âu cũng là khuyên tuổi trẻ đừng nên tự-phụ quá.

Hai câu kết tuy là khinh-miệt một cách hóm-hỉnh, nhưng tiếc rằng lời văn thiếu phong-độ.

V – hát nói

Nhà nho chán đời giận mình, hay đâm ra khinh thế ngạo vật, viết ra câu nào cũng có ý mỉa-mai, hay lãng-mạn. Bài Hát Nói sau đây của ông Hải-nông Lê Lăng-Vân, một nhà cách-mạng lưu-vong bên Tàu, tuy tự diễu mình sức mọn mà dám đương việc lớn, nhưng lúc nào cũng mang một ý-chí phấn đấu, không ngại cảnh luôn luôn thiếu phương-tiện.

Thuật Hoài

Người tai mắt đứng trong vũ-trụ,
Đố ai hay tên họ là gì?
Nếp phong-lưu cũng đã chi chi.
Áo lộn lại đóng khuy đành hở nách (1)
Còn nói khoác: « Ngã thị bố-y khách,
Phi đồng nhục-thực nhân » (2)
Phận giầu nghèo phó mặc hồng-quân,
Đường danh-lợi nón chuôi chưa đủ cặp
Xẩy gặp lúc tang-thương chi biến
Ních rượu vào nói liến chuyện con ma.
Hầm-bà-làng ngộ mậu pha,
Ngộ dậu xìn, dậu ngần, dậu phùng xường, ngộ tả nị, nị chu mắt dẻ. (3)

---

(1) Áo cũ lộn trái lại làm áo mới, khi cài khuy thành hở nách.

(2) Ta khách áo vải, không cùng hàng với hạng xôi thịt.

(3) Ta không sợ gì tất cả, có tiền bạc, có cơ-hội, ta đánh mi, mi làm gì ta nổi.

Ô hay nhỉ? Tóc thì ngắn, mắt thời lòa, tay thì ghẻ.
Chỉ lăm le những việc tầy trời.
Ai ơi thế mới nực cười.

*

Nguyễn-Khuyến đã từng làm « gia-sư » cho một nhà quyền-thế. Nghề gia-sư tuy là dạy chữ nghĩa nhưng trong thực-tế là giữ con trẻ cho bậc phụ huynh chẳng khác nào công việc một người vú em, mà lại là « vú đực ». Ông có bài hát cảm-khái sau đây :

Vú Đực

Trong thiên-hạ có người vú đực,
Khắp tiếng đồn nô-nức gần xa.
Vú xưa vốn cũng con nhà,
Khi vị ngộ, mới phải ra ở vú.
Đối tọa giai đàm tri hữu chủ,
Phùng nhân mạn thuyết hiếu vi sư. (1)
Đêm ngày nuôi nãng lũ hài-nhi,
Văn kinh sử, vận phú thi, ru mãi mãi!
Lấy thiệt-chiến mà đên phạn trái, (2)
Vú này há phải có ăn không?
Khi nuôi nên con phụng cháu rồng,
Công vú lại hơn công sinh đẻ.
Thuê mướn được vú này há dễ,
Chẳng như ai sộ-sệ vú dưa gang!
Vú này nuôi khắp tài-lang!

*

---

(1) Ngồi đối diện với chủ thì lễ phép — đối với người ngoài lại khoác-lác là mình thích làm thày dạy trẻ.

(2) Thiệt-chiến : chiến đấu bằng lưỡi — Phạn trái : nợ cơm.

Hồi Đông-kinh Nghĩa-thục, có truyền-bá một bài hát nói cổ xúy phong-trào yêu nước, chống ngoại-xâm :

Vợ Khuyên Chồng

Tình thân ái, tình trong phu phụ,
Nợ anh-hùng, nợ cũ non sông!
Nghĩ nguồn cơn, ngán với Âu phong (1)
Tưởng nông-nỗi than cùng Á-vũ (2)
Ai lăn-lóc chen trong đài múa?
Trò diễn ra : nào hiểm, nào ác,
nào hoan, nào lạc, nào tráng, nào bi.
Nực cười thay! mây nước tới kỳ,
Kìa hiệp-nữ, nọ kiện-nhi đâu máu lạnh?
Tỉ diện, Cách mi quân đối kính, (3)
Qua tình, La tứ thiếp lâm trang. (4)
Thiếp tôi đây, đâu có nhi-nữ chi thường.
Anh tai mắt, mong nở-nang trong vũ-trụ.
Đường ưu-thắng, anh thênh-thang vó ngựa,
Gánh văn-minh, em sớn sở lưng ong.
Đôi ta vợ vợ chồng chồng,

---

(1) (2) Gió Âu mưa Á, tức biến chuyển dữ-dội ở châu Âu, châu Á.

(3) Soi gương chàng không thẹn với Tỉ Tư Mạch (Bismarck nhà chính-trị thống nhất nước Đức, sau khi thắng Nã-Phá-Luân đệ tam) và lông mày Cách Lan Tư Đồn (Gladstone, nhà chính-trị Anh đã duy-trì được địa-vị bá-chủ của Anh ở cuối thế-kỷ trước).

(4) Tô điểm, thiếp không thẹn với Qua Đặc (Jeanne d'Arc, nữ anh-hùng Pháp lãnh-đạo nhân-dân chống quân Anh) và La-Lan phu-nhân (Madame Roland), nhà nữ cách-mạng Pháp sau cuộc cách mạng 1789.

Nước non nhẹ gót tang bồng này chăng?
Xem trong phu phụ ai bằng!

*

Chúng tôi đã đề cập nhiều đến văn-tài trào-lộng của ông Trần-Bình, và tiếc rằng văn ông hơi thiếu phần tế-nhị.

Hồi làm đốc-học, có buổi ông đi nghe hát, gặp cô đào Trang, nguyên là em đồng-bào ông Nguyễn-Hiếu, em dị-bào ông Nguyễn-Tích, ông này bấy giờ cũng làm đốc-học, và lại là bạn đồng-niên.

Ông Trần ứng-khẩu làm bài hát nói :

Có phải cô Trang em chú Hiếu?
Người xinh-xinh yểu-điệu dáng con nhà...
Hỏi vì đâu vương lấy nợ tài-hoa
Bắt luân lạc, trời già âu cũng độc!
Cha án-sát, anh làm đốc-học
Nên đỉnh-chung bỗng chốc hóa truân-chuyên
Cất chén quỳnh tưởng nhớ bạn đồng niên
Xui lòng khách bên đèn rơi nước mắt
Vắng bạn cũ, thấy em như thấy mặt
Dừng roi châu, lặng ngắt một hồi
Đời mà đến thế thì thôi
Nghĩ người vinh-hiển, thương người lưu-ly
Hoa thơm em giữ lấy thì...

Bài hát này lời-lẽ có phần cảm-động, vì do lòng chân-thành mà ra. Song tác-giả chân-thành ở chỗ nhớ bạn, mà không tế-nhị ở chỗ thương người. Vì thế cho nên vô-tình lôi cả gia-phả người ta ra, tức là nêu cái khổ-tâm nhất đời của cô Trang, nêu một cách sống-sượng, sống-sượng cũng lại vì chân thành!

Còn thì không một lời an-ủi hồng-nhan, quá nữa lại khuyên-nhủ một cách vụng-về : « *Hoa thơm em giữ lấy thì* ». Thì cánh hoa kia, đến đất sạch cũng còn không chọn được mà rụng, nữa là còn « *giữ lấy thì !* »

Thái-độ ấy quyết không phải trong làng phong nhã.

Phong-nhã, ít ra cũng phải như thái-độ cư-sĩ Đồng-Giang chẳng hạn. Cư-sĩ nhân đọc câu thơ Tàu đại ý :

Hoa tàn nỡ thổi rơi đầy đất

Luống trách đông-phong quá nhẫn tâm,

lời thơ kể đã hay, tứ thơ tỏ ra xót-xa lắm nhưng cư-sĩ chưa lấy thế làm vừa ý : lòng kia dẫu có băn-khoăn đấy, nhưng cảnh ấy diễn ra thấy như quá phũ-phàng, nên cư-sĩ đã nhân-cách-hóa gió và trăng một cách trìu-mến nâng-niu :

Gió thổi bên hoa không dám mạnh

Trăng còn mến khách, hóa đi lâu.

Nhân-cách hóa như vậy, còn có thú-vị hơn hai câu cầu-kỳ, tài-tình, nhưng mất cả chất thơ :

Gió dựa tường ngang : lưng gió phẳng ;

Trăng dòm cửa sổ : mắt trăng vuông !

*

Không biết cô Trang trên kia đã trả lời ông Trần ra sao, nhưng phần đông những cô « *nếp phong-lưu bỗng hóa truân-chuyên* », giá có ai hỏi đến :

Hỏi vì đâu nặng kiếp oan-gia ?

đều thấy đáp lại vì *hoàn-cảnh* : vào nhà hát, bỏ nhà hát đi lấy chồng, hay bỏ chồng lại trở về nhà hát, đều là do

hoàn-cảnh xui nên. Thuyết « ảnh-hưởng hoàn-cảnh » của Taine không bao giờ thấy nêu ra nhiều bằng ở xóm Bình-khang !

Chúng ta dùng chữ « *Bình-khang* » không được đúng, vì Bình-khang là nơi cô Kiều nấn-ná, mà Kiều-nhi đâu có được như cô-đào. Vậy xin gọi theo tiếng thường dùng là « *xóm chị em* ».

Vậy thì hoàn-cảnh đã đưa cô Trang vào xóm chị em, cũng như hoàn-cảnh đã xui cô-đào nọ bỏ cư-sĩ Đồng-Giang mà đi, khiến cho ông giận thì có giận, nhưng thương lại càng thương, vừa nhắp chén hoàng-hoa, vừa rung đùi mà hát *vo* một bài (1)

Sõ cô chưa đứng
Bỗng tự dưng lững thững dẫn ra đi
Đoạn trường chừng còn nợ duyên gì
Nên lỗi quỷ đường ma đi lại mãi
Gắn bó thương ai khờ lại dại
Giang hồ ngán nỗi trước ra sau
Thôi tiếc chi cái giống vợ cô đào
Gương tây liếp : nhà giầu, quan với khách
Ấy..như thế nợ ông là nợ sạch
Túi ông mai róc rách lại nhiều tiền
Phen này ông quyết mua tiên !

« *Lấy quan, quan cách, lấy khách, khách về Tầu, lấy nhà giầu, nhà giầu hết của* » bấy nhiêu gói vào một câu « *Gương tây liếp : nhà giầu, quan với khách* », thật là giản-bút.

---

(1) Hát vo : hát ngâm một mình, không có đàn phách

Phen này, ông quyết mua tiên! Ấy khách phong-lưu xưa nay thường vẫn thế : tiên đi thì để dành được tiền, nhưng hễ có tiền thì lại nghĩ ngay đến chuyện... tìm mua tiên khác !

*

Đi tìm tiên tuy có mang tiếng là chơi bời, có lỗi với danh giáo, nhưng ông bảng Nông-sơn đã tự bào chữa

Mưởu

Ông xanh đã lọt ra mình,
Lại cho lấy chữ tài-tình mà chơi.
Chẳng chơi cũng mắc tiếng rồi,
Thời đem tâm-sự cho đời soi chung.

Nói

Đã chẳng dọc ngang trong vũ-trụ,
Còn khu-khu cho khổ nữa mà chi ;
Kiếp phong-trần cười được mấy khi,
Mà ngày tháng bỏ qua đi cũng thiệt.
Chẳng rượu, chẳng thơ, chẳng phong-hoa tuyết-
[*nguyệt,*
Sau nghìn năm ai biết bác Nông-san ;
Được lúc chơi ta hãy chơi tràn,
Khi dụng-thế dẫu muốn nhàn sao được.
Còn thân thế còn non còn nước,
Kiếp đa tình là nợ trước ba-sinh.
Kìa như Tham tán Trứ, Nghè Thượng-cốc, Tổng-
[*đốc Vân-đình*
Khoa hoạn thế mà phong tình là thế.
Nào khi lạc khi ưu, khi trần ai khi tao-tế,
Vẻ phong-lưu còn tiếng để lâu dài.

Ngày nay những chỗ ta ngồi,
Người đời trước đã qua rồi đấy nhỉ?
Có tai mắt ta chơi cho phỉ,
Đắc-ý chơi mà thất-ý cũng là chơi.
Chẳng qua người cũng một đời!

Mà ở nhà cô đào thì ngoài thú nghe hát, còn có gì đâu : chẳng qua đêm khuya uống rượu xong rồi ăn cháo gà ! chính ông bảng đã tả cái cảnh

Ăn Cháo

Mưởu

Xưa nay anh vẫn cơm nhà,
Nằm không yên giấc mới la-cà hồng-lâu.
Cuộc đời láo nháo vì đâu,
Yêu nhau nấu cháo nuôi nhau cũng là.

Nói

Vẫn biết đến đây là láo cả,
Mà chẳng đây, khôn tả nỗi u-hoài.
Trót tham lam nếm thử mùi đời,
Từng cay đắng ngọt bùi âu đã trải.
Nói nửa điều khôn còn biết phải,
Đồng ba quẳng chạy quản chi xa (1)

Nếu nhân-sinh chỉ biết hương hoa,
Chi đến nỗi sinh-nhai là rắc-rối.
Trời đã bắt phải ăn phải nói,

(1) Tục ngữ : ăn bát cháo chạy ba quẳng đồng.

Ở đời nay chịu đói thế-gian cười.
Ừ thì làm cháo ăn chơi !

*

Dù vậy mặc lòng, thú ả-đào vẫn lôi-cuốn được nhiều khách văn-nhân, vì có phải đâu các ngài chỉ nghe hát và xơi cháo gà ! Cũng còn cái thú « ai ai ấy thì ta cũng ấy » nữa chứ !

Trần Lê-Kỷ, người làng Bát-tràng, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, đỗ cử-nhân năm 1891, đi tri-huyện sau ngồi đốc-học Hưng-yên rồi về hưu-trí, đã có bài :

Chơi Cho Thích

Từ lên một đến mười lăm còn trẻ nít
Bốn mươi lăm cút kít đã về già
Tính trong vòng cắn đá với trăng hoa
Già cho lắm, ba mươi năm là sắp kiệt
Thế mà còn đi học đi hiệc, đi thi đi thiếc,
[khi đỗ khi điệc, làm quan làm kiếc
Việc đời văn vít biết bao ngơi
Trời đã sinh ra kiếp làm trai
Chả chơi nửa người cười ra chú vích
Được ngày nào ta chơi cho thích
Cho phong-lưu thanh-lịch mới là chơi
Thấy ai ai ta cũng ai ai,
Ai ai ấy, ai ai ta cũng ấy.
Đừng có quở chữ dâm là chữ bậy
Nếu không dâm sao nẩy ra hiền
Nhủ em : em chớ giữ dìn !

*

Bài sau đây của Dương-Khuê đã phổ-biến nhiều, chúng tôi chép lại không ngoài mục-đích để cho bạn đọc biết rõ trường-hợp cấu-tạo, và nhận thấy những nét tế-nhị :

Nhân Vong Cầm Tại

Mưởu

Nghe đàn nhớ lão Trung-Kỳ
Vợ mi ở đó, mi đi mô chừ
Sớm khuya xe tẩu phụng thờ
Mất chồng cũng kể như chưa có chồng.

Nói

Nhân vong cầm tại
Nhớ chàng Hai mà hỏi lại cô Hai
Tiện đây hỏi một đôi lời
Đàn bản ấy cùng ai so phím cũ ?
Hồng-phấn kỷ nhân vi quả-phụ
Bạch đầu nan lão Trác-văn-quân (1)
Thế thì khi gió gác lúc trăng sân
Chừng Bạch-Tuyết Dương-Xuân còn tưởng nhớ
Hãy ngồi lại hát chơi lúc nữa
Ai trách chi tang chở xóm Bình khang
Xưa nay nghề nghiệp thế thường...

Bài này làm tại-tịch, trong lúc Dương đi với một ông bạn đang cư-tang, đến nhà anh Hai là một kép nghiện, người miền Trung, do đó chữ *lão Trung-Kỳ* để màu với *nghe đàn,* nhưng sợ hiểu lầm anh Hai là tri-kỷ của mình như Chung-Kỳ với Bá-Nha nên lại dùng những chữ *mô,*

(1) Người hồng phấn mấy ai làm gái góa, Trắc văn quân đến đầu bạc cũng chưa già !

chừ để nói rõ cái nguồn-gốc miền Trung và chữ *mi* cho rõ sự cách-biệt.

Bởi ông bạn cũng đương cư-tang, và bất đắc dĩ phải đi với mình để khiển muộn, nên Dương hạ câu :

Ai trách chi tang chở xóm Bình-khang

là gỡ cả cho bạn lẫn cô Hai đương ngồi hát ở trước bàn thờ chồng.

Nhưng cô Hai đâu có phải tay vừa! Hát đến câu *Ai trách chi tang chở,* cô sửa lại mấy chữ :

Ai trách chi, ai trách chi tang-chở chốn quan-trường

rồi cô tiếp luôn với một đuôi mắt ranh-mãnh :

Xưa nay nghề-nghiệp thói *thường!*

*

Chữ « đồ » nghĩa Nam khác nghĩa Bắc, sự khác biệt đi từ « tĩnh-vật » sang « động-vật », muốn làm tỏ rõ nghĩa Bắc, chúng tôi phải mượn đến ông đồ Vĩnh-Tường :

Thày đồ là người tài-bộ,
Quảy cầm-thư đi giáo-thụ phủ Vĩnh-Tường
Trước nha-môn, thiết một học đường
Dạy dăm đứa chi hồ dã giả
Nhân lúc đồ ngồi nhàn-hạ
Ra hồ sen xem ả hái hoa
Ả hớ-hênh, ả để đồ ra
Đồ trông thấy đồ ngâm ngay tức-khắc :

Phong tiễn lạn-mạn hoa sinh sắc
Thủy diện vi-mang bạng thổ thần (1)

(1) Trước gió hoa tăng vẻ đẹp, mặt nước trai thè lưỡi.

Đồ ngâm rồi, đồ đứng tần-ngần,
Đồ nọ tưởng đồ kia thêm thắc-mắc
Xuốt năm canh đồ nằm khôn nhắp
Những mơ-màng đồ nọ nhớ đồ kia
Đồ đâu gặp-gỡ làm chi!

*

Chép lại văn cũ, nhiều khi nguy-hiểm, vì chỉ chép sai một chữ mà ý-nghĩa toàn bài lệch-lạc cả.

Khác nào chữ *mệt* đổi thành chữ *hệt* trong bài của Cao-bá Quát :

Thế-sự thăng trầm quân mạc vãn
Yên-ba thâm xứ hữu hư-châu (1)

(1) Các sách thường chép « hữu ngư châu ». Theo chỗ chúng tôi hiểu thì có lẽ « hư châu » phải lẽ hơn.

Trang-Tử :

« Phương châu nhi tề ư hà, hữu hư thuyền lai xúc châu, tuy hữu biển tâm chi nhân, bất nộ : Đại ý Trang-Tử nói rằng có một chiếc thuyền đậu ở bên sông, lại có một chiếc thuyền nữa (không có người) trôi giạt, đụng phải thì dù người trong chiếc thuyền đậu có hẹp hòi khó tánh đến đâu cũng bất quá tắc lưỡi than rằng : Chà ! thuyền của ai mà trôi giạt vào đây thế này ! » Thế là hết, không xảy ra lôi thôi gì cả. Nhưng nếu cái thuyền kia mà cũng có người, thì nhất định hai bên sinh sự, nhẹ ra là cãi cọ, nặng ra là đánh nhau chí mạng. Tại sao thế ? Chỉ vì sự đụng chạm giữa người với người mà ra đó thôi ! Ở đời, phải hay quấy, tranh chấp nhau chỉ là do đụng chạm người với người. Đại để phải quấy, chân giả là thế. Nếu hiểu theo « hư châu » thì tiếp các câu dưới, luôn cả *Duy giang thượng chi thanh phong* v.v... ý tưởng sẽ liên tục (Tiêu xài gió mát trăng trong v.v...) ai cầm ai giữ, chẳng đụng chạm với ai hết... *Mặc ai thành thị, mặc ai lâm tẩu,* rõ ràng là một triết lý nhân sinh, đâu phải là ý chán đời !

Vắt tay nằm nghĩ chuyện đâu đâu
Đem mộng-sự đọ với chân thân thì cũng mệt
Duy giang-thượng chi thanh phong, dữ sơn-gian
[*chi minh nguyệt*
Kho trời chung, mà vô tận của mình riêng.
Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiêng
Ai thành-thị mặc ai lâm tẩu
Gõ dịp lấy, hát câu « Tương-tiễn tửu »
Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai...
Làm chi cho mệt một đời...

Các bản cũ, ra trước bản Dương Quảng Hàm, đều chép chữ *mệt* ở cuối câu 4. Trong sách giáo-khoa hiện giờ lại đổi chữ *mệt* ra là *hệt*.

Nếu mộng với thực mà lại *hệt* nhau, thì đời chả hóa ra đúng với lý-tưởng rồi ư ? Bởi mộng với thực có khác nhau, đem đọ hai thứ với nhau mới mệt sức, không bao giờ « hệt » nhau được.

Việc chẳng như lòng, mười thường tám chín cho nên *đem mộng sự đọ với chân-thân* thì cũng mệt !

Vì hạ chữ *đọ* trên nên *mệt* ở dưới mới hợp-lý. Chứ nếu dùng chữ *hệt* thì chữ *đọ* trên thành vô-lý : đã *hệt* thì còn gì phải *đọ !*

Vả chăng, nếu là chữ « *hệt* » thì bắt xuống làm sao cho liền được với chữ « *Duy* » trong câu tiếp theo « *Duy giang thượng chi thanh phong* » ? Hơn nữa có chữ *mệt* ở trên thì đến câu kết lại có chữ *mệt* láy lại, mới rõ cái triết-lý của toàn bài : *hồ vi lao kỳ sinh !*

Đây chúng tôi hiểu *mộng-sự* là những điều ta mơ-ước, chứ nếu hiểu là mọi việc thoảng qua như giấc chiêm-bao, thì có thể hỏi tại sao không dùng hai chữ *mộng ảo?* Hiểu *mộng-sự* là *mộng-ảo,* e không phù-hợp với thái-độ của tác-giả, vốn hiếu-động. Hiếu-động cho nên mới nổi công-phẫn mà chống-đối, nhưng lại hay chán-nản trước sự khó-khăn. Tuy nói *làm chi cho mệt một đời,* song vẫn không phải vì thế mà có thái-độ tiêu-cực vô-vi hẳn.

Dù sao, đây chỉ là một thiển-kiến, xin trình chính với các bậc cao-minh.

Sau câu : « *Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai* », các bản lại còn chép thêm câu « *Bôn lưu đáo hải bất phục hồi* », khiến cho 11 câu hát nói thành 12, đào không hát được vì hết khổ phách, kép không đàn được vì hết khổ đàn, mà về phương-diện văn-chương, đoạn này lại thành ra *thật* quá, mất cả cái thần-tình trong sự chuyển ý.

Huống chi cổ-nhân có lối lấy một đoạn, một câu ở một bài nào đó, bất kể bản ý của tác-giả là thế nào, cứ đem đặt vào bài của mình, miễn là câu đó có thể chứng thực, nói lên ý tứ ở bài của mình. Lối này gọi là *đoạn chương thú nghĩa.* Thí-dụ như bài hát nói trên, lấy một đoạn « *quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai* » ở bài Tương Tiến Tửu, mà không phải là cái ý chán đời của nguyên văn. Ở đây dẫn một đoạn của câu ấy, chỉ là nói một cách hầu như hài hước rằng : đến như sông Hoàng-hà mà người ta (tức Trương-Kiên đời Đường được ủy-nhiệm đi coi xem Hoàng-hà phát nguyên từ đâu) dám nói là từ trên trời xuống, đại để trò đời láo khoét là thế (chân, giả, thực, hư, phải trái), vậy mà ta cứ quan tâm làm chi cho mệt.

VI — thơ ngũ ngôn

I — cổ thể

Thơ ngũ-ngôn dùng kể tự sự, ít có bài được lời mộc-mạc mà tứ sâu-sắc bằng bài liên-vận sau đây của ông Phan-hoài-Dật đọc lên mường tượng như câu chuyện Từ-Thức lúc ở động tiên trở về trần-thế :

Truyện ông Viên Hộ

Tôi biết ông Viên-Hộ,
Người ở đất Vân-lỗ.
Thuở nhỏ vốn học trò,
Lớn lên thi không đỗ.

Sau ông đi đá gà,
Với tôi thường lại qua.
Thuở ấy tôi còn bé,
Bạn với ông hơi già.

Ông người rất hào hiệp,
Bạn ngày mỗi mỗi tiếp.
Đá gà mà phong lưu,
Rộn-ràng thê với thiếp.

Rảnh việc lại ngâm thơ,
Uống rượu hay đánh cờ.

Bê nào ông cũng thích,
Thoi đưa mặc ngày giờ.

Tôi lớn phải đi học,
Toán làm với sách đọc.
Lúc ấy ông thật già,
Mồi da mà trắng tóc

Sau thôi học tôi về,
Tìm bạn cũ năm tề.
Hỏi đến ông Viên-Hộ,
Ông chết răng chừ kia.

Tôi lấy làm thương nhớ,
Nhớ bạn già than-thở.
Bèn đến nhà ông thăm,
Nhà ông khách lạ ở.

Tôi hỏi gia-quyến ông,
Còn ở, ở đâu không?
Vợ ông đi đâu mãt!
Hầu ông đi lấy chồng.

Tôi trở về chán ngắt,
Buồn cho thân kẻ khuất.
Ông sống nhiều người thương.
Ông chết không ai nhắc!

Than ôi! cái cuộc đời,
Sống : còn, đến chết : thôi.
Người thương nói « tội nghiệp »!
Thế là xong chuyện rồi.

Xong rồi ! Xong rồi thật !
Không ! Còn, còn nằm đất !
Gió thổi nằm đất bằng,
Thế là còn hay mất ?

Đời lắm ông Viên-Hộ,
Có đó, không ngay đó.
Nghĩ thương cái hình-hài.
Thoảng qua như chiều gió.

Thử ngày sau ông Viên,
Sống lại nhờ phép tiên.
Trở về nơi đất cũ,
Hỏi thăm kẻ láng-giềng.

Còn ai nhớ đến ông ?
Ai ai cũng rằng không !
Thì ông cười hay khóc ?
Ông về thật luống công.

Ngó lại trên trời cao,
Cảnh trời có khác sao ?
Mây đen đuổi mây trắng,
Khi nào như khi nào...

Cỏ hoa sao hững-hờ ?
Chào mãi vẫn làm lơ,
Ôi ! khách đà khách cũ !
Hoa này phải hoa xưa ?

Bước vào nhà thăm hỏi,
Cửa nhà lâu đã rụi.

Thầy thợ đang xây nền,
Chực làm ngôi nhà mới.

Chủ nhà đắc ý lắm!
Tới ngắm rồi lui ngắm.
Cười reo vênh-váo râu,
Nhà này sét không thấm!

Ông Viên tãt bật cười,
Cười mà thương cho ai.
Tưởng một mình ông dại,
Ngu mà cũng có đôi!

Người đời còn mãi thế,
Được oa mà muốn bể.
Múa gậy giữa vườn hoang,
Cũng rung đùi rung vẽ!

Ai bảo người khôn đâu,
Khôn vẽ rắn thêm chân,
Hại nhau khôn kể quỉ,
Cướp của khôn mưu thần.

Người khôn là thế đó,
Nực cười ông Viên-Hộ,
Chống gậy về núi than:
« Có khôn chi mô có! »

Thơ ngũ ngôn khó làm cho rung-cảm. Chúng tôi tưởng ít khi có được bài như bài liên-vận sau đây của

Nhượng-Tống nói lên tâm-sự một cô gái giang-hồ, vừa chua-xót nỗi mình, vừa đắn-đo cảnh người, đành ôm hận lòng mà từ-khước mọi đề-nghị xây-dựng, chỉ biết có một chữ yêu, yêu thiêng-liêng và trong sạch, thoát hẳn ra ngoài những tính-toán phàm-tục :

Tâm-sự Gái Một Đêm

Uổng có sắc nghiêng nước,
Sinh vào cửa nhà nghèo.
Một sớm bụng thấy đói,
Trăm năm thân đành liều.

Mê-man đám bụi trần,
Lăn-lóc bông hoa xuân
Từng cánh lại từng cánh,
Hôm mai héo héo dần.

Mưa nắng xóm Bình-khang.
Mười năm bao đoạn-trường.
Cười nhạt mình biết mình.
Chưa chịu cầu ai thương.

Cảm anh tiếng thở dài,
Nhìn nhau khác mắt đời.
Khêu đèn thức sáng đêm,
Gan ruột bầy anh soi.

Vườn hồng từ lỏng cánh,
Ong bướm đua dập-dìu,
Mua được miệng em cười
Khôn mua lòng em yêu.

Miệng cười em bán rẻ,
Lòng yêu em để dành.

Không phải đợi giá cao :
Đợi cho người mắt xanh...

Mắt xanh đời mấy ai,
Biết cho em lạc-loài.
Chỉ thấy thân đọa-đầy,
Vội đem lòng mỉa-mai.

Họ chê mặt em dạn,
Họ bảo lòng em chết.
Cắn răng em làm thinh,
Mặc kệ đời yêu ghét.

Mày gặp dạ quân-tử,
Dám cùng ngỏ tâm-sự,
Kề vai sẽ kêu oan,
Khôn cầm tiếng nức-nở.

Anh bàn cơ-hội sau
Buồn tênh em lắc đầu
Cá nước với chim trời
Đâu dễ thường thấy nhau?

Anh tính việc gia-đình,
Ngơ-ngác, em giật mình.
Thân này trót đã nhục.
Đâu dám nhục lây anh.

Lác-đác chòm sao thưa,
Lạnh-lẽo bóng trăng mờ
Một bước tiễn anh ra,
Trăm tình cùng ngẩn-ngơ.

Lấp-lánh giọt sương đêm,
Tưới ướt hoa bên thềm

Hái hoa đưa tặng anh,
Thấy hoa như thấy em,

Giữ hoa xin giữ kín,
Nửa ngày hãy nhìn đến,
Nhìn đến sẽ thương hoa :
Hương phai màu cũng biến.

Thăm-thẳm phương trời xa,
Bảng-lảng bóng trăng tà.
Nên biết trái tim này,
Khô héo còn trước hoa...

Thân này đã xa anh,
Khác đâu hoa lìa cành.
Cát vùi với sóng vỗ,
Bao quản kiếp lênh-đênh.

Bể cả cánh bèo trôi,
Duyên ta có thế thôi.
Hồn mộng gặp không gặp,
Tử sinh ai khác ai !

Tử sinh dù chẳng biết,
Ân tình không đoạn-tuyệt.
Nhớ anh chẳng thấy anh,
Đêm sương ngồi bóng nguyệt.

Bóng nguyệt dãi thềm hoa,
Nào lúc tiễn anh ra,
Ngẩng đầu trăng vẫn gần,
Cúi đầu người sao xa !

Cùng dưới vầng trăng ấy,
Ở đâu anh cũng thấy,

Như chẳng nỡ quên em,
Bồi-hồi nửa đêm dậy :

Dậy ngắm vầng trăng bạc,
Bâng-khuâng tìm mộng trước.
Nhớ em chẳng thấy em,
Từng mây nghe tiếng vạc,

Lại giở cánh hoa tàn
Nhìn hoa lệ chứa-chan.
Đem lệ tưới cho hoa,
Chia-sẻ mùi tân-toan.

Hồn em gửi trong hoa,
Sẽ được tắm bằng lệ.
Lệ anh càng chua-cay,
Hồn em càng mát-mẻ.

Anh nghèo không nhà vàng,
Em hèn ở lầu xanh.
Hàng lệ, tiếng thở dài,
Duy có thế là tình...

Thương nhau tiếng thở dài,
Nhớ nhau hàng lệ nhỏ.
Miễn lòng ta biết ta,
Yêu nhau thế là đủ.

Yêu nhau thế là đủ
Cho nhau thế là nhiều,
Người ta giầu sang cả
Mấy ai từng biết yêu !

○

2 — thơ luật

Năm 1923, ở Hà-thành có cuộc thi thơ ngũ-ngôn, đầu đề là « Đền Hai Bà ». Giải nhất về ông Hoàng-Thúc-Hội, với bài như sau :

Ngựa Gióng đã lên không
Rừng Thanh voi chửa lồng
Một chồi hoa nụ Lạc
Muôn dặm nước non Hồng
Trăng tỏ gương hồ Bạc
Mây tan dấu cột đồng
Nén hương lòng cõ quốc
Xin khấn một lời chung

Kể là một bài ngũ-luật rất tế-chỉnh, chữ đối chặt-chẽ, hai câu kết tỏ tấm lòng thành-khẩn vì non nước, có 10 chữ mà vô hạn cảm-hoài.

Nhưng người khó tính lại muốn hai câu đầu phải đối nhau nữa. Vì thế ông Đông-Hồ đã đề-nghị sửa

Núi Sóc ngựa lên không

để xuống :

Rừng Thanh voi chửa lồng

cho cân hơn và định rằng trong câu

Ngựa Gióng đã lên không

chữ *đã* thừa. Chúng tôi không đồng ý, vì chúng tôi thấy chữ « đã » rất cần. Có chữ « đã » ở trên mới bắt xuống chữ « chửa » trong câu sau, để nói cái thời-gian quật-khởi của

hai Bà là vào lúc sau ông Gióng và trước bà Triệu. Bỏ chữ « đã » đi câu thơ thành lỏng-lẻo, mất hẳn ý-niệm thời-gian. Chúng tôi tưởng cứ giữ nguyên-văn là hơn, hoặc nếu muốn sửa cho cân thì đổi như sau cũng tạm được :

Ngựa Gióng đã lên không
Voi Thanh còn chưa lồng

Một nhà nho đã sỉ-vả bọn tham-quan ô-lại bằng bài ngũ luật :

Mắng Muỗi

Chúng bay loài bọ gậy
Ở nước chỉ hay quấy
Xuống dưới đã ăn càn
Lên trên lại làm bậy
Sợ những kẻ nằm màn
Khinh các người mặc váy
Thế cũng gọi là « văn »
Thật là một lũ xoáy

Chữ nho « văn » là muỗi, cùng âm với « văn » là văn-chương.

Mắng muỗi thật đã đáng lời : *Xuống dưới ăn càn, lên trên làm bậy,* lại vẽ rõ thái-độ xu-phụ người trên lấn át kẻ dưới của quân tiểu-nhân trong hai câu « *sợ những kẻ nằm màn, khinh các người mặc váy* ».

Bài ngũ-luật sau đây có cái giọng ngông-nghênh của một khách làng chơi phong-lưu mã-thượng :

Tự Trào

Phong-lưu tính đã quen
Thằng tôi há chịu hèn
Bạc mở vung tàn tán
Rượu đánh tít cù đèn
Trên trời đứt dây xuống
Dưới đất chật nẻ lên
Ao ước còn toan những
Có tiền để mua tiên !

3 — tứ tuyệt

Một ông tiến sĩ ngồi chức đốc-học tỉnh kia có lẽ vì văn Hán không được trội, đâm ra thích văn nôm, mà nôm quan cũng lại chẳng hơn gì. Đan-cử bài thơ lầm-cầm mà sau này quan cho khắc vào sườn núi Dục-Thúy khi quan giữ chức tuần-vũ trong tỉnh :

Vui Chơi Non Nước

Trăng gió vui cùng hắn
Lầm than, bận kệ ai
Vui chơi non với nước
Có phúc được ngồi dai...

Lời thơ này khắc vào bia đá rồi có khi mòn chứ truyền trên bia miệng thì ngàn năm sau còn rõ ruột gan một người ngồi đầu cả một tỉnh : lầm than bận kệ ai !

Thơ Bùi Ưu-Thiên thường hàm một triết-lý cao-thượng :

Đời Người

Người hết danh không hết
Đời còn việc vẫn còn
Tội gì lo tính quẩn
Lập những cuộc con con !

#

Người ta hay nhắc đến bài ngũ tuyệt sau đây của Ôn-như-Hầu, giọng chua xót trong bình-dị :

Lỏm chỏm vài hàng tỏi
Lơ-thơ mấy khóm giừng
Vẻ chi tèo teo cảnh
Thế mà cũng tang-thương !

※

Một buổi tên lính Tây coi bọn người làm xâu đập đá ở Côn-đảo, hỏi Huỳnh-thúc-Kháng : « Mày là cái gì ? » Huỳnh đáp Bẩm, tiến-sĩ. Tên lính tưởng ông nói câu gì vô-lễ, vụt ông một roi. Ông cảm-tác :

Tiến-Sĩ Bị Đòn

Tiến-sĩ là cái gì
Ăn nói sao vô-lễ
Cho mày một ngọn roi
Mày biết tay tao nhé.

VII — thơ thất ngôn

I — cổ thể

Thể này ít có người làm, chúng tôi lục sau đây một bài tả cảnh Hà-nội của ông bảng Nông-sơn, trong đó 36 phố-phường được hiện ra như một bức tranh thật linh-động :

Hà Nội Hành

(độc vận)

Nùng Nhị từ xưa mở đất cõi,
Nghìn năm vượng khí nơi đô-hội ;
Nếp đất phồn-hoa trải mấy triều,
Phố xá rộng rãi ở chật-chội ;
Nhà ngói bát úp, đường bàn cờ,
Đèn điện sao sa nước máy dội.
Người đủ hạng người, trò đủ trò,
Phong-lưu thanh-lịch cũng có lõi ;
Trừ ra trai mấy cậu phu-xe,
Là không bộ cánh, áo rách-rưới ;
Trừ ra gái mấy chị hàng than,
Là không son phấn, mặt đen-đủi ;
Dù đâu mất mùa kém bao nhiêu,
Ở đất ăn chơi chẳng biết đói ;
Dù người như đất, hiền bao nhiêu,
Ở lâu tập nhiễm rồi cũng sỏi ;
Người khôn của khó lúc đua chen,

Đủ ngón mau chân âu mới giỏi.
Xem trong băm-sáu phố-phường này,
Kẻ đi người lại ai cũng vội ;
Các quan các tỉnh thường về chơi,
Xin bổ xin thăng hoặc xin đổi ;
Công tư to nhỏ biết bao trường,
Thầy thầy trò trò nhộn hai buổi ;
Kẻ đi làm việc kẻ làm công,
Mỗi người một nghề chẳng ai rỗi ;
Trước ga xe lửa, trên bến tầu,
Hàng hóa lên xuống, phu bối-rối ;
Đồng-xuân chợ họp đông cả ngày,
Hàng-giầy khách chơi vui về tối ;
Cà-phê, chả-cá, hiệu cao-lầu,
Chớp-ảnh, tuồng Tầu, rạp hát-bội ;
Lên cao trông xuống bọn người đi,
Thật là chen-chúc trong đám bụi.
Nếu không danh-lợi dắt nhau vào,
Ai chịu đua chen : sống mấy nỗi !
Suy ra cho rộng cõi doanh-hoàn,
Đại-đế cũng như thành Hà-nội...

Thành Hà-nội quả cũng như cõi doanh-hoàn thu nhỏ : lũ người như kiến cỏ đua chen nhau trọng đám bụi, chỉ vì miếng cơm manh áo...

※

2 — thơ luật

Cùng với bài « Hànội-Hành » trên này, ông bảng Nông-sơn còn mấy bài về Hà-nội chan-chứa một mối u-hoài đau xót.

Long-Thành

Còn khỏe còn ham thú nước non,
Mắt không sao chán gót không chồn.
Tượng đền Trấn-vũ đồng khôn nát,
Bia các Khuê-văn đá chửa mòn.
Vắng mặt hồ Tây trong suốt đáy,
Bận lòng sông Nhị đục như son.
Một mình thơ-thẩn rong chiều mát,
Bóng ác chênh-chênh cuốc gọi hồn.

Hồ Tây trong suốt đáy, trông chẳng thấy hình bóng Trưng-vương.

Bận lòng Sông Nhị đục như son, thời-cục đã bao phen khiến cho sóng nước đỏ màu phù-sa lại cuồn-cuộn như tấm lòng quặn đau của du-tử.

La-Thành Phỏng Cổ

Di-tích Đường xưa mảnh đá chìm,
Thành La xuyên-tạc biết đâu tìm!
Gốc cây đục rỗng tia hang chuột,
Khóm cỏ tha tàn rác tổ chim.
Trải mấy nghìn năm trong cuộc biến,
Đứt ra từng đoạn giữa đồng chiêm.
Sự đời nào chắc gì là vững,
Nước mắt ai thừa khóc cổ-kim.

Cao-Biền là người xây thành Đại-la để yểm long-mạch nước ta. Bia đá nay đã chìm vào lòng đất, thành cũng đứt ra từng đoạn, đủ thấy mưu sâu thành vững của chú Tàu đời Đường hòng diệt dân-tộc này, đã bị dân-tộc giày

xéo cho mất tích, dù sự giày xéo ấy phải mất công trong cả ngàn năm.

※

Kinh-đô Thăng-Long được đề-vịnh đã nhiều, có bài sau đây tả Pháp lúc mới sang, giọng châm-biếm khá nặng-nề :

Bốn bên hàng phố tiếng xôn-xao,
Giở dậy mà xem những thế nào ?
Lục-sở trò bầy trong rạp rõi,
Tam-tài cờ cắm ngọn thành cao.
Giầy tầu bít gót, ngô đi bãi,
Váy lĩnh phơi trôn, đi rửa hào,
Nhuôm, vện, khoang, vằn, vô số chó,
Ra tuồng đắc-ý chạy nhông-nhao !

Giầy tầu bít gót (khác với giầy ta hở gót) *ngô đi bãi* (bãi cỏ, nơi bài tiết những chất dơ) *váy lĩnh phơi trôn đi rửa hào* (hào là một loại sò, hến, trai : vợ chỉ hơn trời có cái trai !) đời nào cũng thế cả, có khác chăng là xưa thì phô ra, nay lại giấu vào phòng kín, còn ngô với đi, thực chất nào có gì thay đổi đâu !

※

Duy-Tân bị đày, Khải-Định lên kế-vị. Dân đói, quan tham, bọn xu-nịnh đua nhau làm tay sai cho Pháp. Một nhà nho đã mượn cảnh vườn Bách-thú Hà-nội để tả tình-trạng ấy :

Vườn Bách Thú

Dưới rặng cây xanh, một rặng chuồng,
Mỗi chuồng nuôi một giống chim muông :
Khù-khì vua cọp no nằm ngủ
Nhao-nhác dân hươu đói chạy cuồng.
Lũ khỉ nhe răng bày lắm chuyện,
Đàn chim chẩu mỏ hót ra tuồng.
Lại thêm cầy-cáo dăm ba chú
Hục-hặc tranh nhau một nắm xương !

Thơ tả-chân thật đã như vẽ cảnh vườn Bách-thú, nó là một bức tranh xã-hội đương thời thu nhỏ lại, càng nhỏ lại càng rõ nét.

*

Một buổi qua chơi Hà-nội. Từ-Diễn-Đồng có bài thơ cảm khái :

Vịnh Thăng Long

Đất này thủa trước đóng đô đây
Hơn bốn ngàn năm mới tới nay
Năm cửa chỉ còn lầu cửa Bắc
Cột cờ sao có lá cờ Tây ?
Miếu Khuê nhà Lý xây còn đó
Hồ Kiếm vua Lê vãt chỗ này
Hào kiệt anh hùng đâu mãt cả
Xe rồng chẳng thãy, thãy xe tay !

Cờ Tây tại sao cắm trên kỳ-đài, chỉ nhìn cái lỗ đạn đại-bác khoét vào tường thành cửa Bắc là hiểu rồi : tất

nhiên xe rồng vua ngự không còn nữa, chỉ còn thấy *xe tay* là thứ xích-lô có càng vươn ra phía trước để phu nắm tay kéo, mà Pháp đã chế theo kiểu Nhật-bản và Hương-cảng.

※

Từ Diễn-Đồng hiệu Long-Tải (1870-1916) quán làng Hà-hồi, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông (Bắc-Việt), là người trọng tiết tháo, nên đỗ tú-tài rồi, gặp lúc quốc-bộ gian-nan, ở nhà dạy học và bốc thuốc để độ-nhật, chứ không lăn lựng vào vòng danh-lợi, mặc dầu cảnh nhà rất gieo-neo.

Ông đã mô-tả cảnh ấy bằng một bài thơ thống-thiết :

Than nghèo

Cái khó theo nhau mãi thế thôi !
Có ai hay chỉ một mình tôi !
Bạc đâu ra miệng mà mong được,
Tiền chửa vào tay đã hết rồi !
Van nợ lắm khi tràn nước mắt,
Chạy ăn từng bữa lụt mồ-hôi.
Biết rầy, thủa trước đi làm quách,
Chẳng ký, không thông, cũng cậu bồi !

Coi vậy, tuy thống-thiết, nhưng vẫn không phải không trào-lộng mỉa-mai.

Ông gặp buổi « mưa Âu gió Á » tự coi mình như kẻ lạc-đường, không biết tìm ai mà hỏi xem lúc nhà tan nước mất nên kiếm ngả nào tiến bước cho phải thời.

Lạc đường

Mặt trời đã gác, quãng đường xa,
Lững-thững non sông chửa đến nhà.

Muốn bước, sa chân toàn đất khách,
Hỏi thăm, lạ mặt những người ta.
Bóng cây nghiêng-ngửa coi rầu-rĩ,
Tiếng dế vo-ve giọng thiết-tha.
Ngảnh lại thử xem trời đất tí
Tối lâu, lâu cũng sáng dần ra...

Quốc-gia ở thời Pháp-thuộc, có thể ví như nằm trong đêm tối, đằng-đẵng thâu canh, thanh-niên luôn-luôn muốn trỗi dậy, người lớn tuổi cẩn-thủ hơn không dám bạo-hành, nhưng vẫn để tâm rình trộm, tiếc rằng đèn khêu còn nhỏ. mà chó săn thì lại cắn to...

Tối Mò

Đêm sao đêm mãi, tối mò-mò...
Đêm đến bao giờ mới sáng cho ?
Lũ trẻ u-ơ chừng muốn dậy,
Ông già húng-hắng vẫn đâm ho.
Ngọn đèn rình trộm khêu còn tí,
Tiếng chó nghi người cắn lại to...
Hàng xóm bốn bên ai tỉnh chửa ?
Tỉnh rồi, lên tiếng gọi nhà nho !

Cảnh đêm tối mà Từ Diễn Đồng tả trên đây toàn những nhận xét thiển-cận, nhưng ẩn-ý thật xa-xôi chua-xót.

Nguyễn-Khuyến, nhân một ngày hội tây (14 tháng 7 dl) cũng đã cảm-khái :

Hội Tây

Kìa hội thăng-bình tiếng pháo reo,
Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo
Bà quan tênh-hếch xem bơi chải,
Thằng bé lom-khom nghé hát chèo.
Cậy sức, cây đu nhiều chị rún
Tham tiền, cột mỡ lắm anh leo.
Khen ai khéo vẽ trò vui thế
Vui thế bao nhiêu, nhục bấy nhiêu !

Nhục vì đình-đám người mẹ con ta, nhục vì đình-đám người lại diễn ra trên đất nước nhà.

Khoảng năm 1944, ở Huế, ông Võ Mạnh là một nhân-viên ban văn-hóa Nhật, có tham-dự vào một vụ âm mưu lật chính-quyền. Chẳng may việc vỡ lở, ông sợ liên-lụy cho các chỗ tương-thức, bỏ trốn vào Nam. Trước khi lên đường ông gửi lại bạn bè bài thơ lời lẽ thống-thiết, tưởng cũng nên chép lại :

Ra đi không hẹn được ngày về,
Cái gánh sinh-linh, gáng nặng-nề.
Cứu quốc vả chăng là phận-sự,
Thức thời hay chẳng, mặc khen chê
Đã nguyền sống thác cùng sông núi
Há để đau thương đến bạn-bè
Hãy hãy bền lòng theo nguyện-ước
Dầu không mốt nọ cũng mai tê !

Không mốt nọ cũng mai tê, chứ chẳng lẽ chịu mãi cảnh gông cùm xiềng xích !

*

Phan-Bội-Châu khi bị bắt cầm tù ở Quảng-Châu, đã tỏ chí hiên-ngang của mình bằng mấy vần bi-tráng :

Ngồi Tù Cảm Tác

Nếu chết phăng đi cái cũng hay
Còn ta, ta lại nghĩ sao đây
Trời đâu có ngục chôn thần thánh
Đất há không đường ruổi gió mây
Tát cạn bể Đông chìu tắc lưỡi
Phá tan rừng Bắc vẫy đôi tay
Anh em ai nấy xin thêm gắng
Công nghiệp ngàn thu, há một ngày!

Nhà cách-mạng Lê Lăng-Vân, biệt-hiệu Hải-Nông, ở mãi nơi Trung-châu rồi lần mò lên mạn ngược, mắc bệnh ngã nước. Trong lúc nằm rên trên giường bệnh, ông cảm-tác nên một bài :

Ngã Nước

Công phạt xưa kia sớm biết ra,
Kênh-càng chi đến nỗi lâu mà!
Nghiêng lưng xã-tắc e đau-đớn,
Ngứa mắt tang-thương luống xuýt-xoa.
Vốn những căm gan câu phá nước
Lại thêm tím tiết nỗi cay da.
Quân thần tá sứ điều-đình mãi,
Giải độc phen này để nữa ta...

Quân thần tá sứ : đơn thuốc Đông-y bao giờ cũng kê vị nhiều vị ít, vị nhiều là vua (quân), vị ít là tôi (thần), những vị phụ là tá, là sứ để dẫn thuốc.

*

Dưới thời Pháp-thuộc, nhà nho không từ một dịp nào để giãi-tỏ lòng uất-hận của mình về thời-cục, nhưng vì sách báo in ra phải qua một lần kiểm-duyệt rất chặt-chẽ, nên thi-văn thường dùng lời bóng-bẩy để ngụ ý, chứ không nói được thẳng.

Có khi dùng lối ngụ-ngôn, như bài :

Con Cái-ghẻ

Khõn-nạn, mày ơi, tớ lạy mày !
Sao mày lần-quất mãi chi đây ?
Trước còn ăn ruỗng lần da mỏng,
Sau lại dùi vô thớ thịt dầy.
Sâu trắng đục ngầm không kẻ biết,
Nước vàng chảy mãi, có ai hay !
Mấy phen thuốc đắng mà chưa khỏi,
Sớm liệu thì đâu đến nỗi này...

Bài này từ đầu đến cuối không ra ngoài cái đề *con cái ghẻ*, vậy mà khi đem kiểm duyệt lại bị gạc. Ấy chỉ vì bốn chữ « *sâu trắng, nước vàng* », các cụ trong ấy cho là đáng nghi...

Cùng một khẩu-khí ấy, còn bài thơ « *mắng chó* » của Lê-văn-Luyện do ông Minh-Đạo thuật lại. Ông Lê, quán làng Nam-Trực, phủ Nam-Trực, nên lấy bút-hiệu Song-Nam. Bình-sinh không ưa bôn-tẩu, đỗ cử-nhân rồi cũng chỉ ở nhà làm ruộng. Bài thơ dùng những phương-ngôn nói về chó : *dại như chó, chó nhảy bàn độc, ăn bẩn như chó, chó cắn áo rách...*

Con Chó

Ai dại như mày, hỡi chó ơi,
Lăm-le bàn-độc nhảy lên ngồi!
Thức đêm, dẫu có công vì chủ,
Nềm bẩn, cho nên tiếng để đời...
Thấy kẻ ăn mày còn nghiến lợi,
Theo người áo rách sủa vang trời.
Này này bà đã mua riềng sẵn
Chỉ đợi cho mày béo đấy thôi!

Thức đêm dẫu có công vì chủ, nềm bẩn cho nên tiếng để đời, loài chó ở trong thời bị-trị, có những hành vi đáng bỉ, nhưng đến khi dân-khí nổi lên, thì *chỉ đợi cho mày béo đấy thôi*, vì dân dẫu chịu lép trong lúc còn yếu thế, nhưng đã phòng sẵn riềng với mẻ rồi...

*

Một ông họ Phạm, làm con nuôi và cũng là học-trò họ Vũ, đỗ tam-nguyên thám-hoa, ra làm quan thường đội nón lông cò, ngồi yên ngựa có tua ngũ sắc xâu hạt ngọc, tốt vẻ phong-lưu. Phòng trong, hai bà hàng ngày không được hòa-mục. Mỗi khi dân nộp đơn kiện phải kèm 3 đồng bạc (tam nguyên) nếu không thì đơn không được thâu. Vì thế văn-thân trong hạt có thơ diễu :

Thám Hoa

Thám hoa gì chú, thám hoa-xòe (1)

(1) Hoa xoè : đồng bạc ngày xưa có khắc hình mụ đầm xoè. Nguyên đồng bạc gọi là hoa viên. Từ có hình đầm xoè gọi là đồng hoa xoè.

Chẳng được tam nguyên, chẳng có nghe !
Cò đội nón lông đầu ngất-nghểu,
Ngựa luồn chân chỉ đít ngo-ngoe.
Ba cha góp lại hầu lên mặt (2)
Hai mẹ tranh nhau suýt vỡ... đe !
Bia đá bảng vàng đâu có thế,
Thám hoa gì chú, thám hoa-xòe !

Một viên quan nọ nhờ xu-phụ người Pháp mà leo nhanh bước thang sĩ-hoạn, trước có cưới một chị hầu non, được ít lâu chị này không chịu nổi cảnh ăn cơm nguội nằm nhà ngoài, bỏ đi lấy người khác. Quan lớn nhắn lời trách-móc sự bội bạc. Cô hầu cũ gửi lại một bài thơ :

Chỉ trách ai, sao chẳng trách mình ?
Mình trung đâu đó, bắt người trinh !
Áo dày cơm nặng bao nhiêu nợ
Chiếu cạnh màn bên, mấy hột tình...
Tơ tóc nỗi riêng thì xét nét
Giang-sơn nghĩa cả nỡ mần-thinh
Cồ cong mặt lệnh người đâu thế !
Cái cóc bôi-vôi khéo dại hình...

Tiếng Bắc *mấy hột* có nghĩa là chẳng được bao nhiêu, như nói *mưa được mấy hột ; lãi-lờ được mấy hột !*

Chiếu cạnh màn bên mấy hột tình, chữ mấy hột vừa nghĩa bóng và nghĩa đen, rõ cái cảnh *đãi nàng hầu về sáng !*

---

(2) Ba cha : cha đẻ, cha nuôi, thày học.

Chả trách cô nàng chán. Đã chán thì trông thấy ngay những là *mặt lệnh cổ cong,* chứ lúc đầu cái mặt lệnh cổ cong ấy trong mắt cô khỏi thế nào đã chả có ít nhiều duyên-dáng!

Một viên tổng-đốc tỉnh Quảng-Nam khi xưa, tính thích hát bội, trong dinh có nuôi một ban hát, cứ năm bảy đêm lại một lần nổi trống, mỗi lần có khi kéo dài tới hai ba ngày. Phải một năm hạn-hán, dân-chúng rên-xiết vì đói khổ, mà quan tỉnh vẫn họp nhau hát-xướng như thường. Do đó, bài thơ sau đã được truyền miệng trong vùng:

Hát xướng làm chi hỡi các quan!
Trời làm hạn-hán đủ trăm đàng.
Nước về Phú-lãng lương-tiền tận,
Dân mắc cu-li cốt-nhục tàn...
Ngán nỗi con người mà chó ngựa,
Ngờ đâu địa ngục ở nhân gian!
Kẻ nghèo nước mắt lau không ráo,
Hát xướng làm chi hỡi các quan?

Phú-lãng là phiên-âm tên nước Pháp. Con người bị thực dân coi như hàng chó ngựa, sung-sướng gì mà còn hát-hỏng, hử bọn *tâm tồn mẫu quốc!*

Ông-nghè Ngô Đức-Kế (1878-1929) hiệu Tập-Xuyên quê làng Trảo-nha, Hà-tĩnh, vốn là con nhà kế thế nho khoa, bị đày Côn-đảo 10 năm vì đã dám làm cách-mạng, tới 1921 mới được thả thì năm 1923, gặp ngay lúc Khải-Định làm lễ « tứ-tuần đại-khánh ». Ông cay-cú làm hai bài đả-kích:

Hỏi Gia-Long

Ai về địa phủ hỏi Gia-Long
Khải-Định thằng này phải cháu ông?
Một lễ tứ-tuần vui lũ trẻ,
Trăm thêm ba chục (1) khổ nhà nông.
Mới rồi ngoài Bắc tai liền đến (2)
Năm ngoái qua Tây ỉa vãi cùng! (3)
Bảo-hộ trau giồi nên tượng gỗ:
Vua thời còn đó, nước thời không!

Nước thời không có, có vua chi?
Có cũng như không, chả ích gì!
Người vét đình điền còn bạch địa (4)
Ta khoe dụ chỉ tự đan trì! (5)
Cặp tiền nguyệt bổng vinh nào có (6)
Ăn của quan trường, tệ lắm ri!
Thọ lắm lại càng thêm nhục lắm,
Nhỏ cu-li, lớn cũng cu-li!

Cuộc thay đổi xảy ra trong triều đình Huế ngày 2-5-1933 đã làm đầu đề cho một bài thơ rất được truyền-tụng:

(1) Năm 1923, thực-dân Pháp và triều-đình Huế tăng thuế 30 %.

(2) Năm 1922-1923, Bắc-Kỳ bị lụt.

(3) Năm 1922, Khải-Định đi dự đấu-xảo ở Paris, làm nhiều việc nhục quốc-thể, bị Phan--chu-Trinh vạch tội bảy điều.

(4) Người tức (Pháp) đánh thuế nặng quá, nông-dân phải bỏ ruộng hoang.

(5) Ta (tức Khải-Định) ban chỉ dụ từ thềm son (chỗ vua ở).

(6) Khải-Định được Pháp cấp cho mỗi tháng một vạn đồng.

Năm Trụ Ngã Ình

Năm trụ khi không ngã cái ình!
Đất bằng một tiếng thảy đều kinh:
BÀI không đeo nữa đem dưng LẠI (1)
ĐÀN nọ ai nghe khéo dở HÌNH (2)
LIỆU thế không xong BINH chẳng được (3)
LIÊM đành giữ tiếng, LỄ đừng rinh (4).
CÔNG danh thôi thế là hưu hĩ...!
ĐẠI sự xin nhường lớp hậu-sinh... (5)

Khi Bảo-Đại từ-giã đất Thần-Kinh để ra Hà-nội mang tên Cố-vấn Vĩnh Thụy, có bài thơ như sau do một sĩ-phu nơi núi Ngự viết:

Nỏ tiếc, không thương cái bệ rồng (6)
Ngự xe cờ đỏ tới Thăng Long
Trải qua non nước nhìn quang rạng
Ngảnh lại lâu đài bỏ trống không
Gió tạt cành thu chim ngái tổ (7)
Trăng soi cửa cấm nhện dăng mùng.
Có ai vô Nội cho mình hỏi:
Thần-tử còn lưa (8) lại mấy ông?

---

(1) Nguyễn-hữu-Bài, Thượng thơ bộ Lại.
(2) Tôn-thất-Đàn, Thượng thơ bộ Hình.
(3) Phạm-Liệu, Thượng thơ bộ Binh.
(4) Võ-Liêm, Thượng thơ bộ Lễ.
(5) Vương-tứ-Đại, Thượng thơ bộ Công.
(6) Nỏ: tiếng Huê: chẳng.
(7) Ngái tiếng Huê, có nghĩa là lìa xa.
(8) Lưa, sót lại.

Khoảng năm 1930, sau vụ Yên-Bái, chính quyền Pháp bổ ông Vị về tổng-đốc Thái-Bình, và đặc-cách thưởng đệ-tứ bắc-đẩu bội-tinh.

Về Thái-Bình, ông Vi dùng hết tâm-cơ để săn bắt những người làm quốc sự, lại sáng chế ra một cách tra tấn thần-hiệu là dùng chày nện vào các khớp xương.

Được tin ấy, cư-sĩ Đông-Giang ở Nam-Định, gửi lên báo *Đông-Tây* một bài thơ vịnh chày, lấy vần *chày,* độc-vận.

Bài này đưa kiểm duyệt, thấy không bị gạch bút chì xanh, nhà báo cho là nhân-viên ban kiểm-duyệt không nhìn thấy chỗ dụng ý của bài thơ : sở kiểm duyệt đã không nhìn thấy thì độc giả chắc cũng chỉ đọc qua đi mà thôi, bài thơ sẽ mất hứng thú.

Vậy làm cách nào cho ai nấy hiểu tới chỗ vi-ẩn ?

Hồi bấy giờ lệ kiểm-duyệt cho đưa từng bài lẻ chứ không phải đưa cả trang báo lớn như bây giờ, nên khi ráp các bài đã được phép in để xếp thành một trang, tòa soạn trưng hình ông Vi lên trang nhất, với lời chú kính-cẩn

Quan Tổng-Đốc Vi vừa được ân thưởng
đệ tứ đẳng bắc đẩu bội-tinh

Và ngay bên dưới, đóng khung bài thơ *chày,* đã có dấu kiểm-duyệt :

Chày

Khen ai đã khéo tạc nên chày
Đau đớn cho ai chỉ vị chày
Ở chốn rừng xanh trơ xác lõi
Về nơi dân đỏ béo thân chày
Trông ra tròn trặn trơn lì gỗ

Dùng đến hung hăng giã nặng chày
Đầu có nhọn đâu mà cổ thắt ?
Ngàn thu còn nhớ mãi tên chày.

Ở chốn rừng xanh trơ xác lõi, về nơi dân đỏ béo thân chày : cụ-lớn vốn là người mạn ngược đầu tiên được cử về trị-nhậm ở vùng xuôi, cũng nhờ cái tiếng hét ra lửa.

Báo phát-hành, quả-nhiên tiếng chày vang lên rộn rã trên khắp các tỉnh miền trung-châu, và từ đó về sau, cái hình phạt « chày » cụ-lớn không cho áp-dụng nữa.

Âu cũng là một ảnh-hưởng tốt của văn thơ.

Làm báo ở dưới thời Pháp-thuộc, muốn động-chạm đến những người có vai-vế để làm một trận cười cảnh-tỉnh, coi vậy, không phải là không tốn mưu cơ.

Tuy-nhiên cái mưu-cơ trên này chỉ thắng được một lần.

Sáu tháng sau báo *Đông-Tây* bị thu hồi giấy phép !

Đã nói đến các ông « *tâm tôn mẫu-quốc* », tất phải nói đến một « cụ lớn » đứng đầu trong sổ. Cụ lớn này có công dẹp những cuộc phản-kháng của văn-thân, nên được cất lên cực-phẩm, hai con cũng chẳng mấy lúc thăng đến chức tổng-đốc. Có người mừng, nhân dịp thọ 70 :

Vượng-khí Lam-Hồng đúc vĩ-nhân,
Trời ban thêm tuổi, chúa thêm ân.
Huân-danh sự-nghiệp : Hiển-Thành Lý,
Phú-quý vinh-hoa : Nhật-Duật Trần.
Con cháu một nhà hai tổng-đốc
Pháp Nam hai nước một công-thần.

Tuần này hạ-thọ là tuần bảy
Còn biết sau đây mấy chục tuần !

Lời khen thật là mỉa-mai : công-thần mà lại của hai nước !

Nếu được như lời chúc-tụng, thì gian-thần còn dai dẳng kiếp sống những mấy chục tuần nữa, có lẽ chẳng kém gì Bành-Tổ !

Tuy là gian-thần, nhưng ông lại là tay văn-chương hàm-súc, ngòi bút sử-quan rất đĩnh-đạc và khám phá : tri với hành, coi vậy, quả đã cách biệt nhau quá xa !

Ông có bài :

Thành Cổ-loa

Thành ốc mây mờ cỏ lẫn rêu
Biển tê trăng lặn, nước dâng triều.
Hòa thân, trót đã lầm đôi chữ,
Ân-oán, xui nên đủ mọi điều !
Quy-trảo dẫu rằng cơ Tạo đổi,
Nga-mao như có nợ tình đeo.
Hưng vong, biết chửa người thiên-cổ ?
Thành-tín bao nhiêu, dối bấy nhiêu !

An-Dương-Vương bị lừa vì hai chữ hòa-thân : những tưởng xử hòa rồi kết thân là êm mọi chuyện hằn-thù. Nào hay đâu việc đời thường ân trở nên oán, tình đời càng thành-thực lại càng gian-giảo. Bài học lịch-sử đã được diễn ra bằng lời văn đanh thép, sáng-sủa.

Nhưng bài học đó tác-giả đã rút ở kinh-nghiệm bản-thân : chính ông đã lầm vì hai chữ *hòa thân* với Pháp nên mới hối-quá.

Có người đã phỏng theo bài này làm một bài vịnh cái thái-ấp mà chính-quyền Pháp bấy giờ đặc-biệt cắt cho *cụ lớn* làm nơi hưu-dưỡng :

Thái-ấp mây mờ, cỏ lẫn rêu,
Pháp Nam, trung-tín cả hai triều.
Hòa thân, trót đã lâm đôi chữ,
Ân-oán, xui nên đủ mọi điều.
Nước Việt dẫu rằng cơ tạo đổi,
Làng Bông như có nợ tình đeo.
Hưng vong biết chửa, anh Tường Thuyết?
Học-hặc bao-nhiêu, chết bấy-nhiêu!

Làng Bông là nguyên-quán người sủng-cơ của cụ lớn, vì người này mà ân-oán sui nên đủ mọi điều, để tai-tiếng cho kẻ quyền gian không ít.

Chống lại Pháp ít như Nguyễn-văn-Tường, nhiều như Tôn-thất-Thuyết đều đi đến thất-bại, sao bằng làm như *cụ lớn* đây : *Pháp Nam trung-tín cả hai triều!*

Sân nhà gian-thần có bể cá vàng núi non-bộ, trên núi có tượng Phúc Lộc Thọ. Một người bợ-đỡ đã đến hót bằng một bài thơ để vịnh :

Hòn đất gây nên há cỏn con,
Trí, nhân vui cả nước cùng non (1)
Bát tiên quá hải, năm còn vắng(2)

---

(1) *Luận Ngữ* : người nhân thì thích núi (tĩnh), người trí thì thích nước (động).

(2) Tám vị tiên qua biển, đây chỉ có ba vị, thiếu năm.

Ngũ lão du sơn, cặp chửa tròn (3).
Sãm sét không sờn gan sắt đá,
Mây mưa thêm rạng vẻ vàng son.
Còn trời, còn đất, còn non nước,
Còn mãi ba ngôi vẫn chẳng mòn.

Một thân-sĩ thấy lời nịnh-nọt trâng-tráo quá, đã nổi giận phừng-phừng họa lại :

Ủa ba lão trượng bé con con,
Có ích chi mà nước với non ?
So với Di (4), Tê (5) thì lẻ một,
Sánh cùng Quách (6), Lý (7) vẫn chưa tròn.
Ngoài da chỉ những sành cùng sỏi,
Trong dạ còn đâu sắt với son...
Đã chẳng ích gì non nước nữa,
Đập cho tan nát, để chi mòn !

Có năm nước lớn, một ông phủ Vĩnh-Tường ra coi đê, gặp lúc viên công-sứ cùng đi với vợ đến kinh-lý.

Tới quãng nọ nước sông đánh tạt lên ngập một đoạn mươi thước đường, viên công-sứ giẫm nước đi qua, nhưng vợ đầm, vì thân hình to lớn nặng-nề, ngần-ngại không dám cất bước. Thấy vậy ông phủ vội lại vòng tay ra

---

(3) Năm ông già chơi núi, đây còn thiếu hai.

(4) (5) Bá-Di và Thúc-Tề, hai kẻ sĩ ẩn ở núi Thú-Dương, không chịu ăn thóc của nhà Chu.

(6) (7) Lý-Ưng và Quách-Thái là hai danh sĩ đời xưa, có tiếng tiết-tháo.

sau lưng, cõng người đầm lội qua. Cách xử-sự này đã làm đầu-đề cho cụ Huyện Móm diễu như sau :

Khen thay phủ Vĩnh khéo khôn ngầm
Nịnh bõ cu tây, cõng mẹ đầm
Đôi vú ấp tai đầu nghển nghển
Hai tay bưng đít mặt hầm hầm
Phen này cứng cánh nhờ ơn tổ
Lúc ấy sa chân, chết bỏ bầm !
Chẳng kể mề đay cùng tưởng lục
Ngửi tay, tủm tỉm miệng cười thầm...

Tả-thực đã linh-động : đầu nghển nghển để giữ thăng-bằng, mặt hầm-hầm vì ôm quá nặng. Luận thật đúng lý : may mà cứng cánh cõng nổi, chứ nếu trượt chân mà cùng ngã cả thì nguy to ! Kết rất đột-ngột : ông phủ không màng đến sự được thưởng mề-đay hay tưởng-lục, chỉ cốt được thỉnh-thoảng ngửi lại cái tay đã bưng bà đầm...

Ông Phủ Vĩnh có đọc đến bài này chắc lại *tủm-tỉm cười thầm* chứ không nỡ giận, vì họ mỉa nghe... *mùi !*

Xứ Cò-Trắng, một ông vợ mới chết xác còn quàn trong nhà, vội-vã cưới ngay bà chủ mình cũng vừa lâm cảnh góa chồng. Đặc-điểm là ông làm công mới ba chục tuổi, còn bà chủ thì đã ngoại ngũ tuần, nhưng có đồn-điền to. Cuộc hôn-nhân như vậy là bù trừ để lấy lại « công-bằng xã-hội », song hai cậu em bà chủ đồn-điền không tán-đồng, bà phải hối-lộ hai cậu sáu ngàn đồng cho êm, chỉ khổ bốn anh con ông chủ mới, tang mẹ ruột chưa xong mà phải chào mẹ ghẻ mỗi người hai lạy.

Ông huyện Móm tức cảnh ngay

Cò-Trắng lâu nay lắm tiềng đồn
Chồng vừa mới chết, vợ chưa chôn
Trai trong ba chục, còn non mặt
Gái ngoại năm mươi vẫn nứng dồn
Hí-hửng sáu nghìn hai cậu nó
Sụt-sùi tám lạy bốn thằng con.
Suối vàng ví có hay chăng tá
Thì cũng Châu-Trần, cũng nước non !

Phải đây, nếu được tin đám cưới trên trần mà dưới âm hai người quan, quả cũng cưới nhau, cái công-bằng xã-hội trên kia sẽ được lập lại cho cả âm lẫn dương, thì đôi ngả âm-dương cũng khỏi phải ngậm-ngùi « *Xâm thương chẳng vẹn chữ tòng* » !

\#

Trên kia (tr. 38) chúng tôi đã chép một vài câu đối của ông Trần-Bình. Nay xin thuật lại mấy bài thơ ông làm khi sắp từ-trần.

Ông nghe lời thày số nói tháng tám năm ấy sẽ về chầu tổ, nên tới tháng này ông về nằm nhà đợi chết. Qua sang tháng chín, ông vẫn chưa mệnh hệ gì, liền gửi bài thơ sau này đăng lên « Trung-Bắc Tân-văn »

Cáo Tồn

(trái lại với cáo phó)

Bướu mọc, càng thêm ruột xót đau
Thà rằng vùi trước khỏi nhơ sau

Sinh ra nước Việt làm tôi Pháp
Lỡ tại người Nam học chữ Tàu (!)
Kiếp nặng chửa tan kềnh một giấc
Đời thừa còn góp sõng năm châu
Đã qua tháng tám mà không chết
Thày sõ năm xưa cũng lắc đầu!

Đến khi bệnh trở nên trầm-trọng, ông nằm trơ một mình, không ai thăm hỏi. Một hôm có người cũ ở Thúy-sơn là nơi ông trọng-nhậm khi trước, đến thăm, ông cảm-động khẩu-chiếm bài thơ chữ Hán :

Tàn tức, thùy tri bát nguyệt tồn,
Thi cùng, khả dĩ Thúy-sơn ngôn!
Bi hồ, uổng sái chư-công huyết
Tẩu cẩu nan chiêu nhất lão hồn!
Biến địa kinh-trăn, đường cựu bạt,
Hoài nhân phong-vũ, cúc không tôn.
Hoang lư, tà nguyệt, cô đăng dạ,
Tài triển ngâm biên lệ dĩ thôn...

Rồi ông tự-dịch ra quốc văn :

Thoi-thóp, ngờ đâu tháng tám còn...
Thơ còn hơi thở, thở cùng non!
Tiếng ăm, cáo khóc hoài phun máu,
Thân sót, cầy săn uổng hú hồn!
Ghế nhạt bóng đường gai góc tủa,
Chén hờ hương cúc gió mưa tuôn...
Canh khuya nhà vắng, trăng soi lệch,
Vừa giở bài ngâm thổn thức dồn...

Thơ còn hơi thở, thở cùng non : chỉ còn có làm thơ cho núi Thúy nghe mà thôi, vẫn cái giọng nước non ra dáng !

Cáo khóc hoài phun máu : đáp lại những lời phúng sống gắt gao mà ông cho là ngậm máu phun người.

Cầy săn uổng hú hồn : cho ai cũng là chó săn, trong khi chính mình là một, lúc làm quan !

Ghẽ nhạt bóng đường gai góc tủa : bóng cam đường của Thiệu-bá nhạt rồi thì gai-góc trổ ra ! Tiếc rằng Thiệu-bá là viên quan gương mẫu, đâu có như ông !

Chén hờ hương cúc gió mưa tuôn : ai ngờ trong lúc ngày tàn còn có người ở Thúy-sơn là nơi trồng nhiều kim-cúc, đến thăm mà rỏ lệ thương vay.

Đến lúc thoi-thóp rồi mà còn tự dối cả chính mình. Thiết tưởng *thồn-thức dồn* là để ăn-năn mới phải chứ !

Nhà nho ở buổi giao thời, nhiều người có tư-cách đáng chê nhưng cũng không thiếu người có cốt-cách phong-lưu, nếu đôi khi có kiêu thì cũng kiêu một cách đáng mến. Như ông thượng-thư Trần-chỉ-Tín tự cười mình :

Tự Trào

Tuổi-tác nay đã ngoại sáu mươi
Hơn ai chẳng dám, dám thua ai !
Hai bàn tay trắng làm nên thế,
Một tấm lòng son ở với đời.
Lấy phúc mà đong lo cũng mệt

Có duyên thì gặp dễ như chơi!
Xưa nay con tạo xoay vần nhỉ
Hết đó rồi đây, vẫn thảnh thơi...

⁂

Ông Nguyễn Đỉnh-Ngọc năm 55 tuổi, có một nhân-sinh-quan bình thản, vui trong cảnh nghèo :

Ngũ Thập Ngũ Tự Thọ

Vừa mới ngày nào tóc chấm vai,
Đốt tay bấm đã ngoại năm mươi.
Nặng-nề chưa dễ đền ơn nước,
Khuôn-phép còn may trọn cách người.
Học cũ thế mà tư-tưởng mới,
Nhà nghèo cũng vẫn nói cười vui.
Hoa sen một giấc say chưa tỉnh,
Đã chắc hơn ai, chắc kém ai.

⁂

Nguyễn-Trọng-Cẩn (1900-1947) bút-hiệu Hoài-Nam quán Quảng-bình, Trung-Việt. Theo học chữ nho trong khi chữ quốc-ngữ và chữ Pháp đã phổ-biến. Đến năm mậu-ngọ (1918) vào Huế dự kỳ thi hương cuối cùng. Không đỗ, ở luôn tại đó làm nghề viết báo. Đến năm 1929, lui về nguyên-quán làm thuốc và dạy chữ Hán. Năm 1947, bỏ mình vì đạn của quân đội Pháp.

Ông có trí-nhớ hơn người, văn viết lưu-loát, không cần gọt sửa. Thơ đối phần nhiều xuất-sáo, nên linh-động hồn-nhiên. Đan-cử hai bài sau đây :

Tự thán

Con tạo e khi cũng muõn đùa,
Khiến anh-hào phải chịu cay chua!
Văn lùa quỉ đói đi không nổi,
Rượu đánh ma sầu vẫn cứ thua.
Mõi nợ đa-tình vay chửa trả,
Tấm thân vô dụng bán ai mua!
Của riêng còn có kho vô tận :
Tuyết nguyệt phong hoa đủ bốn mùa.

Tự Trào

Có bệnh chi mà tớ muõn điên?
Chẳng tham quan-tước, chẳng tham tiền.
Trăm khôn, e mắc trăm đường mệt,
Một dại, là xong một mõi phiền.
Rắn rết, gớm ai lòng độc-địa,
Rồng mây trõi kệ chuyện huyên-thiên.
Người đời cười tớ là điên thật,
Tớ lại cười ai giả thánh-hiền!

Chú ý : độc-địa đối với huyên-thiên.

Thái-độ thường-xuyên của nhà nho bất đắc-chí là « ngông », càng thiếu-thốn về vật-chất lại càng ngông ; tuy vậy cũng ít khi lời-lẽ quá đáng như Nguyễn Công-Trứ.

Đì mẹ nhân-tình đì mẹ đời
Lạt như nước ốc, bạc như vôi
Tiền-tài hai chữ son khuyên ngược

Nhân-nghĩa đôi đường nước chảy xuôi
Cổ có siết rồi thì há miệng
Vòng chưa thoát khỏi đã cong đuôi
Dám xin các bác phen này nữa
Nậu xáo xin đừng nấu xáo vơi

Và cũng không mực-độ như một nhà nho khác

Lúc túng, túng thời thời thật túng
Khi chơi, chơi thế thế là chơi!

Có điều chắc-chắn là không ai chịu khuất-phục trước quyền-thế hay tiền bạc.

※

Một hàn-sĩ bữa kia hết gạo, đánh liều vào dinh quan lớn nọ xin tiền, quan ông đi vắng, quan bà cho người xua đuổi và văng tục văng rác, cái nọ cái kia. Hàn-sĩ ra đường vừa gặp quan ông về, liền thưa hết sự tình.

Quan bảo làm một bài thơ tự-sự, nếu hay sẽ chu-cấp cho. Hàn-sĩ ứng khẩu đọc :

Để Biếu Ông

Bác mẹ sinh-thành giống tổ-tông,
Ai ai cũng có chẳng ai không!
Ngoài bôi phấn trắng ba phân bạch,
Trong giắt châu son một tấc hồng.
Ngày sáu khắc vây màn Đổng-tử,
Đêm năm canh dựng ngọc Đồ-công.
Học trò hết gạo ăn mày gạo,
Cái ấy, thưa bà, để biếu ông...

※

Cùng một giọng ngạo đời để trả lời một người khinh mình túng kiết, có bài :

Thượng Xỉ Hạ Đạn

Xương thịt sinh ra nghĩ cũng kỳ :
Dẫu rằng trên dưới kém nhau chi !
Phá tan cốt ngạnh cùng hào phú (1)
Đúc nổi nhân-tài với nữ-nhi.
Núi thịt rừng nem từng đã trải,
Lầu hồng gác tía lối quen đi.
Đấy đây chắc đã hơn nhau chửa,
Đấy một thì, đây cũng một thì.

※

Một ngày nọ, mấy ông cử tú ngoài Bắc vào thi hội trong kinh. Một ông tên là Đoan, không biết bữa trước ăn uống thế nào mà hôm sau vào trường, suốt ngày hơi ngạt cứ tuôn ra ông-ổng. Ông ngồi cạnh, là Hồ Quang-Bí, người Trung, chịu cái tai-ách một sự lân-lý không thơm-tho gì. Khi ra bảng người Bắc hỏng nhiều, mà ông Bí cũng hỏng. Chiều về anh em kháo nhau, lấy làm câu chuyện mỹ-đàm, bèn ra đầu-đề cùng làm thơ.

Đầu-đề là : *Vừa văn, vừa rắm.*

Bài của ông Tú Nguyễn-Khách-Doanh ở Nam-Định được coi là hay hơn cả :

Phương sú, lưu gì ở thế-gian,
Mà văn, mà rắm hử anh Đoan ?

---

(1) Cốt : xương thú ; ngạnh : đầu cá. — Cốt ngạnh : người cứng cỏi không chịu khuất phục. Phá tan cốt ngạnh : dầu chết cũng không sợ.

Vẽ voi, thẽ cũng đòi thi cử
Khéo khỉ, sao mà vãi ruột gan.
Làm mãt tiếng thơm cho đất Bắc,
Thẳng đưa hơi thối đến Trường-An!
Vô duyên, cái mũi Hồ Quang-Bí:
Ngửi rắm thâu ngày, phải hỏng oan...

Bài thơ thật sát đầu-đề, cứ một câu về văn, lại một câu về rắm; *Vẽ voi thẽ cũng đòi thi cử, Khéo khỉ sao mà vãi ruột gan,* hai câu thực đối xuất-sáo mà linh-động. Câu luận *Làm mãt tiếng thơm cho đất Bắc,* chữa cái thẹn thi hỏng của người Bắc. *Thẳng đưa hơi thối đến Trường-An,* ngạo các thí-sinh Trung. Câu ngạo này cũng chỉ là trêu-cợt mà thôi, không đến nỗi gây ẩu-đả. Gây ẩu-đả là do ông Hồ Quang-Bí, mũi bị khiêu-khích nên tay đâm ngứa, đã nhè nhà thơ mà phang cho túi-bụi. Nhưng sau, mọi người can-thiệp, ông Bí hả giận cười sòa, cùng rủ nhau đi đánh chén, vì... bài thơ hay quá!

Và đây là bài thơ của một ông nghiện, khi được tin tướng Rommel bị vây, suýt-soa thương-xót, vì ông đương khoái ở chỗ Đức đã bại Pháp. Cứ một câu nói về tướng Đức, lại một câu nói đến chứng nghiện:

Một bác đồ ghiền, một tướng Âu,
Dở người, ngẫm-nghĩ thấy thương nhau
Ông mà rút mãi quân sinh-lực,
Tôi có ngon chi điếu nạm-thầu!
Mỗi một nghe tin cờ bí nước,
Bằng ba cái khổ thuốc rây dầu.
Nếu ai cứu được ông ra khỏi,
Dù *bắt* cai vo *cũng gật đầu...*

Nạm thầu : điếu thuốc xái bao. Cai vo : chừa thuốc một cách quyết-liệt, không chịu bớt dần mực-độ cho khỏi bị thuốc vật.

Mỗi một với *bằng ba,* đối được thế chắc cũng đã tốn thêm mấy điếu nạm-thầu !

○

Nói đến loại thơ thời sự tất phải kể đến Tú Xương vì hầu hết tác-phẩm của ông đều lấy thời sự làm đề-tài. Sau đây chúng tôi lục mấy bài mà các báo đã đăng tải nhưng vì không ghi chi-tiết thành ra khó hiểu.

Ông Tú vốn ghét chữ Tây, không những hay đả-kích những thày thông thày ký làm việc cho Tây, lại còn ghét cả những cô thiếu-nữ kết-duyên cùng thông ký nữa.

Cô thiếu-nữ kia ở cùng phố với ông, vốn nghề trưng thầu xe tay, muốn được dễ-dàng trong việc thuế-má, nên đành lấy lẽ một thày ký làm trong sở Cảnh-sát. Rồi chẳng may cô giữa đường đoản-mệnh, chết vào ngày mồng hai Tết. Ông Tú không thương thì chớ, lại còn nhân dịp mỉa-mai thêm :

Viếng Cô Ký

Cô ký sao mà đã chết ngay ?
Ô hay, trời chẳng nể ông Tây !
Gái tơ đi lấy làm hai họ,
Năm mới vừa sang được một ngày.
Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ
Ông chồng thương đến cái xe tay !
Gớm gan cho những cô con gái,
Còn rủ-rê nhau lấy các thày !

«*Đi lấy làm hai họ*», là đi lấy lẽ họ, họ là hắn, là người ta, người ấy. Kể ra dùng chữ hơi tối nghĩa, bài thơ cũng chẳng có gì hay. Câu *ô hay, trời chẳng nể ông Tây!* thật là suy-luận một cách quá thiên : Tây, mà cả đến thày ký nào có dính-dáng gì đến cái chết của cô ký!

Chúng tôi chép lại đây vì nhiều nơi không chua rõ tình tiết khiến cho không còn ai hiểu nghĩa bài thơ nữa. Bình-tĩnh mà xét, bài này không có gì đặc-sắc, mà còn tỏ ra tác-giả có một khí-cục tầm-thường, không đặt mình cao lên một từng mà phê phán sự-kiện.

Có nhiều sách báo đã chép bài « Mứt rận », mỗi chỗ cho ra một giả-thuyết để cắt nghĩa : nào nghèo quá phải làm mứt rận đem bán (*mứt rận thì ăn làm sao được và còn đem bán cho ai?*) nào lấy rận ra ăn thay mứt ngày tết, tuồng như rận trong nhà bò ra nhung-nhúc!

Thật ra, có gì bí-hiểm đâu! Chỉ là tết năm ấy, bà Tú làm mứt, không hiểu vô-ý thế nào mà trong một miếng mứt ông Tú xiên lên để ăn, nhìn kỹ thấy có lẫn một con rận nằm chết trong lượt đường, ông mới đọc giỡn :

Mứt Rận

Sắm-sửa năm nay khéo thật là!
Một mâm mứt rận mới bày ra :
Sanh đồng thắng lại đen rưng-rức
Áo vải bò ra béo thực-thà!
Kẹo chú Triều-châu đâu đọ được
Bánh bà Hanh-tụ cũng thua xa.
Sang năm quyết mở ngôi hàng mứt,
Lại rưới thêm vào ít nước hoa!

Kể ra, bài thơ này chẳng có gì đáng chú ý, chỉ tỏ tài ứng khẩu trôi-chảy của ông Tú thôi.

Và như bài :

Xuân Thế Ru Mà

Xuân từ trong Huế mới ban ra
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà
Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột
Trang hoàng trên vách bức tranh gà (1)
Chí cha chí chát đua giầy dép
Đen thủi đen thui cũng lượt là
Ướm hỏi những ai nơi cõ quận
Rằng xuân, xuân vẫn thế ru mà?

Các bản đều chép theo Nam-Phong là : « *Xuân từ trong ấy mới ban ra* » — « Huế » Nam Phong đổi là « ấy » có lẽ tại kị húy — thành ra sau này ít người hiểu được nghĩa câu thơ. Sở dĩ *Xuân từ trong Huế mới ban ra,* là vì mỗi năm, gần đến Tết, nhà vua ban lịch mới cho các tỉnh, có nghĩa là ban ngày Nghiêu tháng Thuấn cho dân theo đó mà sống, vì ngày tháng là của vua, sông núi là của vua, ngọn rau tấc cỏ cũng đều là của vua !

Song thời-thế đã đổi khác, vua đã ở trong tay Pháp, thì ngày tháng vua ban liệu có được như khi còn độc-lập

(1) *Trang-hoàng,* có bản chép là *om-thòm.* Bức tranh mà *om-thòm,* e không có nghĩa. *Trang-hoàng* ngày nay dùng thường rồi, nên không thấy cái quan-hệ của nó như ngày xưa. Ngày xưa trong dân-dã, chỉ ngày Tết mới trang-hoàng nhà cửa. Nhà nghèo, bức tranh gà ba xu cũng gọi là trang-hoàng, pháo chuột là thứ pháo nhỏ rẻ tiền nhất, cũng đem ra đì-đẹt !

chăng ? Hay là chỉ còn là những cái vui-mừng của trẻ-nít mà thôi ? Vì thế nên mới chuyển xuống được hai câu kết vô cùng cảm khái :

Ướm hỏi những ai nơi cõ quận
Rằng xuân, xuân vẫn thế ru mà ?

Lại như bài :

Đạo Học

Đạo học làng ta chán lắm rồi
Mười người đi học chín người thôi
Cô hàng bán sách lim dim ngủ
Thày khóa tư lương nhấp nhổm ngồi
Sĩ khí rụt-rè gà thấy cáo
Văn chương liều-lĩnh đấm ăn xôi
Tôi đâu dám mỉa làng tôi nhỉ
Trình có ông tiên, thứ-chỉ tôi !

Phần nhiều bản chép câu đầu là : « *Đạo học ngày nay chán lắm rồi* » thành ra lảng mất nghĩa, không xuống được hai câu kết.

Chính ra ông Tú chỉ muốn nói riêng về tình-hình học vấn trong làng Vị-Xuyên, để gói ghém tất cả sự châm-biếm vào hai câu kết :

Tôi đâu dám mỉa làng tôi nhỉ
Trình có ông tiên, thứ-chỉ tôi !

vì hai ông tiên-chỉ và thứ-chỉ, cả làng đều biết là người... mù chữ.

Tú-Xương có gặp Phan Bội-Châu, và sau khi Phan xuất dương, ông vẫn thường nhắc-nhở đến. Ông có bài

Nhớ Phan

Ta nhớ người xa, cách núi sông.
Người xa, xa lắm, nhớ ta không?
Dễ hầu vui lắm thêm buồn-bã,
Vừa mới quen ra đã lạ-lùng!
Lúc nhớ, nhớ cùng trong mộng tưởng,
Nỗi riêng, riêng cả đến tình chung.
Tương-tư lọ phải là trai gái:
Một ngọn đèn xanh, trống điểm thùng...

Gặp nhau càng vui thì xa nhau càng buồn.

Vừa mới quen ra đã lạ-lùng, là vì đi ngoài đường không dám nhìn-nhận nhau, hoặc trong câu chuyện không dám cho ai biết là có quen nhau.

Nỗi *riêng* nặng vì non nước, nên *riêng cả tình-chung,* đến vợ con cũng không cho biết được.

Khéo ở *nhớ... tưởng* đối với *riêng... chung.*

Hai câu kết thật là man-mác.

Và một bài nữa:

Nhớ Phan

Mấy người vượt biển lại trèo non,
Em hỏi thăm qua, bác hãy còn.
Mái tóc Giáp-Thìn đà nhuộm tuyết,
Điềm đầu Canh-Tí chửa phai son.
Vá trời gặp hội mây năm sắc,

Lấp biển ra công đắt một hòn.
Đã chẳng như ai mà sợ chết,
Dang tay chống vững cột càn-khôn!

Sở dĩ biết được là nói về Phan, là vì cụ sinh năm Giáp-Thìn và đỗ thủ khoa năm Canh-Tí : « *Mái tóc Giáp-Thìn, điểm đầu Canh-Tí* ».

Coi vậy, Tú-Xương có cảm-tình và có liên-lạc với các nhà ái-quốc, vì ông là người có tâm-huyết. Nhưng không thể vì bấy nhiêu mà đặt ông vào hàng chí-sĩ anh-hùng, là bởi một cái én đâu có tạo thành cả mùa xuân!

Chứng cớ là năm 25 tuổi, đậu tú-tài, ông có những câu này :

Đỗ Tú Tài

Ông trông lên bảng thấy tên ông,
Ông nốc rượu vào, ông nói ngông :
Trên bảng năm mươi thầy cử đội,
Bốn kỳ mười sáu cái ưu thông!
Xướng danh tên gọi trên bành tượng,
Ăn yến xém chừng có thịt công.
Cụ Sứ có cô con gái đẹp.
Làm le xui bõ cưới làm chồng!

Lúc đỗ thì vênh vang, đòi lấy con gái công-sứ Pháp, khi hỏng sao mà cay-cú thế!

Lại năm 28 tuổi, ông nằn-nèo mãi bà Tú mới may cho một cái áo bông lụa lót nhiễu kỳ-cầu, nhân đó mà ông cao hứng :

Tớ mới hai mươi tám tuổi đầu,
Trăm năm tính đốt hãy còn lâu.
Ví bằng thi đỗ làm quan lớn,
Thì cũng nhà to cưới chị hầu!
Người ấy nhiều khi chưa đạt vận,
Biển kia có lúc cũng trồng dâu.
Xuân này chỉ có áo bông lụa,
Ngoài tía trong xanh : lót nhiễu cầu!

Chí sĩ anh hùng đâu có khẩu khí như vậy, dù là trong lúc nói đùa : *thi đỗ làm quan lớn, nhà to cưới chị hầu! Biển kia có lúc cũng trồng dâu,* nhưng mới được cái áo bông lụa đã tủm-tỉm, lấy làm vừa ý lắm rồi!

3 — thơ nhất khí

Lối này, người ta hay lấy làm thí dụ bài của Nguyễn-gia-Thiều :

Cam, chóng ra xem gốc hải đường
Hái hoa về để kết làm tràng
Mấy cành mới bói đừng vin nặng
Những đóa còn xanh chớ bẻ quàng
Rồi đến tây-hiên tìm liễn xạ
Cùng sang đông-viện lấy bình hương
Mà về cho sớm đừng thơ-thẩn
Kẻo lại rằng không dặn kỹ càng!

Bài này hơi đi một mạch mà niêm luật bát cú rất tề-chỉnh, kể ra là trúng cách, dù người ta có thể đánh dấu hỏi tại sao liễn xạ với bình hương lại để ở hai phía đông tây,

hoặc-giả sự-kiện ấy do sự cần dùng gò đối mà được tạo ra ; vả chăng ý thơ không có gì đặc-sắc.

Lối nhất khí còn nhiều bài hồn-nhiên hơn.

Như câu đối thờ Yên-Đổ đã làm cho người hàng xóm, lấy ngay lời họ nói với mình mà viết ra :

Sửa một cơi trầu sang lễ cụ
Xin đôi câu đối để thờ ông

*

Yên-Đổ tiếp bạn, một buổi nhà vắng, không có ai hầu, không có gì « chén », đã đọc một bài nhất khí, thật chí-tình :

Chẳng mấy khi nay bác tới nhà,
Trẻ thì đi vắng, chợ thì xa,
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà chửa nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách : trầu không có,
Bác đến chơi đây... ta với ta.

*

Lương-hữu-Khánh một hôm đi tới bến đò, gặp một nhà sư đi đám chay về, mang một đấy oản. Nhà sư thấy ông có dáng đói, tặng cho vài phẩm. Ông từ rằng :

— Học-trò nhịn đói đã mấy hôm, may gặp Bồ-tát, tưởng bố-thí thế nào, chứ cho bấy nhiêu, chả bõ dính mép.

Nhà sư cười :

— Thầy đã là học-trò, thì thử làm một bài thơ « Học-trò đi thuyền chung với nhà sư », hễ đò sang tới bờ bên kia mà thơ xong, bao nhiêu oản xin biếu cả.

Lương chậm-rãi ngâm :

Một pho kinh-sử, bộ Kim-cương,
Ngươi tớ đò sang khéo một đường
Trong hội cồ-đàm ngươi thỏa-thích ;
Trên ngôi đài-các tớ xênh-xang (1)
Truyện xưa ngươi vẫn căm Hàn-Dũ, (2)
Việc trước ta còn oán Thỷ-Hoàng (3)
Chốc nữa lên bờ ta tạm biệt
Kẻ tròn quả-phúc, kẻ vinh-xương...

Chưa sang khỏi đò đã xong thơ và... lãnh oản !

Ấy đều là những bài nhất-khí rất đắc-thể.

Nhưng chúng tôi riêng thú nhất bài nhất-khí sau đây của Nguyễn-công-Trứ.

Tương-truyền có hôm ông cắt công đến thăm một cô đào, bị cô này tiếp chuyện ra vẻ thờ-ơ hờ-hững. Ông bực mình đọc luôn một mạch :

Ông ở nhà ông ông nhớ mi
Nhớ mi nên mới bước chân đi
Không đi mi bảo rằng không đến

---

(1) Có bản chép : nghênh-ngang — Cồ-đàm : tiếng Phạn — họ của Thích-Ca (Gautama).

(2) Hàn-Dũ đời Đường bài-xích đạo Phật.

(3) Tần-Thỷ-Hoàng chôn học trò và đốt sách nho.

Đến thì mi hỏi : đến màn chi ?
Mân chi, ông đã mân chi đặng,
Mân đặng, ông mân đã chán khi !

*

Và đây lại một bài nhất-khí nữa.

Thời trước, trong gia-đình nhà nho, hễ có giỗ chạp, con cháu, dù là những người đã thành-đạt, cũng phải xúm nhau vào làm cỗ cúng, mà phải tự tay làm lấy chứ không được sai ai, cốt để tỏ lòng thành-kính tổ-tiên.

Một bữa, gia-đình kia gặp ngày giỗ tổ, con cháu cắt nhau mỗi người một việc. Người em út được cử vào việc thổi xôi. Anh ta chưa từng biết thổi xôi thế nào, nên xin từ chối, nhưng bà chị bảo cứ nhận đi rồi chịu khó đứng canh chõ xôi, hễ thấy phì hơi lên thì gọi, bà sẽ đến làm hộ.

Anh ta đành nhận, và lúc thấy phì hơi, vội kêu rầm lên : *Chị ơi, sôi rồi nồi xôi !* Mấy ông anh bấy giờ mới biết là em không tự mình làm lấy cái việc đã cắt-đặt, tức là mang tội thất-kính với tổ-tiên, liền phạt làm một bài thơ hạn vần *ơi, sôi, rồi nồi, xôi.* Anh liền ứng-khẩu đọc :

Ới hỡi anh em chú bác ơi,
Nồi xôi tôi thấy nó vừa sôi !
Trông chừng mấy mặt hơi lên cả,
Có lẽ bên trong gạo chín rồi !
Chẳng những bừng-bừng trên miệng chõ,
Lại còn sùng-sục dưới trôn nồi...
Nãy giờ dễ muốn sôi lâu quá,
Tôi bắc ra này kẻo hỏng xôi !

Cách cư-xử với nhau trong gia-đình, rõ là phong-nhã, khác hẳn lễ-lối tân-thời...

Đây cũng có thể là một câu chuyện đặt ra để nói về quốc-sự, về những hoạt-động thầm-kín trong lúc chính-quyền ở tay người Pháp.

4 — thơ sách họa

Sách họa là một lối vấn-nạn các nhà thơ, nhiều khi phải dùng mưu-mẹo mới họa được. vì trong câu họa chỉ được lấy nguyên có một chữ vần của bài xướng mà thôi, còn chữ đi sát với chữ vần không được trùng, nếu trùng là kém thế.

Như cô Xuân-Hương đã gieo vần « hòi »

Lượng cả xin ông chớ hẹp hòi

Người họa không tìm được tiếng kép nào có chữ *hòi* ở sau, đã phải dùng tới lối nói lái, mới thoát hiểm :

Sẽ lại gần đây tớ « thầm hòi »

Còn nhiều khi gặp tử-vận, đành phải bó tay.

Tức như câu chuyện một ông kia ở Thái-Bình. Ông vì quốc-sự phải đầy đi Côn-đảo. Hết hạn được trở về nguyên-quán, nhưng phải tháng tháng lên sở Mật-thám trình diện một lần.

Vì không muốn làm phiền ai, (vả cũng không ai dám lui tới trong thời-gian ông còn bị hiềm-nghi), ông mới quyên trong anh em lấy ít nhiều, ra dựng một cái quán

ở chân đê gần huyện-lị, để tiện việc trình-diện, và nhân thể cho vợ con bán trầu nước sống qua ngày.

Bất-đồ quán dựng lên rồi, lại bị sở Lục-lộ ra lệnh bắt dỡ đi, vì theo luật-lệ, làm nhà ở chân đê phải cách xa đê 5 thước để phòng khi đê sạt lấy chỗ làm công-trường sửa chữa. Thế mới khổ, chỗ giẻo đất dựng quán nếu lui lại 5 thước thì chạm đến ruộng sâu của làng rồi, không thể xây-cất được nữa.

Một người bạn được tin này nghĩ cám cảnh cho ông, bèn gởi đến mấy câu an ủi :

Gửi Bạn Phải Dỡ Nhà

Bên đường bác mới dựng lều tranh
Được lệnh thuyên đi, thế cũng đành!
Những tưởng chân đê là vững-chãi,
Nào ngờ mặt đất cũng lênh-đênh...
Sự đời đã trải mùi cay đắng,
Thân-thế còn thêm nỗi bấp-bênh.
Dỡ lớp ấy đi, làm lớp khác!
Riêng lòng, lòng vẫn rộng thênh-thênh...

Tất cả cái mỉa-mai chứa trong hai câu : *những tưởng chân đê là vững-chãi, nào ngờ mặt đất cũng lênh-đênh!*

Từ khi ông được thơ, những khách qua đường thấy ông ra vào trong quán có vẻ băn-khoăn, khi vê điếu thuốc, khi nâng chén trà, nét mặt đăm-chiêu, ai cũng cho là ông đang lo-nghĩ về chuyện đuổi nhà. Cách vài ba hôm sau, thấy vẻ mặt ông tươi-tỉnh hẳn lên, người ta bảo nhau chắc là đã dàn-xếp êm rồi, khỏi bị đuổi nữa.

Nào có hay đâu, mấy hôm ông bực-rọc là chỉ bận tâm về họa thơ, mà đến nay nhẹ-nhõm hẳn người đi, ấy là ông đã tìm ra được cách trả lời bài thơ đó.

Ông đã trả lời vẹn-vẹn có hai câu :

Nó mà cứ đuổi thì... ông xéo
Chỉ ức thơ mày hạ vận đênh !

Vận *đênh* thì ác thật, vì đi với *đênh* chỉ có chữ *lênh*. là *lênh-đênh,* không còn chữ gì... *đênh* được nữa !

Thơ sách họa mà gieo tử vận còn khổ cho người họa bằng mấy mươi luật-lệ của sở Lục-lộ !

*

Chế-độ đa thê, nhiều người không chấp-nhận, nhất là các bà lại càng không chấp-nhận, nhưng trong thực-tế, chế-độ ấy chỉ là hợp-thức-hóa những lệch-lạc của chế-độ một vợ. Đa thê mà như ông nhà nho sau đây, trên kính dưới nhường, không phải là không có thú-vị :

Chồng Tự Cười Mình

Năm mươi tư tuổi ngỡ mình già !
Đời vẫn khen mình trẻ tựa hoa...
Hội mở văn-minh đâu đã hói,
Chữ nhìn quốc-ngữ mắt hơi lòa
Ngứa nghề thỉnh-thoảng vài câu « thổng » (1)
Ngọt dọng ngâm-nga mấy chén khà
Nghĩ cái mình ta ghê-gớm lạ :
Buổi đời tranh-cạnh thế mà ta...

---

(1) Thổng : lối ngâm lục bát, có câu 6 chữ ở cuối.

Vợ Cả Họa

Chưa già, ông cứ tảng ông già!
Còn kém tôi đây một tuổi hoa.
Nghe chuyện mua hầu tai vẫn thính
Khuyên đi bảo trẻ, mắt kêu lòa.
Văn-chương giá đáng ba đồng kẽm
Danh lợi coi như một tiếng khà
Chuốc chén mừng câu « xuân bất lão »
Có chăng dì nó khéo hơn ta!

Dì nó thì hẳn là khéo hơn rồi nên mới có mặt trong nhà.

Vợ Lẽ Họa

Vui thú non quê chẳng biết già
Mùi đời ông cứ thoảng như hoa.
Ngâm câu kinh-sử giương đâu hói
Hỏi chữ A B tảng mắt lòa.
Rượu bữa nay còn, ừ chén đã!
Gạo ngày mai hết, chỉ cười khà!
Cách ông như thế, ông còn thọ,
Khôn khéo phần ai, chửa đến ta!

※

Ông Nguyễn-sĩ-Giác khoảng năm 1920 có bài thơ tỏ chí :

Gươm đàn nửa gánh muốn sang sông,
Hỏi bến thuyền không lái cũng không!
Xe muối nặng-nề thương vó ký,
Đường mây rộng-rãi tiếc chim hồng.
Vá trời lấp bể người đâu vắng,
Bán lợi mua danh chợ vẫn đông!

Lần-lữa nắng mưa trong cuộc thế,
Cắm sào đợi nước thuở nào trong !

Lời thơ bằng-phẳng, có chỗ mâu thuẫn là *Hỏi bến thuyền không lái cũng không* thì lấy sào đâu mà cắm đợi nước trong ? Sở-dĩ chúng tôi lục ra đây là vì khoảng năm 1961, có người chép lại, bảo là sáng-tác của ông Ngô-đình-Diệm, và đưa ra « sách họa », báo hại mấy ông trong vòng phải nghĩ thơ « phụng họa » rồi mấy ông ngoài vòng nhân thể cũng ghép vần đả-kích :

Hèn vụng toan khai núi lấp sông !
Chiêm-bạo : sự-nghiệp có rồi không.
Tan-tành lưới gió hoài tơ nhện,
Diệu-vợi đường mây rã cánh hồng.
Mùi thế ngọt-ngon ai đã chán ?
Chợ đời giành-giựt khách còn đông.
Nhắn lời xin hỏi người cao-kiến :
Nào thửa Hoàng-hà thấy nước trong ?

Năm 1946, giữa lúc cuộc tranh-chấp Quốc Cộng đương gay-go ở ngoài Bắc, người ta truyền nhau bài thơ sau đây nói là của ông Nguyễn xướng họa với ông Hồ :

Xướng

Gặp-gỡ đường đời ông với tôi,
Giang-sơn kìu-kịt gánh xan đôi.
Tuy chia Nam Bắc, chia bờ cõi,
Vẫn một ông cha, một giống nòi.

Đành chịu nước cờ thua nửa ngựa,
Còn hơn miệng thế nói mười voi.
Mấy lời nhắn-nhủ khuyên ông nhớ :
Nước ngược buông câu phải lựa mồi !

Thua nửa ngựa tưởng như là ít, ngờ đâu chỉ nửa ngựa, đã hụt tới cả bao nhiêu cây số, có lẽ còn gấp ngàn lần lời các cụ dạy : *sai một ly đi một dặm.*

Họa

Đoàn kết từ xưa ông với tôi,
Đường đời gai góc phải chia đôi.
Đã sinh tai mắt sinh đầu óc,
Há phụ anh em, phụ giống nòi.
Họ đã dăn thân nơi miệng cọp,
Tôi đành ghé đít cưỡi đầu voi.
Cờ tàn mới biết tay cao thấp,
Đâu phải như ai, cá thấy mồi !

Một nhà quốc-gia, ông Nhân Phủ Lê-thế-Vinh, sau khi đất nước qua phân Nam Bắc, đã cảm-khái họa một bài, nhắn-nhủ những ai *cõng rắn cắn gà nhà :*

Từ nay đảng bác, phái bên tôi,
Nam Bắc, con đường rành xẻ đôi.
Khắc khoải giọng quyên lòng nhớ nước,
Bâng khuâng đất khách dạ thương nòi.
Mưu mô chớ giở trò buôn sói,
Sử sách còn ghi truyện rước voi.
Khẩn thiết xin ai đừng vọng ngoại,
Ngàn năm khó gột tiếng chim mồi !

5 — thi thơ

Báo Trung-Bắc năm 1921, đề xướng cuộc thi thơ *Vịnh Văn Miếu Hà-nội*, lấy câu đầu là *Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long*.

Mỗi ngày báo đăng lên đến mười mấy bài, ròng-rã trong ba bốn tháng, tựu trung các bài đều na-ná như nhau, đại khái :

Nghìn năm văn vật đất Thăng-Long
Khổng miếu là đây có phải không?

Cứ ra-rả như thế mãi, sau có người chịu không nổi gửi tới một bài cáu kỉnh

Nghìn năm văn vật đất Thăng-Long
Văn-vật ngày nay mới lạ-lùng!
Tham biện, tham buôn, tham cán-sự,
Đốc người, đốc chó, đốc canh-nông.
Du-côn mật-thám đầy sông Nhị,
Giăng-há ma-cô chật núi Nùng.
Còn nữa, xin ngưng không dám kể,
Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long!

Chả là trước đó trong hàng công chức cao-cấp chỉ có một ngạch tham-biện xuất thân ở trường cao-đẳng ra gọi tắt là ông *tham*, sau những người tốt-nghiệp trường thương-mại và trường lục-lộ, tuy là xếp vào hàng cao-đẳng nhưng không có bằng trung-học, cũng được gọi là ông *tham*, khác nào lúc đầu chỉ có các ông *y-sĩ* được tôn là ông *đốc*, về sau mới thêm ra các ông *đốc thú-y* và *đốc canh-nông*. Vì thế nảy ra hai câu 3, 4 như trên.

Giăng-há chỉ đám gái điếm, có lẽ là biến thể của chữ *giang-hồ* sau lại đổi *giang* ra *giăng* cho thuận miệng.

※

Một người nữa mai-mỉa kín-đáo hơn :

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long
Văn miếu xây từ Lý Thánh-Tông
Sau đó Trần Lê tu bổ lại
Gần đây Pháp Việt bảo-tồn chung
Tiệc trà Khai-Trí năm xưa mở (1)
Tuồng diễn Kim-Kiều buổi họp đông (2)
Lân chẳng thấy đâu, dê vẫn thấy (3)
Nghe quyên kêu, biết đạo ta cùng.

Có bài còn chế-diễu quá nặng-nề :

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long
Thế cũng con tiên cũng cháu rồng !
Công tử vênh vang đầu mũ lệch
Tiểu thư õng ẹo mũi giầy cong
Ông già rích bạc nuôi nhiều vú
Chị ả bom xu gạ lắm chồng

---

(1) 1919, hội Khai-Trí Tiến-Đức làm lễ khánh-thành và mở tiệc trà tại Văn-miếu.

(2) 1920, diễn tuồng Thúy-Kiều ở Văn-miếu để kỷ-niệm bách chu-niên ngày Nguyễn-Du từ-trần.

(3) Lân là tượng trưng đạo Khổng, — dê là đàn dê vào ăn cỏ trong Văn-miếu, dê chữ Hán là dương đồng âm với dương là người Tây-dương, tức người Pháp.

Phong hóa nước nhà ờ thế nhỉ
Xưa nay hỏi có thế này không?

Thấy cuộc thi đã đi đến độ cớt-nhả, e rằng rốt cuộc có kết-quả không hay cho nhà báo, ông Nguyễn-Đỗ Mục, người đề xướng cuộc thi, vội-vã cười theo cho *hòa cả làng.* Ông cười bằng một bài thơ quảng-cáo cho bộ sách ông vừa dịch :

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long :
Bộ Tái-sinh-duyên có phải không?
Năm nghìn tiền-biên bán đã hết,
Năm nghìn hậu-biên in vừa xong.
Hiếu-trung tiết-nghĩa gương Thù Tứ
Lễ nhạc y quan đất Nhị Nùng.
Mỗi quyển bán lẻ sáu hào rưỡi,
Mua nhiều có trừ tiền hoa-hồng!

*

Họ Phạm sinh-quán ở tỉnh Hưng-yên, đỗ cử-nhân khoa tân-mão, (1891), đỗ phó-bảng khoa nhâm-thìn, (1892), trước tòng-sự tại ty liêm-phóng, đến khoảng năm 1913, ngồi tổng-đốc Thái-bình.

Bấy giờ có tri-huyện Vũ-tiên, thường giả tiếng thanh-liêm đạo-đức, đứng lên quyên tiền làm một ngôi chùa ở giữa cánh đồng, gọi là chùa Hiệp-Phật.

Trong chùa có tượng bà Hiệp-Phật, tay chống thanh kiếm, tay cầm cánh buồm, kiếm ngụ ý trừ-khử gian-ác, buồm ngụ ý cứu-vớt chúng-sinh. Khi chùa khánh-thành, có mở cuộc thi thơ, hai bài sau đây được nhiều người tán-thưởng ngầm :

I

Một mình thơ-thẩn bãi tha-ma,
Ngảnh cổ trông lên tượng Phật-bà.
Tay muốn diết ai mà kiếm chống?
Lòng toan che tục, giở buồm ra.
Bạc vàng mấy chỉ ghim trong dạ,
Son phấn vài đồng phủ nước da.
Hiệp-Phật chân-thân đâu có thế,
Si-mo pha cát đó thôi mà!

II

Bà đứng làm chi đấy hỡi bà?
Chùa sao không ở, ở tha-ma!
Tay mang buồm giả không ăn cánh,
Nách cắp gươm cùn muốn tuốt da!
Tiếng đã ăn chay còn nếm mặn
Cớ chi bóp trẻ, chẳng tha già?
Bây giờ đắc thế thì như thế,
Tháng tám năm nào cũng quá ma...

Hai bài được đưa lên trình tổng-đốc, cụ-lớn Phạm coi rồi, chỉ cười :

Bạc vàng mấy chỉ ghim trong dạ

chữ *ghim* được lắm đấy chứ !

Bây giờ đắc-thế thì như thế,
Tháng tám năm nào cũng quá ma

No thì bụt, đói thì ma, đã sao chưa ?

Ông cười nhất là câu

Tay mang buồm giả không ăn cánh

vì ông tự hỏi tác-giả bảo tri-huyện « *giả vờ không ăn cánh* » thì là ám-chỉ viên huyện ăn-cánh với ai vào đây nhỉ ?

Năm 1947 đương mùa kháng-chiến, ban văn-hóa làng Hành-thiện, tỉnh Nam-định, nhân ngày rằm tháng tám, mở cuộc thi thơ. lấy đầu-đề là

Trăng Kháng-Chiến

hạn vần Trăng.

Bài của ông Đặng-vũ-Vị được giải nhất :

Thiên-binh kéo xuống diệt xâm-lăng
Thống-lĩnh ba quân một chị Hằng.
Mượn búa Ngô-Cương (1) ghè thiết-giáp,
Mang cung Hậu-Nghệ (2) bắn xe tăng.
Bốn bể tinh-tú truyền vây kín
Một trận phong-lôi quyết dẹp bằng.
Gác bóng non Tây về báo tiệp
Phen này giặc gấu hết ăn trăng ! (3)

Trong số dự thi, ban giám-khảo thấy có một bài không ký tên, tám câu như sau :

Kháng-chiến « mồm » ư ? Việc mấy thằng
Can gì đến tớ ! Tớ là trăng.
Đa già ruột rỗng : xung phong nhé !
Cuội trẻ chân què : đột kích chăng ?
Ngọc-thỏ lăm-le xua tấu-cẩu,

---

(1) Ngô-Cương tức là thằng Cuội bị trời đầy phải đốn cây quế trên mặt trăng.

(2) Hậu-Nghệ bắn cung lên mặt trăng để đòi Hằng-Nga về.

(3) Tục-ngữ : ăn như gấu ăn trăng.

Hằng-nga hăm-hở diệt xâm-lăng.
Thôi thôi, các chú trong Văn-hóa
Có rỗi thì « ro », chớ nói nhăng !

Bài thơ của thi-sĩ vô danh này chứa đựng nhiều câu chua-cay cho ủy-ban. Chủ-tịch ủy-ban vẻ mặt cau có đọc đi đọc lại, đến chữ « ro » (1) ở câu cuối, mắt mới sáng lên, nói :

— Chữ « ro » này tố-cáo tác-giả rồi. Giọng văn mới-mẻ, không phải của phái cựu-học. Đích thị là Vũ-Hoàng chứ không ai.

Thế là tờ báo-cáo gửi đi, buộc tội phá-hoại kháng-chiến. Tờ này khi lên đến trung-ương, chủ-tịch thấy Vũ-Hoàng là chỗ bạn thân, bèn xếp lại không hỏi đến, nếu không thi-sĩ « ro » đã bị thủ-tiêu rồi. Lạ một điều là bài thơ đó không phải của Vũ-Hoàng, và thi-sĩ này cũng không hay biết gì về sự buộc tội của ủy-ban, mãi sau khi về miền quốc-gia anh mới được nghe đầu đuôi câu chuyện. Thì ra dây duyên với Vũ-Hoàng chưa dứt nên nàng tiên nâu đã âm-thầm dun dủi cho hồ-sơ đến tay người bạn ở trung-ương. Tránh đâu cho khỏi số !

6 — thơ hạn chữ

Lối này buộc phải dùng trong mỗi câu một chữ tên đồ vật hoặc loài vật...

Tỉ như bài thơ Lê Quý-Đôn, mỗi câu phải có tên một loài rắn :

---

(1) Ro : ty bán thuốc phiện khi xưa do Régie Opium (công-quản nha phiền) cung-cấp ; mỗi ty có treo cờ in chữ tắt R.O.

Chẳng phải liu-điu *vẫn giống nhà,*
Rắn *mà chẳng học, chẳng ai tha!*
Thẹn đèn hổ lửa *đau lòng mẹ,*
Nay thét mai gầm *rát cổ cha;*
Ráo *mép chỉ quen tuồng dối-trá,*
Lằn *lưng cam chịu vọt năm ba;*
Từ rầy Châu, Lỗ *chăm nghề học,*
Kẻo hổ mang *danh tiếng thế-gia.*

Yên-Đổ đã dùng toàn tiếng hàng thịt để mừng ông lão trong nghề này năm lên thọ 70 :

Nay tiết *mừng ông mới bảy-mươi,*
Cổ-*hi chưa dễ mấy* lăm *người;*
Răng *long nhưng hãy còn tinh* mắt,
Đầu *bạc song mà chửa tắc* tai.
Bè-bạn bầy vai *kèo chén Lý (1),*
Cháu con dưới gối *múa sân Lai (2).*
Xưa nay vẫn giữ lòng chân-*thực,*
Chữ « *đức giả* xương » *mãi đề đời!*

Cũng như Tam-Xuyên đã dùng tên đồ nghề thợ mộc, mà tả cảnh ngồi câu cá :

Rìu-*rịt năm canh xét phận mình,*
Khoan-*nhân đắt nước rộng thinh-thinh.*
Đã cam cui-*cút miền thôn-dã,*
Đâu dám chàng-*màng đám lợi-danh!*
Ống chỉ *dọc ngang cùng nước biếc*
Cái ve *nghiêng-ngửa với trời xanh.*

---

(1) Chén Lý : chén rượu Lý-Bạch.
(2) Sân Lai : sân Lão-Lai đứng múa cho cha mẹ vui.

Đắn-đo cho biết mùi trong đục
Mới gọi rằng tay mực thước *sành.*

*

Dương-Khuê một hôm cùng mấy người bạn ghé nghỉ chân trong một quán nước. Nhân thấy cô hàng xinh xắn, mới hỏi thăm tên. Cô hàng xưng là Chấn. Mấy người bạn liền thách Dương-Khuê làm một bài thơ mỗi câu có một chữ trong bát-quái. Ông liền đọc :

Bên bắc bên đoài *chẳng hề đoái*
Khen cho cô Chấn *thực là quái*
Ra vào cấn *chỉ hệt lưng ong*
Ăn nói khôn *ngoan hơn mép giải*
Tốn *nhượng cho hay lúc chửa chồng*
Khảm *kha cũng thể thì con gái*
Xin đừng càn *dỡ với người ta*
Kẻo nữa li *ti mà mắc dại !*

Ông Bùi-khánh-Đản cũng dùng tên loài cây mà nói lên cảm-khái của mình về nợ duyên và sự-nghiệp :

Bàng-*hoàng nghe tiếng gọi đâu đây,*
Chợt tỉnh, cam *lòng chịu tiếng say.*
Bạn nặng giang-hồ mơ *ánh nguyệt,*
Ta buồn hồng-*phấn lộng hơi may.*
Đèo-bòng *đã ngại duyên ngày trước,*
Vật-vả *còn e phận buổi nay.*
Thanh-nhãn *chắc chi đời gió bụi,*
Cờ lâm nước bí *hẹn bao ngày ?*

*

Ông Tam-xuyên Tôn-Thất Mỹ gửi bài thơ mỗi câu dùng một vị và một tên trái cây :

Đưa O Khê

Song the mơ *ước bãy lâu xa,*
Khế *khoát duyên nay cũng* mặn *mà.*
Trông thãy của chua *tình quãn* quít,
Gẫm nghe lời ngọt *bước cần* cà.
Chát *lòng vội* vã *sao cho đáng,*
Đắng *chuyện dây* dưa *chút gọi là.*
Lạc *dạ chưa* cam *tường cội rễ,*
Vườn hồng cay *nỗi khách lân la.*

The : giọng cay hăng-hăng như vỏ bưởi vỏ cam.

Vội-vã : vã đọc giọng Trung là *vả,* có nghĩa : trái vả.

Lạc : Lạc là chữ *lạt* (nhạt) đọc giọng Trung.

Ông Nguyễn-Khoa-Vy, người Thừa-Thiên, sinh năm 1881, ưa làm những lối thơ hạn chữ rất khó-khăn. Như bài :

Mười Hai Con Giáp

(Hạn có đủ tên 12 con tướng tinh của 12 năm chỉ tả bằng lời tục-ngữ chớ không được gọi rõ tên, mà khi đọc ra ai nghe cũng hiểu là con gì)

Tha ra, cắp lấy, bộ loay quay (1),
Đào lỗ không nên tiếng cả bầy (2)
Lạc ngõ theo đuôi đâu ngại bước (3)

---

(1) Tục ngữ : chó tha ra, mèo cắp lấy.
(2) — chuột bầy đào không nên lỗ.
(3) — lạc ngõ theo đuôi trâu.

Cả gan bóp dái chẳng dờm tay (4).
Cám treo nhịn đói nhăn răng chịu (5)
Cõi vẫn ăn no, ỉa miễu đây (6)
Cá gáy hóa ra, chi có cánh (7)
Mồng năm len lét trốn đi ngay (8).

Và bài :

Hổ Phận Già

(Mỗi câu có tên một con thú)

Lạc *Hồng một giống đội chung trời*
Hổ *phận mình già xếp một nơi.*
Mang *tiếng học hành tài kém họ,*
Nai *lưng gánh vác sức thua đời.*
Trâu *tra chẳng dám khoe sừng trẻ.*
Ngựa *dữ không thèm bóp dái chơi.*
Thỏ *thẻ chuyện trò vui với bạn,*
Khỉ *khầm đôi chén rượu đầy vơi.*

*

Ông Phan-Mạnh-Danh có nhận lời thách-thức của thi-hữu mà làm ra bài sau đây, trong bài có 56 chữ mà phải ghép sao cho đủ 19 chữ này : *một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười — trăm, ngàn, vạn — nửa, đôi, cặp — tấc, thước, trượng :*

(4) — cả gan bóp dái ngựa.
(5) — cám treo heo nhịn đói — nhăn răng như khỉ ăn gừng.
(6) — gà què ăn quẩn cối xay — nuôi dê để ỉa miễu.
(7) — cá hóa rồng — cơ chi hùm có cánh.
(8) — len-lét như rắn mồng năm.

Một *mong*, hai *đợi* bốn năm *chờ*, *(1)*
Mười *hẹn, sao em* chín *hững-hờ* ?
Nửa *gối*, ba *canh dầu cháy lụi*
Tấc *mây*, sáu *cánh nhạn tin thưa.*
Trăm *lần*, cặp *mắt* đôi *hàng lệ*,
Chín *khúc, bên lòng* vạn *mối tơ !*
Ngàn trượng *thành sầu đo* thước *khó*
Biếng đem bảy *vẻ dệt nên thơ...*

Tấc mây sáu cánh, là tờ giấy hoa tiên có vẽ mây và gấp làm sáu, khi xưa dùng viết thư.

Khi tổng-thống Ngô bị diết, có kẻ thời-sĩ làm bài thơ hạn chữ *một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười :*

Vùi nông đôi *nấm giữa đêm sâu*
Mười *thước sau chùa đủ bề dâu.*
Ba *cỗ quan-tài,* bốn *lỗ huyệt* (1)
Năm *thằng trời đánh,* một *con Mầu.* (2)

---

(1) Bản này hơi khác với bản của ông Phan-thê-Roanh. Trong bản của Phan-quân : *một mong, hai đợi bốn ba chờ, mười hẹn đêm trăng chín hững hờ,* chúng tôi chọn bản trên vì sau *một mong hai đợi* thì *bốn năm chờ* theo đà tiệm tiến có lý hơn là tiệm giảm như bốn-ba ; vả lại *mười hẹn sao em chín hững hờ,* đỡ gò bó hơn *mười hẹn đêm trăng chín hững hờ*. Bản của Phan-quân đã đành là gia-bản, không sai, còn bản trên đây là chúng tôi nghe được, xin cứ chép theo để cho rộng phẩm-bình.

(1) Bắt đầu đào hai huyệt ở nghĩa-trang Mạc-đĩnh-Chi, song không chôn được, phải đào hai huyệt khác ở sau chùa trong khuôn-viên bộ Tổng tham-mưu.

(2) Mầu : thị Mầu, trong truyện Quan-âm thị Kính.

Mới vừa hăm sáu *còn nguyên-thủ*
Mà đến mồng hai *đã vỡ đầu!*
Bảy tám *thu trường ngô với đi*
Ngô thì chín *rụng, đi đi đâu?*

Trong thơ hạn chữ, còn có lối lấy chữ trong đề-mục làm chữ đầu câu thơ, gọi là *khoán thủ*. Ông Bùi-khánh-Đản có nhớ hai bài đối đáp sau đây

TRĂM nỗi bâng-khuâng góp chuyện lòng
ĐIỂU chi mà ngại nghĩa non sông
HÃY buông lá thắm xuôi dòng vắng
CỨ để hoa đào cợt gió đông
TRÔNG nẻo lâu thơ chờ hạnh-ngộ
VÀO trong giấc mộng đợi tao-phùng
MỘT phen tâm-sự hòa theo nhạc
TA sẽ cùng nhau viết thỉ-chung...

ĐI mãi đường xa đã biết lòng
ĐÂU còn mơ tưởng núi cùng sông
CHẲNG đem thơ ấy treo lâu vắng
BIẾT chọn hoa nào bán chợ đông
CON mắt chưa từng xanh thế-tục
NGƯỜI quen đành tạm trắng tương-phùng
SỞ Tần, xin nhắn, thà xa cách
KHANH tướng đâu mà nghĩ đỉnh chung!

Nếu lấy những chữ đầu câu chắp lại thì bài của chàng đề-mục là câu Kiều : *Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.* Thấy cái giọng không được trung-hậu, nàng bèn cự tuyệt

bằng câu Kiều khác : *Đi đâu chẳng biết con người Sở-Khanh.*

*

Lối thơ « khoán thủ » này cũng như một lối acrostiche trong thơ Pháp.

Cặp tình nhân tiếng-tăm và tai-tiếng Musset và George Sand đã trao đổi ý-kiến bằng acrostiche như sau :

QUAND je vous fais, hélas, un éternel hommage
VOULEZ-vous qu'un instant je change de langage
VOUS seule possédez mon âme et mon cœur
QUE ne puis-je avec vous goûter le vrai bonheur
JE vous aime, ma belle, et ma plume en délire
COUCHE sur ce papier ce que je n'ose dire
AVEC soin de mes vers lisez les premiers mots
VOUS saurez quel remède apporter à mes maux...

A. Musset

CETTE grande faveur que votre ardeur réclame
NUIT peut-être à l'honneur mais répond à ma flamme.

G. Sand

Xin phỏng dịch đại-ý ra dưới đây :

Bao *lâu từng ước ao*
Giờ *đổi giọng được sao !*
Nàng *đã ngự trong lòng,*
Thuận *tình ta luống mong*
Cho *bút ta lên hương*

Ta *viết lời yêu đương*
Thỏa *được dạ ta cầu,*
Nguyện *đọc chữ đầu câu...*

A. Musset

George Sand đọc xong những « *chữ đầu câu* » cầm bút trả lời :

Đêm *trường ai những ước mong*
Nay *tuy e-lệ mà lòng thầm ưa !*

Musset tất nhiên cũng đọc ngay *chữ đầu câu.* Thế là bắt đầu cuộc dan-díu đầy đau-khổ tả trong thiên tiểu-thuyết « *Nàng và chàng...* ».

7 — thơ liên hoàn

Buổi Tây mới sang, ký, thông, bồi, là những người ra hợp-tác, bắt chước cái lối mặc cổ áo là cứng như « cổ cồn » của Pháp, trông đã thấy dơ-dáng, nhưng họ được đời sống dễ-dãi « *văn-minh* » không đói rách như những nhà nho chỉ biết trông vào người *quanh năm buôn-bán ở mom sông* để mà ngồi rung đùi ngâm thơ và chửi đổng, những nhà nho này Tình-si-tử đã tả trong mấy bài liên-hoàn sau đây, câu cuối của bài thơ trên dùng làm câu đầu bài thơ tiếp theo :

Hủ Nho Tự Trào

Ngán nỗi nhà nho bọn hủ ta,
Hủ sao hủ gớm hủ ghê mà !
Thơ suông nước ốc còn ngâm váng ;
Rượu bí non chai vẫn chén khà. (1)

(1) Nước ốc đổi non chai.

Múa mép rõ ra văn chú chiệc ;
Dài lưng quen những thói con nhà.
Phen này cái hủ xưa đi hết :
Cứ để cười nhau hủ mãi a ?

Cứ để cười nhau hủ mãi a ?
Cười ta, ta cũng biết rằng ta :
Trót quen nho-nhã đầu khăn lượt,
Hóa kém văn-minh cổ áo là.
Khó vậy làm em, giàu đã chị ;
No thì nên bụt, đói ra ma !
Nay đương buổi học ganh-đua mới,
Còn giữ lễ xưa mãi thế mà !

Còn giữ lễ xưa mãi thế mà !
Trông gương, ta lại tức cho ta.
Ngâm câu dã giả, *đùi rung nẩy ;*
Ngó chữ a b, *mắt quáng lòa.*
Tai mặt cùng vui đình-đám họ,
Mày râu riêng thẹn nước-non nhà.
Ai ơi ! giấc mộng sao mê quá !
Mưa gió năm châu rộn tiếng gà...

Mưa gió năm châu rộn tiếng gà...
Cái hồn văn-tự tỉnh dần ra,
Trống khua giáo-dục kêu vang nước ;
Đuốc rọi văn-minh sáng rực nhà.
Khai-hóa đã đành thay lối cũ ;
Cải-lương còn phải tính đường xa.
Anh em nghĩ lại sao không cõ ?
Ngán nỗi nhà nho bọn hủ ta !

*

8 — thuận nghịch

Thuận-nghịch là thơ đọc xuôi hay đọc ngược lại đều được.

Ông Tôn-Thất-Diệm (1853-1922) người Thừa-Thiên có bài thuận nghịch :

Gởi Thăm Ông Tam-Xuyên

Tình chung mấy nẻo cách Tây Đông
Cảnh nhớ đêm trăng thưởng chén nồng
Sênh nhịp tiếng đàn ta với bạn
Vận hòa câu vịnh ý ưa lòng
Ngành chen trắng đã mai non khắp
Lá nhuốm xanh còn liễu dặm trông
Dành để cuộc chơi người nguyện ước
Quanh vòng hoi bến ngả ba sông

Sông ba ngả bến hỏi vòng quanh
Ước nguyện người chơi cuộc để dành
Trông dặm liễu còn xanh nhuốm lá
Khắp non mai đã trắng chen ngành
Lòng ưa ý vịnh câu hòa vận
Bạn với ta đàn tiếng nhịp sênh
Nồng chén thưởng trăng đêm nhớ cảnh
Đông Tây cách nẻo mấy chung tình.

※

Ông Nguyễn-khoa-Vy cũng có bài thuận-nghịch :

Nghe Tiếng Đàn Nhớ Bạn Đàng Xa

Ai đàn tiếng vẳng vẳng nghe xa
Nhớ tưởng thêm lòng nỗi thiết tha

Lai láng lệ mình khi nghĩ lại
Thẳng dùi chân đó lúc đi ra.
Tai quen giọng lý câu tình tự
Ý thích lời ngâm khúc nguyệt hoa
Phai lợt nỡ nào lòng chí quyết
Dài lâu ngãi kết bạn cùng ta.

Ta cùng bạn kết ngãi lâu dài
Quyết chí lòng nào nỡ lợt phai
Hoa nguyệt khúc ngâm lời thích ý
Tự tình câu lý giọng quen tai
Ra đi lúc đó chân dùi thẳng
Lại nghĩ khi mình lệ láng lai.
Tha thiết nỗi lòng thêm tưởng nhớ
Xa nghe vẳng vẳng tiếng đàn ai.

Và dưới đây là một bài thuận-nghịch nữa không rõ tên tác-giả :

Đền Ngọc-Sơn

Linh uy tiếng nổi thực là đây
Nước chắn hoa rào một khóa mây
Xanh biếc nước soi hồ lộn bóng
Tím bầm rêu mọc đá tròn xoay
Canh tàn lúc đánh chuông ầm tiếng
Khách vắng khi đưa xạ ngát bay
Thành thị tiếng vang đồn cảnh thắng
Rành rành nọ bút với nghiên này.

Này nghiên với bút nọ rành rành
Thắng cảnh đồn vang tiếng thị thành
Bay ngát xạ đưa khi vắng khách

Tiếng ầm chuông đánh lúc tàn canh
Xoáy tròn đá mọc rêu bầm tím
Bóng lộn hồ soi nước biếc xanh
Mây khóa một rào hoa chắn nước
Đây là thực nổi tiếng uy linh.

9 — thơ triệt hạ

Bỏ nghĩa lơ-lửng ở cuối câu :

Thấy gái hồng-nhan

Thấy gái hồng-nhan bỗng chốc mà...
Hỏi thăm cô ấy chửa hay đà...
Hình-dung yểu-điệu in như thể...
Diện-mạo phương-phi ngỡ tưởng là...
Ăn mặc ra tuồng người ở chốn...
Nói năng phải lẽ giống con nhà...
Ước gì ta được mà ta để...
Ta để đem về để nữa ta...

*

Tự Thán

Tuy chẳng ra chi cũng gọi là...
Cũng phường râu tóc, cũng con nhà...
Gặp thời gặp vận thì toan những...
Lầm lỗi lâm đường mới hóa ra...
Ngồi ngẫm cuộc đời nào có mấy...
Thử liều với kiếp thế nhưng mà...
Ấy ai tai mắt, ai là chẳng...
Ta chẳng bằng ai, có lẽ ta...

10 — thơ song điệp

Chữ dùng đều đi nhịp đôi

Vất vất vơ-vơ cũng nực cười
Căm-căm cúi cúi có hơn ai.
Nay còn chị chị anh anh đó
Mai đã ông ông mụ mụ rồi
Đói đói no no, lo hết kiếp
Khôn khôn dại dại ngoẻo xong đời
Chi bằng láo láo lơ lơ vậy
Ngủ ngủ ăn ăn nói chuyện chơi.

*

Ông Nguyễn-Khoa-Vy có bài theo lối này, đúng cách hơn vì mỗi câu có 6 chữ điệp vận, thay vì 4 chữ như bài trên :

Dạo Núi

Nước bước sa đà ngắm dặm đàng
Thừa ưa tốt một vẻ quan-san
Tươi mươi nhụy túy bông trồng bạc
Lỗ-đỗ ngành xanh lá mạ vàng
Lúc-ngúc đầu trâu ngồi nhóm xóm (1)
Lau-nhau mỏ chó sủa vang làng
Đường trường lãi-rãi dừng chưn nghỉ
Lặng lắng chùa khua lõc-cõc tang

○

(1) Đầu trâu, tiếng Huế chỉ trẻ chăn trâu.

11 — thơ liên ngâm

(mỗi người một hoặc hai câu theo niêm và vần)

Phạm-đình-Trọng khi dẹp xong loạn Nguyễn-hữu-Cầu, được bổ vào trấn-nhậm Nghệ-an, thừa lúc nhàn-hạ, nói với vợ :

— Bấy lâu trong nước lắm việc, tôi ít khi được cùng phu-nhân đàm-đạo, nay rỗi-rãi ta thử liên ngâm với nhau cho vui.

Và Phạm đọc trước :

Năm chờ tháng đợi trải bao niên,

Vợ tiếp :

Kim cải đôi ta có túc duyên
Sơn Hải (1) xui nên liền mối nghĩa,

Phạm :

Đỉnh chung (2) may được vẹn lời nguyền
Lý đào (3) cành tốt phô ngoài cửa.

Phu-nhân :

Lan quế (4) trồi tươi nẩy khắp hiên
Lộc nước ơn vua nhuần-thấm vậy,

Phạm :

Vững cầm then khóa chốn thanh-phiên !

---

(1) Túc-duyên : duyên hẹn từ kiếp trước. — Sơn hải : chỉ non thề bể — đây là nhắc lại mối duyên bắt đầu từ Sơn-tây sau đến Hải-dương.

(2) Phạm-công đáp thơ phu-nhân khi chưa cưới có câu : *muôn chung nghìn tứ dám quên ai.*

(3) Môn thuộc.

(4) Con cái.

Năm (1830) vua Minh-Mạng đi duyệt thủy binh tại Thuận-An, sắc cho các Hoàng-tử đi chầu. Ba anh em là Tùng-Thiện-Vương, Tuy-Lý-Vương và Tương-An Quận-Vương đi theo hộ-giá trên một chiếc thuyền bồng tên là « Hòa-Lạc ».

Khi thuyền Hòa-Lạc đi qua khỏi làng Phú-Hội, bỗng gặp cơn giông suýt bị sóng đánh chìm, may nhờ có long-thuyền ở Thuận-An lên đón kịp, dắt chiếc Hòa-Lạc về Trấn-Hải-Đài.

Lúc trở về, ba anh em qua cơn kinh hoảng, lấy lại bình-tĩnh mới liên ngâm một bài thơ nhan đề là :

HÒA LẠC CA

Tùng Thiện :

Trời Nam vừa thuở thái bình
Non hùm bặt dấu, biển kình biệt tăm.

Tuy Lý :

Ngày hôm rằm, tiết hè đang thạnh,
Vâng chiếu rồng tuần hạnh Thuận-An.

Tương An :

Pháo đài bảy tiếng sấm vang,
Thuyền chèo tách nước, cờ phan cuốn trời.

Tùng Thiện :

Dậy giữa vời trạo ca một khúc,
Trấn Hải thành bỗng chốc đã lên.

Tuy Lý :

Theo chầu sánh hiệp bạn tiên,
Đầy thuyền Hòa-Lạc chỉ miền thượng ba.

Tương An :

Nửa bình trà, một và quyển sách,
Người liên chi là khách tri âm.

Tùng Thiện :

Khói tùng ngòi thỏ âm thầm
Mỉa mai Lý-Quách, xướng âm Mạnh Hàn. (1)

Tuy Lý :

Mặt bàng hoàng tới vừa bãi cát,
Đủng đỉnh chờ gió mát trăng lên.

Tương An :

Anh em quanh quất đôi bên
Chung thi năm Đậu, liền mền ba Khương. (2)

Tùng Thiện :

Nặng tình thương nhớ đề Hòa cảm,
Trăm năm thề chẳng dám chút sai.

Tuy Lý :

Lần hồi chèo thẳng sông dài,
Biết bao cảnh vật trong ngoài hớn vui.

Tương An :

Sông Phổ Lợi một hồi vừa tới,
Đoái bao la vọi vọi doi le.

---

(1) Lý Quách : Lý-Ưng, Quách-Thái, danh-sĩ đời Hán, có lần cùng đi thuyền với nhau, người đời cho là chuyện thú, gọi là Quách Lý đồng châu. Mạnh, Hàn : Mạnh-hạo-Nhiên, Hàn-Kỳ, hai nhà thơ hay đời Đường thường cùng xướng họa.

(2) Họ Đậu đời Tống, năm anh em cùng làm quan một triều Khương : họ Khương đời Hán, ba anh em ở với nhau hòa-thuận, may một cái mền lớn để đắp chung.

Tùng Thiện :

Máy trời khôn dễ trước dè,
Chớp ngày lửa cháy, mây hè mực un.

Tuy Lý :

Gió ùn ùn cát bay đá chạy,
Sáu hiệp mờ tiếng lại vo vo.

Tương An :

Gió càng to, sóng càng to,
Mãy neo cũng đứt, mãy đò cũng xiêu.

Tùng Thiện :

Lúc hiểm nghèo cậy lòng trung tín,
Nỗi dật dờ dâu đến dâu lui.

Tuy Lý :

Bỗng dưng cơ hội trời xui,
Mở hình thuyền dắt, tắt mòi sóng qua.

Tương An :

Đã là ba chiếc ra cột dắt,
Xem thế chừng chưa chắc vào đâu.

Tùng Thiện :

Dặm xa nhường thể ai tâu,
Thêm năm thuyền nữa lại sau mới rồi !

Tuy Lý :

Mới cùng nhau mừng vui hớn hở,
Ơn chín trùng đất chở trời che.

Tương An :

Kêu đòi dở chén dở ve,
Gió huân trên mặt mây hè vắng un.

Tùng Thiện :

Chưa mấy hồi kéo dồn vào bến,
Sắm sửa liền đi đến hành cung.

Tuy Lý :

Theo ban chầu trước bệ rồng,
Phỉ tình mừng rỡ, bõ lòng sợ e.

Tương An :

Rồi lui về kiếm nơi đình nghỉ,
Bày tiệc quỳnh phỉ chí thảnh thơi.

Tùng Thiện :

Ra nhơn chúa tạnh oai trời,
Lụt êm sãm gió, cảnh đời giang sơn.

Tuy Lý :

Chép dạ ghi đội ơn mưa móc,
Hổ người đem gan óc đền ân.

Tương An :

Biết bao nhiêu đặng mà cân,
Mênh mông bể thúy, chần ngần núi cao.

Tùng Thiện :

Mãy thuyền dắt cũng đều đặng thưởng,
Khắp người người sung sướng ăm no.

Tuy Lý :

Tranh nhau mực ép cá khô,
Bao nhiêu tiền bãy nhiêu đồ mua ăn.

Tương An :

Những xí xăng chợ nầy quán nọ,
Chật như nêm đoàn lũ kéo nhau.

Tùng Thiện :

Chòm chòm xóm xóm ca âu,
Rượu trà đắt giá, cau trầu thắm duyên.

Tuy Lý :

Hòa Lạc Ca một thiên liên cú,
Giúp tiếng chèo xuôi gió về kinh.

12 — phú đắc

Phú-đắc là một lối thơ lấy đề tài trong một câu thơ sẵn có hoặc một câu tục-ngữ phong-dao.

Ông Hải-Nam Đoàn-Như-Khuê khi tuổi hạc đã cao, mà lòng xuân còn phơi-phới, đã tự cười bằng bài :

Phú đắc : Hoa kiến bạch đầu hoa mạc tiếu

Bạc đầu nào đã chán hoa đâu
Hoa nỡ cười chi khách bạc đầu
Còn có tơ tình vương đến lão
Chớ đem trống bỏi cợt cùng nhau
Vườn hồng chỉ vị ưa trăm vẻ
Mái tóc càng thêm điểm một màu
Nhắn nhủ chị em đừng khúc khích
Má hồng tóc bạc vẫn phong-lưu.

*

Ông Nguyễn-Đình-Diệm bút hiệu Tô-Nam, đã tỏ tấm lòng ưu ái với đồng bào trong bài :

Phú đắc : Nhiễu điều phủ lấy giá gương

Vì lòng ưu ái lựa nên chương,
Lấy nhiễu điều nêu một tấm gương.

Nên đỏ đem lồng khung cổ-kính,
Tình thâm nên sẻ nghĩa đồng-bang.
Giữ dìn mặt thủy không vương bụi,
Đùm bọc màu son khỏi nhạt vàng.
Mới biết người xưa lòng trắc-ẩn,
Chẳng hề thu hẹp một gia-hương.

*

Tản-Đà đã mỉa những kẻ xu-phụ nơi quyền-thế hòng « theo đóm ăn tàn » bằng mấy câu cay-chua :

Phú đắc : Theo voi ăn bã mía

Ăn mía, theo voi, tiếng đến giờ
Vị gì miếng bã để trò dơ
Rón chân những chực khi vòi nhả
Rát lưỡi đành xơi cái ngọt thừa
Ấy đã theo đuôi thì phải hít
Còn đâu nên tăm nữa mà vơ !
Nghìn thu bia miệng là câu thế,
Những khách ăn tàn đã biết chưa ?

13 — tứ tuyệt

Khoảng đầu thế-kỷ, khi người Pháp đặt các cơ-quan hành-chánh ở Bắc-Việt, sự cộng-tác của nhân-dân còn rụt-rè. Nếu không phản đối ra mặt, ít nhất cũng có sự phản-đối trong tinh-thần vì ai cũng còn giữ điều tự-trọng. Chỉ riêng một bọn vô-học vì danh-lợi mà nhảy ra, được cất lên chức nọ chức kia, vội cho ngay là cờ đã đến tay, lên mặt lên

mũi, hống-hách với bà con. Trong đám này, ở tỉnh Nam-Định, có ông *Pháo* được sung vào chức phòng-thành tức cũng như cảnh-sát-trưởng. Hàng phố gọi tắt là ông *Thành Pháo*. Hai chữ này đã khiến Tú Xương liên-tưởng đến lối chơi bài tam-cúc ; khi mỗi nhà còn hai quân trên tay thì từ quân *xe* trở xuống ai có được đôi nào tức là *thành*, nghĩa là thành đôi, và ngỏ ra *ăn kết* nếu không có đôi hơn đè trên. Ông bèn đọc bốn câu :

Thành Pháo

Tượng tượng xe xe xé lẻ rồi
Sĩ đen sĩ đỏ chẳng thành đôi,
Đố ai biết ngỏ đôi gì kết ?
Mã cũng chui mà tốt cũng chui...

Tuy là nói về tam-cúc, sự thực là tả bức-tranh thời-cục : trong trật-tự tam-cúc (*tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã, tốt*), sĩ, tượng, xe, phẩn bị xé lẻ vì khủng bố, phẩn không liên-kết được với nhau (*chẳng thành đôi*) vậy nếu mỗi người còn hai quân trên tay và nếu nhà cái lại gọi đôi, thì có còn đôi gì khiến cho mã tốt phải chui hết ? Tất nhiên người nào *Thành Pháo* là đôi hạng soàng bất quá đứng trên hàng *mã* và *tốt*, được ngỏ ra ăn kết : rõ thật tiểu-nhân đắc chí !

Ông Thành Pháo bị diễu, nên ghét cay ghét đắng Tú Xương, cũng như ông đồ nọ cùng chung một bụng căm-hờn.

Ông đồ nhà bán hàng sắt, chữ nghĩa chẳng có là bao, nhưng nghĩ nếu để hàng phố gọi là ông *hàng sắt* thì e tầm-thường quá, vả chăng cơ-đồ đã tiềm-tiệm khấm-khá, nên ý cũng muốn có chút danh gì với bà con. Mà hồi xưa

thì còn danh-giá nào bằng danh-giá làng nho, ông bèn đứng ra dạy đàn con học ở nhà, nhân đó gia-đình gọi là *ông đồ,* hàng phố rồi cũng gọi theo, rút cục một danh-hiệu tươm-tươm chẳng bao lâu đã tạo thành.

Tú Xương liền lấy chữ « *đồ* » làm một bài thơ :

Ông Đồ

Người đâu quê-quán ở nơi mô,
Không học mà sao lại gọi đồ ?
Ý hẳn người yêu nên gọi thế
Hay là mẹ đẻ đặt tên cho !
Áo-quần đính-đảo như hình cậu
Ăn nói lè-nhè ngỡ giọng cô.
Hỏi mãi mới ra thằng bán sắt
Mặt thì đen thủi, trán thì rô.

Chữ *đồ* đây Tú Xương không dùng theo tiếng Nam như ta thường nói : *hôm nay lên đồ lớn, rủ nhau đi ăn đồ.* Ông đã dùng chữ *đồ* theo nghĩa trong bài thơ ông đề vào tấm hình chụp ba bạn là ông Cử Thăng, ông huấn-đạo huyện Mỹ-Lộc và ông Tú làng Tây-Hồ :

Đề Ảnh

Cử Thăng, huấn Mỹ, tú Tây-Hồ
Ba bác chung nhau một cái đồ
Rày được thỏa lòng sum-họp mặt
Thôi đừng chê nhỏ lại cười to !

Tú-Xương cũng như nhiều nhà nho khác, đã chủ-trương bất-hợp-tác từ lúc đầu, nên hễ thấy có người hợp-tác bất cứ dưới hình-thức nào, ông đều tỏ lời khinh-bỉ. Đối

với người vì cơm áo mà ra làm việc cho Tây khi họ mới sang, là những thày thông, thày phán, ông đã chế diễu đến điều :

Thày Phán

Thôi có ra gì cái chữ nho !
Ông nghè ông cõng cũng nằm co...
Ước gì đi học làm thày phán :
Tối rượu sâm-banh, sáng sữa bò !

Khoa thi năm nọ, trong đám sĩ-tử, trội nhất có ông Tuân, lời văn bay-bướm, với ông Nghị, hơi văn già-giặn, hai người cùng là bạn thân của Tú Xương, và được ông Tú mến tài ; ngoài ra, còn có một tay chữ-nghĩa xoàng-xoàng là Lê-Tuyên, không được mấy ai để ý đến. Khi ra bảng, ông Tuân thủ-khoa, ông Nghị thứ nhì, và không ngờ thứ ba lớ-rớ thế nào lại lọt ngay tên ông Tuyên. Ông Tú liền nhân sự kiện này, diễu cả ba người : hai ông hay chữ kia chẳng qua cũng chỉ hơn ông Tuyên có một chút !

Tranh Thủ-Khoa

Hai đứa tranh nhau cái thủ-khoa
Tuân khoe văn hoạt, Nghị văn già
Quan trường lấy rặt tay hay chữ
Kìa chú Lê-Tuyên đứng thứ ba !

Tất cả cái châm-biếm gói vào trong chữ « rặt » : *Quan-trường lấy rặt tay hay chữ !*

Thơ Tú Xương dụng-ý thường nông-cạn, nhưng lời thơ trôi-chẩy, nhiêu bài hồn-nhiên như là nhất-khí.

Tỉ như bài :

Nhắn Chị Hằng

Tôi thãy người ta nó nói rằng
Nói rằng thằng cuội ở cung trăng
Lãy ai chẳng lãy, lãy thằng cuội
Cũng gớm gan cho cái ả Hằng !

Thật như lời nói xuôi !

Con Bé Nhà Kia

Con bé nhà kia nó lãy ai ?
Thưa ông nó lãy chú Hai Mai !
Đuôi gà cô ả coi xinh gái
Trứng cá anh chàng cũng đẹp trai...

Thơ làm nhanh thế mà cũng đối chọi được *đuôi gà* với *trứng cá !*

Một năm gần tết bà tú sắm cỗ mũ ông táo để cúng ; nhìn thấy hình ba vua bếp, hàng mã quen lệ chỉ làm ba cái mũ xếp trên ba đôi hia, ông liên-tưởng đến phong-trào Duy-Tân trong nước, các thày Thông thày Phán đi làm việc cho Tây đều đua nhau bỏ khăn lượt (1) để đội mũ cát (casque), bỏ giầy Gia-định để dận giầy Tây, nhưng rút cục vẫn giữ tấm áo the dài, thành ra tuy gọi là duy-tân song

(1) Bấy giờ chưa có khăn đóng, mỗi khi đội khăn phải tay giữ một đầu, tay quấn lấy, rất mất thời giờ.

cũng chỉ mới duy-tân được trên đầu với dưới chân mà thôi, nên ông đã đọc diễu :

Trông ba vua bếp dạo chơi xuân
Đội mũ đi hia chẳng mặc quần
Trời hỏi : làm sao ăn-bận thế ?
Thưa rằng : hạ-giới nó Duy-Tân !

Trong đám *quần-thần* (bồi tây) có kẻ đáng chê, song cũng có người đáng mến, mến ở điểm không lúc nào quên nguồn-gốc.

Một ông *quần-thần,* khi lên chức đường quan, đã có bài thơ tự-trào rất khoáng đạt :

Quờ Được Tướng Khanh

Sân Trình xếp sách năm mười một,
Lầu Tiết treo cờ tuổi bốn mươi.
Được nước ruổi-dong xa mã tiến
Gặp thời quờ-quạng tướng khanh chơi !

Ông này sở-dĩ làm chân quần-thần là vì vốn con nhà ăn-học, nhưng túng-thiếu phải xếp sách lại để mưu-sinh từ năm mười một ; vậy mà đến tuổi bốn mươi đã lên hàng quan tỉnh, được treo cờ Tiết, không phải chuyện dễ. Cờ được nước thì ruổi dong, quờ-quạng mà vớ ngay khanh-tướng, ừ thì gặp thời đấy, chả lẽ lại từ-chối, âu là cứ theo đà mà tiến cho nó vui-vui. Tâm-sự ấy còn thẳng-thắn hơn những kẻ *tâm tôn mẫu quốc* mà lấy làm vinh hiển hơn người.

Tỉnh Ninh Bình có viên tuần-phủ, nhân lúc cao hứng đặt hai chân vào đá núi, cho thợ khắc lõm xuống, trông từa-tựa như vết chân Từ Đạo-Hạnh ở chùa Thày.

Thấy vậy một nhân-sĩ đã làm thơ diễu (1)

Đục Chân

Năm ngoái ông lên đục bốn vần,
Năm nay ông lại đục hai chận
Khen thay đá cũng bền gan nhỉ
Chịu mãi cho ông đục mấy lần!

Bốn vần là hai vần ở bài ngũ ngôn tứ tuyệt chữ Hán, hai vần ở bài dịch cùng thể ra chữ Việt.

Viên tuần-phủ này tuy là xuất-thân tiến-sĩ, nhưng làng nho không mấy ai phục tài, ngay khi ông vào kinh thi hội, Tú Xương đã diễu :

Này này hương thí đỗ khoa nào?
Nhân-hậu thay lòng quan thượng Cao.
Người ta thi chữ, ông thi phúc,
Dù được dù không ông cũng vào!

Quan thượng Cao-xuân-Dục làm chủ-khảo thi hương đã rộng-rãi cho ông đỗ, nay ông lại đi thi tiến-sĩ nữa thì ra ông thi bằng phúc ấm tổ-tiên để lại chứ không phải thi

---

(1) Bài này của Hiều-Khanh, một nhân-sĩ thành Nam. Hiều-Khanh không viết lên núi, cũng không đăng vào báo, chỉ đọc cho bạn-hữu nghe, rồi thành truyền tụng, do đó mỗi người nhớ lại khác nhau một vài chữ. Tản-Đà cũng chỉ thuật lại theo một người kể mà thôi. (Xem truyện *Trương Hán-Siêu* trong « Giai-thoại Làng Nho »).

tài. Vì tài ông có đâu ! Không ngờ sau này ông đỗ tiến-sĩ thật ! Tú Xương ngâm mấy câu chua-chát :

Tiến-Sĩ

Tiến-sĩ khoa nay được mấy người,
Trời Nam ý-hẳn có ông thôi !
Xem văn mà gớm cho văn mãi,
Cờ bạc vua ban cũng lạ đời !

Rồi khi ông ngồi tri-phủ Xuân-trường, Tú Xương cũng lại đả-kích :

Tri Phủ

Tri-phủ Xuân-trường được mấy niên,
Nhờ trời, hạt ấy vẫn bình yên.
Chữ « y » chữ « cứu » không phê đến,
Ông chỉ hay phê một chữ « tiền »

Đến khi ông lên làm đốc-học Nam-định, hành-vi của ông cũng không lấy gì làm khuôn-mẫu cho lắm nên Tú-Xương đã thở dài :

Đốc-Học

Ông làm đốc học chửa bao lâu,
Cờ bạc rong chơi rặt một màu.
Học trò chúng nó tội gì thế,
Luống để cho ông gõ mãi đầu.

Nguyễn-Công-Trứ một hôm trẩy quân đến Bình-thuận, đi qua cửa đền thờ bà Chúa Châu Chấu mà không xuống ngựa như lệ thường, bỗng con ngựa hai chân trước khuỵu lại, làm ông xuýt ngã. Ông giật cương cho ngựa đứng lên, rồi đọc một bài :

Trách thần Châu-chãu

Mụ thần tệ thế thẽ thì thôi
Xuýt nữa làm ta thịch cái rồi
Dẫu có thiêng-liêng đành phận gái
Lẽ nào châu-chãu đẫu ông voi.

Đã là bậc *dân chi phụ mẫu* mà không biết xử-sự cho gương-mẫu, thì lời thanh-nghị vẫn ác liệt như búa rìu.

Một ông quan đã luống tuổi, mới đến trọng nhậm hạt kia. Trước cổng huyện có một quán bán phở, vợ chồng chủ quán chia nhau công việc, chồng làm bếp, vợ ngồi hàng.

Quan già mỗi khi đi qua, thấy cô hàng đôi mắt lá răm, đôi mày lá liễu, cho là thật đã đáng trăm quan tiền.

Chủ quán thấy vậy, lập tâm với vợ, chồng vờ đi vắng đóng cửa nghỉ hàng, vợ đứng chực sẵn lúc quan đi qua, chào mời đon đả.

Quan bước vào quán, cửa quán đóng lại, chừng mươi phút sau thì chủ quán trở về bằng lối cửa hậu, túm ngay lấy quan, rồi với lấy con dao bầu trên bàn phở cầm lăm lăm trong tay, miệng nói :

— Chả mấy khi cụ lớn sang chơi, cụ lớn cho xin cái tai !

Quan già luống cuống, van lạy không xong, sau đành phải chiều theo lời chủ quán mà ký một giấy nợ sáu trăm đồng.

Tưởng rằng rồi lo trả nợ là xong, nhưng không ngờ việc lại vỡ lở. Dân phố huyện có mấy câu thơ tự-sự :

Suýt Mất Tai

Sáu trăm bạc nợ toan che mắt,
Một trận đòn ghen suýt mãt tai!
Vợ bợm lừa người khôn lại khéo
Quan già dại gái, một không hai!

Báo *Trung-Bắc* nổi tiếng là tờ báo văn-chương nhất thời xưa, không những vì đã đề xướng ra nhiều cuộc thi thơ, mà lại còn vì hằng ngày, tòa-soạn chú-trọng về thể-tài của tờ báo. Ngay những mẩu tin vặt cũng được trau chuốt cho văn-hoa, dí-dỏm.

Cả đến mánh-khóe làm báo cũng thận-trọng và khôn-khéo.

Chúng tôi lục ra đây một bài thời sự đăng trong báo ấy khoảng năm 1925, để làm chứng-liệu cho lối hành văn gần như biền-ngẫu rất được tán-thưởng trong hồi ấy.

Có một Cụ Lớn khoa bảng xuất thân, công danh gặp bước, mới về trọng nhậm ở tỉnh Mỗ ta. Thoạt trông ra vẻ lão thành đạo đức, đã mừng thầm phúc tinh xuất hiện, sông Lô núi Tản rợp bóng cam đường.

Ngờ đâu : mừng hụt ! lầm to !

Cửa công môn thành một ngôi hàng, lẽ công-bằng lấy sổ bạc ít nhiều cân phải trái.

Mọt già nghiền mãi, suốt cả đá ong, tình tệ ấy không bút nào tả được.

Vả lại vườn xuân ước cũ, mai cúc hẹn hò, bến hưu trí đã kề thuyền danh lợi, nên túi tham vơ vét, chẳng thiếu giồng gì, dẫu sầm rựt chớp ran, cũng cô níu lấy hầu bao cho chặt.

Tham lại dâm, già mà dại — No cơm rửng mỡ, khéo dở dang trò!

Một hôm, việc quan thong thả, lẩn thẩn một mình, ngày thanh gió mát mây trong, máu dê đâu đã đùng đùng nổi lên. Lui gót công đường, trở vào tư thất, chợt thấy chốn Thiên-thai lỏng khóa động đào, chàng Lưu Nguyễn vội lách vào trong cửa động.

Số là con vú giữ phận tôi đòi, bạ đâu ngủ đấy.

Giấc Vu sơn không thuốc mà say, duyên kỳ ngộ cũng may cho vú nhỉ!

Những tưởng ngày thanh phòng vắng, bưng kín miệng bình, nào ngờ chuyện nhỏ hóa to, càng bưng bít lại càng thêm trống trải.

Cụ Lớn mặt dầy, vú em quan tất, chấp kinh tòng quyền, bất đắc dĩ phải đặc cách thăng vú em lên làm vợ bé.

Ấy Cụ Lớn chẳng sao, thằng dân thì chết! Nào *điêu gian,* nào *cưỡng gian,* nào *thành gian,* nào *hòa gian,* nào *tiền thông dâm, nhi hậu giá thú,* mục luật ấy nhớ hơn văn sách cũ, bẻ hành bẻ tỏi, chiều án luận hình, chẳng hết cơ hết nghiệp, cũng đến ăn mày ăn xin.

Vì vậy, có mấy vần thơ tặng Cụ Lớn, rằng:

Cụ Lớn Trẻ Con

Cụ Lớn sao còn tính trẻ con,
Vú em bỗng chốc hóa hầu non,
Máu dê pha lẫn hơi đồng xú,
Bia Tản trăm năm đá chẳng mòn.

LỜI TÒA SOẠN. — Bản báo nhận được bài văn này, xin bỏ tên người, tên tỉnh, chỉ lấy làm một bài văn chơi, cống hiến hải nội độc giả.

Ví bằng việc ấy có thiệt, Cụ Lớn ấy có thiệt, thời xin vì Cụ Lớn ấy mà họa lại mấy vần thơ để bào chữa không công cho Cụ Lớn vậy:

Chút tình yêu vú, vị yêu con
Già trẻ cùng chung một nước non
Thế giới tự-do tùy sở thích
Sá chi bia miệng đẽo không mòn!

Cái khéo-léo của nhà báo là không nói tên người tên tỉnh, nhưng mà những chữ đá-ong, sông Lô núi Tản, đã đủ cho *hải-nội chư độc-giả* biết là tỉnh Sơn-Tây rồi. Lại dùng lối bào chữa không công, mà đổ thêm dầu vào lửa!

Trong xóm chị em, là nơi cái tác-phong « *cuõn chiếu hết nhân tình* » đã hồ thành như một định-lệ, lẽ tự-nhiên là vì « hoàn-cảnh » mà rất nhiều cô có thái-độ như trong lời thơ TchyA :

Hững hờ là thói thuyền-quyên

mặc cho

Si-tình thay lũ thiếu-niên giang-hồ!

Hơn nữa, có cô đã không ngần-ngại nói trắng ra với khách mua cười :

Chẳng Yêu Ai

Tôi chẳng yêu ai bằng yêu mình
Vắng mình, tôi lại có nhân-tình
Nghề nhà, xin để cho tôi thẽ
Chẳng trọng ai mà cũng chẳng khinh.

Mình có thương tôi thì lấy tôi,
Lấy tôi gia sức kiếm mà nuôi.
Trăm năm mình có điều kia khác,
Sênh-phách, tôi ra chẳng thiếu mồi.

Tuy vậy, đất sỏi hay có chạch vàng, trong đám mờ mịt bụi đời, thỉnh-thoảng cũng gặp đôi ba người có cảm-tình thốt ra lời văn nồng-hậu triền-miên.

Chứng cớ là có cô đào đã ngâm câu :

Giang sơn một gánh giữa đồng
Thuyền quyên ứ hự, anh hùng nhớ quên

để nhắc cho Uy-Viễn tướng công nhớ lại cái giai-đoạn làm anh kép đờn. Một buổi kia, cùng với đào sang hát chầu ở làng bên, đi đến quãng vắng, tướng-công vờ kêu bỏ quên dây đàn ở nhà, để mượn cớ sai người hầu trở về lấy, rồi còn trơ lại hai người, bấy giờ mặc cho *anh hùng kép* tha-hồ bắt chẹt *thuyền quyên đào* vào thế cô, trong khoảng đồng không mông-quạnh.

Hai chữ *ứ hự*, thiết tưởng chỉ là một cách phiên âm na-ná mà thôi chứ lúc ấy cô nàng phát âm ú ớ khó có thể viết ra bằng thứ chữ nào cho thật hệt !

Năm xưa ở Thái-Bình, có cô đào gửi cho một tình lang ở xa bài thơ sau đây, thật tình tứ :

Mộng hay Thực

Giấc mộng đêm qua nghĩ lạ đời,
Tỉnh ra muốn khóc lại buồn cười.
Ấy ai có phải mình chăng tá?
Có phải hay là bóng đó thôi!

Nhà nho hay có thái-độ phong-lưu mặc dầu thường ở trong cảnh thiếu tiền, nên có ông đã tự cười mình :

Ỡm-ờ

Tính nết ô hay! chỉ ỡm-ờ...
Ỡm-ờ lẽ đến bạc đầu phờ.
Ở đời chỉ quý người không nợ,
Mấy kẻ nào hay túi có thơ!

Túi có thơ, mà thơ đâu có mua được tiên? cho nên các ông đâm cáu-kỉnh gắt với thần nghèo:

Đuổi Nghèo

Thoạt mới sinh ta đã có mày
Quẩn-quanh mày đấy với ta đây!...
Thôi thôi mày chớ theo ta nữa,
Để rộng cho ta đất nước này!

Nhưng những lúc vì nghèo mà phải xa người đẹp thì áo não làm sao:

Gượng Cười

Nửa bước chân đi, nửa lại dừng
Gượng cười khôn giấu lệ rưng-rưng
Núi kia ví sánh cùng ly-hận
Mắt tớ coi ra thấp mấy từng!

Nhà nho, những lúc thiếu tiền đánh tổ tôm hay đập trống cô đào, thường tới gõ cửa nhà bạn để giật tạm, nhưng có lần chẳng may lại gặp phải bạn là tay sét-ti. Thôi thì lúc túng cũng liều ký giấy nợ cho qua, nhưng đến kỳ hạn chậm trả hay không trả, ông sét-ti dám chịu tốn mỗi tháng 8 $ tiền cơm để bỏ tù con nợ, vì khi trước còn lệ chủ nợ có quyền câu-thúc thân-thể.

Song đôi khi cũng được điều thú vị là gặp ông sét-ti thi-sĩ đòi nợ bằng thơ. Có người trong một trường hợp chậm sòng-phẳng đã nhận được mấy vần thơ thật không ngờ :

Hỏi Nợ

Cu Huyến cu Nhất đã lân-khân,
Kìa chú Rư nay cũng khất lần, (1)
Nhắc bảo cùng ai người lấy lãi,
Cho vay, chừa mặt bọn văn-nhân.

Người mắc nợ đáp lại thịnh-tình của chủ nợ tất nhiên là cũng bằng thơ :

Có đâu văn-sĩ lại lân-khân,
Sai hẹn năm nay mới một lần.
Để đó, nợ anh rồi sẽ trả,
Có xu, còn phải tặng tình-nhân !

Đức liều của nhà nho : có tiền còn để cho tình-nhân chứ đâu có sợ gì cái viễn-tượng nằm trong nhà đá !

Nhượng-Tống, hồi bị giam, có bài thơ « *Tắm* ». Lệ nhà tù, một tuần mới cho tắm một lần, nên mỗi khi được phép, phạm nhân thôi thì vùng vẫy kỳ cọ trong bể nước cho bằng thích.

Nhượng-Tống vừa tắm vừa ngâm :

Tắm

Vùng vẫy mình trong bể nước đầy
Hết kỳ lại cọ, chẳng rời tay

(1) Nguyễn-Thượng-Huyền — Đào-Trinh-Nhất — Trịnh-Đình-Rư.

Ông Tây cứ bảo mình yêu nước,
Ừ, chẳng yêu sao lại thế này!



Ông Nguyễn-hoàng-Kính, trong khoảng 1946, bôn-tẩu về quốc-gia, từ Hà-Nội vào miền Trung, phải giả-danh làm nghề bán thuốc tây để tị-hiềm, sau bị đối-phương bắt giam tại Quảng-Ngãi, Bình-Định, và cuối cùng ở Huế.

Ở đây, ông gặp một ông họ Đặng, ông này đọc đùa mấy câu

Buôn Thuốc

Ông bán ông buôn những thuốc gì?
Bán buôn mà cũng tới đây chi
Thuốc ông nếu quả rằng hay thực,
Thì bệnh lao-tù hãy chữa đi!

Ông Kính đáp :

Chữa Bệnh Tù

Môn thuốc thì tôi chẳng thiếu gì,
Vào đây, còn hỏi để làm chi?
Bệnh này muốn chữa, không cần thuốc
Hết hạn lao tù, bệnh phải đi!

Ông Chiêu-dương Nguyễn-các-Phụng có hai bài tứ tuyệt vịnh tĩnh-vật, ý hay mà lời cũng thoát sáo :

Quả Bưởi

Nặng lòng vì nước phải đa mang
Chua ngọt tình đời miệng thế-gian

Cùi vẫn trơ-trơ cùng tuế nguyệt
Gặp thời, mở múi với giang-san.

Bánh Pháo

Tính võn hay wa mặc áo hồng
Từng tràng khép-nép kín như phong
Thường ngày dễ mãy ai nghe tiếng
Gặp hội, vang lừng cả núi sông.

Vịnh vật, mấy bài sau đây của ông Nguyễn-Bá-Diễm, có lời châm-biếm khá nặng-nề :

Con Cá Vàng

Thôi thôi tôi đã biết ông rồi
Chỉ biết ông là bần bụng thôi
Vàng bạc khoe mình ông nghĩ hợm
Không trông non nước lúc đầy vơi

Con Mọt

Chửa thấy người đâu đã tiếng tăm
Nói thì giỏ rặt chuyện xuyên-tâm
Con nhà lương đống sao mà thế
Chỉ khéo chuyên môn học khoét ngầm

Lương đống : rường cột, người có tài chống đỡ giang-sơn.

14 — thơ hạn chữ

Một nhà buôn gỗ, làm nên cơ-nghiệp lớn, phiền một điều cậu con trai duy-nhất lại học-hành dốt-nát, chỉ ngông-nghênh « công-tử bột ».

Hàng phố có bài thơ tứ tuyệt :

Thông hay Mít

Chắc *lại việc này tại cụ ông,*
Buôn lim, *buôn* gụ, *chẳng buôn* thông...
Sinh con dốt đặc mai làu-táu,
Đem khảo ba vồ, vẫn mít *không !*

Mỗi câu đều có dùng tên một vài thứ gỗ.

Ừ, giá ông cụ buôn gỗ thông, thì cậu cả đâu đến nỗi mít ! Ý chừng nghĩ thế nên cậu cả rồi ra nhảy vào làng báo, lấy cái biệt-hiệu *Tùng-Lĩnh,* để cho mọi người biết : phen này, cả một *núi thông* đây, hẳn còn ai chối được rằng mình không còn đặc như cán thuổng nữa !

\#

15 — liên hoàn

Thơ bốn câu, có lối liên-hoàn, hai chữ cuối câu trên bắt xuống làm hai chữ đầu câu dưới. Yên-Đổ đã làm bốn câu thật cù-nhày :

Lúc Say Sưa

Những lúc say-sưa cũng muốn chừa,
Muốn chừa nhưng tính lại hay ưa.
Hay ưa nên nỗi không chừa được
Chừa được thì ông cũng chẳng chừa !

Còn lối nữa là câu thứ tư bài trên láy lại làm đầu bốn câu kế tiếp.

Nhàn Đâm Chán

Nhàn rỗi sinh ra thói chán đời
Hết ăn rồi ngủ, ngủ rồi chơi

Chót ba mươi tuổi mà chưa vợ
Tuy có nhiều cô vẫn đón mời

Tuy có nhiều cô vẫn đón mời
Nhân tình nhân nghĩa mới quen hơi
Cứ nghe cửa miệng thề non nước
E có ngày kia khổ thấy trời!

Bài thơ lục ra sau đây theo thể đó, nhưng đặc-biệt là ở mỗi câu, hai chữ cuối cùng lại lái lại để chuyền xuống câu tiếp theo :

Mong Chồng

Trên đắp chăn bông, dưới đệm bông
Bỗng đêm, sực nhớ, lại thương chồng
Trông thường thấy ảnh, người đâu vắng?
Văng đâu đong sầu, gạt gió đông!

Văng đâu đong sầu, gạt gió đông,
Đống gio nhóm lạnh để mong chồng.
Trông mòng suốt sáng lòng chưa chán,
Chan-chứa sầu tuôn một mảnh đồng...

Chan-chứa sầu tuôn một mảnh đồng
Động mành gió lọt chốn thâm phòng.
Phong thầm giọt lệ nhờ thư gởi
Gợi thử tình xem có nhớ không?

Gợi thử tình xem có nhớ không?
Không nhơ nhuốc tiếng lúc xa chồng.
Trông xà chặn cửa, lòng ai quản,
Quan-ải người xa hẳn thâu lòng?

Lối này là một lối bó-buộc chặt-chẽ, nên không thể tránh được những chữ dùng gò-ép : *đâu vắng* lái ra *văng*

đău, chữ *văng* không đúng dáng điệu ngồi đong (đău đâu có phải lưới mà đem văng) ; *xa chồng* lái ra *trông xà* và giải là trông lên xà nhà để phòng kẻ trộm lẻn vào mùng, ý này có vẻ gượng ép quá.

Ấy là chưa kể những chữ lái chưa sát : *đệm bông* ra *bỗng đêm, mảnh đông* ra *động mành, thư gởi* ra *gợi thử, nhớ không* ra *không nhơ*...

⁂

16 — yết hậu

Bốn câu mà câu 4 chỉ có một hay hai chữ, là lối yết-hậu.

Một buổi tối ngày rằm Nguyễn-công-Trứ lảng-vảng vào miếu long-thần, lấy rượu thịt người ta bày cúng đem ra « đánh chén », say khướt lại nâng chén ghé vào môi long-thần mời uống. Thấy pho tượng không nhúc-nhích, ông tức mình vật ngửa ra đổ rượu vào miệng, lại đánh cho mấy cái tát rồi khật-khưởng ra về.

Sớm mai tỉnh dậy, nhớ lại sự-kiện lấy làm hối-hận, ông viết một bài yết hậu đem dán ở miếu

Đánh Long Thần

Hôm qua trời tối tới chơi đây
Đánh phải long-thần mấy cẳng tay
Khi tỉnh thì nào ai có dám!
Say...

○

Hồi trước ở trường Nam, giáo-sư Hàm có cái tật thỉnh-thoảng khịt mũi lại nuốt luôn đờm, học trò có anh làm bài yết-hậu nhại bài *Be* của Chiêu Lỳ

Nuốt Đàm

Sống ở nhân-gian chỉ nuốt đàm
Chết về âm-phủ nói làm nhàm
Diêm-vương phán hỏi rằng ai đó?
Hàm!

*

Mân-Châu Nguyễn-mạnh-Bổng cả một thời thanh-niên lăn-lóc trong xóm cô-đào. bị phản-bội đã lắm mà vẫn không chừa lui-tới, vì :

Cuõn chiếu nhân-tình sạch
Không tiền thanh-lịch đếch!
Thế mà thú cô đầu
Thích!

○

Một năm hạn hán, viên tri-phủ nọ lập đàn cầu đảo, mấy ngày liền mà chẳng thấy mưa. Có anh học trò thấy dân phủ phải tốn công tốn của về việc này, làm một bài yết hậu :

Cầu Mưa

Tri-phủ cầu mưa rơi
Nhân-dân sướng mê tơi
Nửa đêm mở cửa ngó
Trăng sọi!

Bài thơ lọt vào tai tri-phủ, tri-phủ giận cho đòi anh học trò tới công đường, bắt làm một bài thơ khác sửa lại ý bài trên, không làm được sẽ bị đòn.

Viên phủ vốn có biệt-hiệu là Tây-Pha, nên ra hai chữ ấy làm đầu-đề cho bài thơ mới. Anh học-trò liền đọc

Người xưa hiệu Đông-Pha
Người nay hiệu Tây-Pha
Hai người so-sánh lại
Khác xa!

Viên phủ càng giận hơn, sai lính đánh 18 roi. Học-trò chịu đòn xong, vừa xuýt-xoa vừa đọc :

Làm thơ mười bảy chữ
Bị đánh mười tám roi
Nếu làm thơ muôn chữ
Chết toi!

※

17 — song thanh điệp vận

Tuy-lý-Vương có bài thơ làm theo lối này mỗi câu cứ hai chữ một theo cùng vần :

Cảnh chiều

Mây xây, núi túi, chim tìm tổ (1)
Khách cách, đường trường, nốt cột lau (2)
Lỏng khỏng đào cao nường phậu xấu (3)

---

(1) Túi : tiếng Huế nghĩa là tôi.
(2) Nốt : thuyền cỡ vừa.
(3) Phậu : người hầu gái.

Lơ thơ liễu yếu chị đâu đau (4)

Thơ gò bó nên khó làm cho hay. Chúng tôi lục ra đây, chỉ cốt ghi lại một thể văn cầu-kỳ.

*

18 — vĩ tam thanh

Ba tiếng cuối cùng là ba thanh của một âm gốc.

Vua Đồng-Khánh đã làm một bài theo lối này.

Chạy theo danh lợi quang quàng quáng
Nói đến chung tình nhẹ nhẻ nhe
Rượu uống ba đồng nhan nhát nhạt
Say thì ngủ giấc khỏe khòe khoe!

○

19 — thơ một tử âm

Ông Nguyễn-khoa-Vy có hai bài làm theo lối này :

Tử âm C-k

Vui Thú Điền Viên Cầm Kỳ Thi Tửu

Cui cút cùng cây cỏ cận kề.
Cung cầm cứng cỏi cũng cò ke.
Cuộc cờ cao kém cơn cười cợt.
Cái cốc cô ca cứ cặp kè. (1)

*

(4) Đầu : đào.

(1) Cô ca ý hẳn là coca-cola, tạm cho là một thứ *tửu!*

Tử âm Ch
Trách Người Đa Tình

Chạy chữa chai chân chẳng chịu chừa.
Chín chìu chua chát chán chê chưa?
Cha chài chú chóp (2) chơi chung chạ,
Chẳng chính chuyên chi chớ chực chờ.

*

Trong thời kháng-chiến, bốn bạn yêu ca nhạc, rủ nhau dạo khắp miền quê, gót giang-hồ dừng lại nơi đâu thì ở đó tất có cuộc đàn hát làm vui. Đến khi chiến-cuộc tới hồi gay-go, bốn bạn tri-âm phải chia tay nhau, thì đêm họp mặt cuối cùng, nỗi buồn phân tán giục lòng du-tử lai láng hồn thơ. Bèn hẹn nhau mỗi người làm một câu cùng một tử âm cho khúc mắc chơi!

Người thứ nhất bày-tỏ sự phân-vân của mình:

Đàn địch đưa đi đến... đến đâu?

Người thứ hai tả cảnh buồn đêm đó:

Xa-xa xam-xám xuống sương sầu

Người thứ ba nói lên cảm-khái của một trai thời loạn:

Lẻ-loi lạnh-lẽo lòng li-loạn

Người sau cùng (3) quyến-luyến chẳng rời tay, thốt ra lời thơ dạt-dào tình bạn

Nhắn-nhủ nhời nhau nhớ... nhớ nhau!

---

(2) Cha chài chú chóp: những kẻ không ra gì.

(3) Hiện là nhà danh-y Nguyễn-thế-Minh.

VIII – văn biền-ngẫu

Biền ngẫu là văn có những câu đối nhau như phú. biểu, văn tế

Ngày trước lối viết biền-ngẫu rất thịnh-hành đến nỗi thư hỏi thăm nhau cũng gò cho đối nhau chan-chát.

Thư thăm bạn *hỏi được mấy con rồi, hai cụ ra sao, kỳ rồi thi có đỗ không?* có bấy nhiêu mà ông nhà nho đã viết lài-nhài :

Thư Hỏi Thăm Bạn

Lơ-thơ tơ liễu ; — Bát-ngát hương đào.
Thôi ngày nhắn cá ! — Lại tối trông sao.
Mấy trùng non thẳm ; — Một lá thư trao.
Lan quế đua tươi được mấy ? — Xuân huyên đôi
[*khóm nhường nào ?*
Hàn mặc xưa kia đã thế ; — Khoa danh nay những
[*làm sao ?*
Tiện gió truyền mây gửi nhạn ; — Bõ công rày ước
[*mai ao.*

Bạn trả lời đại-khái *tôi được ba cháu đã đi học thày mẹ khỏe cả, vừa rồi thi lại trượt nữa,* nhưng gò câu nọ đối câu kia, lại thêm điển kia tích nọ thành ra cũng lài-nhài không kém :

Thư Bạn Trả Lời

Ngạt-ngào gió huệ ; — Hây-hẩy mùi lan.

Từ ngày xa cách ; — Biết mấy thở-than.

Nào ngờ hang thẳm ; — Được tiếp thư nhàn.

Nghe câu kim-ngọc ; — Hả dạ bàn-hoàn.

Hòe quế bá chồi, cửa Trình hăm-hở ; — Xuân-huyên
[hai cối, ngày Thuấn thanh-nhàn.

Lọc cát lấy vàng, lăm-le Vũ-lăng (1) ; — Đức dầy
[phận mỏng, lắt-léo Tôn-san (2).

Nghìn vàng ghi lời vân-thụ ; — Tấc gang dâng chữ
[bình-an.

※

Một ông Dương-xuân-hầu dưới triều Lê-mạt, làm quan đến tước hầu, mà nhà vẫn không được sung-túc, chỉ vì ông ham thói phong-lưu : *hay tửu, hay tăm, hay nước trà đặc, hay nằm ngủ trưa !*

Đã hai vợ rồi, còn muốn cưới thêm vợ nữa mà lại không đủ tiền !

Tuy có một em làm tri-phủ Từ-sơn, một em làm tri-huyện Cẩm-giàng, không phải túng-bấn gì cho lắm, nhưng nghĩ hỏi đến các em giúp vào việc này, có lẽ cũng ngượng, nên đành ngồi vuốt râu rung đùi làm một bài phú gửi đi các chốn bạn thân, mong mỗi người giúp đỡ cho một ít, may ra thành... công-quả :

---

(1) Sóng Vũ môn : thi đỗ.

(2) Tôn-san : ý nói thi trượt.

Từng mảng rằng :

Kết bạn đề mong tương-ích, truyện chia vàng (1) ngày trước chửa bao xa. — Làm ơn chẳng khéo nhân thời, tính bọc của (2) tuổi già còn chưa lẫn.

Đạo trời đất thi *đành có* báo, — *Nghĩa xưa sau* đạt *hẳn hơn* cùng.

Tôi nay : *Vũ-Ngọc giá hèn, (3) — Ngưu-kê tài mọn,*

Văn góp-nhặt mấy lần vào trận-bút, đã may nhờ nửa cánh phượng-hoàng (4) *Vũ theo đòi từ lạc đến màn nhung, nên lạm dự sau đuôi kỳ-ký (5).*

Tình nghiễn-tịch hằng chung cửa sổ, (6) — Nghĩa tháp-chu há một chuyến đò ! (7)

---

(1) *Chia vàng :* Sử-ký Tư-mã-Thiên : Quản-Trọng bạn với Pháo-Thúc, mỗi khi chia vàng, Quản-Trọng thường lấy phần hơn. Pháo-Thúc không cho là tham, vì biết Quản-Trọng đương nghèo.

(2) *Bọc của :* Tả-truyện : kẻ xất-phu không có tội gì, bọc ngọc bích tức là tội đấy. Những người dân thường vốn không có tội, chỉ vì có của, nên bị kẻ khác ghét mà buộc tội cho mình.

(3) *Vũ-ngọc :* đá vũ-phu, một thứ gần giống như ngọc.

(4) *Nửa cánh phượng hoàng :* Hậu-Hán-thư : Cảnh-Thuần nói với Quang-Vũ : Sỹ-đại-phu lìa họ hàng, bỏ đất cát, đi theo đại-vương dưới mũi tên, hòn đạn, cũng muốn vin vẩy rồng, níu cánh phượng, để nên công-cán. Nói bóng sự thi đỗ.

Màn nhung : dinh trại quân ngũ.

(5) *Sau đuôi kỳ ký :* Sử-ký : Nhặng xanh bám đuôi ngựa ký, có thể đi nghìn dặm. Kẻ hậu-tiến mà được thành danh.

(6) *Nghiễn tịch :* Nghiên mực và chiếu nằm — Tấn thư : Lưu-Hoằng và vua Vũ-đế cùng tuổi lại cùng nghiên, chiếu (cùng học với nhau một chỗ).

(7) *Tháp chu :* Giường và thuyền : tình bạn bè. Hậu-Hán-thư : Trần-Phồn, thái-thú Dự-chương, trong nhà treo một cái

Hoặc cùng vui cửa mận sân đào, trong nhăt-kiến tình cờ duyên gã Lý, — Hoặc may gặp nhà lan tiệc cúc, trước ba-sinh run-rủi phận chàng Hàn. (8)

Tình tuy rằng có nhạt có nồng, — Tiếng cũng gọi là bầu là bạn.

Khi hữu sự dẫu bốn phương cũng lạy, quản chi điều nói khó với anh em? — Lòng thành nhân dù một chút cũng hay, nữa là việc để thơm cho cháu chắt? (9)

Người trọng nghĩa ắt tiêu rồi lại có, — Đứa thủ tài dù có cũng như không.

Vả tôi nay :

Chước vụng tu thân, — Tác hầu tri mệnh. (10)

Chí hồ-thỉ mười phần tiêu tám chín, biết tuổi xanh hơn sức đã vâng nhường, — Nợ phong-hoa một gốc hóa hai ba, thấy yếm thắm cáo lòa còn chửa được.

Tuy tố-vị đã nên tri-túc, (11) *— Song hồng-nhan ai chẳng động tâm?*

---

giường, lúc nào Từ-Trĩ đến chơi thì hạ xuống, bạn về, lại treo lên. — Kinh-thi : « Phơi-phới gã trèo thuyền, người sang ta không sang, ta nhờ bạn ta ». *Chu thập* nói bóng về bè bạn.

(8) *Gã Lý, chàng Hàn : « ngự Lý thức Hàn ».* Hậu-Hán-thư : Tuân-Sảng mến Lý-Ưng, xin làm người đánh xe cho Lý. — Thư của Lý-Bạch có câu « Sống không muốn phong làm tước hầu muôn hộ, chỉ xin một lần trông thấy Hàn-kinh-Châu ». Hai điển tả về sự hâm-mộ.

(9) *Thành nhân :* Làm nên việc tốt cho người.

(10) *Tri-mệnh :* Luận-ngữ : Khổng-Tử nói mình năm mươi tuổi mà biết mệnh trời.

(11) *Tố vị :* Theo địa-vị mình mà làm việc.

Tôi thấy thị Mỗ,

Sinh chốn thôn-trang. — Cách dòng thi-lễ,

Da dương-liễu phất-phơ ngờ tựa gió, vị phì-chiên rã đã sạch nên vừa. (12) — Miệng phù-đào chúm-chím ngỡ kẻ trăng, vẻ cơ-xảo nhìn lâu càng thấy ngộ.

Việc đã đành mười hẹn mười nên, may vãn-cảnh được thêm nơi cấy ngọc. (13) — Thế còn ngại một đồng một khó, đúc hàn-gia khôn đủ giá mua vàng.

Dám xin liệt-vị tri-cố tôn-đài :

Mở rộng tâm-điền, — Làm chung phúc-quả,

Việc làm phúc chớ nề hơn thiệt — Sự làm duyên chẳng lọ ít nhiều.

Hoặc đỡ-đần lạng bạc đồng vàng, gáo nước nọ bớt ra không cạn bể. — Hoặc san-sẻ quan tiền tấm lụa, hòn đất kia chất lại cũng nên non.

Đến ngày sau con chị bảo con em, — Rằng : Thủa trước, có ta vì có bác.

Thư gửi đi chưa thấy có tiền về, đã có ngay tờ phúc-đáp của ông bạn Tả-đình-hầu, sỉ-vả thậm-tệ, những là nếu xin tiền cũng phải xin cho có lý, ở đời có bao giờ ai giúp bạn cưới hầu !

---

(12) *Phì chiên :* Béo tanh (béo tanh của tuổi hơi sữa đã qua, cô gái nay đã đến thì).

(13) *Cấy ngọc :* Sưu-thần-Ký : có người cho Dương-bá-Ung một đầu đá cuội, nói có thể cấy ngọc lại được vợ đẹp. Sau Bá-Ung được năm đôi ngọc bích trắng, cưới con gái họ Từ. Vì vậy người ta thường gọi việc cưới vợ lẽ là cấy ngọc — Vãn-cảnh : cảnh già.

Thư đáp như sau :

Từng nghe rằng :

Đạo giao-hữu thấy nhau nguy phải giúp, song giúp có từng điều. — Phận cùng-nhân lâm lúc túng thì xin, nhưng xin cho có lẽ(1).

Truyện trước có đưa vàng nuôi bạn, — Sự đời không giúp của cưới hầu.

Tôi cùng anh :

Nghĩa trước đồng-khoa — Tình xưa khế-phả. (2)

Phô tài mọn buổi dan tay tên lá mười sáu thu trần-mộng cũng đều chung. (3) — Nhờ lượng xa may họp mặt sân đào, năm ba kẻ cựu-giao còn chẳng mãy.

Bể gia-thất đòi cơn mặn nhạt, — Rượu hiên-mai đỡ lúc tỉnh say.

Hoặc đời có vạ gió tai bay, chưa từng ai nỡ khuây dạ ngọc, — Hoặc việc đến nhường cơm sẻ áo, có dám đâu để nặng tiếng vàng.

Song việc này danh-nghĩa vì đâu ? — Dù có cũng tình-văn chưa hợp. (4)

Vả anh nay :

Dòng cao tài-tử, — Bậc nhất phong-lưu,

---

(1) *Cùng-nhân :* Người cùng túng.
(2) *Khê-phả :* Cuốn sổ ghi việc bè bạn với nhau nhiều đời.
(3) *Tên lá :* Tức là tên bằng cỏ bồng.
(4) *Tình văn :* Tình và văn, tức là lễ-nghĩa.

Gương nhị Kiều trong buồng quế đưa duyên, đủ cả chị hái tần nhặt tảo. (5) — *Sao tam tú dưới cây cù chực phận thiếu chi người sửa túi nâng khăn!* (6)

Nói đến hàng tử-tức cũng dài, — *Nghĩ chưng kiếp nhân-sinh đã phỉ.*

Dù muốn thêm tỳ-thiếp làm vui cho đủ, có chị nâng chén cúc, có chị dọn bình hoa, — *Thì tính trong gia-đình tư-cấp cũng vừa, đã em nhậm phủ Từ, đã em trị-huyện Cẩm.*

Đã vâng biết già càng trái thói, — *Sao không suy nói chẳng lựa lời?*

Khá bao lăm đồng bạc đồng vàng, của Kinh-bắc tiếc chi trong bầu bạn. (7) — *E mai mốt tiếng chì tiếng bấc, giọng Hà-đông đay-đả đến anh em.* (8)

---

(5) *Hái tần nhặt tảo:* Tần tảo là hai thứ rau dùng để cúng. Kinh Thi, thơ Thái-tần khen người đàn-bà biết lo việc cúng lễ. Chữ tần tảo để tả đàn-bà lo việc cúng tiên-tổ là gốc ở đó.

Nhị Kiều: Hai nàng Kiều, con gái Kiều quốc-lão nước Ngô trong đời Tam-quốc.

(6) *Tam tú:* Ba sao, chỉ về vợ lẽ. Kinh Thi, thơ Tiểu-tinh của người lấy lẽ tự than phận mình có câu: « Lập lòe sao nhỏ kìa, ba ngôi, năm ngôi ở phía đông ».

Cây cù: Trỗi cổ-thụ khum khum cho các cây thân giây leo lên. Ví như vợ cả có lượng thương đến các vợ lẽ.

(7) *Kinh bắc:* Tên tỉnh Bắc-ninh trong đời Lê. Có lẽ tác-giả lúc ấy đương làm quan ở đấy.

(8) *Hà-đông:* Chỉ về đàn-bà dữ-dội. Thơ của Tô-đông-Pha chế Trần-Tháo sợ vợ có câu: « Hốt văn Hà-đông sư-tử hống, trụ trượng lạc địa tâm mang nhiên » (Chợt thấy Hà-đông sư-tử rống, tay buông gậy trúc, bụng bàng-hoàng).

Dám xin liệt vị tri-cõ tôn-đài :

Xét lẽ thị-phi, — Nghĩ đường khả phủ.

Ai tri-thức tấm lòng thơm-thảo, hoặc mồng năm ngày tết, gọi có thường-nghi. — Ai yêu-đương tình-nghĩa giao-du, hoặc bánh thuốc lạng trà, cũng là lịch-sự...

Nói đến phú, thì phải kể Lê-quí-Đôn là bực thày. Chúng tôi lục được bài sau này :

PHÚ

Con Gái Thích Học Trò, Không Ưa Làm Ruộng

Ngọc còn đợi giá, vàng chẳng lấn than ;

Chốn cung cấm thực là nghiêm-mật ; — sự gió trăng chi dám lan-can.

Đội ơn bác mẹ sinh-thành, bề yêu-dấu lại càng chải-chuốt ; — nghĩ sự vợ chồng duyên-kiếp, dạ ngổn-ngang nên phải trình-bàn.

Tối nay :

Hổ chút phận hèn, — mừng sinh cửa cả.

Tiết xuân vừa thuở trăng tròn, — vườn cảnh đương thời hoa nở.

Sách nhớ chữ « khuê môn bất xuất », *đường nghĩa phương dạy bảo dám sai lời ; — Lễ ghi câu* « túc dạ vô vi », *việc nữ-tắc sớm khuya đành để dạ.*

Sự-duyên này dám tỏ nước non, — nông-nỗi nọ biết đâu nhạn cá.

Rộn-rã văn-nhân tài-tử, tin ong sứ bướm, chửa từng khi trả mận gieo đào, — mơ-màng quốc-sắc thiên-hương, gối phượng chăn loan, còn đợi khách đưa thư ném quả.

Những ước :

Vui mẻ. Chồng Mạnh, — đẹp phận Châu, Trần.

Duyên kết kẻ gối Ôn màn Đổng, — mối xe nên chỉ Tần, tơ Tần. (1)

Đứng anh-hùng gặp khách thuyền-quyên, mặc sức kẻ sôi kinh nấu sử, — người thục-nữ sánh chàng quân-tử, cam lòng khi sửa áo nâng khăn.

Há có phải tham bùi xẻ ngọt, — phó mặc ai nẩy mực cầm cân.

Tưởng thế-sự dám so hơn thiệt, — tất thiên-duyên còn đợi chuyển-vần.

Đường liễu duyên đưa ; — cung trăng khách quyến.

Ấy vì ai tin nhạn dễ đưa, — bỗng thấy kẻ nhà nông tìm đến.

Người dắt mối tin còn dè-dặt, lân-la vừa lạ lạ quen quen ; — kẻ đưa lời tình tỏ vân-vi, dan-díu khéo vui vui thẹn thẹn.

Dun-dủi chi phăn lại pha son, — man-mác nhẽ thuyền chưa đỗ bến.

---

(1) Gối Tư-mã-Ôn công : bằng gỗ tròn để tỉnh ngủ — Màn Đổng Trọng-Thư quây để đọc sách.

Lễ văn-tính phong phong mở mở, mở lại phong chửa thãu rõ nguồn cợn ; — đường mối-mai nợ nợ duyên duyên, duyên hay nợ bởi vì ai xui khiến.

Cho nên nỗi : hoa kia ủ mặt, — liễu nọ phai mày.

Con tạo-hóa trêu ngươi quay-quắt, — mối cương-thường trách kẻ thày-lay.

Rừng nho bể thánh có thiếu chi, mà nỡ để hồng ngâm cho chuột vọc — bà Nguyệt ông Tơ sao lẫn mãy, mà nỡ đem bột lọc để ngâu vầy.

Tủi phận xui nên nông-nỗi ấy, — vì ai làm ra duyên-kiếp này ?

Chõn tước-bình đã thãu mãy lần, dập-dìu nơi lan-thất lan-phòng, há có phải hồng-nhan bạc phận, — cầu ô-thước kiếm chi một dải, cách-trở thú Hà-đông Hà-bắc, sao chẳng cho bạch-diện về tay.

Đã đành phận mười hai bến nước, — chẳng tham nơi năm bảy trâu cày.

Nghĩ rằng : trái phận khôn ưa, — cho duyên thế vậy.

Thề non nguyền bể hãy ghi lời, — ăn bắc nằm nam chi học thói.

Mặc mẹ cha định liệu dám sai lời, — nọ chú bác tiếng-tăm ngao-ngán nỗi.

Đã đành canh-cánh ở bên lòng, — há có lẳng-lặng mà không nói ?

Vậy phải : niềm riêng giãi tỏ, — lòng thực kể tường

Sự đây đãy ngẫm xem nhường đuốc, — việc phải chăng lấy đó làm gương.

Giàu thú-quê chân lăm tay bùn, duyên chẳng đẹp dề ép dầu ép mỡ — khó hàn-sĩ tai hiền mắt thánh, phận đã ưa chẳng cần ngãi cần vàng.

Chốn thản-bình một tiếng sãm vang, cửa Mông-chính ngựa xe đủng-đỉnh. — Trong cửa Vũ ba từng cá nhẩy, nhà Lưu-Bình võng giá nghênh-ngang.

Thế mới biết nông nhì mà sĩ nhất, — gặp thời ra của có lại quan sang.

※

Trương-Vĩnh-Ký có một bài phú đến ngày nay mới thật là thích thời.

PHÚ

Giặc Đến Nhà Đàn Bà Phải Đánh

(Hạn vần : Nữ-nhi cũng có một lần bồng tang)

Tiếng trống vang thềm ; — ngọn cờ cắm cửa.

Hồ phận liễu đào ; — đường trường quân-lữ.

Cắp mộc mang gươm những kẻ, muôn sức đua tranh ; nâng khăn sửa túi là ai, một mình che-chở.

Ấy mới gan, ấy mới tài ; — kể chi hay, kể chi dở.

Chúng bay nọ ! có đâu thì giữ, chớ cậy anh tài ; — chị em ơi ngoảnh mặt mà xem, thực là liệt-nữ.

Vì đâu nên nỗi túng mình ; — lại nhớ đến câu tục-ngữ.

Ta nay : Tủi đường nội-trợ ; — hổ phận nữ-nhi.

Được cơm no mà áo ấm ; — được quân lính mà màn the.

May nhờ cửa rộng nhà cao, khuya sớm dám sai niềm chăn chiếu ; — cũng muốn ngoài êm trong ấm, khuyên răn cho vẹn nghĩa xướng tùy.

Ai ngờ : Những mặt ăn không ; — ra lòng cướp sống.

Giong ngựa kéo cờ ; — chèo thuyền nạp súng.

Kẻ phá lũy, kẻ trèo thành ; — kẻ xé rào, kẻ mở cổng.

Già mất vía, nấp bờ nấp bụi, mắt đổ đồng-quang ; — trẻ cuống chân, hò mẹ hò cha, mũi xùi bong-bóng.

Kìa ai nỡ đáo, để cho tầm-gửi leo cành ; — những kẻ đưa đường, đến nỗi con ong vỡ bọng.

Nước đã đến đít, chẳng liệu thì quê ; — pháo bén gần ngòi, không nhanh cũng hỏng.

Tay đã khi vui thì vỗ, còn nạn làm sao ; — mình đương lúc túng phải liều, còn tiền thì cũng..

Hóa phải : Dắt kẻ đâu đen ; — vẫy thằng con đỏ.

Đánh ngược đánh xuôi ; — đâm xiên đâm xổ.

Hò voi bắn súng, con gái thì mềm ; — dáo ngựa thay dao, đàn bà dễ có.

Sự thế mà cơn buồi thế, nhẽ nào ăn cáy bưng tai ; — thân này mà nước non này, không những đánh hùm quấy họ.

Nghề đã ngày thường đánh mộc, nọ phải hùng rơm — sức còn bẻ gẫy sừng bò, sợ gì giặc cỏ.

Nhờ trời đất đắp nên rường cột, gặp nguy-nan đứng vững khôn lay ; — vì chồng con gánh vác giang-sơn, dù sống chết nhẽ nào dám bỏ.

Thương thay : Những lúc ba-đào ; — chút thân bèo-bọt.

Nhà rách vách xiêu ; — của đau con xót.

Nào phải bồ-nhìn chi đứng, ngoảnh mặt làm thinh ; — không như bụt ốc chi ngồi, đến mình phải nhót.

Thua được được thua chẳng kể, có người có ta ; hết còn còn hết cũng liều, rằng hai rằng một.

Thế mới biết : dẫu thân nhi-nữ ; — mà gan tướng-quân.

Nữ-tài mà đủ nghề thao-lược ; — nội-tướng mà cũng bậc kinh-luân.

Lục-súc quân kia, thây kệ khôn-ngoan tám vạn ; — tam bành mụ nỗi, làm cho đáo-để một lần.

Há rằng việc ngửa tay xin, trêu đàn ma-quỷ ; — cũng muốn báng giương đâu chịu, hổ bạn hồng-quần.

Giá như ai : Mưa sa phận gái ; — nước rửa đàn ông.

Thì cũng chăn chung ; — thì cũng quần chùng.

Thì cũng long-tong ; -- thì cũng ty-tung.

Tha hồ túng-tính ; — mặc sức vẫy-vùng.

Xanh vỏ đỏ lòng, thây kệ phai vàng nát đá ; — thay đen đổi trắng, chơi cho thủng trống long bồng.

Cũng nghĩ rằng : Trong nhà trong cửa ; — có thiếp có chàng.

Đạo tác-hợp chỉ thề non nước ; — nghĩa thủy chung ghi tạc đá vàng.

Giàu ăn khó chịu cùng nhau, tăm lòng nỡ phụ ; — hay ở dở đi những kẻ, ngoảnh mặt sao đang.

Dẫu còn hoạn-nạn ; — còn lúc nghênh-ngang.

Chẳng sợ gì ai, chiêng không kêu cũng đăm ; — đành liều một chuyến, trống dẫu thủng còn tang.

Cho nên má phăn răng đen, con tạo cũng nhiều lần ghen-ghét — mới biết lưng eo vú thắt, bõ cu đâu bớt chứng phũ-phàng.

※

Phó-bảng Phan-văn-Ái thủa đi học sống trong cảnh hàn-vi, nhưng không phải vì thế mà không hóm-hỉnh. Ông đã nhạo những thầy đồ chủ-tâm đi dạy học thì ít, mà đeo thói nguyệt-hoa thì nhiều :

PHÚ

Thầy Đồ Đi Trọ

Anh chẳng thấy :

Núi Đọi đằng kia, — Sông Lô bên nọ.

Có một thầy đồ, — Hễ kỳ mũi lõ.

Nón dứa, dây da, — Áo lương, quần lụa.

Giọng pha Nguyên mặc, bài truyện bài kinh, — Hơi luyện Đường nhân, câu thơ câu phú.

Gặp hội phong-vân long-hổ, nhà nước mở khoa, — Giở nghề bút mực văn-chương, thầy đồ đi trọ.

Trọ ở đâu à ? — Rằng ở tỉnh nhà.

Mặt rửa chi chậu thau bể đá, — Đít ngồi chi trường-kỷ ghế hoa.

Phong-lưu quen thói thị-thành, chõn thanh-lịch đãi người thanh-lịch, — Nhà cửa quanh năm vắng-vẻ, mẹ đàn bà con cũng đàn bà.

Đồ vui được chõn thanh-nhàn, tiếng thì mặc tiếng, — Chủ cũng yêu người văn-tự, ta lại gặp ta.

Ư thị :

Mượn cái đĩa ngô, — Bày trăm cau khô.

Rằng tôi anh đồ, — Xin trọ nhà cô.

Gánh tủ sách, — Quẩy hòm đồ.

Này khăn này áo, — Này thày này trò.

Sẵn-sàng nước rót cơm bưng, ba đồng một tháng, — Bí-bét rượu ngon nhắm tốt, hai bữa đổi hồ.

Tường đông ai khéo xoay vần, mắt Kim-Trọng đôi bên ngẵp-nghé. — Cửa sổ gió đưa phăp-phới, đàn Tương-Như mấy khúc nhỏ to.

Lại nữa :

Hương lửa gần quen, — Tăm hơi chẳng quản.

Một đầy một đây, — Nên bầu nên bạn.

Thầy đồ nghe cũng cứng, gắng sức dùi mài, — Nhà chủ mở ngôi hàng, ra tay buôn bán.

Mấy quyển Tân-thanh chi truyện, đọc lại thêm vui, — Vài thiên Trịnh-Vệ chi âm, ngâm mà chẳng chán.

Há chẳng phải :

Cô thì buôn bán, — Tôi thì học hành.

Lời ăn tiếng nói, — Nẵu sử sôi kinh.

Ngày sáu khắc, — Đêm năm canh.

Say vì nết, — Mệt vì tình.

Dù ai hẹn ngọc thề vàng, trời cao bể rộng, — Mặc kẻ cười hoa cợt nụ, gió mát trăng thanh.

Không phải chỉ có Tú-Xương thi hỏng mới hậm-hực, nhiều người hỏng thi cũng có làm phú để giải phiền :

PHÚ

Thi Hỏng

Khoa mục đường xưa — văn-chương thể mới.

Trên chín lần, lời Thiên-tử rỡ-ràng, — ngoài bốn bể, bóng Cử-nhân phấp-phới.

Lều chiếu là thang võng lọng, tranh lèo giật giải có ai nhường ; — đường thềm là cửa cân đai, cao bước mau chân không kẻ đợi.

Gang tấc chắc ôm rồng vịn phượng, mượn phấn vua đành trả nợ bút nghiên xưa ; — đêm ngày quyết mài sắt nên kim, nhờ đạo thánh để đền công đèn sách lại.

Cửa hiền rộng mở, một vườn thu-cúc, có quả có hoa, — trận bút riêng ai, ba đợt vũ-môn, lần trê, lần chuối.

Có một người :

Mặt mũi khôi-ngô, — râu mày nhẵn nhụi.

Biếng học tham ngủ : sách-vở mơ-màng, — non tập già chơi, văn-chương xốc nổi.

Vênh-váo cậy mình tiểu-hiệu, tham lam đầu gà má lợn, ngủng-nga ngủng-nghỉnh như thể mèo no; — khù-khì nhiều nỗi đa-mang, tò mò tai ếch đầu ruồi, tất-tưởi tất-ta như hình cá úi.

Đến khoa thi, nửa lệ, nửa mừng — ngẫm nhân-sự, một may, một rủi.

Mừng mặt : buồng cau, bánh thuốc, đồ tiễn-trường rất mực phong-lưu ; -- theo chân : thầy tớ, học trò, chốn tạm-trú tìm nơi rộng-rãi.

Tính hay ngủ, sửa-sang tươm-tất : lều một vác, chiếu một ôm ; — đồ phụng thân, mang-xách nặng-nề ; nước một bầu, trầu một túi.

Thuốc Bách-tính đóm diêm điếu ống, xoi mồi ấy nạp mồi khác, văn hay như thuốc ắt hẳn hơi dài ; — chả Ba-họ, cơm trắng ruốc bông, ăn một miếng, nghĩ một câu, sách nhớ như cơm, cớ gì ý nỗi ? (1)

Văn làm tối như mực, đặc như bí, kiếm chác lều kia lều nọ, hỏi một hỏi hai ; — sách quên đặc như thuồng, tối như đêm, nghe hơi câu được câu chăng, viết chày viết cối.

Vào kỳ đệ-nhất làm theo chế-nghĩa, so-sánh vừa tám vế rõ-ràng ; — tới kỳ thứ hai, đủ mục trường quy, tùng-tiệm độ ba tờ ngắn-ngủi.

Phú chẳng tỏ rằng tàu rằng mán, theo anh em tắc kiến, ý phù ; — *văn gọi là có cổ có kim, đủ lê-lối,* sỹ văn, cần đối.

---

(1) Thuốc lào hiệu Bách-Tính, chả hàng Ba-Họ, có tiếng là ngon — ý nỗi : văn đói ý, thiếu ý.

Đóng lều cho chặt, nhất định ngồi dai — se sáp thẳng gang, cõ lòng viết tối. (2)

Tính chằng-chuột muốn bù khi sóc đĩa xúi, tăp-tểnh làm gà ; — toan kéo-cò hòng trả nợ tổ-tôm thua, kiếm ăn như nhái.

Khi nộp quyển, hòm vừa đóng khóa, van lại-phòng tiếng nhỏ tiếng to, — lúc ra trường, trời đã quá canh, kêu thầy-tớ, ăm-a ăm oái.

Giường nhà trọ khi thở dài vuốt bụng, những mừng thầm quyển ấy đủ là may ; — ghế cô hàng khi hút vặt rung đùi, lại khoe gượng kỳ này xem cũng lợi.

Cũng có khi bàn dầy bàn mỏng, lượng quan mà rộng bút, cuối bảng là may ; — lại có khi nghĩ quẩn nghĩ quanh, quyển ấy có câu thần, thủ-khoa cũng phải.

Đến khi :

Ghế chéo dán lọng xanh, — bành voi giơ ống gọi.

Sõ cử-nhân xướng đã hết rồi ; — dòng niên hiệu đọc vừa đến cuối.

Người ta tất-tả về quê ; — họ hàng rù-rì đón gọi.

Thầy đồ nọ mang mặt tẽ ngoại tổ ; nón quàng vai đi thất thểu thất thơ ; — bác tú kia đầu gối tranh trưởng nam ; áo cắp nách chạy tất-ta tất-tưởi.

Về nhà :

Vợ nó thờ-ơ, — trẻ con ăm-oái.

Thấy chó vẫy đuôi mừng — nghĩ mình càng thêm tủi.

※

---

(2) Se sợi bằng sáp để thắp làm đèn.

Những lúc vô liêu, thầy đồ đôi khi cũng có những ý-nghĩ quá-quắt. Nguyễn Hổ-Trừu ở Sơn-tây có bài phú lấy vần

PHÚ

Để Ra Mãnh Ơi

Thời hồ tiên-sinh đường-bệ, học-trò tể-tể.

Hốt nhi khúc-khích yên, nhi rúc-rích yên,

cơ nhược phó tiên-sinh ư mặc kệ

Tiên-sinh nãi roi kỳ đít hề, trách chi dĩ vô-lễ :

« Cớ sao chúng bay lại cười như thế ? »

Học-trò đứng lên : « Để tôi xin kể »

Con kia nó để...

Nguyên phù hôm qua, thày đi vắng nhà ;

Viên bút nghiên nhi xếp lại, — nãi bàn cờ nhi giở ra

Ai ngờ cô ta, — ngồi lê ngồi la

Mải-mê việc nước, — hớ-hênh của nhà

Lũ chúng tôi kiển kỳ :

Đá chởm gan gà, trực phá chéo chân chi mã ; — mộc lừa mai bản, kinh hồi chọc nách chi xa (1) ;

Nhi bành-bạnh ra ; — nhi chành-chạnh ra.

Người chẳng ra người, — ma chẳng ra ma

Ấy nó là ông kễnh, — ấy nó là ông mãnh ?

---

(1) Thơ Xuân-Hương : *Đất gồ mái rải xanh um cỏ, Đá chởm gan gà mốc thếch rêu.* — Mộc tức cái khiên. Tục-ngữ lừa nhau như miếng mộc. — Mai là mu rùa, bản là xương bụng rùa.

Hay nó là hổ mang nhi cổ bạnh?

Tư thời dã :

Tướng chực thượng lên, — pháo toan lách cạnh,

Tốt hữu ý nhi nhập cung, — sĩ manh tình ư nhất ghẻnh.

Thế mà không cười, — có họa là thánh!

Tiên-sinh nghe rồi, nãi mỉm kỳ môi, nãi vỗ kỳ đùi, nãi quẳng kỳ roi, nãi viết :

— Ôi trời ôi, ôi đất ôi!

Thế mà hôm qua không có tôi!

\#

Ông Hải-Nông. trong bài phú sau đây cho chúng ta thấy đôi chút hình sắc của ngày Tết ở Thăng-long năm sáu chục năm trước :

PHÚ

Cảnh Tết Hà-Nội

Chọn ngày xuất hành, — rằng đi mừng tuổi.

Này điếu sứ, này tráp tròn, — này dù che, này ngựa cưỡi.

Tốt phết cử-nhân, — ra tuồng Hà-nội.

Thướt thày đồ chi quần lụa, đóng gót kéo lê — loét cô ả chi yếm đào, ngang lưng phất phới.

Ba mươi sáu phố, dọc ngang quanh tựa bàn cờ — cơ man nào người, già trẻ đông nhường nêm cối.

Đến kỳ :

Xuân nhật đã rồi, — cành đa đã cỗi.

Nào cu-lít, nào cu-li, — nào thông-ngôn, nào tùy-phái.

Nào tiệm thuốc, nào nhà trò ; — nào tổ tôm, nào sóc cái.

Nào những kẻ chừa chiền lễ bái, bạc thếp nhang trầm — nào những người sơn thủy ngao du, rượu bầu thơ túi.

Khách có kẻ :

Quần áo lôi thôi, — đầu râu nhẵn nhụi.

Bạc năm vạn chẳng gờm, — rượu một bầu không chối.

Ù-tì-phè ư con tự, vác mặt mày ông. — Tràn quý tị ư cái chơi, già tay ve gái.

Lèn chặt túi chi hào-hoa phong-nhã, rong chơi chẳng những một ngày xuân — Xóc đôi vai chi cung-kiếm tang bồng, phóng-túng lại bằng ba năm ngoái !

※

Phạm-Ứng-Thuần bút-hiệu Hiếu-Khanh, tục danh Cả Thuần, sinh năm 1885 tại làng Vị-xuyên, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định. Ông học rất thông-tuệ, tính lại ngay thẳng, không chịu hợp-tác với chính-quyền Pháp, chỉ ưa sống cuộc đời thanh-bạch không hệ-lụy.

Khi thấy chính-quyền mở ra lớp dạy chữ quốc-ngữ, và thêm vào chương-trình thi Hương môn học quốc-văn, Hiếu-Khanh cho cái bọn *vứt bút lông đi giắt bút-chì,* là xu-thời đáng bỉ, nên làm một bài phú :

Thầy Đồ Học Quốc-Ngữ Để Đi Thi

Này cu-a-cua ; — này co-c-cóc

Vác lều vào trường ; — cắp sách đi học.

Văn-chương mạt vận, thằng bé hết hơi ; — Âu-Á chuyện đời bác đồ tịt ngóc.

Thày khóa khom lưng kiềm gạo, mặt tây lệnh, cổ tầy cong ; — Ông Tây đá đít lấy tiền, cầm như hến, nín như thóc !

Nguyên phù thày chi vi thày hề :

Nghênh-nghênh ngang-ngang, — dở-dở dang-dang.

Râu ria một nạm, — văn sách ba trường.

Thày chi mặt hề nhẵn hàng thịt ; — Thày chi văn hề viết sát xương.

Thi thì một hỏng một vào, o-o-c-h-oách ; — Tính lại nửa gàn nửa dở, ư-ơ-n-g-ương.

Ư thị hồ :

Thày nằm thày kêu : — thày ngồi thày gõ

Nách cắp vở đồ ; — tay xách cái lọ (lọ mực)

Học-trò kia-kìa ; — quan-trường đó nọ

Thằng vào, thằng ra ; — câu dễ câu khó.

Thằng thì kêu trời ; — thằng thì chửi chó.

Hỏi rằng xong chửa? la-em-lam-huyền-làm. — Hỏi rằng nhục không? k-o-ko-sắc-kó.

Thương ôi !

Biển rộng ngàn năm ; — Trời cao một góc.

Sách vở tối-tàn ; — Non sông tủi nhục.

Văn-chương hội ấy, ngó ra trời biển nực cười. — Hồ-thỉ thân này, ngảnh lại non sông muốn khóc.

Người ta những : Âu-châu Á-châu Phi-châu Mỹ-châu. — Nào là những : Khoáng-học Hóa-học Khí-học Điện học.

Nào người thiên-đường ; nào người địa-ngục !

Lắt-léo không xương chi lưỡi, mong những nay đỗ mai đạt, thân chẳng biết lo ; — Gật-gù tôn vải chi lưng khéo là mặt dạn mày dày, mũi bao giờ mọc ?

Không biết thày : râu nghê hay râu dê ?

Nhi rậm sàm-sàm ; nhi dài lê-thê

Răng thày rụng, má thày hõm, mồm thày bỏm-bẻm hề !

Thày học sách Kinh Thi Kinh Thư Kinh Lễ Kinh Dịch ; — Thày ở nước Vua Đinh Vua Lý Vua Trần Vua Lê

Tôi van thày đừng tập-tọng a ba ê bê.

Thôi tôi lạy thày trăm lạy, thày xếp bút nghiên, lều chõng, thày đi về !

Ông Nguyễn Đôn-Phục trông thấy trong buổi giao-thời nhiều người ngộ-nhận hai chữ Tự-Do, nên đã phỏng bài « Tế nha-phiến » mà làm bài :

Tế Tự-Do

Trước phong-trào thời-thế, thở dài mà than rằng :

Ba sinh mưa gió, cuộc doanh-hoàn nào mấy mặt tri-âm ; — một phút rủi-ro, nghĩa xuống-xã dễ xui lòng ngang-ngửa.

Nhớ ngươi xưa : quê ở ngoại-châu ; — qua chơi trung-thổ.

Ý cao nghĩa rộng, tự Lư-Thoa (1) nói trước, ấy nức danh là thánh là thần ; — lời mạnh văn hay, theo Ẩm-Băng (2) diễn ra, ấy là của làm mưa làm gió.

Kìa những kẻ tham thanh chuộng lạ, nhờ tân-trào mà rước khách văn-minh ; — bao nhiêu người vụ lợi hiếu danh, nhờ học-thuyết để tiện lên đài múa.

Chốn thượng-lưu trí-thức càng đua : — đoàn vô-học ngu si cũng mộ.

Mới bén mùi học-tập càng chăm ; — đã biết môt rong chơi mới đủ.

Bánh cao-xu xe bay chớp mắt, cuộc si-ma nhà săm rạp hát, làng xe-ngựa ngênh-ngang ; — tờ báo-chí mõ gõ vang tai, sách tiểu-thuyết trai Sở gái Tần, khách văn-chương thôn-thổ.

Nhạc cải-lương điệu Tây điệu Tàu ; — cuộc khiêu-vũ nhất nam nhất nữ.

---

(1) Rousseau.

(2) Bút hiệu Lương-khải-Siêu, tác-giả sách giải nghĩa tự-do.

Năm canh những tiếng bài con bạc. tưởng đến câu nam-nữ bình-quyền ; — bốn mùa đều gió Á mưa Âu, gì bằng cảnh tự-do lạc-thú.

Hành-vi kiêm giải phóng các đường, — tư-tưởng hợp kỳ-khôi mọi vẻ.

Khi ra vào Thượng-hải Bom-bay, — lúc thích chí sâm-banh quế-lộ.

Giải khát sẵn nước chanh nước đá, quạt máy dùng không-khí thanh lương ; — nhuận-tràng có hộp sữa hộp lê, đèn điện chiếu sa-lông sáng-sủa.

Lúc duy-tân nghĩ cũng nên đời ; — cơn điên-đảo ngẫm ra mà sợ.

Khuyên anh em tiến cho nhanh bước, theo gót đời cho kịp mà chơi — nào ai ngờ học chẳng phải đường, não lòng khách cầu hay hóa dở.

Nửa người nửa ngợm, đạo-đức đảo điên ; — chẳng dại chẳng khôn, cương thường long-lở.

Hàng phụ-huynh chê là lão-đại, cảnh gia-đình mặc đi sớm về trưa ; — bọn con em cậy có văn-minh, mỗi ưu-thắng cũng ruột không vỏ có.

Chốn thành-thị trai ong gái bướm ; khăn khăn áo áo cũng nhuộm màu tân ; — nơi thôn dân con dở cha gàn, hiếu hiếu trung trung cũng đều xếp xó.

Gái đào tơ nên ngứa mắt ngứa nghề ; — trai niên-thiếu cũng cứng đầu cứng cổ.

Kìa những kẻ thông-minh tài-tuấn, hiểu lầm đường

còn lỡ phải bến mê ; — huống chi người tài thiển trí ngu, đi lạc lối cũng chìm vào bể khổ.

Đi ra ngoài kém thầy hay bạn tốt, tham thú kỳ ngông-ngáo chơi liều ; — về đến nhà không sách thánh kinh hiền ; đem chuyện mới viển-vông nói thợ.

Cũng có lúc biết thân là nhục, đã ngậm-ngùi than gió khóc mưa ; — hoặc có khi tưởng thế đã vinh, lại tấp-tểnh theo mưa đón gió.

Cuộc phong vân những mong gặp hội, một hai khi mở mặt làm vui ; — trong cuộc đời nhiều thứ thuốc mê, nghĩ nông-nỗi đành lòng cũng chán.

Những tưởng cánh buồm thuận gió, mà cho ngọn nước chảy xuôi ; — nào ngờ con nước buồn tênh, những trách tri-âm vắng vẻ.

Nghĩ thấy chữ « bảo-tồn quốc-túy » *đạo hiếu trung đã học phải ghi — xem thấy câu* « thâu-thái tinh-thần », *cái cặn-bã chớ đua lâm nữa.*

Rày nhân : tiết-giới xuân-thiên ; — tuần lâm Hàn-thực.

Vậy giãi lòng cho thỏa với tri-âm. — Xin linh-khách hãy tìm về bản-quốc !

#

Một buổi đi hội thương bên tòa sứ về, ngồi trên xe tay, ông tuần-phủ tỉnh Thái-Bình bị liệt-sĩ Nguyễn-văn-Tráng liệng cho một trái lựu-đạn, hồn về chín suối. Chính-quyền bấy-giờ cho ông được truy-thụ hàm tổng-đốc. Trong đám sĩ-phu, có ngầm đưa nhau xem một bài văn-tế mà người ta mệnh danh trái lại là :

Bài Biểu Sỹ-Phu

MỪNG

Tuần Phủ Thái-Bình Bị Bom

Nguyên-văn bài ấy như sau :

Phục dĩ :

Góc trời đỏ rực, tiểu nhân đắc chí chi thời, — mặt đất sãm vang, đại đồ phục tru chi nhật.

Trời đành có mắt, — người thảy vui lòng.

Thân sỹ chúng tôi, trộm nghĩ rằng :

Cướp của diết người kẻ cắp tất bà già chi gặp, — mũi tên hòn đạn, thiên oai duy bạc mệnh chi tìm.

Huống rước thù mua oán đã lâu, lẽ không tha được, —tức nướng chả băm viên rất thảm, tội chửa cân đâu.

Không biết ông nào, — thương thay cụ lớn.

Cung duy Thái-Bình Tuần phủ

Nguyễn đại-nhân các-hạ.

Làng văn vật, — dòng thi thư.

Đỗ cử nhân từ khoa bính tuất, chó ngáp phải ruồi, — sang hậu bổ giữa tỉnh Thái-Bình, chuột sa chĩnh gạo.

Đóng liền một chỗ, — làm luôn mấy năm.

Cứ ỏ xôi ruộng mật chi lợi quyền, — thì xanh vỏ đỏ lòng chi chính-sách.

Đỏ như vông, đông như tiết, nhờ máu mạnh dĩ đưa đi, — cơm là gạo, áo là tiền, đầy túi tham nhi thắt lại.

Được thể dễ nói khoác, hết phủ huyện nhi bỏ hồ, — càng quen lèn cho đau, nhè thân-hào nhi giở mặt.

Chỉ khéo liệu chiều che gió, sứ muốn ăn cho ăn, muốn chơi cho chơi, — xui nên há miệng mắc quai, quận bảo xôi ừ xôi, bảo thịt ừ thịt. (1)

Tay múa trong bị, — bụng rặt những gươm.

Ký đổi trắng nhi thay đen, — thả tát cạn nhi bắt lấy.

Trước còn vơ vét, dăng cánh lưới dĩ ngang sông, — sau lại dò la, bới chân lông nhi tìm vết.

Gần từ một tỉnh — xa đến các nơi

Trong họ chẳng tha, — người làng cũng bắt.

Vi hạt-dân chi hùm xám, — vi qúi-quốc chi chó săn. (2)

Sao chẳng nghĩ :

Vận nước loạn li, — tình dân oan khổ

Làm cho đến nỗi chày khô vắt dĩ nước ra, — chút chẳng thương tình, dầu đổ thêm chi lửa cháy.

Huống phục

Tiền thừa gà mổ — ruộng thẳng cò bay.

Còn mong đến đâu — chẳng xin về nghỉ ?

Sao không biết nghĩ — hễ tham thời thâm

Nghi tạc-đạn chi quăng vào, mình mua lấy chết, — tức thành-môn chi phục xuống, người hóa ra ma.

---

(1) Sứ : công-sứ Pháp đầu tỉnh — Quận : quận-công Hoàng cao-Khải.

(2) Hạt-dân : dân trong tỉnh — Quý-quốc : trỏ nước Pháp.

Thương thày tớ chi bị lây — vào nhà thương nhi cứu khỏi.

Thân sỹ chúng tôi

Trộm nghe người nói — ngồi nghĩ nhẽ chung.

Chẳng chết chết thằng nào, cho đáng đời, cho đáng kiếp, — đã làm làm phải được, ấy mới gan, ấy mới tài.

Thực thỏa lòng người — để tạ thiên hạ.

Từ đó chợ tan buổi họp, đưa cửa trước rước cửa sau — rồi ra của đội nón đi, vào lỗ hà ra lỗ hổng.

Hàm tổng đốc được truy tặng thẳng, thống sứ thương thay! — vua Diêm-Vương có mật-thám chưa, thằng tuần xuống đó!

Thân sỹ chúng tôi

Bẩm thăng nguýt nguýt lườm lườm chi chí, cẩn trần « chửi » dĩ văn. (1)

Bài biểu này, chúng tôi xin kể lại nguyên-ủy để bạn đọc thấy đủ màu sắc của xã-hội thủa trước.

Tương truyền rằng tác-giả là ông cử Nguyễn-hiến-Tấn. Nguyễn-hiến-Tấn, nguyên tri huyện Quế-Dương, bị cách chức, thường đi chu du các nơi. Hồi ấy, lên Sơn-Tây thăm đốc-học Hanh, nhân lúc cao hứng, ngâm lên bài biểu. Hanh khen hay, sao lại một bản. Sáng hôm sau, thừa lúc có việc sang tuần-phủ Nguyễn, đọc cho Nguyễn nghe. Không ngờ Nguyễn nắm ngay lấy dịp lập công.

---

(1) Không ngớt nguýt-lườm thậm tệ, kính-cẩn bày lời văn để chửi.

Tối hôm ấy, Tấn và Hanh đương ngồi chơi, bàn tán về những vẽ đối xuất-sáo trong bài, lấy làm khoái trá. Bỗng tuần Nguyễn vào, dắt theo sau công-sứ Sơn-Tây. Nguyễn đến thẳng chỗ đầu sập mở tráp của Hanh ra lục xét, quả nhiên thấy ngay bài biểu. Liền đó, công-sứ ra lệnh bắt giam Hanh và Tấn.

Hai hôm sau, Hanh bị cách chức. Còn Tấn thì phải giam-cầm ít lâu, rồi được giải về quản thúc tại quê nhà ở Hưng-Yên.

Đến nay, tù với quản thúc xong rồi, tuần sứ cũng đã hết đời, riêng « quan tuần Thái-Bình » còn sống mãi trong trí-nhớ của dân-tộc với cái danh-hiệu *mật-thám của Diêm-vương.*

Đồng thời còn có một bài thơ khác điếu quan tuần Nguyễn :

Thiếp đỏ khao công chẳng kịp mời (1)
Tin đâu sét đánh đã đi đời !
Mề đay Bắc-đẩu đeo vừa đoạn (2),
Tập án Đông du kết chửa rồi (3)
Chết ngất, Thượng-Hoàng (4) đau gẫy cánh.
Phát điên, Bát-Đậu (5) sợ co vòi.

---

(1) (2) Nguyễn được Bắc đẩu bội tinh, đương chuẩn bị mở tiệc mừng.

(3) Nguyễn được Pháp giao việc điều tra lý lịch các chí sĩ và học sinh Việt-Nam sang Nhật du học hồi ấy.

(4)Tổng-đốc Hoàng nghe tin Nguyễn bị giết thì ngất đi.

(5) Bát Đậu là tay sai đắc lực của Nguyễn.

Mên-Linh (6) chắc hẳn còn cười ngất,
Ép chuối (7) trò ma thế thế thôi !



Vụ cải-tổ ở Huế năm 1933, khiến năm ông thượng-thư bị giải chức đột-ngột (xem bài Năm Trụ Rớt Ình tr. 145) đã giúp đầu-đề cho ông Võ-Khải làm một bài văn-tế thật mai-mỉa, cười ra nước mắt :

Than ôi !

Nắng héo cành hoa ; -- Sóng xiêu cột trụ.

Thời văn-minh nên giữ lễ công, — Tài lão-luyện khá thương người cũ.

Năm quý-dậu tiếng gà gáy giục, thôi tỉnh rồi một giấc hoàng-lương ; — Tiết Nam-phong ngọn gió thổi dồn, bỗng trút cả năm cây đại-thụ.

Nhớ các cụ lớn xưa :

Trí-dũng thông-minh — Khôn-ngoan tài ngỏ,

Mình trải bốn triều ; — Quan trên sáu bộ.

Chức bình-chương đã xứng mặt đại-thần ; — Tài kinh-tế cũng nên tay thạc-phụ.

---

(6) (7) Tổng-đốc Hà-Đông, mỗi khi tra quốc-sự phạm, thường bắt căng nọc ra sân, hai bên ép bằng hai cây chuối, để khi đánh nạn nhân không cựa quậy được. Một hôm, Mền Linh bị đem ra sân tra-tấn. Ông cười, chỉ vào cây chuối mà hỏi tổng-đốc : « Anh định giở trò ma gì đây ? »

Vận-hội gặp cơn mưa gió, lạnh răng nào dám hở môi ; — Công-hầu say miếng đỉnh-chung, lắp miệng cũng vì cả vú.

Sóng Hoàng-hải chẳng yên cũng lặng, lo chi thế ấy thế này, — Nợ tang-bồng chưa trả đã vay, khắp cả ngõ kia ngõ nọ.

Trọng-xuân trước, áo xiêm ràng buộc, mới tế trời theo lễ Nam-giao ; — Tháng ba sau, xe ngựa dập-dìu, lại hầu ngự làm chay Thiên-mụ.

Kiệu hoàng-đế đã về trị nước, bảy tám năm mới thấy mặt trời ; — Sõ hưu-quan chẳng động tới mình, hai ba tháng tưởng qua luồng gió.

Ai ngờ !

Giông-tố thình-lình ; — Mây mưa đánh đổ.

Hội thanh-xuân giữa lúc hoa tàn, — Nước Hồng-hải gặp cơn sóng vỗ.

Đầu tháng tư đổi tiết, quan toàn-quyền chính-phủ đã qua ; — Chiều mồng tám hội-thương, việc hạ lệnh phong-bì mới xổ.

Giấy đã khui ra. — Mắt đà thấy rõ.

Từ dưới ông Công — Đến trên cụ Võ.

Cả thảy năm ngài, — Được về một sổ.

Chữ Pháp-tự trong tay đã hiểu, cười cũng lỡ cười ; — Gương tinh-quang trên mắt còn đeo, ngó rồi lại ngó.

Tưởng đã đứng đầu năm trước, tha hồ đề bảng Phước-môn ; — Hay đâu đi rập một chiều, hưu hĩ trừ quan Thượng Hộ.

Thảm-thiết nhỉ! Năm mây gần đó: ngẩn-ngơ trông năm vẻ rồng cao, — Độc-ác thay! Một lưới quét xong, may sót lại một con cá nhỏ.

Ừ có chữ « danh thành thân thoái », kiếp thử-sinh chi dám kêu-nài, — Tủi vì câu « tống cựu nghinh tân », chữ bản nhật sao mà khắc-khổ.

Ôi thôi thôi!

Sĩ chỉ theo thời, — Hành tàng có sõ. (1)

Máy tạo khôn lường; — Đạo trời cũng ngộ.

Vua đã tha mà phép không tha; — Ta chẳng phụ sao người nỡ phụ.

Bước qua năm mới, lối dương-cù nay khởi gác xe; — Biết có ngày ni, cửa Thần-vũ trước đà treo mũ. (2)

Y-thường vui gặp hội, áo mũ xưa đà khác tích thì, — Lương-đống thiếu chi tài, nhà cửa đó giao về tân-chủ.

Đất cũ đãi người mới, cuộc tang-thương sao khéo đổi dời; — Ăn lâu thôi chán mùi, ơn sơn hải thẹn chưa báo bổ.

Rủi mà được sõng lâu lên lão, miệng sau lưng nhiều tiếng khó nghe; — May cũng cho thác trẻ khỏe ma, khỏi trong bụng bao giờ cho đủ.

Tuyết trắng đã thay mái tóc, bồng con thơ mà giỡn cho khuây; — Hoa tàn còn đượm mùi thơm, dạo vườn cũ thử chơi cũng thú.

---

(1) Sĩ, chỉ — hành-tàng: ra làm quan và về hưu-trí.

(2) Dương cù: đường rộng trồng cây dương, các quan đi vào châu — Cửa Thần-vũ: Đào Cảnh nước Tề, thấy nước sắp mất, xin từ quan treo mũ ở cửa Thần-vũ, vào tu trong núi.

Nhớ ơn nước khi tiệc lớn, năm vài lần quen miếng thịt xưa ; — Tính bổng hưu sổ bạc to, tháng trăm trự còn mẫu mỡ đó.

Cụ thì đi chơi sơn thủy, cõi Bắc miền Nam ; — Cụ thì trở lại quê-hương, quê cha đất tổ.

Cụ thì lo thực-nghiệp mà tìm nơi canh khẩn, chơi cùng phường lão-phố điền-phu — Cụ thì thích phồn-hoa mà ẩn bóng kinh-đô, chịu làm kẻ kiều-cư khách ngụ.

Tranh tạo-hóa hãy còn treo đó, khói phù-vân đủ sắc trắng xanh — Trường diễn-ca đã hết lớp rồi, mặt ổi-lõi thay màu đen đỏ. (1)

May trước giắt-dìu con rể, khiến đua bơi mà nỗi nghiệp nhà ; — Mừng nay thong-thả tháng ngày, nhờ ăn ngủ càng lên cõi thọ.

Nay chép vài vần ; — Xin mừng các cụ !

---

(1) Ổi lỗi : người gố — bù-dìn.

IX – thổ âm thổ ngữ

Nói trái hay nói ngược lại, thì ý-nghĩa lời nói đổi thay đi đã đành ; còn có khi nói xuôi mà lời nói cũng trái nghĩa nhau, ấy là trường-hợp sai-biệt nhau của thổ âm.

Nước ta, mỗi xứ nói một giọng khác nhau, Trung Nam Bắc nặng nhẹ không đều. Nói gì những Trung Nam Bắc, ngay thủ-đô Hà-nội, bốn cửa ô đã có bốn giọng nói khác hẳn nhau rồi. Chúng tôi không có ý phân-bì thanh-trọc, chỉ nhân đây nhắc lại mấy câu đối mà cái thú-vị chính lại ở trong chỗ thổ-âm không giống nhau.

Tương truyền một hôm Tả-quân Lê-văn-Duyệt dự buổi hát-bội, trên sân-khấu có hai kép hề bông-lơn với nhau. Kép nọ hỏi kép kia :

— Đố biết vật gì vừa đực lại vừa cái ?

Nghĩ là họ định nói lỡm mình là một người yêm-hoạn tả-quân bèn cho lính cầm gươm lên sân khấu, nạt rằng :

— Nếu không giải được hĩru-lý, thì sẽ nhận lấy nhát gươm này !

Anh kép thản-nhiên nói với bạn đồng-nghiệp :

— Đố dễ như vậy mà không trả lời được ! Nó là

« Coong thằng-lằng ».

Vừa là *con* vừa là *thằng*, chả vừa đực vừa cái là gì ?

Tả quân phải cười mà tha. Nhưng giá kép kia nói tiếng Bắc, ắt sẽ nói *thần-lần,* chứ không phải *thằng-lằng,* thì hẳn là mất đâu rồi, vì *con* với *thần,* sao đưa đến được cái suy-luận *vừa con vừa thằng !*

※

Một ông đồ Nghệ ra cho học-trò vế đối :

Thắng-đái ngựa

Thắng-đái tức là cái giây buộc ngang bụng ngựa. Nguồn cảm-hứng của ông đồ cũng đã lạ !

Học-trò chỉ có một anh đối lại thật đắc-thể :

Bãi cứt trâu

Nếu anh trò là người Bắc thì vế đối không chỉnh *bãi* đối sao được với *thắng !* Bởi trò là người ở hai châu Ô Lý, nên đọc *bãi* là *bại : bại* với *thắng,* còn gì chọi hơn !

※

Trạng Quỳnh đã dùng thổ-âm nặng nhẹ mà ghẹo một cô hàng nước người Nghệ.

Ghẹo Cô Hàng Nước

Bán hàng nay cô đã mấy tuổi ?
Nước cô còn nóng hay đã nguội ?
Lủng-lẳng trên đeo dăm nắm nem,
Lơ-thơ dưới móc một buồng chuối,
Bánh rán bánh dầy đều xoa mỡ,
Khoai ngứa khoai lang cũng chăm muối ;

Ăn uống xong rồi tiền chửa đủ,
Biết nhau cho chịu một vài buổi.

Thổ-âm Nghệ, dấu *hỏi* đọc ra dấu *nặng* và bao nhiêu dấu *sắc*, dấu *nặng*, dấu *ngã*, đọc gần như dấu *huyền*.

Chẳng hạn :

Khoai ngứa khoai lang cũng chăm muỗi

thì đọc là :

Khoai ngừa khoai lảng cùng chầm muỗi

Bài thơ này chỉ cốt trêu bằng cách đọc trạnh hai câu cuối cùng.

※

Các bạn còn nhớ Lê-Chất, nguyên là hậu quân của vua Gia-Long, được cử làm tổng-trấn Bắc-Hà, sau từ-trần ở Hà-Nội.

Vì khi sinh thời ông đã can vua đừng phế trưởng lập thứ, — nên lập con chứ không lập em hoàng-tử-Cảnh, — nên khi vua Minh-Mạng (em hoàng-tử Cảnh) được lên ngôi, nhớ lại chuyện ấy, liền cho san phẳng ngôi mả hậu quân ở ven hồ Tây. Tới khoảng năm 1920, nhân sở Lục-lộ đào quãng đường từ đền Quan-Thánh sang phủ toàn-quyền để đặt đường giây thép, mới thấy hài cốt của Lê, cân đai mũ áo hãy còn nguyên vẹn. Chính quyền bèn cho bốc đi sang mai táng ở bên vườn Bách thú, và làm bia kỷ niệm.

Nhân dịp này, một ông nhà nho người vùng bể Bắc-Kỳ, cảm xúc làm nên bài thơ như sau :

Viếng Mộ Lê-Chất

Trăng tà, cỏ áy, đất mờ rêu
Ngán nỗi tang thương khách cựu triều
Tiếng trống bình Tây cơn gió thoảng
Ngọn cờ trấn Bắc áng mây treo
Vua tôi nghĩa cũ còn ghi đế
Mũ áo duyên thừa bỗng vắng teo
Non nước khí thiêng đâu đó tá
Ngàn năm văng vẳng tiếng hồ reo!

Bài thơ tác giả làm xong lấy làm đắc ý lắm, nhưng lúc ngâm lên, lại thấy bị trùng vần mà loay hoay mãi không chữa được, bèn đi tìm một người bạn để nhờ sửa. Nghe xong, ông bạn cười hà hà :

— Bài thơ có vần nào trùng đâu! Trùng vần chỉ tại bác đọc không đúng giọng đó thôi.

Nguyên có hai vần « *treo* » và « *teo* », là hai tiếng mà người vùng bể đọc giống nhau, *treo* với *teo* cùng đọc là *teo* cả cũng như *trâu trắng* đọc là *tâu tắng*, nên nhà nho ta tưởng là điệp vận !

X — dịch ngoại ngữ

Trong thời học chữ Hán, các cụ ta dịch những danh-văn Trung-Hoa ra tiếng Việt, có nhiều bài rất đặc-sắc.

Ấy là nói về những bài dịch theo lối chân-phương, đúng nghĩa từng câu từng chữ. Nhưng thỉnh-thoảng cũng có lối dịch trào-lộng, cố ý làm sai nghĩa nguyên-văn.

Thành-thái 19 (1906), trường sư-phạm Hà-nội mới mở, lấy cử-nhân tú-tài và nhất nhị trường cũ để học chữ quốc-ngữ, đợi khi mãn-khóa bổ đi làm giáo-viên ở các tổng. Chương-trình thi có những bài toán-pháp, địa-dư, cách-trí, và chữ nho dịch ra quốc-văn.

Viên tri-huyện họ Hoàng, giáo-học trường sư-phạm, ra đầu bài chữ nho, lấy câu đầu sách Đại-học, cho thí-sinh dịch :

Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc.

Các thí-sinh cứ dịch theo đúng nghĩa :

— Có biết đến cùng, sau mới định trí, định trí sau mới tĩnh, tĩnh sau mới yên, yên sau mới có thể nghĩ-ngợi tinh-tường, nghĩ-ngợi tinh-tường sau mới lĩnh-hội được điều phải điều hay.

Duy có cử-nhân Nguyễn-văn-Bật, sinh khoảng 1880 ở Sơn-tây, ngày thường hay tỏ vẻ bất-bình vì khinh viên

huyện Hoàng không phải là khoa-bảng xuất-thân, nên cố ý dịch khôi-hài để chế-nhạo :

Người ta phải biết ăn ở cho phải chẳng, thì chí hướng mới định, muốn thế phải đến làng Tri-chỉ (1) mà ở. Chỗ ở đã định rồi, thì phải tìm thú vui, thú vui không đâu bằng phố Năng-Tĩnh Nam-định, chỗ ấy có lắm cô đào ở. Đã thú vui rồi, lại muốn yên thân, thì phải tìm đến huyện Năng-An mà ở. Đã yên thân rồi, mới nghĩ ngợi được mọi cơ-mưu, thí dụ như người làm quan, phải nghĩ làm sao lấy được nhiều tiền. Khi đã có nhiều tiền rồi, phải có trò chơi cho thỏa-thích, như đánh tổ-tôm, làm thế nào ù được nhiều, lấy vợ làm sao để được nhiều con, thế gọi là năng đắc.

Viên huyện Hoàng xem bài dịch rất lấy làm căm-tức, đưa ra trình hội-đồng.Hội-đồng gồm có phó-bảng họ Phạm cùng các quan-viên học-chính, và đại-diện phủ thống-sứ. Viên chủ-tịch bảo Bật đọc bài. Bật cứ thản-nhiên đọc nguyên-văn như trên, không ngượng-nghịu gì. Mọi người đều bưng miệng cười.

Họ Phạm hỏi Bật :

— Nghĩa sách thầy học như vậy à ?

Bật thưa :

— Bài dịch này, chủ ý tôi chỉ để riêng cho ông huyện Hoàng xem, chứ không ngờ đến tai hội-đồng, xin ngài châm-chước cho.

---

(1) Làng Tri-chỉ thuộc huyện Yên-lạc tỉnh Vĩnh-Yên nơi sản rất nhiều cô đào danh ca.

Họ Phạm phạt cử Bật không được dự thi kỳ nào nữa.

※

Hồi vua Duy-Tân bị phế là lúc chiến-cuộc Pháp-Đức ở trong giai-đoạn gay-go, Pháp thua liền mấy trận, một nhà nho nhớ lại bài *Thu-hứng* của Đỗ Phủ :

Văn đạo Tràng-an tự dịch-kỳ
Bách-niên thế-sự bất thăng bi !
Vương-hầu đệ-trạch giai tân-chủ
Văn-võ y-quan dị tích-thì.
Trực-bắc quan-san kim-cổ chẫn,
Chinh tây xa-mã vũ-thư trì.
Ngư-long tịch-mịch thu-giang lãnh,
Cố-quốc bình-cư hữu sở ty... (1)

liền cao hứng dịch như sau :

Nghe nói trong Kinh, nghĩ chuyện đùa
Mùi đời bao xiết nỗi cay chua !
Những con nhà khá đi đâu cả,
Một bộ phường tuồng sẵn mới mua.

---

(1) Ông Bùi-khánh-Đản đã dịch theo nghĩa chân-phương :

Trường-An nghe nói rồi quân cờ, — thế-sự trăm năm những ngẩn-ngơ... — Nhà cửa vương-hầu thay chủ mới — áo-xiêm văn-vũ khác thời xưa. — Ải quan cõi Bắc vang chiêng trống — xe ngựa đường Tây chậm vũ thư — Lạnh-lẽo sông thu rồng cá vắng — Trạnh lòng cô-quốc lúc bình-cư.

Tiếng trống đã vang quân Bắc được,
Mảnh tờ sao chậm báo Tây thua?
Rồng nằm ao cá hơi thu lạnh,
Nước cũ ai mà chẳng nhớ vua!

Bài thơ này rồi có kẻ giàu lòng bác-ái đem mách Tây, dịch-giả suýt lâm vào vòng tù-tội, nếu không nhờ một quan-lớn có tín-nhiệm giải rõ cho Tây biết đó chỉ là một bài dịch thơ Đường chứ không có ý « ám-muội » tỏ một nỗi thắc-mắc như chánh-quyền Pháp đã tưởng :

Mảnh tờ sao chậm báo Tây thua?

※

Dưới đây là vài bài thơ dịch có tính-chất khôi-hài. Bài Thanh-bình-điệu của Lý-Bạch ca-ngợi sắc đẹp của Dương Quý-Phi :

Vân tưởng y-thường, hoa tưởng dung
Xuân phong phất hạm lộ hương nùng
Nhược phi Quần-Ngọc sơn đầu kiến
Hội hướng giao-đài nguyệt hạ phùng (1)

đã được dịch một cách oái-oăm :

Mặc áo vân tầu, mặt rỗ hoa
Cô-lôn lại rảy ngát mù-soa

---

(1) Bản dịch chân-phương của ông Bùi-khánh-Đản :

Áo như mây nổi, mặt hoa cười — gió nhẹ qua hiên, hạt móc tươi — ví chẳng phải người trên núi Ngọc — dưới trăng, âu hẳn khách Giao-đài.

Ngọc-sơn chốn ấy ta cùng hẹn
Gặp-gỡ giao-đài dưới bóng Nga.

Đường-minh-Hoàng mà nghe thấy bài này, có lẽ truyền chém đến mấy đâu, vì ở đây Quí-phi đã biến thành một thứ quỷ dạ-xoa...

*

Bài « Lương-châu-Từ » của Vương-Hàn :

Bồ đào mỹ-tửu dạ quang bôi
Dục ẩm, tì-bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa-trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi (1)

Có người đã dịch đùa :

Sâm-banh mà rót cốc pha lê
Toan nhắp, kèn đâu giục ngựa đi
Say ngủ trên đồi, xin chớ diễu
Xưa nay đi chiến mấy ai về !

*

Bài « Khiển hoài » của Đỗ-Mục :

Lạc bạc giang-hồ tái tửu hành
Sở-yêu tiêm-tế chưởng trung khinh

---

(1) Bản dịch chân phương của ông Bùi-khánh-Đản

Bồ đào rượu rót chén lưu-ly — muốn uống, tỳ bà giục ngựa đi — bãi cát, say nằm, chê cũng mặc — xưa nay chinh-chiến mấy ai về.

Thập niên nhất giác Dương-châu mộng
Doanh đắc thanh-lâu bạc-hãnh danh (1)

Ông Tam-thập-ngũ dịch :

Chén rượu giang-hồ chênh-choáng say
Riêng mê lưng nhỏ nhẹ bồng tay
Mười năm sực tỉnh Dương-Châu mộng
Mua được lâu xanh tiếng « một cây » !

※

Bài « Dương liễu » của Dương-cự-Nguyên :

Thủy biên dương liễu lục yên ti
Lập mã phiền quân chiết nhất chi
Duy hữu xuân-phong tối tương tích
Ân-cần cánh hướng thủ trung suy (2)

Một người có tâm-sự riêng (bạn cũ đã ôm cầm thuyền khác, nhưng *dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng*) đã dịch một cách xuyên-tạc mà tài-tình :

---

(1) Bản dịch Bùi-khánh-Đản :

Lêu-lổng, mang theo rượu một bình — lưng thon, gái Sở nhẹ tay mình. — Mười năm tỉnh giấc Dương-châu mộng — nổi tiếng làng chơi bạc-hãnh danh. (Hai chữ « *lạc-bạc* » thường đọc sai là « *lạc-phách* »).

(2) Ông Bùi-khánh-Đản dịch :

Cây dương bên nước rủ tơ xanh — Dừng ngựa phiền ai bẻ một cành — chỉ có gió xuân như luyến-tiếc — theo tay cầm liễu thổi bay quanh...

Bên bờ liễu rủ xanh như khói
Dừng ngựa phiền ai bẻ một chồi
Chỉ thấy gió xuân riêng luyến-tiếc
Ân-cần thổi mãi... liễu tay người !

※

Khoảng năm 1920, ở trường Bờ-sông Hà-nội, vào giờ dịch Pháp-văn, nguyên văn của Emile Nolly có câu :

Les soldats tiraient sur les flamboyants (lính bắn vào các cây me tây).

Một bạn dịch là : *Các ông lính-tẩy bắn các me-tây,* cụ giáo Nghi lấy làm khoái-trá phê cho 10 điểm vì *bắn* và *me tây* được dùng cả hai nghĩa, lại thêm chữ « tẩy » vào chữ « lính » hình-dung được một thái-độ hùng-hục !

Nhưng một hôm khác, câu : *Je suis malade* một bạn dịch là *Tôi õm,* thì ông đốc Léonet lúc ấy đứng dự-thính, hét lên một tiếng *zéro !* và bảo phải dịch là *tôi thì õm* mới đúng.

Chết cái, *tôi thì õm* đúng mẹo Pháp, chứ đâu phải mẹo ta !

Sau này, một ông Tây thạo truyện Kiều, đã khám-phá ra : trong truyện Kiều, có nhiều lỗi đặt câu giống như trong tiếng Pháp. Chẳng hạn như :

Thúy-Kiều là chị, em là Thúy-Vân,

ông cho là không khác gì lỗi đặt câu trong tiếng Pháp :

La maison est vaste, vaste aussi la cour.

Kể ra nếu dễ tính cũng hãy cho là đúng đi.

Song không phải vì một vài chỗ na-ná nhau ấy mà luận được rằng luật mẹo văn ta cũng có thể làm *cẩm* như văn-phạm tây ! Trong văn ta mỗi chữ tùy theo vị-trí trong câu, có thể là chủ từ, động từ, trạng từ, tĩnh từ v... v... thì đặt thế nào cho ra được mẹo luật rành-rẽ ?

Chẳng hạn như chữ *ai* trong câu chuyện này

Hai vợ chồng nhà kia mới cưới nhau hôm trước, hôm sau chồng đi làm ngoài đồng, đến bữa vợ ra gọi về ăn cơm, nhưng vì còn thẹn, không biết gọi chồng bằng gì, bèn buông lỏng :

— *Ai* về mà ăn cơm.

Chồng hỏi đùa :

— Cơm *ai* thổi ?

Vợ nguýt yêu, trả lời :

— Thổi chứ *ai* ?

Như thế thì phân biệt sao được *ai* vào với *ai ?*

Ngay như trong truyện Kiều cũng nhiều câu đặt lộn đi, đảo lại, thí dụ :

Trúc tơ, hỏi đến nghề chơi mọi ngày
Bóng hồng, nhác thấy nẻo xa
Huyên già, dưới gối, gieo mình

Làm cách nào phân cho ra chủ-từ động-từ ? Cho nên phỏng theo mẹo chữ Pháp mà đặt mẹo cho tiếng ta,

chúng tôi dám cho là làm một việc có tính cách phi-thường... Léonet !

※

Bây giờ đây quốc văn ở vào thời kỳ sung mãn, khoa-học đã dùng được quốc văn mà diễn-giảng, những tư-tưởng uyên-áo, học-thuyết sâu-sắc cũng đã phu diễn được rõ-ràng, thì *văn sĩ quốc văn* là một danh-từ rất đáng kính nể. Chứ ba-mươi năm trước, phải cần học chữ Hán cho rộng, hoặc chữ Pháp cho tinh mới có cái căn-bản làm văn, thì bốn chữ *văn sĩ quốc văn* hồi bấy giờ, trái lại, là một danh-từ diễu-cợt để trỏ những nhà văn chỉ có công-phu đào luyện bằng tập *Nam-Phong* hoặc *Đông-Dương tạp-chí*.

Một ông văn-sĩ quốc-văn đã dịch *má hồng phận bạc* là *joues roses au destin blanc*. Bạc đây đâu có phải là *blanc* ? Ý chừng dịch-giả muốn chơi lóng chữ *roses* với chữ *blanc*, như ông huyện nọ đã chơi lóng chữ *hồng* với chữ *lục* trong câu tự trào :

Ngựa hồng *ngày cưỡi hầu hai buổi*
Súng lục *đêm tuần đạn một viên*

Một ông khác đã dịch *cầu thệ-thủy* (cầu nước chảy) trong câu :

Cầu thệ thủy ngồi trơ cổ độ.

ra là *pont des serments*, dáng cũng lại muốn chơi chua như mấy nhà báo khi xưa ở Hà-thành đã dịch :

Hôtel de ville (tòa đốc-lý) Khách-sạn thành-phố.

Une femme du monde (một vị phu-nhân quý-phái) : một người đàn bà thế-giới.

Roue de secours (bánh xe dự-phòng) bánh xe cứu-tế.

Exécution capitale (vụ hành-quyết) chấp-hành thủ-đô.

Le corps du maréchal a été embaumé (thi-hài thống-chế đã được lấy ngũ tạng ra và ướp thuốc) thi-hài thống-chế đã đem tẩm nước hoa.

Institut d'émission (viện phát-hành giấy bạc) đài phát-thanh.

Toubib (lang thuốc) ông Toubib.

Capitaine de frégate (trung-tá hải-quân) đại-úy De Frégate.

Peau de chagrin (miếng da lừa) miếng da sầu tủi !

⁂

Một hôm, trong một lớp văn-khoa, vị giáo-sư viết lên bảng chữ *évidemment* (dĩ-nhiên) và hỏi nghĩa.

Trong yên-lặng, một sinh-viên dơ tay xin trả lời. Giáo-sư hất hàm. Sinh-viên đứng lên nói :

— Evidemment là « hoang vắng biết bao » !

Thì ra sinh-viên đã tưởng « évidemment » cùng họ với chữ « vide ».

⁂

Bài luận Pháp-ngữ của một trò lớp trung học, văn chương trôi chảy. Giáo sư ngờ là trò đã « thuổng » văn của một tác-giả Pháp, ngọn bút chì xanh bèn viết đậm bên lề bài : « *C'est solide que c'est copié* » (dáng chừng giáo-sư muốn nói : chắc-chắn bài này đã chép ở đâu).

⁂

Tuyên dương sự anh-dũng của quân-đội, một bài diễn-từ của chính-quyền có câu mở đầu :

« *Những chiến-sĩ hăng say của ta* »

Ông V.T.X. đã dịch ra Pháp-ngữ

« *Nos combattants ivrognes* » có nghĩa là những chiến-sĩ nghiện rượu !

※

Tuy nhiên, cũng có nhiều người sử dụng tiếng Pháp một cách rất huyền-ảo.

Hai ông bạn vui chuyện, nói dỡn nhau, ông nọ bảo ông kia :

— *Bát cửu*

Nếu nói giọng Bắc, thì hai chữ này chỉ có nghĩa là tám chín, nhưng nói theo âm Nam thì ngoài cái nghĩa tám chín, lại còn có nghĩa : *bác chó,* vì đọc ra là *bác cẩu !*

Ông bạn không kém mẫn-tiệp, liền đối lại... bằng tiếng Pháp :

— *Ông đui !*

Ông đui là *onze douze* lại có nghĩa là *ông kém con mắt.* Hai nghĩa bóng đối nhau, mà hai nghĩa đen lại cùng là những con số cả.

※

Cũng có nhiều câu, nhiều chữ Pháp thông thường mà chuyển sang tiếng ta lại là mới-mẻ, theo cái ước lệ « *cũ người nhưng mới ta* » :

Vắt giò lên cổ (prendre ses jambes à son cou).

Hơn một lần (plus d'une fois).

Mặt trời đi ngủ sớm (le soleil se couche tôt).

Yêu là chết trong lòng một ít (do câu thơ partir c'est mourir un peu của Edmond Haraucourt).

Một cơ-hội bằng vàng : une occasion en or.

*

Gần đây, chính-quyền đề-xướng một đạo luật gọi là « luật chương-trình » dịch theo chữ Pháp *loi-programme* hay là *loi-cadre*. Mấy ông dân-biểu xôn-xao hỏi nhau ; luật số 4 là luật gì thế nhỉ ?

Thì ra các ngài tưởng loi-cadre là loi quatre...

XI – văn thơ việt nam hóa

Vì những tình-cờ lịch sử hay là sự chơi chua của ông Trời, xã-hội ta trên phương-diện ngoại-giao, mỗi thời lại có thêm một hạng người tiêu-biểu : thời thím khách, thời me Tây, sau này đến thời me Mỹ.

Sự chung-đụng mật thiết với ngoại nhân có một ảnh hưởng sâu đậm nhuần thấm đối với người trong cuộc, đi dần-dà từ sự e-dè đến sự hãnh-diện, từ những cử-chỉ vụn-vặt đến những ngôn-ngữ lai căng, mà rồi cả những người ngoài cuộc, sau cùng cũng nhiễm phải.

Thím khách được rủng-rỉnh đồng tiền, đã quay lại chê những chị em nghèo túng mà vẫn giữ nền-nếp :

Tội gì mà ở chính chuyên

Một đêm là sám cô sìn *ai cho (1)*

và đã nói trắng-trợn ra cái lý-do thực-tiễn khi mình đem vàng đi đổ sông Ngô :

Từ ngày lãy chú tôi chẳng biết gì,

Chỉ biết phán sì *là củ khoai lang !*

Ảnh hưởng chú khách về ngôn ngữ không mấy quan hệ, vì chú nào cũng dần-dà nói được tiếng Việt, mặc

---

(1) Sám cô sìn là ba đồng bạc.

dầu ngấy-ngõ ngây-ngô. Tuy vậy, nhiều tiếng nói của Tầu đã du-nhập vào thành tiếng ta. Như những tiếng :

Cai : âm tàu của chữ *giới* là răn, là cữ, ta không nói cữ thuốc phiện, nhưng nói *cai thuốc phiện.*

Tẩy chay : âm tàu của chữ *đề chế,* chống lại sự áp-chế, ta nói *tẩy chay,* chứ không nói đề-chế nữa.

Hên sui : âm tàu của chữ *hưng suy* (thịnh vượng và suy sụp), ta nói *hên sui* theo nghĩa *may rủi.*

Cắc : âm tàu của chữ *giác* là đồng hào. Tiền lẻ ta gọi là *bạc cắc.*

Ẩu-tả : âm tàu của chữ *ẩu-đả* là đánh lộn, ta dùng rộng ra : *viết ẩu viết tả* (không có trật-tự).

Lì-sì : âm tàu của chữ *lợi thị* (mua bán có lời), ta dùng theo nghĩa cho tiền mở hàng, mừng tuổi.

Trong làng cờ bạc, nhiều tiếng tầu dùng quen hơn tiếng ta :

Tẩy : âm tàu của chữ *đề* là đáy, ta dùng nghía bóng chữ tẩy trong *lật tẩy.*

Sáng : âm tàu của chữ *sinh* là sống : cây bài nào còn nằm trong nọc nhiều thì gọi là *sáng.*

Sục : âm tàu của chữ *thục* là *chín,* cây bài nào đã ra rồi, đánh lành gọi là *sục.*

Dăm dường : âm tàu của chữ *âm dương* (một cây ngỏ một cây kín).

Woòng tây : âm tàu chữ *hoàng đế,* sau gọi tắt là *tây.*

Tõ : âm tàu của chữ đa là nhiều, thêm.

Pha : âm tàu của chữ *phạ* là sợ — được đi tiền mà không đi là sợ.

Coong sường phá : âm tàu của chữ *giang thượng hoa,* cây bài phải vươn tay qua sông mà lấy, ta nói tắt *coong.*

Đến thời cô Tây, ảnh-hưởng của tiếng Pháp mới thật sâu rộng, vì Tây ít người nói được tiếng ta, nên ta phải dùng tiếng của họ, họ mới hiểu. Nhưng tiếng Tây sang đến ta cũng biến theo thủy-thổ và miệng lưỡi. Những chữ *mắm sõt* (même chose) cũng thế ; ta lại dùng *mắm sõt siềng* (même chose chien) để gọi món *giả cầy ; tuốt mo* (tout le monde) ta dùng theo nghĩa *tất cả.* Những tiếng *cẩm* (comme) ; *soong* (casserole) ; *mui-soa* (mouchoir) ; *biệt* (piastre) ; *rích* (riche) ; *súp-bắp* (soupape) ; *bù-loong* (boulon) ; *xăm* (chambre à air) ; *lốp* (enveloppe) ; *phú-de* (fourrière) ; *thổ-mộ* (tombereau) ; *loong-toong* (planton) ; *xếp* (chef) ; *cỏ-vê* (corvée) ; *sà-lim* (cellule) ; hòn *bi* (bille) ; nhà *ga* (gare) v.v... đều đã thành tiếng Việt-Nam thông-dụng.

Đi canh ban đêm gọi là đi *gác ;* đi xe *gác-đê* là để xe đợi lại ; *gác* ra một chỗ, là giữ lại một nơi để dành : ấy đều những chữ Việtnam-hóa rất thông-dụng.

Những hộp *bơ* mà xưa kia Tây ăn rồi bỏ hộp rỗng lại, ta dùng để đong gạo, cũng thành tên một đơn-vị dung-tích : một *bơ* gạo ; chữ *gallon* cũng là một đơn-vị dung-tích nữa, ta gọi là *lon* : một *lon sữa.*

Mỡ sữa (fromage) ta đọc là *phó-mát,* có thứ *cùi đìa* (gruyère) đem tán ra để trộn vào súp ; chữ tán này rồi dùng sang nghĩa *tán tỉnh, tán tụng* và bởi phó-mát nặng

mùi, nên ai tán tụng quá lỗ, ta gọi là *tán phó mát,* rồi sau này muốn gọi một tiếng khác cho lạ tai, ta lại nói *tán bơ.*

※

Những me tây khi trước phần nhiều xuất thân lam lũ, vì lười biếng và tham tiền nên phải « dấn thân ». Nhưng rồi được ưu-đãi thì lại lấy làm vinh-hạnh quên bẳng gốc gác của mình, nên dân-chúng đã có bài hát diễu :

Cô Tây trên Trại Hàng Hoa (1)
Hạt vàng quăn cổ xe nhà nghênh ngang.
Mẹ cô nấu nước bán hàng
Nhặt từng đồng kẽm còn sang trọng gì.
Sao cô bắc bậc kiêu kỳ
Thông-ngôn ký lục cu-li trăm người.
Từ Tây cho đến bếp bồi
Đến cậu xà-ích đến người xu-ba-dăng (2)

Kiêu là kiêu vậy, nhưng thâm tâm lắm lúc cũng thấy chán chường thân-thế, nên đôi khi có cô nhớ lại bước đường luân lạc đã thở ngắn than dài :

Văn-minh gặp buổi Lang-sa,
Tri-âm thì ít trăng hoa thì nhiều.
Tiếng xôn-xao buổi chiều xe ngựa,
Giọng âm-ỳ đầy phố chuột chim.
Xa-xôi cũng có người tìm,
Kẻ xuống Thái-ấp, người lên hàng Hòm.

---

(1) Trại Hàng Hoa : tên gọi làng Ngọc-hà, ở phía trái vườn Bách-Thú Hà-nội là nơi trồng nhiều cây cảnh.

(2) Saïs : người đánh xe ngựa. Surveillant : giám-thị.

Cô bóc-đen *chưa nhòm đã chán (1)*
Ả săng-tơ *không ngắm cũng say.* (2)
Mỗi người mỗi nết mỗi hay,
Kẻ ưa sắc tía người say mùi hồng.
Cô bây-dân *(3) lộn chồng trả của,*
Quyết lấy chàng khỗ đỏ *ăn chơi.*
Dầu lòng mặc sức chơi bời,
Tháng bốn đồng rưỡi thảnh-thơi vợ chồng.
Còn khóa lính dầu lòng ân-ái,
Chàng mãn-kỳ thiếp lại đi đăng.
Giốc-kê (4) *tiếng nức ai bằng.*
Nào voa tê át *(5) tưởng rằng là tiên.*
Thấy nho-nhân toan liền làm bộ,
Gặp sen đầm *bắt bỏ nhà pha.*
Sáng mai giấy chủ đưa ra,
Nói với ông cẩm *đem tha tức thời.*
Phi (6) *hơi sữa cô tây ỏm-tỏi,*
Cũng học đòi ăn nói chua ngoa,
Ngày ngày hằng tú-lê-soa, *(7)*
Mông-tê bút-bút *(8) để mà* séc-sê *(9)*
Thấy son-đá *(10) liền kề tới cạnh,*
Hỏi me-sừ *có nhận* moa nông (11),
Ba-vú-lòa *(12) hắn* điếc *(13) rằng không:*
A-lê tút-suýt *(14) hãi-hùng lắm thay.*
Cha mẹ kiếp đi nay gặp gái,
Mai thử về bói cái xem sao,
Chị em cũng bạn đi chào,

Hỏi nhau một lũ : thế nào hở cô ?
Bọn a-giăng *(15) liền vỗ tóm lấy.*
Đít-băng-xe *từ đấy theo đòi.*
Giọng than rền-rĩ kêu trời,
Tiếng phi-bíp-lích *biết đời nào xong.*
Biết rằng thế thì không cho chót.
Hay chi mà vẹo-vọt làm chi.
Nhớ xưa lúc thủa đương thì,
Giá nghe cha mẹ đến chi nỗi này.
Ba-rét-sơ *(16) làm đầy thân khổ,*
Vì guốc-măng *(17) nên phải thanh-lâu.*
Khuyên ai giữ chí về sau,
Đừng còn tập-tễnh Tây Tàu mà mo *(18)*
Thà rằng chịu đói no rau cháo,
Lấy chồng nghèo giã gạo nấu cơm,
Còn hơn thịt cá đầy mâm,
Mà đem thân-thế là thân thế này...

Tuy các bà làm một thứ kỹ-nghệ máy-móc không dùng đến cảm-tình, nhiều bà ở với Tây lâu cũng đem lòng thương mến. Có khi tỏ tình toàn bằng tiếng Pháp Việt-Nam-hóa :

---

(1) Bordel — (2) Chanteuse — (3) Paysanne — Khổ đỏ : lính tập mang khổ mầu đỏ — (4) Jockey — (5) Voir théâtre — (6) Gendarme, commissaire, fille — (7) Tous les soirs — (8) Monter pousse pousse — (9) Chercher — (10) Soldat — (11) Monsieur, moi, non — (12) Pas vouloir — (13) Dire — (14) Aller tout de suite — (15) Âgent — (16) Dispensaire, fille publique, paresseux — (17) Gourmand — (18) Mort.

Me Tây Tự Tình

Đờ puy cờ dơ tơ co-nét,
Duyt ki sì sit sêt ta-nê (1)

Me Tây Ru Con

Cút-xê đồng, mông se pơ-tí
Mánh-tơ-nằng, phi ní pa-pa (2)

Cũng có khi dùng chữ Pháp chen lẫn tiếng Việt :

Me Tây Tiễn Chồng Về Pháp

Sao toa vội gót trở ăng Phoong ?
Bạc bẽo làm chi hỡi đi-đòòng !
Chắp cánh bay cao lòng cá nác
Dừng chân đứng lại phận cô-soong.
Sụt sùi moa những nhìn la põt
Năn nỉ sừ ơi nỗi lạc giòòng.
Một tiếng ô-voa khôn xiết kể
Xa người xa cả cán ba-toong ! (3)

Vội trở về làm gì, tệ thế ! Muốn bay theo tiếc rằng bay như vịt, đành ở lại, giữ lấy phận hèn, chỉ xin anh ngó lại cái túi tiền mà thôi.

※

Lúc tiễn chân xuống tàu thì nói thế, nhưng rồi khi trở về với anh chồng khác, thỉnh-thoảng bà cũng còn nghĩ

---

(1) Depuis que je te connais jusqu'ici six sept années.

(2) Couchez donc mon cher petit, maintenant fini papa.

(3) En France -- dis-donc — canard — cochon — la poche -- l'argent — au revoir — bâton.

đến những người xưa, mà gửi thư thăm hỏi, và than vãn về số-phận « cô-đơn » của mình.

Dê-cờ-ri tình thơ *uyn lét*
Để cho mình *con-nét mông cơ*
Từ khi mình *kít-tê dơ* (ý hẳn là je)
Bon-nơ cũng lắm, *ma-lơ* cũng nhiều !

Lạnh-lùng một mảnh *sơ-mi*
Li-ve trằn-trọc *lơ-li* một mình
Loăng-tanh ai có thấu tình
E-mê đến nỗi thân hình *biềng pan !* (1)

※

Đến khi chán chường thân-thế, nhiều người về nấp bóng từ-bi, lời cáo-biệt với trần-tục không khỏi có vang-bóng một thời... Tây :

Moa kít-tê vu mạch-tớ-nằng,
Mô phật, mô pháp, nam-mô tăng !
Giọt nước cành dương, ừ tốt-tốt !
Đồng hồ quả quít ném phăng-phăng,
Các sư hết ngồi me dài tóc,
Cửa phật rầy thêm vãi trắng răng.
Bể ái ngàn trùng mong tát cạn,
Mặc ai cầm-lách với a-măng. (2)

※

---

(1) J'écris une lettre — connaître mon cœur — bonheur — malheur.

Chemise — l'hiver — le lit — lointain — aimer — bien pâle.

(2) Moi quitter vous maintenant — camarade — amant.

Sau này, các bà me Mỹ cũng xử-dụng tiếng Mỹ chen tiếng Việt không kém tài-tình :

— *Ây khôn* mà ông Mỹ ơi ! (Em lạnh : I'm cold).

— *Du bây hia,* nè *du* ơi (mua đây đi, anh) (You buy here).

— *Du* đã là *may hớt bần* mà đến khi tao có *bê-bi hia* thì *du* đi *đột cát* với con đĩ ấy hả ? (Anh đã là chồng tôi đến khi tôi có con trong bụng thì anh lại đi mèo chó với nó) — (my husband, baby here, dog, cat).

Ôi, kể làm sao xiết muôn vàn ái ân !

Có bà lại còn hách hơn me Tây nhiều :

— *Goét phoóc mi sâm mi nít may sân* (đợi tao vài phút, con ạ — Wait for me some minutes, my son).

*

Chơi ngoại-ngữ hồi trước chỉ cần thuộc một câu mà biết dùng cho đúng chỗ, *gãi đúng chỗ ngứa,* là đủ nên công-chuyện.

Khoảng năm 1918, một ông quan ngoài Bắc, chính-tích đã không có gì đáng khen, hành-vi lại thiếu nghiêm-trang vì quan mắc cái tật hễ trông thấy người đẹp là sun-soe như ếch vỗ hoa.

Quan vốn là xuất-thân Hán-học, không biết tiếng Pháp, chỉ học vẹt-vẽ có một câu để dùng đầu lưỡi mỗi khi tiếp-xúc với Tây, ấy là câu :

— *Vive la France !*

Và cũng chỉ nhờ một câu này mà hoạn-lộ hanh-thản, chẳng mấy lúc đã nhảy lên bậc đường-quan.

Một buổi kia, nhân khi nhàn hạ, quan cho gọi cô hầu vào đánh cuộc cờ người. Không biết mải-mê thế nào mà pháo đã nổ đùng, ngựa còn chiều mãi, rồi tình-thế cứ căng thẳng như thế cho đến hôm sau, khiến quan cuống-cuồng, phải khạng-nạng đem ngựa đến nhà giải phẫu trứ-danh là bác-sĩ Le Roy des Barres. Ông này vốn có tiếng nhiều kinh-nghiệm chốn sa-tràng, nên vừa xem qua đã thấy ngay cách chữa : chích vào một mạch máu bị tắc vì một cục máu đông, ấy thế là máu chảy ra thoát, ngựa liền quị ngay.

Quan vừa thẹn vừa mừng, vội-vã đứng dậy chắp tay hô lớn :

— Vive la France !

Chính bác-sĩ trên đã kể lại câu chuyện, và nói thêm :

— Trong bao nhiêu năm bảo-hộ, tôi đã từng được nghe rất nhiều tiếng tung-hô này, nhưng có lẽ chưa tiếng nào thành-thực bằng tiếng hôm ấy, vì đấy mới thật là phát ra tự đáy lòng !

Ấy đấy, trước sau quan chỉ chơi có mấy chữ, mà nên danh-phận, là vì chơi những chữ hiệu-nghiệm cả !

※

Một vị quan khác khi trận thế-chiến thứ nhất kết-liễu, đã hoan-hỉ làm một bài hát nói bằng tiếng bồi, gửi lên báo Nam-phong :

Mừng Đình Chiến

Năm min-nớp săng đít nớp,
Lễ cát-tót mà gặp phết đờ pe
Bốn năm tròn, một trận la-ghe

Vích-toa đó công phê ly xít
Pháo nổ bê-ta, đèn lăng-téc
Cờ bay ê-xéc, súng ca-nông
Suốt toa-đua, lạc dữ dân đông
Khắp một tỉnh, tú-lơ-mông mừng rỡ
An-măng xẹp nhờ oai bảo-hộ
Su-vơ-nia này, xin chúc mừng
Vi-vơ la phơ-răng !

Cờ bay mà là *ê-xéc* (échecs : đánh cờ) cũng đã ghê, nhưng chưa rùng-rợn bằng *Vích toa đó công phê ly xít* (victoire qu'on félicite !)

※

Đọc những bài này biết tiếng Pháp thì luận ra ngay, mà không biết thì cũng nhận thấy đó là tiếng ngoại-ngữ. Tác-giả chưa đi đến cái bực ngộ-nghĩnh quá như ông Trường-Cung đã đọc thấy ở một nhà văn-sĩ Trung-Hoa tân-thời viết trong cuốn tiểu-thuyết mới, một đoạn văn dịch nghĩa như sau đây :

« *Thiếu-nữ bắt tay bạn, cười mà rằng :*

« — *Cửa công đánh bà già !*

Lẽ tự-nhiên là chẳng ai hiểu tác-giả định nói gì, nếu một bạn Trung-Hoa không giải-thích cho biết lối hành văn mới của nhiều nhà văn-nghệ Tàu, ưa dùng chen ngoại-ngữ bằng cách phiên-âm mà không cần chú-thích.

Thì đây là một cầu chữ Pháp phiên ra chữ Hán. Nguyên-văn chữ Hán của « cửa công đánh bà già » là :

— *Công môn đả lão phụ.*

Đọc theo âm quan-thoại : *Cõng mẳn tà lảo phủ.*

Nghe chả lơ-lớ như giọng Tàu đọc câu chào tiếng Pháp là gì :

— Comment allez-vous ?

※

Nói lái là lối lộng-ngữ rất ưa dùng trong tiếng Việt.

Nói lái tiếng nôm ra tiếng nôm, chữ Hán ra tiếng nôm, là thường rồi, đôi khi ta lại còn nói lái được cả tiếng Pháp ra tiếng Pháp nữa mới thật ly-kỳ !

Vợ Việt đi với chồng Pháp, vào hàng tranh sơn. Thấy nhà hàng nói thách quá, vợ rỉ tai chồng :

— Très chaud ! Très chaud !

Chồng tưởng vợ kêu nhà hàng nóng bức, nên vội chọn tranh và lập-cập trả tiền để ra ngoài cho mát.

Ra ngoài, vợ trách chồng :

— Đã bảo đắt quá mà cứ mua !

— Thì có thấy mình kêu đắt lúc nào đâu ?

— Người ta không tiện nói trước mặt người bán hàng, sợ họ bảo mình là người Việt mà lại dèm-pha mất món lời của họ, nên đã nói tránh ra là « *très chaud* » mà không hiểu :

Très chaud là *trop cher !*

※

Nhiều câu ngoại-ngữ nếu dịch nghĩa đen ra quốc-văn có khi làm cho những người không biết ngoại-ngữ hiểu ra lắm nghĩa thật không ngờ.

Cuối đời Mãn-Thanh, khi người Âu-châu lăm-le xâm-lăng đế-kinh, Tây thái-hậu phải lo chạy loạn. Cung-tần, nội-giám lật-đật thu-dọn gói-ghém bảo-vật và tiền-bạc chồng-chất lên xe, để lên đường tản-cư. Tất cả công-việc này giao cho Vinh-Lộc đứng ra đôn-đốc, dưới danh-hiệu *Tán-trật đại- thần.*

Danh-hiệu này, chỉ nên hiểu là vị quan giữ-gìn trật-tự trong khi tản-cư, tức cũng như chức *tổng-ủy di-cư* vậy.

Nếu hiểu theo nghĩa nôm, sẽ thành ra ăn nói chất-chưởng, như kiểu nhà văn nọ đã chơi chữ Pháp.

Nhà văn, ba-mươi tết, đến vay tiền nhà xuất-bản. Ông này hẹn bốn giờ chiều sẽ đưa. Đúng giờ nhà văn trở lại, ông xuất-bản đi khỏi, chỉ có vợ ở nhà, hỏi gì cũng trả lời không biết. Bực mình, nhà văn để lại mấy chữ :

— Tôi đến nhà đúng hẹn nhưng anh lại không có nhà. *Vợ anh cho tôi đi chơi...*

Ông xuất-bản cười khì, biết là nhà văn đã dịch chữ Pháp để lỡm mình.

Nhà văn đã nghĩ bằng tiếng Pháp : *votre femme m'envoie promener* (vợ anh đã đuổi tôi) nhưng lại chơi chua dịch ra nghĩa đen để trả cái thù sai hẹn chiều ba-mươi tết, lúc không còn xoay đâu ra tiền nữa.

※

Về sau này, khi đã có những ông Quỳnh ông Vĩnh, ông Thạc ông Nghè, nghĩa là vào khoảng 1930, tuy chữ Pháp vào thời-kỳ toàn-thịnh, thỉnh-thoảng vẫn còn những chuyện tiếng tây nửa mùa, vô-vẽ hoặc dớ-dẩn.

Một ông phóng-viên túng tiền, viết thư cho chủ báo hỏi vay trước một tháng lương, tháng sau sẽ trừ đi là *huề*. Thư viết bằng chữ Pháp, vì bây giờ viết chữ Pháp *oai* hơn *quốc-ngữ*. Cũng như thời trước viết chữ Hán ra vẻ ăn học hơn là chữ *Nôm*.

Vậy thì ông phóng-viên đã viết :

Je vous prie de m'avancer un mois de solde. Le mois prochain, je serai *en quitte* avec vous.

Cứ kể đằng-thằng ra thì viết một chữ *quitte* là đủ, nhưng ý chừng ông phóng-viên muốn cho văn-vẻ hơn, nên lại kèm thêm chữ *en*.

Ông chủ báo nhận được thư, hốt-hoảng vào tìm chủ-bút :

— Này, thế này có tệ không ? Vừa hỏi vay tiền, lại vừa dọa tháng sau nghỉ việc.

Thì ra ông chủ báo lại hiểu ra một lối riêng : *en quitte* là *bỏ đi*...

XII – quốc ngữ, chữ nước ta

Trong lúc chữ Hán đã tàn, chữ Pháp mới nhập-cảng, chữ Nôm không có cơ hoàn-thiện vì thiếu chuẩn-xác trong cách phiên âm, chúng ta có cái may-mắn là được xử-dụng một lợi-khí mới : chữ quốc-ngữ.

Trông thấy chữ quốc-ngữ có khả-năng khuếch-sung rất lớn, vì dễ học, dễ đọc cho thật đúng ngữ-âm, ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã võ-đoán : nước Nam ta sau này hay dở là ở chữ quốc-ngữ.

Ở đây chúng tôi không đề-cập tới cái ảnh-hưởng sâu rộng và huy-hoàng của chữ quốc-ngữ trong sự phổ-biến và khuếch-sung văn-hóa : sự-kiện ấy ngày nay đã rõ rành-rành, không còn cần phải thêm lời cổ-võ. Chúng tôi chỉ nêu ra một đặc-điểm của chữ quốc-ngữ, mà chữ Nôm, chữ Hán, chữ Pháp không có. Ấy là năm dấu *nặng, sắc, huyền, hỏi, ngã,* và những *râu* ở chữ *đ,* chữ *ơ,* chữ *ư.*

Có nhiều trường-hợp ngộ-nghĩnh đã xảy ra vì đặc-điểm này.

*

Vì gửi điện-tín bằng quốc-ngữ không cho được dấu, gây ra nhiều sự ngộ-nhận ly-kỳ, ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã đề-nghị thay dấu bằng những chữ s, f, q, w thêm vào đằng

đuôi và, để làm mẫu, ông Hì-đình Nguyễn-văn-Tôi, tức Nguyễn-đỗ-Mục, đã ký

Hif-Dinhf Nguyeenw Vaan Tooi

Trông như một lối chữ ngoại-bang nào khác, không ai nhận ra là chữ quốc-ngữ nữa. Vả chăng kiểu này chỉ dùng để ký tên vào mục *Hài-đàm,* nên người đọc tưởng như là một lối viết đùa, thành ra đề-nghị cải-cách của ông Vĩnh không được thực-sự hưởng-ứng.

※

Ông bạn Lại-đức-Thụ kể chuyện một cậu học-trò quê ở Thái-bình, nhà giầu, lấy vợ sớm, lên trọ học ở Hà-nội, nhà một người đồng-hương. Ông này vốn có nhiều ruộng ở quê nhà, nên năm ấy nghe nói vùng xuôi nước lên to, cả ngày chỉ ngồi lo đê vỡ. Thình-lình một hôm có giây-thép đánh tới cho cậu học-trò. Cậu này đi học chưa về, ông nhận hộ giây thép, rồi cứ cầm lăm-lẳm trong tay, đứng chờ ở cửa, lòng như lửa đốt, đợi cho kỳ được cậu về, xem có phải là tin gì về đê-điều hay không. Thì quả-nhiên, khi cậu bóc ra, giây thép chỉ vẻn-vẹn có hai chữ :

vo de

Ông dằng lấy xem rồi kêu rầm lên : « Thôi tôi sạt-nghiệp rồi, đê vỡ rồi ! » làm cả nhà xanh mắt. Cậu học-trò cũng đâm cuống, tức-tốc cho người về quê thăm tin. Vài ngày sau, người nhà trở lên, mới hay không phải *vỡ đê* mà là *vợ đẻ ;* tin hung hóa ra tin mừng, mừng cho cậu học-trò thì ít, cho ông chủ-trọ nhiều hơn : vợ cậu sinh con trai, ruộng ông không bị ngập...

※

Một ông tên Đỗ-Thãn, tốt-nghiệp trường thông-ngôn, được bổ làm công-chức cao-cấp. Ông có cái khác người, là bảo-hoàng hơn cả nhà vua : thích Tây hơn cả Tây. Trên danh-thiếp, ông cho in hai chữ

Do Than

nhất-định không cho bỏ dấu, để làm *cẩm* như tên Tây.

Nhưng kết-quả lại không như ông tưởng : người ta đọc tên ông là *do than* và do đó lại đánh cái dấu hỏi : ông Đỗ-Thãn, con người hách-dịch là thế sao lại tự phê-bình một cách vô-tư như thế ? Vì ông vốn là người keo-bẩn có tính hay *bòn do đãi sạn* nay tự đặt tên mình là *DO THAN*, không ngượng nghịu, ý chừng ông muốn báo cho ai xem danh-thiếp biết : đừng có hòng cầu lợi với ông !

Ừ mà thật nhỉ, *do than* thì còn ai đãi ra được gì nữa !

※

Tên *Đỗ-Thân* mà biến thành *Do-Than,* âu cũng là không hẹn mà nên, tên chẳng định đặt mà rồi ngẫu-nhiên ám-hợp với tính người.

Có nhiều tên đặt ra kiểu này, để ước-vọng một vị-trí trong xã-hội, mà về sau thực-tế dẫu không cho như-nguyện, song cũng cho thỏa-mãn một phần nào : đặt con là *Tham,* mà rồi học chẳng đến *Tham,* nhưng được cái ở bền một chỗ, bà con cũng gọi là ông *Tham Bền ;* đặt là *Thông,* mà rồi chẳng *thông* chẳng *phán,* chỉ làm nghề bán cao ban-long, hàng phố cũng gọi cho là ông *Thông Cao*...

Cái tên gọi, coi vậy, có ảnh-hưởng không nhỏ đến cuộc đời.

Có những tên nếu không nghĩ đổi lại, vị-tất đã nên cơm cháo gì : hai chữ *Phan San* nhất-định không lôi-cuốn được cảm-tình bằng ba chữ *Phan Bội Châu* : hai chữ *Bội Châu* tuy chỉ có nghĩa là *đeo ngọc,* cũng chẳng xa gì chữ *san* là một thứ ngọc ; nhưng *Bội-Châu* nghe vang-rền hơn bao nhiêu, hơn nữa chữ *Bội* như sui-giục một sự để-kháng mạnh-mẽ...

⁂

Nhân nói về danh-thiếp ông Đỗ-Thấn, chúng tôi nhớ lại đã có dịp đề-cập đến một tấm khá gọi là kỳ-quan :

TRẦN-VĂN-CÓ

tức Huyện Có

Láng-giềng Quận-công Hoàng-cao-Khải

Thì ra tên tuy là *có,* mà chính thật là *không* : không có gì hết, nên buộc lòng phải lôi ông hàng-xóm ra làm bảo-chứng để được... thơm lây.

Cùng một quan-niệm với ông huyện này còn có ông Nguyễn-văn-Nam, cũng phô ra một tấm danh-thiếp không kém hùng-hồn :

NGUYỄN-VĂN-NAM

Thái-tử Thiếu-bảo Đông-các đại-học-sĩ

lĩnh Nam-định Tổng-đốc Trân tướng-

công chi hương-nhân

Ông Nam còn hơn ông Có một bực : ông là người làng, chớ không phải chỉ là láng-giềng xuông như ai !

Sau đây là mấy tấm danh-thiếp mà đặc-điểm là nói lên được rõ-ràng chức-tước đã có, hoặc sắp có, và đồi hàm nọ

vào chức kia cho mọi người cùng hiểu, kẻo ẩm-ức cho đương-sự :

Bác-sĩ LÊ-VĂN-BỐN
Thái-thường tự-khanh
(ngang hàng Thượng-thư)

LÝ-VĂN-GIÀU
Tức Huyện Giâu
Tri-huyện hàm
được tư thưởng đệ ngũ đẳng
Bắc-đẩu bội-tinh do văn-thư
số 811 ngày 15-8-1927

Và đây là một tấm danh-thiếp chơi chữ ác-nghiệt hơn cả.

PHAM-VĂN-MƯỜI
Ngũ-tinh tòa Chánh văn phòng kế toán
kiêm đả cơ-khí tự

Hỏi thăm ra, thì ông Mười làm *Ngũ-tinh tòa,* tức là hãng hàng-hải Chargeurs Réunis mà biển hiệu có vẽ năm ngôi sao, ta thường gọi *Hãng Năm Sao,* và nhiệm-vụ của ông là chánh phòng kế-toán kiêm... đánh máy chữ !

Coi qua những danh-thiếp này, ta mới thấy cái thú-vị của ai kia đã in thiếp để nhạo lại :

PHAN-VĂN-SÁU
tốt nghiệp trường Mẫu giáo

※

Bởi người Pháp không đọc được dấu quốc-ngữ nên mới có câu chuyện *cu-li* là *cụ-lý.*

Một ông nhà quê có con gái lấy chồng Tây, ngày kia ra thăm con. Tây thấy ông ăn-mặc lôi-thôi luộm-thuộm, hỏi vợ :

— Người *cu-li* này hỏi gì thế ?

Vợ quay lại nói với bố :

— Đấy thày xem, Tây họ lễ-phép thế đấy, vừa trông thấy thày, đã chào ngay là *cụ-lý !*

※

Một người Tây nghiện được ông bạn nho tặng cho bức tranh để treo trong phòng hút. Tranh vẽ cảnh rừng về mùa thu, trên trời có con chim yến đang bay. Khoảng trên đề bốn chữ Hán rất đẹp :

Phi yến thu lâm

Ai cũng tưởng bốn chữ này đề cảnh vẽ trong tranh cho có thi-vị. Có biết đâu chủ-tâm ông nhà nho chỉ là để diễu cái lối đọc tiếng ta của phần nhiều người Pháp, *phi yến thu lâm* không phải chỉ có nghĩa là rừng thu yến bay mà lại còn có một nghĩa nữa : đọc theo giọng Pháp mà lấy cái âm-thanh rè-rè của xe lọ, thì

Phi-iên thu lam .

ta có thể hiểu là : *phi-iện thú lắm !*

※

Cũng do lối đọc ấy, nhiều tên ta đã được Tây-hóa bất-ngờ : chùa Thông ta cũng gọi theo là *Tông*, *Núi Dẹo* là *Núi Đèo*, làng *Hương-bì* là *Uông-bí*, vịnh *Hạ-long* là *A-*

long. Những tên ngây-ngô này rồi thay hẳn tên chính không ai nhớ tới nữa.

Để đối lại, ta cũng thay-đổi tên Tây cho hợp với giọng mình, đôi khi còn ngụ một ý chê-diễu : đường Alsace-Lorraine biến thành đường *Hàng sắt lò rèn*, đường Mac-Mahon, thành đường *Bạc má-hồng*, công-sứ Lotzer được gọi là *Lột-dê*, thông-sứ Châtel là *Sa-tiền*... cho hợp với khuynh-hướng kỵ-mã của lão...

※

Chữ quốc-ngữ mà không bỏ dấu, khiến cho có thể đọc ra nhiều cách, mỗi cách có một ý-nghĩa.

Tồi-tân có thể hiểu là *tồi-tàn*, tân-tiến là *tần-tiện*, thắm thiết là *thảm-thiết*.

Khoảng năm 1936, tại Bắc-Việt, thành-lập hội Phật-giáo, do mấy ông quan già chủ-trương. Mấy ông chính-tích không lấy gì làm gương-mẫu lắm, nay tuy đã luống tuổi còn hăng-hái tham-gia công-việc hội, ý chừng cũng muốn tỏ ra tu-tỉnh hòng sau này gặp Diêm-vương được nhẹ-nhõm phần nào.

Trụ sở của hội đặt tại chùa Quán-Sứ. Từ khi hội lập lện, những người ưa khôi-hài gọi chùa này là

Chùa quan-sư

※

Khi chiến-tranh Việt-Pháp còn dai-dẳng ở đồng-bằng Bắc-Việt, mỗi bận Pháp đánh chiếm được vùng nào, tức

khắc đặt ngay một hội-đồng cai-trị vùng ấy kêu theo tiếng miền Nam là « *hội tề* ».

Do đó, có một chữ rất tế-nhị được đặt theo nghĩa riêng : chữ « *tề* ». Làng nào chống-đối mỏi-mệt rồi thì đành hàng Pháp, nhưng ai lại chịu nói là *hàng*, vì chữ này phạm lòng tự-ái, vả chăng cũng chỉ mới là *tạm hàng*, vẫn còn ở chỗ nước đôi ngày hàng mà đêm chiền, nên chữ *hàng* đổi thành chữ *tề*.

— Kháng-chiến mãi mệt quá, bên tôi cũng tề rồi !

Thật là một uyển-từ (euphémisme) rất ý-vị.

Uyển-từ này lại sản ra một câu nói hình-dung được cái thái-độ dớ-dẩn có không ra có, không không ra không :

Ăm-ớ hội-tề.

Tất cả vùng *tề*, người Pháp quy vào dưới quyền một hội-đồng trung-ương đóng ở Tòa Đô-Chính Hà-nội, lấy tên là :

Hội-đồng an dân

Ít lâu sau, dáng chừng dân không được *an* lắm, vì hội-đồng thiếu liêm-chính sao đó, người ta gọi là :

Hội-đồng ăn dân

Rồi đến khi tìm ra được một vài bằng-chứng về sự thiếu liêm-chính ấy, những kẻ độc miệng lại gọi là :

Hội-đồng ăn dan

Coi vậy, bỏ dấu đi thì đọc ra nhiều nghĩa ngộ-nghĩnh, cho dấu vào, nếu cố ý cho sai, cũng thành ra lắm nghĩa khôi-hài.

Tiếng *Tàu,* chẳng hạn, nguyên-thủy không có hàm một ý gì mỉa-mai hay diễu-cợt. Trái lại còn là một tiếng tôn-trọng là khác : cái điếu kiểu Tàu, chữ viết có gân Tàu, ấy là khen kiểu đẹp, gân già... Từ khi có quân-đội chân phù sang tước khí-giới, người ta ghép thêm tiếng *phù* gọi là *tàu phù,* tuy đã có nghĩa chê-bai rồi, nhưng không được kín-đáo ; sau này đổi là *tẩu* mới thấy là như ý, vì dẫu ngã cho ta hình-dung ra được một thứ gì *nẫu từ trong ruột nẫu ra,* ai nghe cũng ngán :

Tẩu !

Trường-hợp tiếng Tây cũng na-ná. Lúc còn binh-đội bên này hùng-hùng hổ-hổ, ta đánh cho dấu hỏi thành *tẩy ;* sau khi thất trận, ta tặng cho dấu ngã :

Tẫy

Nghe có ẩm-hưởng như chữ *gẫy,* kèm theo một nụ cười thương-hại...

※

Nhiều chữ ta dùng sai nghĩa, nhưng dùng quen rồi thành ra nghĩa sai trở nên nghĩa chính : những chữ *tử-tế* (tinh-mật, kỹ-lưỡng) *lịch-sự* (trải đời) đều quen dùng theo nghĩa *hiền-hậu* và *sang-trọng.*

Chữ « *trân-trọng* » nghĩa là xem quý-trọng thân mình, nên giữ-dìn sức khỏe (Kiều : dìn vàng giữ ngọc cho hay, — ngại-ngùng một bước một xa, một lời trân-trọng châu sa mấy hàng) khác với « *trang-trọng* » là đoan-chính, kính-trọng.

Hồi Ngô-trào, các thiếp mời vô dinh ăn tiệc đều viết : « trân-trọng kính mời » có lẽ cũng hàm cái ý bảo nhỏ người được mời nên giữ dìn.

※

Ngày nay là thời-đại của thần-tốc. Trong ngôn-ngữ, muốn đi nhanh theo đà cơ-khí, ta thường đổi chữ kép ra chữ đơn cho vắn-tắt. Và khi có hai chữ kép đi liền nhau thì thu lại thành hai chữ đơn ghép lại. Thí-dụ :

Chữ *thương-lượng thảo-luận :* ghép thành *thương-thảo,* thì không hại gì, nhưng *bênh-vực che-chở* mà ghép lại thành *bênh-che,* nghe như không còn là tiếng Việt ; *cam khổ gay go* ghép thành *cam go* để chỉ sự khó-khăn khổ sở thì không đúng vì trong chữ *cam khổ,* nếu *khổ* là *đắng* thì *cam* lại là *ngọt* (khổ tận đến ngày cam lai) ; dùng một chữ *cam,* ắt không còn là nghĩa khổ nữa ; trại của *gia-đình binh-sĩ,* gọi tắt là trại *gia-binh,* ai không biết là chỉ *gia-đình binh-sĩ,* sẽ có thể hiểu : *trại binh của nhà, của gia-đình.* Nếu cứ theo lối cắt bốn thành hai này mà áp-dụng vào bốn chữ « *tối-cao pháp-viện* » chẳng hạn, thì viện đó không lẽ sẽ thành *cao-pháp* hay *tối-viện* hoặc *cao viện* hay *tối pháp !*

※

Có người tò-mò giở tự-điển Trung-hoa tìm chữ « *nghệ-sĩ* » không thấy, chỉ thấy *nghệ-nhân, nghệ-sư, nghệ-thuật-gia,* lấy làm thắc-mắc, tự hỏi chữ « *nghệ-sĩ* » ta dùng rất thường, có lẽ sai chăng ?

Tự-điển Trung-hoa được soạn ra từ lâu đời rồi, làm sao chua được những chữ dùng theo nghĩa riêng của ta và thời-đại ta, như chữ *sĩ ? Nghệ-sĩ* chúng ta hiểu là những người làm nghề trí-thức, như *văn-sĩ, thi-sĩ, họa-sĩ, nhạc-sĩ, kịch-sĩ, thuật-sĩ, dược-sĩ*... Có nghề không lấy trí-thức làm tiêu-chuẩn cũng dùng chữ *sĩ : nghị-sĩ.*

Danh-từ « *bác-sĩ* » trỏ những người thầy thuốc, chỉ là một thứ ước-hiệu, vì nghĩa chính của nó là kẻ sĩ học rộng.

Chữ *sĩ* một khi đã dùng được trọng danh-từ *nha-sĩ,* rất có thể còn được dùng trong khoa mắt, dạ dầy và tai mũi họng, và chúng ta sẽ có những *mục-sĩ, tì-vị-sĩ, nhĩ-tị-hầu-sĩ*...

Còn như các bậc *nhân-sĩ,* có lẽ vì hiếm-hoi quá nên không có trong tự-điển. Hay là tại ta đã đổi hai chữ *thân-sĩ* ra *nhân-sĩ,* cho hợp « thời-trang » ?

Có những chữ « thời-trang » nghe hay hay : người viết kịch, không gọi là *soạn-kịch-gia* hay *tác-kịch-gia* mà lại là *kịch tác-gia* (có nghĩa là làm một cách kịch-liệt).

※

Chúng tôi nói chữ quốc-ngữ dễ học dễ đọc, nhưng không phải vì thế mà dễ viết, dễ nói. Là vì muốn nói hay viết cho rành-rọt lại phải có một ít vốn chữ Hán là thứ chữ đã thâm nhập vào tiếng ta rồi.

Nếu chỉ đọc được, viết được mà không rõ nghĩa thì sẽ có những câu chuyện đàm-thoại như ông Đàm trung Mộc đã kể trong báo *Bạn Dân :*

Chuyện trên xe điện

... Bước lên xe điện, vợ tôi bị một bà níu lại, nói túi-tít :

— Gớm, gió nào *đạo-dẫn* cậu mợ đến đây ? Tiền bạc gà ăn không hết, tội gì mà đi cái xe *phức-tạp* này ? Mà cậu nên nghe chị, học vừa vừa chứ, phải *điều-trị* lấy sức khỏe chứ. Còn mợ nữa, cấm có chịu *quá-vãng* đến chơi nhà chị..

Chuyện vợ chồng cãi-cọ

Anh chồng mua một đùi chó về nhắm rượu, say rồi gây với vợ. Vợ nhiếc là đồ *đê-quốc* và hăm đi *đê-nghị* với *bí-ban*. Chồng quát : Cái thứ đàn bà chưa ai vấy đã le-te đi *ủng-hộ* như mày, ngủ thì *tích-cực* lắm, mà làm thì chẳng thấy có *kiên-quyết* gì hết ; muốn *đề-nghị* để ông đi *đề-nghị* cho một thể, ông *trường-kỳ* với mày mà...

Chuyện báo-cáo trong ủy-ban

Một chị nhỏ-nhẹ nói với chị cán-bộ :

— Thưa đồng-chí, chứ bữa nọ đồng-chí có *ủy-nhiệm* em mua nón, em đã *tham-gia đa-số* các chợ, ráo-riết *truy-tầm*, mà thiệt tình không thấy đâu còn *oa-trữ* thứ nón đó, thành ra đến nay *cuộc điều-tra* vẫn chưa kết-quả, em xin trân-trọng báo-cáo để đồng-chí *bế-mạc* cho...

Trước Khi Gấp Sách

Chúng tôi chép lại trên đây những nụ cười xưa và nay, không dám quyết là đã ghi đúng cả nguyên-văn và tình-tiết. Ngay những câu nói được suy-tôn là *câu nói lịch-sử* có câu cũng còn mỗi người đưa ra một giải-thích, giải-thích nào cũng xác-đáng cả, nữa là !

Điều chúng tôi muốn nói đây, là chơi chữ không phải một trò chơi sung-sướng gì. Tú Xương đã than-phiền :

Kẻ yêu người ghét hay gì chữ !

Là vì nghề chơi chữ đem lại nụ cười cho mình thì ít mà lửa giận của người thì nhiều.

Trẻ con thả diều, lúc nào không muốn chơi nữa thì kéo dây về. Một câu tiếu-mạ đã ném ra rồi, lấy đâu dây mà kéo lại !

Chỉ những ý-tưởng thầm-kín, sống để dạ chết đem đi, họa chăng mới không tồn-tại. Còn cái gì đã diễn ra lời nói, đến thượng-đế cũng không hủy-diệt được (Carleton).

Chơi chữ không sung-sướng gì, không những mua phiền não căm thù lại còn bị nhà đạo-đức dè-bỉu là « *hành tiểu-tuệ* » (1) nữa, ấy vậy mà sao lắm người vẫn cứ ham chơi ?

Có lẽ chăng là vì ở đời mỗi người một cái thích. Có người thích sau này được lên thiên-đàng bạn với thần với tiên, có người lúc ấy lại thích tìm xuống địa-ngục : dưới đó mới tìm thấy những đầu trâu mặt ngựa quen thuộc xưa rày, để mà tiểu-mạ, cho lý-thú hơn !

Chúng tôi đem chiết-trung hai cái thích trên, mượn ngọn bút của cổ-kim phác-họa lại vóc-dáng kẻ trung người nịnh từng hiện-diện trên sân-khấu đời.

Để làm gì ?

Để cùng nhau ta góp một nụ cười mền-thương hay tha-thứ, vì chúng tôi nghĩ rằng không có cái dở sao biết giá cái hay, cái dở có khi phải tạo ra để đối chiếu với cái hay, con người mới ở trong kích-thước muôn thủa không hẳn là súc-vật, cũng không hẳn là thiên-thần...

---

(1) Luận-ngữ — Vệ-linh-công : Tử viết : quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu tuệ, nan hĩ tai ! (Tụ-hội nhau suốt ngày, không nói được lời nào nghĩa-lý, chỉ thích làm những chuyện hóm vặt, với hạng người này thật khó mà giảng-cầu đạo-lý). Hành tiểu-tuệ đây có thể nghĩa na-ná với câu tiếng Pháp faire de l'esprit.

mục-lục

TRANG

Khoảng trên dừng bút V

I. — Hoành-phi, trướng :

— Quần thần — Đại hạ — Phúc đại lai 4
— Động trung xuân— Cửu thiên khê 5
— Tư vô tà — Sinh sự chi 6
— Tối linh từ — Ăn cơm vua 7
— Cao cư lư xá — Đại điểm quần thần 8
— Sắc không không sắc 9
— Tử tôn thằng thằng 10
— Vạn lý trường thành — Tổng quân nam phổ 11
— Tâm tồn mẫu quốc — Tu tựu đào nguyên 13

II. — Câu đối :

— Đông Tây, vắng khách 15
— Ruồi đậu mâm xôi đậu 16
— Đi chi đường đạo sợ cụ 16
— Con ngựa đá con ngựa đá 16
— Cô Miên ngủ một mình 17
— Da trắng vỗ bì bạch 17
— Chị thưa chị, một tiếng đùng 18
— Một mặt người bằng mười mặt của 18
— Quân tử cổ cùng — Gạo trắng nước trong 19
— Trên sư dưới vãi — Khuyến thiện trừng dâm... 20
— Dầu vương cả đề — Tưởng làm đôi chữ mà chơi 21
— Cô Hồng cởi áo, anh Bạch thay quần 22
— Tình xưa chàng hẹn già trăm tuổi 22
— Nguyễn Thức Bao khóc cha 23

TRANG

— Giới-Chi khóc vợ 23
— Khóc cụ Trần Trọng-Kim — Ông-ích-Khiêm khóc mẹ 24
— Viếng Khải-Định — Vợ khóc chồng thợ rèn 25
— Vợ Việt khóc chồng Tàu — Yên-đổ khóc vợ 26
— Yên-đổ đùa một quan võ — Người nước Nam hỏi tiếng Tây 27
— Câu đối diễu rụng răng và ngọng 28
— Rể út khóc bố vợ 29
— Yên-đổ viếng Tú Xương — Viếng bà thân-gia... 29
— Hương-Sơn dán chỗ ngồi chơi 30
— Hiệp-hòa dán nhà học 30
— Đào tiên đã chín hay chưa 31
— Mừng đám cưới — Gái vờ vịt lấy 32
— Rượu sơi cốc lớn, bạc đánh cò con 33
— Định luận mấy ai da để cọp 33
— Ngày ngày mổ bụng con — Chữa bệnh Hì-Đình 34
— Bán tương — Bị bát 35
— Mền Hoàng-Mai tự trào 36
— Câu đối ngã nước 37
— Dân phải quốc trái 37
— Đít cua hiềm thấy mặt công thần 37
— Hàm răng giả, túi đạn chay — Hoàng trùng đi Vi-trùng lại 38
— Mừng cô Tư Hồng 39
— Nhà hộ-sinh Con Rồng 40
— Tiếp tiệp hoan hoàn, binh bình sứ sự 41
— Khen chê mồ chú Huy-Quang đó 41
— Viếng sống ông Trần-Bình 43
— Viếng Hoàng-cao-Khải 44
— Đề núi non bộ của ông Vi 48
— Kinh sử một bồ, gươm đàn nửa gánh 46
— Dán nhà hớt tóc 47
— Dán quán nước — Dán hàng nhuộm 48
— Cuối thu ngày chín, giờ tí canh ba 48

TRANG

— Tiệc thọ năm mươi mừng mẹ nước 50
— Vợ cả vợ hai, hai vợ cùng là vợ cả 50
— Nhà Hương cao cuồn bức là 51

III. — Lục bát — Song thất lục bát :

– Nguyễn-Trãi tự thán 53
— Phan-bội-Châu đêm trăng hỏi bóng 53
— Ca tuyên-truyền của Đông-kinh nghĩa thục 56
— Phen này cắt tóc đi tu 57
— Gửi các thày thông ký 58
— Chim họa-mi 59
— Vi-trùng dịch-tả đại-nhân 60
— Nhật Hoàng khóc Hít-Le 62
— Cá rô đầm Sét — Tiếng ếch bên tai 63
— Ông thừa tự thuật 64
— Chồn ca-lâu đèn dong một ngọn 66
— Bước ra một bước một dừng — Mất ô 67
— Áo bông ai ướt 68

IV. — Tập Kiều — Vịnh Kiều :

— Cái ông máng 69
— Đèn cày, diều sáo, xe hơi 70
— Người thông manh, mỹ-nhân soi gương 70
— Xe đám ma, hàng vệ sinh 71
— Nỗi lòng kẻ vong quốc : trời Tây bảng lảng 71
— Phan-bội-Châu : Ví chăng xét tấm tình si 72
— Ngô-trào 73
— Tù nợ 74
— Giang hồ quen thú vẫy vùng 76
— Tiền trăm lại nguyên ngân — Nợ cờ bạc 77
— Đòi nợ 78
— Phủ Kiền lại về phủ Kiền 79
— Dám đem trần cậu dựa vào bồ 80
— Nhi-nữ cũng siêu anh — Dán cửa phòng vợ bé 82
— Để ảnh cô đầm 83

TRANG

— Tập Kiều điều-khiển bò 83
— Khen cho con... mắt tinh đời 86
— Kim Kiều — Thúy-Kiều — Kim-Trọng 87
— Thúy Vân — Đạm Tiên — Thằng bán tơ 89
— Mã-Kiều — Chung công 90
— Vương-Quan 91
— Thầy tướng — Tú Bà — Quan Lôi-châu 92
— Quan Lâm-chi — Thúc-Sinh 93
— Hoạn-Thư 94
— Hoạn phu-nhân — Hồ-tôn-Hiến 95
— Thôi còn nói chi con — Đã cho vào bậc bồ 96
— Từ Hải 96
— Thúc Sinh 97
— Khóa cửa buồng xuân luống đợi chờ 98
— Cửa người cam chịu kiếp hoa nô 99
— Phong-trào sùng bái Kiều 100
— Thằng bán tơ kia giở dói ra 102
— Tạ cho hoa trà 104

V. — Hát nói :

— Người tai mắt đứng trong vũ-trụ 108
— Vú đực 108
— Vợ khuyên chồng 107
— Có phải cô Trang em chú Hiều 109
— Sồ cô chưa đứng 110
— Chẳng chơi cũng mắc tiếng rồi 111
— Ăn cháo 113
— Từ lên một đến 15 còn trẻ nít 113
— Nhân vong cầm tại 114
— Thầy đồ Vĩnh-Tường 115
— Thế sự thăng-trầm quân mạc vấn 116

VI. — Thơ ngũ ngôn :

Cổ-thể :

— Truyện ông Viên-[illegible] 119

TRANG

— Tâm-sự gái một đêm 123

Thơ luật :

— Ngựa Gióng đã lên không 127
— Mắng muỗi 128
— Phong-lưu tính đã quen 129

Tứ tuyệt :

— Vui chơi non nước 129
— Người hết danh không hết — Tiền-sĩ là cái gì ? 130

VII. — Thơ thất ngôn :

1° *Cổ-thể :*

— Hà-nội hành 131

2° *Luật :*

— Long-thành — La-thành 133
— Bốn bên hàng phố 134
— Vườn Bách-thú — Vịnh Thăng-Long 135
— Than nghèo — Lạc đường 136
— Tối mò mò — Hội Tây 137
— Ra đi không hẹn được ngày về 138
— Nếu chết phăng đi cái cũng hay — Ngã nước 138
— Con cái ghẻ 139
— Con chó — Thám hoa 141
— Mình trung đâu đó, bắt người trinh ? 142
— Hát xướng làm chi — Hỏi Gia-Long 143
— Năm trụ khi không ngã cái ình 145
— Nó tiếc không thương cái bệ rồng 145
— Thơ chày 146
— Vượng khí Lam Hồng đúc vĩ-nhân 147
— Thành Cổ-Loa 148
— Phủ Vĩnh công đầm 150
— Cò trắng 151
— Cáo tồn 152
— Tuổi tác nay đà ngoại sáu mươi 154

TRANG

— Vừa mới ngày nào 155
— Tự thán — Tự trào — Đ.m. nhân-tình 156
— Bác mẹ sinh thành giống tổ tông 157
— Phương sú lưu gì ở thế-gian 158
— Một bác đồ ghiền một tướng Âu 159
— Cô ký sao mà đã chết ngay 160
— Mứt rận 161
— Xuân từ trong Huế mới ban ra 162
— Đạo học làng ta chán lắm rồi 163
— Ta nhớ người xa cách núi sông 164
— Đố tú tài 165

3° *Thơ nhất khí :*

— Cam chóng ra xem 166
— Chẳng mấy khi nay bác tới nhà 167
— Một pho kinh sử — Ông ở nhà ông 168
— Ới hỡi anh em chú bác ơi 169

4° *Thơ sách họa :*

— Gửi bạn phải rỡ nhà 171
— Chồng tự cười, vợ cả họa, vợ hai họa 172
— Gươm đàn nửa gánh muốn sang sông 173
— Nguyễn, Hồ xướng họa 174

5° *Thi thơ :*

— Nghìn năm văn vật 170
— Một mình thơ thẩn bãi tha-ma 170
— Trăng kháng chiến 180

6° *Thơ hạn chữ :*

— Thơ rắn Lê-quý-Đôn 181
— Thơ nghề : Hàng thịt — Thợ mộc 182
— Thơ bát quái — Các loài cây 183
— Mười hai con giáp 184
— Hổ phận già — Thơ hạn 19 chữ 186
— Thơ khoán thủ 187

7° *Thơ liên hoàn :*

— Hủ nho tự trào 189

TRANG

8° *Thuận nghịch :*
— Thăm cụ Tam-Xuyên — Nghe đàn nhớ bạn 191
— Đền Ngọc-sơn 192
9° *Triệt hạ :*
— Thầy gái hồng nhan — Tự thán 193
10° *Song điệp :*
— Vất vất vơ vơ — Nước bước sa đà 194
11° *Liên ngâm :*
— Phạm Đình-Trọng 195
— Hòa lạc ca 196
12° *Phú đắc :*
— Hoa kiền bạch đầu — Nhiễu điều giá gương. 200
— Theo voi ăn bã mía 201
13° *Tứ tuyệt :*
— Thành pháo 202
— Ba bác chung nhau một cái đồ 203
— Tranh thủ-khoa 204
— Nhắn chị Hằng — Con bé nhà kia — Trông ba vua bếp 205 206
— Quờ được tướng khanh 207
— Đục chân — Tiến-sĩ — Tri phủ — Đốc học 209
— Thần châu-chầu 209
— Suýt mất tai 210
— Cụ lớn trẻ con 212
— Tôi chẳng yêu ai 213
— Giấc mộng đêm qua — Tính-nết ô hay 214
— Hỏi nợ — Tắm 215
— Buôn thuốc — Bệnh tù — Quả bưởi 216
— Bánh pháo — Cá vàng — Con mọt..... 217
14° *Hạn chữ :*
— Thông mít 218
15° *Liên hoàn :*
— Lúc say sưa — Nhàn đâm chán 218
— Trên đắp chăn bông dưới đệm bông 219

TRANG

16° *Yết hậu :*

— Đánh Long thần 220

— Nuốt đàm — Thú cô đào — Cầu mưa 221

17° *Song thanh điệp vận :*

— Mây xây núi túi, chim tìm tổ 222

18° *Vĩ tam thanh :*

— Chạy theo danh lợi quang quàng quáng 223

19° *Một tử âm :*

— Tử âm C — Tử âm Ch 223

— Bốn tử âm 224

VIII. — Văn biền ngẫu :

— Thư thăm bạn 226

— Xin tiền cưới vợ lẽ 226

— Phú con gái thích học trò 233

— Phú giặc đến nhà đàn bà phải đánh 236

— Thày đồ đi trọ 236

— Phú thi hỏng 240

— Phú thày đồ dạy học 243

— Phú cảnh Tết Hà-nội 244

— Thầy đồ học quốc-ngữ 246

— Tế Tự-do 247

— Biếu mừng tuần-phủ bị bom 261

— Tế năm cụ thượng bị giải chức ở Huế 266

IX. — Thổ âm thổ ngữ :

— Coong thằng-lằng 269

— Thắng đái ngựa — Cô hàng nước 269

— Viếng mộ Lê-Chất 261

X. — Dịch ngoại ngữ :

— Tri chỉ nhi hậu hữu định 263

— Nghe nói trong kinh nghĩ chuyện đùa 265

— Mặc áo vân tàu mặt rỗ hoa 266

TRANG

— Bồ-đào mỹ tửu — Lạc bạc giang hồ 267
— Dương liễu 268
— Các ông lính tây bắn me tây 269
— Cơm ai thổi 270
— Hôtel de ville — Une femme du monde 271
— C'est solide que c'est copié 272
— Chiên-sĩ hăng-say — Ông đui 273

XI. — Văn thơ Việtnam-hóa :

— Phán sì là củ khoai lang 275
— Hên sui — Tẩy chay — Coong xường phá 276
— Cô tây trên Trại Hàng Hoa 278
— Văn-minh gặp buổi Lang-sa 278
— Me Tây tự tình — Me Tây ru con 281
— Tiễn chồng — Tình thư uyn lét 281
— Moa kít tê vu — Ây khôn 282
— Vive la France 283
— Mừng đình chiến 284
— Cửa công đánh bà già 285
— Très chaud, trop cher 286
— Vợ anh cho tôi đi chơi 287
— En quitte 288

XII. — Quốc-ngữ chữ nước ta :

— Hif-Dinhf — Vo de 290
— Do than 291
— Cu li, cụ lý — Phi yền thu lâm 293
— Chùa Quán-sứ 295
— Hội-đồng an dân 296
— Trân-trọng 297
— Cam go — Nghệ-sĩ 298
— Chuyện trên xe điện — Vợ chồng cãi cọ 300

Trước khi gấp sách 301

Từ nhà kho Quán Ven Đường